



QUỐC GIA

141
01-2014

CƠ QUAN THÔNG TIN - NGHỊ LUẬN - VĂN HỌC
CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT QUỐC GIA VÙNG MONTRÉAL CHỦ TRƯỞNG

MAGAZINE D'INFORMATION, D'OPINION ET DE CULTURE
PUBLIÉ PAR LA COMMUNAUTÉ VIETNAMIENNE AU CANADA RÉGION DE MONTRÉAL
ISSN 0847-169X DÉPÔT LÉGAL-BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU QUÉBEC, BIBLIOTHÈQUE DU CANADA

Kho
nước
mừng
xui
Khán
bác
ai

Vô
nghĩa
áp
in
tết
thà
hương



Ngựa phi đường xa

**CUNG CHÚC TÂN XUÂN
GIÁP NGỌ 2014**

AN BÌNH - HẠNH PHÚC - THỊNH VƯỢNG



PRIME MINISTER . PREMIER MINISTRE

C'est avec plaisir que je salue chaleureusement tous les membres de la Communauté vietnamienne au Canada, région de Montréal, à l'occasion de la fête du Têt.

L'arrivée de l'année du Cheval sera sans aucun doute marquée de merveilleuse façon par la célébration des riches coutumes de la culture vietnamienne. Cette période de réjouissances augure un nouveau départ et vous permet de vous retrouver en famille et entre amis dans un esprit de joie et de fraternité. Le Têt, la fête la plus importante du calendrier vietnamien, fait également partie intégrante du paysage culturel de notre pays et contribue à l'enrichir. Vous pouvez tirer une grande fierté de partager la beauté de vos traditions avec l'ensemble de vos concitoyens.

Au nom du gouvernement du Canada, je vous offre mes meilleurs vœux de santé, de longévité et de prospérité.



Québec 

*En cette période des fêtes, profitons de cette pause bien méritée
pour retrouver celles et ceux qui nous sont chers.*

*Que ces précieux moments soient pour vous
synonymes de festivités et de bonheurs partagés!*

*En 2014, continuons de bâtir un Québec plus fort, plus uni;
un Québec fier de son héritage et de ses aspirations.*

Je vous souhaite un joyeux Noël et une bonne année!



*Pauline Marois
Première ministre du Québec*



La diversité de la population montréalaise est l'une des forces de notre métropole. Je profite des fêtes de fin d'année pour exprimer ma reconnaissance à mes concitoyens et concitoyennes d'origine vietnamienne de participer à la vitalité de Montréal.

Je souhaite à tous ceux et celles qui participe à la production de ce journal ainsi qu'à ses lecteurs un *Joyeux Nouvel An lunaire 2014*.

A handwritten signature in dark ink, which appears to be "Denis Coderre". The signature is fluid and stylized, with a long horizontal stroke at the end.

Denis Coderre
Maire de Montréal

Montréal 



CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT QUỐC GIA VÙNG MONTRÉAL

Mục Lục QG 141

BAN GIÁM SÁT

Ông Đoàn Đức Huy.....*Chủ tịch*
Bà Phan Thị Sĩ.....*Phó Chủ tịch*
BS Nguyễn Như Thành.....*Tổng Thư Ký*
Ông Trần Văn Thanh.....*Ủy viên*
Ông Lê Văn Trang.....*Ủy viên*

BAN CHẤP HÀNH

BS Đào Bá Ngọc.....*Chủ tịch*
BS Đỗ Quốc Bảo.....*Phó Chủ tịch Ngoại Vụ*
Ông Trần Quốc Tuý.....*Phó Chủ tịch Nội Vụ*
Ông Hà Tuấn Chương.....*Thư Quy*

CỔ VẤN ĐOÀN

Bà Trần Thị Mười, Ông Vũ Văn Thái, Ông Lâm Văn Bé

CỔ VẤN PHÁP LUẬT

Luật sư Nguyễn An Lạc

CÁC ỦY VIÊN

Y tế: Bà Lê Thị Kim Oanh; *Văn nghệ:* Ông Nguyễn Duy
Ngọc; *Thông tin:* TS Lê Minh Thịnh; *Du lịch & Xã hội:* Bà
Đặng thị Danh

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH: T.S. Lê Minh Thịnh

TẠP CHÍ QUỐC GIA

Chủ nhiệm : BS Đào Bá Ngọc

Chủ bút: BS Trần Mộng Lâm, BS Cấn Thị Bích Ngọc

Tổng thư Ký: Ông Nguyễn Văn Khiêm

BAN BIÊN TẬP

Ông Lê Quốc, Ông Nguyễn Bá Hoa, Ông Lâm Văn Bé,
BS Thân Trọng An, BS Trần Mộng Lâm,
BS Nguyễn Lương Tuyên

VỚI SỰ HỢP TÁC CỦA QUÍ VỊ:

Cán T. Bích Ngọc, Dư Mỹ, Dương Tử, Đặng Chương, Đông
Phước, Hồ Mạnh Trinh, Lâm Chương, Lâm Lễ Trinh, Lâm Xuân
Quang, Lê Bạch Lựu, Lê Hữu Mục, Lê Mai Linh, Lê Quang Xuân,
Lê Quỳnh Mai, Lê Thái Lâm, Lê Văn Châu, Lọ Lem, Lưu Nguyễn
Đạt, Lưu Thư Trung, Mộng Thu, Ngô Minh Hằng, Nguyễn Bá
Dĩnh, Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Hải Bình, Nguyễn Khánh Hoà,
Nguyễn Tấn Khang, Nguyễn Thanh Bình, Phạm Ngũ Yên, Phan
Nhật Nam, Phan Tấn Khôi, Phan Xuân Sinh, Quan Dương, Thái
Công Tụng, Tiểu Thu, Thái Việt, Thủy Trang, Tôn Thất Tuệ, Tô
Đen, Trà Lũ, Trần Cao Thắng, Trần Thị Lý, Trần Văn Dũng, Trần
Trung Đạo, Trần Hoài Thư, Trương Chi

- 1 Thư chúc Tết của các cấp chính quyền
- 4 Mục lục
- 5 Thư ngỏ, Cấn Thị Bích Ngọc
- 6 Chúc Tết Giáp Ngọ, họa sĩ Vũ Hối
- 8 Sinh hoạt cộng đồng, cộng đồng
- 10 Vài cảm nghĩ cuối năm 2013, Đặng Tấn Hậu
- 16 Bài nói chuyện ngày Đại hội Mạng lưới Nhân quyền,
Cấn thị Bích Ngọc
- 19 Ngày Y tế, Như Lan
- 24 “Bước đường dài đến tự do” của Nelson Mandela,
Trần Trung Đạo
- 32 Thắng cuộc chiến tranh mà chưa thắng Mỹ trận nào,
John McCain
- 34 Chuyện dài ra Đảng và Đa đảng, Nguyễn Minh Cấn
- 46 Đón khải tai trâu, Huỳnh Khắc Sử
- 49 Năm Ngọ nói chuyện ngựa, Nguyễn Phú Thủ
- 52 Năm Ngọ tản mạn về ngựa, Nguyễn Trần
- 56 Con ngựa thành Troy, thần thoại Hi Lạp
- 58 Chuyện Điền Kỳ đua ngựa
- 59 Một ngày Xuân, thơ Lâm Hào Dũng
- 60 Thơ Lan Đàm
- 62 Tết Montréal, Trần Mộng Lâm
- 64 Lãng Hoàng gia, Hồ Hoa Nguyên
- 71 Lại Tết về giữa mùa Đông, thơ Trúc Lan
- 72 Nghèo đói vùng đồng bằng sông Cửu Long,
Lâm Văn Bé
- 84 Thế giới thực vật quanh ta, Thái Công Tụng
- 87 Về triết lý kinh tế....., Nguyễn Thanh Bạch
- 92 Thơ bạn đọc, Thi Hạnh & Ly Khách
- 93 Nghĩ về truyền thống tôn sư trọng đạo, Nguyễn Kiến Thiết
- 97 Thành Bao Bó, Lê Quốc
- 104 Bến nước tình quê, thơ Phan Thịnh
- 105 Thời gian còn lại, Phưởng Lan
- 108 Danh sách Mạnh Thường quân

Hình bìa: *Ngựa phi đường xa - unknown*
& *Hai câu đối - họa sĩ Vũ Hối*

Thư từ, bài vở, chi phiếu xin gửi về địa chỉ:
CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT QUỐC GIA
VÙNG MONTRÉAL

6767 Côte des Neiges suite 495, Montréal,
QC, H3S2T6

Tél : (514) 340-9630 Fax: (514) 340-1926

Web site : <http://www.vietnam.ca>

E-mail: communaute.viet.montreal@gmail.com

Văn phòng mở cửa 6 ngày trong tuần (nghỉ chủ nhật)

THƠ NGỎ

Năm Quý Ty sắp ra đi, mở cửa cho xuân Giáp Ngọ sắp đến.

Tết âm lịch thường nhằm vào lúc khởi đầu của mùa xuân. Mùa xuân đến trong sự giao cảm tuyệt vời của đất trời với vạn vật, tạo nên sức sống mãnh liệt cho muôn loài. Mùa xuân luôn mang đến cho con người những niềm vui sống, những ước vọng tràn trề về một tương lai tươi sáng hơn. Và Tết là dịp đặc biệt để đoàn tụ gia đình, lễ bái tổ tiên, để cầu nguyện hay hy vọng những gì tốt đẹp sẽ đến, và để bỏ lại đằng sau những buồn bực năm trước. Không thời khắc nào khiến người ta bồi hồi, xúc động bằng khoảnh khắc luân chuyển thời gian thiêng liêng khi đồng hồ gõ 12 tiếng của đêm Giao Thừa. Dù ở không gian nào, người Việt vẫn chuẩn bị mừng Tết với những xúc cảm dạt dào nhất trong năm. Tại Montreal, bao năm rồi, người Việt chúng ta luôn chuẩn bị đón Tết trong cái lạnh buốt giá của mùa đông, trong lớp tuyết trắng xóa thay mai vàng óng ánh. Xuân về, mang theo hy vọng cùng niềm khắc khoải cho người Việt tỵ nạn. Từ 39 năm qua, đất nước Việt Nam đã không còn mùa xuân thật sự. Sau mùa xuân 75, cả đất nước chìm trong biển đỏ. Chỉ một thiểu số người đón xuân trong xa hoa giả tạo. Nhưng những lập loè đèn hoa này đã không che dấu được đời sống thê lương của đại đa số dân nghèo. Những thảm kịch thương đau của những người mẹ khóc con trong tù, những người vợ xa chồng, những người con khóc cha đã không ngừng xảy ra. Số phận của nhiều con dân Việt sau chiến tranh còn nghiệt ngã hơn những năm còn chinh chiến bởi giai cấp lãnh đạo đã luôn là thành phần đối lập với giấc mơ dân chủ tự do của người dân.

Ngày đầu xuân trong mỗi chúng ta đều có sự mơ ước. Nhưng giấc mơ chung của toàn con dân Việt yêu nước là mong cho quê hương sớm thoát ách Cộng Sản hung tàn phản quốc. Và chúng ta đều hiểu rằng, mùa xuân, cành lá trở bông, nhưng hoa lá ấy đã sớm được chăm bón, cắt tỉa từ những ngày đông băng giá. Cũng như tự do không thể van xin mà có, hoa dân chủ chỉ nở rộ khi khát vọng đã vươn cao cùng khí thế. Đồng bào quốc nội đã hiểu điều đó. Mặc dù Cộng Sản Việt Nam gia tăng sự đàn áp, nhưng người dân đã vượt qua sự sợ hãi, đập lên những gông xiềng để đòi hỏi nhân quyền, công lý. Đối với nhiều người, những ngày Tết thuần túy Việt Nam hầu như đã không còn trên quê hương. Bạo lực luôn cận kề những người con dân Việt vô tội. Điển hình gia đình ông Đoàn Văn Vươn đã lâm nạn từ những ngày Tết Nhâm Thìn 2012. Và những ngày cận tết Quý Ty, CSVN lại càng ra sức đàn áp các phong trào đòi công lý, dân chủ tại khắp vùng Bắc Trung Nam, và các hành động bạo động nhắm vào những nhà đấu tranh dân chủ không ngừng tiếp diễn cho đến ngày hôm nay, số nạn nhân ngày càng gia tăng. Mặt khác, nhà cầm quyền Cộng Sản lại tỏ ra vô cùng nhu nhược với ngoại xâm Trung Cộng. Hơn bao giờ hết, hiểm họa mất nước đã thật cận kề.

Nhưng bạo quyền càng tàn ác, tổ quốc càng lâm nguy thì người dân Việt càng ấp ủ giấc mơ về một mùa xuân Nguyễn Huệ hào hùng năm xưa. Đã có một mùa xuân Kỷ Dậu lưu danh muôn thuở, nhất định sẽ có một mùa xuân phục quốc cận kề mở ra sinh lộ cho dân tộc. Chính những diễn tiến đấu tranh tại quốc nội hiện tại đã cho phép chúng ta có hướng nhìn lạc quan về tương lai. Hơn lúc nào hết, tại hải ngoại chúng ta cần phải gia tăng sự đoàn kết, thúc đẩy tầm hoạt động trên mọi bình diện, nhất là đẩy mạnh chiến thuật quốc tế vận. Mỗi người Việt hải ngoại sẽ là một nhân tố yểm trợ tích cực cuộc đấu tranh dân quyền tại quê nhà. Chúng ta vừa mất một chiến sĩ đấu tranh dân chủ kiên tri Việt Dzũng, nhưng chính niềm đau của một cái tang chung đã nảy sinh một tinh thần Việt Dzũng đầy hào khí cho cuộc đấu tranh hiện tại. Chúng ta đòi hỏi Cộng Sản Việt Nam trả lại cho người Việt Nam những ngày Tết cổ truyền thiêng liêng, trả lại tương lai cho thế hệ trẻ, và nhất là hãy trả lại tổ quốc cho dân tộc Việt Nam.

Người Việt tỵ nạn hãy nối vòng tay cùng với quốc nội theo bước người xưa tạo dựng lại mùa xuân Quang Trung bất diệt.

Ban Biên Tập Báo Người Việt Quốc Gia xin kính chúc quý đồng hương một năm Giáp Ngọ an khang thịnh vượng với giấc mơ quê hương thanh bình không Cộng Sản ngày thật gần kề.


Mừng Xuân Giáp Ngọ
Tha hương hải ngoại Chúc mừng Xuân
Giáp Ngọ tân niên tãi cõi trần
Hở nhụy khai hoa phụng tống xuân
Phát tài nảy lộc sáng ngời tân
Niên cầu hạnh phúc không chia rẽ
Tranh dân tỵ do phải hợp quần
Góc biên chân trời xuân nở ngời
Mong sao đất nước Sơn Trại yên

 Vĩ Hào 2014 
Thân tặng Cộng đồng Việt Montreal


Xuân Giáp Ngọ tân niên khai bút
Chúc năm châu an hưởng thái bình
Chúc quê hương Sang Trạng Sĩ mới
Tân Long đi  quốc quang vinh

 Văn Phú 2014

Khai bút Tân niên Giáp Ngọ
Thân tặng Độc giả

Cộng đồng người Việt Montreal

Tổng kết những hoạt động trong năm của Ban Chấp Hành Cộng Đồng Người Việt Quốc gia vùng Montréal, nhiệm kỳ 2013 -2015

Phiên họp Đại hội khoáng đại 2013 của Cộng Đồng Người Việt Quốc gia vùng Montréal được diễn ra vào ngày Chủ nhật 9 tháng sáu năm 2013. Sau phần tường trình những sinh hoạt trong năm của hai ban, Giám Sát và Chấp Hành nhiệm kỳ 2011-2013, Đại Hội đã thành công bầu ra tân Ban Chấp Hành và Giám Sát với thành phần nhân sự như sau :

Tân Ban Giám Sát, nhiệm kỳ 2013 -2015 :

- 1- Chủ tịch : Ông Đoàn Quốc Huy.
- 2- Phó Chủ tịch : Bà Phan Thị Sĩ.
- 3- Tổng Thư Ký : Bác Sĩ Nguyễn Như Thành.
- 4- Ủy Viên : Ông Trần Văn Thanh.
- 5- Ủy Viên : Ông Lê Văn Trang.

Ban Chấp Hành, nhiệm kỳ 2013 – 2015 :

Chủ Tịch : Bác Sĩ Đào Bá Ngọc.
Phó Chủ Tịch Nội Vụ : Ông Trần Quốc Túy.
Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ : Bác Sĩ
Đỗ Quốc Bảo.
Tổng Thư Ký : Nguyễn thị Xuân Hương
Thủ Quỹ : Ông Hà Tuấn Chương.

Các Cố Vấn :

Bà Trần Thị Mười.
Ông Vũ Văn Thái.
Ông Lâm Văn Bé.

Các Ủy viên :

Y Tế : Bà Lê Thị Kim Oanh.
Văn Nghệ : Ông Nguyễn Duy Ngọc.
Thông Tin : TS Lê Minh Thịnh
Thể Thao :
Sinh hoạt Cộng Đồng (Xã Hội, Du Lịch):
Bà Đặng Thị Danh.

Sau ngày Đại Hội khoáng đại (09-06-2013) Tân Ban Chấp Hành đã bắt tay vào việc tổ chức một chuyến du ngoạn ngắn ngày nhằm phục vụ cho

các đồng hương Việt trong thời gian hè. Chuyến đi này đã hướng dẫn và giới thiệu với các đồng hương đến thăm một số địa điểm du lịch danh tiếng tại Gia Nã Đại như : khu du lịch Mille Îles, Thác Niagara và Thành phố Toronto.

Vào tháng 8 trong năm vừa qua, Ban Chấp Hành Cộng Đồng đã tổ chức một buổi hội thảo về đề tài Nhân quyền với sự chủ tọa của Thượng Nghị Sĩ Ngô Thanh Hải. Đồng lúc, Cộng Đồng cũng hỗ trợ Khôi Yểm trợ Phong trào Phụ Nữ Việt Nam Hành Động cứu Nước tổ chức buổi Dạ tiệc gây quỹ cho phong trào tại Trung tâm Văn hóa Hy Lạp vào tối thứ sáu, 30-8-2013.

Trong tháng 9, Cộng Đồng đã hợp tác cùng các Hội Y Sĩ Việt Nam tại Canada, Hội Nha Sĩ vùng Montréal, Hội Dược Sĩ Québec và nhiều thân hào nhân sĩ chuyên ngành tại Montréal để tổ chức Ngày Y Tế 2013 với chủ đề : Sức khỏe là Vàng. Ngày Y Tế năm nay đã quy tụ hơn 400 người đến nghe các nhà chuyên môn thuyết trình và đồng thời giải đáp mọi thắc mắc cho quần chúng nắm rõ được lẽ lối sinh hoạt và cách thức ăn uống để giữ gìn sức khỏe tốt.

Nhằm duy trì và bảo tồn nền văn hóa Việt không bị mai một theo thời gian, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal đã tổ chức Tết Trung Thu nhân ngày rằm tháng 8 âm lịch để những con em của chúng ta thuộc thế hệ thứ hai và thứ ba thấu hiểu được cội nguồn và thông cảm trước hiện trạng “*Tre già nhưng Măng vẫn chưa mọc* “ của Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia tại Montréal cũng như những nơi khác trên thế giới.

Phản ứng trước các thảm họa thiên nhiên và từ con người gây ra, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal đã lên tiếng kêu gọi các đồng hương tham gia vào việc cứu trợ các nạn nhân xấu số từ hai thảm họa điển hình trong năm 2013

vừa qua : Thảm họa tại Thị trấn Lac Mégantic (07-2013) và Trận bão Hải Yến bên Phi Luật Tân (11-2013). Lời kêu gọi đã được nhiều đồng hương hưởng ứng với kết quả đáng khích lệ :

* Lac Mégantic = 10 000\$

* Bão Hải Yến = 25 000\$

Ban Chấp Hành Cộng Đồng đã kêu gọi và huy động được nhiều thiện nguyện viên cùng góp sức để tổ chức Hội Chợ Tết Giáp Ngọ. Tập thể Ban tổ chức đã khởi đầu công việc vào mùa xuân 2013 và đã bắt tay vào việc suốt nhiều tháng trời ròng rã trong năm để chuẩn bị cho công việc tổ chức Hội chợ Tết Giáp Ngọ. Ngoài ra sự đóng góp không nhỏ từ các Mạnh Thường quân, các Hội đoàn, các Thân Hào Nhân sĩ, các Thiện Nguyện viên đã bỏ công và của để cùng nhau góp sức trong việc thực hiện tổ chức Hội chợ Tết Giáp Ngọ vào cửa miễn phí, nhằm phục vụ cho các đồng hương chúng ta tại Montréal và các vùng phụ cận có được một ngày đầu Xuân đầy vui nhộn và an bình.

Các sinh hoạt dự tính trong năm 2014 :

- Nhạc thính phòng ngày 14-03-2014
- Dạ Tiệc Tân Niên Hội cựu Quân Nhân QLVNCH : Thứ bảy 15-03-2014
- Lễ Hai Bà Trưng : Chủ Nhật 16-03-2014 tại Trường Père Marquette
- Gia đình mũ đỏ tại trung tâm tiếp tân Le Carlton ngày thứ bảy 12-04-2014
- Giỗ Tổ Hùng Vương và Ngày Quốc Hận 30-4 : Chủ Nhật 04-05-2014
- Ngày Văn hóa Âm thực : Thứ Bảy 21-06-2014
- Đại Hội Đồng thường niên : Chủ Nhật 01-06-2014
- Ngày Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa : Chủ Nhật, 15-06-2014
- Du ngoạn hè 2014 : (thời gian và địa điểm sẽ thông báo sau)
- Ngày Y Tế : 09-2014
- Tết Trung Thu : Chủ nhật 07-09-2014
- Dạ Tiệc gây Quỹ Hội chợ Tết Ất Mùi : Thứ Bảy 25-10-2014, Nhà Hàng Ruby Rouge
- Hội chợ Tết Ất Mùi 2015 : Chủ Nhật 08-02-2015 tại Centre Pierre Charbonneau (Mùng Một Tết Ất Mùi vào ngày Thứ Năm 19-2-2015) .

Tin Vui

Được tin Nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân, cộng tác viên Tạp chí Quốc Gia, vừa đoạt giải nhiếp ảnh “Chân Dung” (Best Portrait) của Hiệp hội Nhiếp ảnh Nghệ thuật Quốc Gia Canada (National Association for Photographic Art) tổ chức tại Winnipeg. Tạp chí Quốc Gia thành thật chia vui cùng Nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân.

Ảnh thời sự



Công an giao thông VC hà hiếp dân lành



Tượng Lenin bị người dân Ukraine đập nát khi biểu tình chống Tổng thống thân Nga

DANH NGÔN

“Điều cần thiết duy nhất để cái ác chiến thắng là người tốt không làm gì cả”
Edmund Burke (1729-1797)

Vài Cảm Nghĩ Cuối Năm 2013

Đặng Tấn Hậu

Lò điện nguyên tử Chernobyl nổ tại Ukraine năm 1986 không những làm thiệt hại cho người dân Ukraine mà còn lan rộng sang các quốc gia kế cận, hậu quả không thể lường được kéo dài cho đến ngày hôm nay. Tàu Deepwater Horizon chuyên chở dầu đã làm cháy dầu trên biển tại Ba Tây, không chỉ gây tai hại tại Ba Tây lại còn làm thiệt hại đáng kể cho 5 tiểu bang HK là Texas, Louisiana, Mississippi, Alabama và Florida.

Tai nạn thảm khốc không do thiên nhiên hay tạo hóa gây ra mà chính do con người tạo ra. Một hành động sai lầm của con người có thể ảnh hưởng đến toàn thế giới. Nói theo lý nhân duyên, một cái đập của cánh con bướm có thể tạo ra cơn lốc xoáy làm bay nhà cửa của một thành phố. Một quyết định sai lầm của nhà cầm quyền CSVN có thể xóa bỏ VN trên bản đồ thế giới. Vì thế, chúng ta không thể đứng nhìn căn nhà VN đang cháy mà không lên tiếng báo động cho toàn dân và thế giới biết để mà cứu nguy đất nước VN.

Hiến Pháp

Ngày nay, chế độ quân chủ chuyên chế chấm dứt, chế độ độc tài cũng không còn và bị thay thế bởi chế độ tự do dân chủ nếu các quốc gia muốn phát triển trên thế giới. Do đó, chế độ độc tài thường núp dưới bóng của một tập thể để tránh lãnh hậu quả bị tòa án quốc tế xử phạt về tội diệt chủng. Sự quyết định cá nhân của đảng viên cộng sản thường che đậy dưới danh xưng “tập thể”, thí dụ, “Nuon Chea, Ieng Sary, Tamok, v.v” chạy tội diệt chủng bằng cách trả lời trước tòa án quốc tế là họ chỉ thi hành theo lệnh giết 2 triệu người Miên từ “đảng Khờ me đỏ”.

CSVN vừa ban hành Hiến Pháp mới vào đầu tháng 12, 2013 với lập luận “vũ như cũ” (vẫn như cũ) là đảng CSVN nắm trên tất cả cơ cấu, tổ chức chính quyền gồm các cơ quan quốc hội, chính phủ,

tòa án và toàn dân VN. Đảng CSVN tự cho họ là cha, là mẹ của người dân VN. Họ tự cho có toàn quyền bán đất nước VN cho ngoại bang vì đất nước là của dân mà dân là người dân nô lệ của họ. Quân đội nhân dân “anh hùng” chỉ có nhiệm vụ duy nhất phục vụ cho quyền lợi của đảng CSVN bán nước hại dân, chứ không có bổn phận bảo vệ đất nước VN.

Khái niệm “chính phủ” của dân, do dân và vì dân là khái niệm hoàn toàn xa lạ và không có trong ngôn từ của đảng CSVN. Danh từ “phục vụ” chỉ áp dụng cho bộ chính trị tức là người dân phải phục vụ tổng thư ký, chủ tịch, thủ tướng hay nhóm lợi ích, con cháu “thái tử đảng” mà thôi. Dân đen chỉ có con đường còng lưng làm việc trả nợ thế cho đảng viên CSVN vay tiền để họ gởi tiền hay rửa tiền bỏ vào trương mục riêng của họ tại các ngân hàng ngoại quốc; điển hình là toà đại sứ CSVN thường bị bắt về tội buôn sừng tê giác tại Phi Châu, buôn ma túy hay bị bắt rửa tiền tại phi trường của nước Đức vừa qua. Đó là chưa kể các vụ Vinaxin, ngân hàng phá sản v.v.

Do đó, chúng ta không lấy làm lạ khi CSVN dâng đất và lãnh hải cho “nước lạ”, ám chỉ TC (các chớp bu, báo chí CSVN sợ TC cho đến độ không dám nói đến hai chữ TC vì sợ phạm húy bị tội chém đầu). Người dân VN biểu tình lên tiếng bảo vệ tổ quốc, chống TC chiếm lấy đất và lãnh hải VN thì bị chính nhà cầm quyền CSVN bắt bỏ tù với lý do “chống phá nhà nước” (mà “nhà nước CSVN” đồng nghĩa với TC). Nhìn thấy nước người được tự do biểu tình, dù biểu tình có phải hy sinh mạng sống, người dân của họ cũng không sợ chết, can đảm đứng lên đòi tự do vì tự do không phải xin mà có. Thí dụ,

Trường hợp Thái Lan (dân chúng chống bà thủ tướng vì bà muốn ân xá cho ông anh phạm tội) hay trường hợp Cao Miên (ứng cử viên Sam Rainsy chống chính phủ Hun Sen cầm quyền gian lận lá

phiếu bầu cử). Người dân VN không dám biểu tình bảo vệ tổ quốc vì quân đội nhân dân “anh hùng” sợ chết, không dám bảo vệ người dân VN bị cảnh sát, công an đàn áp, họ lại còn sẵn sàng tuân lệnh của thiểu số chớp bu cầm quyền để tiếp tay còn đồ đàn áp người dân vô tội.

Nhân Quyền

Nhân quyền là quyền thiêng liêng của con người, là quyền sống của nhân loại mà tất cả quốc gia trên thế giới đều phải tuân theo. Liên Hiệp Quốc đã công bố bản tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 sau đệ nhị thế chiến. Stalin đã lợi dụng dịp này để lên tiếng chống Mỹ về tội kỳ thị da màu tại HK. Ông kêu gọi “thế giới bảo vệ con người và quyền làm người trên thế giới” để lôi kéo các quốc gia chậm tiến vào quỹ đạo cộng sản, nhưng chính Stalin là người đã bỏ tù và giết chết hàng triệu người dân tại Liên Xô.

Nói đến nhân quyền là nói đến thiểu số bị đe dọa, bị đa số đàn áp; nhưng khái niệm “thiểu số” phải hiểu theo cả hai nghĩa “lượng” và “phẩm” vì đồng bào thượng có dân số ít hơn người kinh tại thành phố, nhưng có thể có dân số đông hơn người kinh trong rừng. Dân VN có gần 90 triệu người so với 4 triệu đảng viên CSVN. Như vậy, dân Việt là thiểu số hay đảng viên CSVN là thiểu số? Vậy mà bọn chúng dám đàn áp, khủng bố tuyệt đại đa số (lượng) người dân VN chỉ vì quân đội nhân dân anh hùng “hèn nhát”, cam tâm phục vụ cho thiểu số CSVN để đàn áp người dân.

Nói đến nhân quyền là quyền “thiểu số” của con người (được phát biểu, có tự do tín ngưỡng, được sự bảo vệ an ninh, v.v) trong đời sống nên LHQ có đề cập đến quyền phụ nữ, quyền trẻ em, quyền người tật nguyền v.v. Người dân Phi Châu đã đứng lên tại Bắc Phi đòi quyền được tôn trọng nhân phẩm và tự do (dignité & liberté); đó là nguyên nhân đưa tới cách mạng hoa hồng. Các quốc gia như Canada, HK, Úc, Tân Tây Lan đã lên tiếng xin lỗi người dân thổ địa và cho họ nhiều đặc quyền. Không biết bao giờ CSVN lên tiếng “xin lỗi” người Việt gốc Khơ me (Khơ me Krom), Chăm hay đồng bào thượng tại VN? hay hơn 1 triệu người dân miền nam VN đã bị cầm tù và hơn ½ triệu người đã bỏ thân trên biển đi tìm tự do sau ngày 30.4.1975.

Xã hội thường đối xử “tàn bạo” đối với “thiểu

số” “yếu đuối” (handicap) như tật nguyền, trẻ em, người già hay phụ nữ. Gần đây nhất, “youtube” đã cho thấy cảnh người giữ trẻ hành hạ trẻ thơ tại VN (do đó, chúng ta không lấy làm lạ đưa trẻ lớn lên tại VN sẽ trở thành còn đồ y như cảnh sát, công an cộng sản VN trả thù đời). Người già cũng không thoát khỏi cảnh bị bạc đãi. Phụ nữ thường bị hiếp dâm không được luật pháp bảo vệ; trong khi đó, nhà cầm quyền CSVN có chính sách “xóa đói giảm nghèo”, bán gái VN ra nước ngoài để làm nô lệ tình dục tức là CSVN đã hợp thức hóa tình trạng “hiếp dâm” người phụ nữ VN.

Ngày 9.6.2011, thông kê “ngân hàng thế giới” cho biết thế giới sẽ có 9 tỷ người, 1 tỷ trong 9 tỷ người thuộc thành phần “yếu đuối” (handicap) và 1/5 của 1 tỷ người thuộc thành phần “tật nguyền”. Unicef của LHQ cho biết 1/3 đứa trẻ ăn xin bị tật nguyền (có thể do các tay đầu nậu cổ tình gây thương tích cho các cháu để các cháu làm nghề ăn xin cho bọn chúng). LHQ đã đưa ra đề nghị bảo vệ người tật nguyền (CDPH = convention relative aux droits des personnes handicapées) vào ngày 13.12.2006 và được 155 quốc gia trên thế giới ủng hộ và sẽ áp dụng (thực hành) kể từ ngày 4.3.2013.

Có một số quốc gia không tuân thủ nhân quyền mặc dù họ được gia nhập vào tổ chức nhân quyền LHQ. Họ tuyên bố ủng hộ nhân quyền trên thế giới như trường hợp TC và CSVN; nhưng, đồng thời, họ (thủ tướng CSVN Nguyễn Tấn Dũng) ban hành nghị định và sẽ áp dụng vào đầu tháng giêng 2014 là cảnh sát, công an có quyền bắn bỏ người dân nếu người dân không nghe theo lệnh của nhân viên công lực. Chúng ta tạm hiểu là cảnh sát kêu người dân đưa tiền hối lộ mà người dân không thi hành thì họ có quyền bắn, coi mạng người như không; đó là hình thức “khủng bố” của CSVN đối với người dân VN.

Internet

Vào thời điểm 1975, nếu có ai nói một người đi ngoài đường có thể bấm vào cái máy “di động” để biết tất cả những gì xảy ra trên thế giới (Thí dụ, thị trường chứng khoán, thời tiết, tin tức thế giới, bản đồ chỉ đường v.v) thì chúng ta cho đó là chuyện giả tưởng. Ngày nay, điều này không còn xa lạ vì máy điện thoại di động cho chúng ta biết những điều trên; ngay cả con nít lên 4-5 tuổi cũng có thể xử

dụng iPod, iPad với các trò chơi hay coi phim ảnh trên Internet.

Điều đáng lưu ý là giá máy điện toán, điện thoại di động, v.v càng ngày càng rẻ, càng tối tân vì có thể chụp ảnh đưa lên mạng để chia sẻ cùng với bạn bè nên nhà cầm quyền cộng sản (TC và CSVN) cũng rất nhức đầu vì sợ bị lộ bí mật quốc phòng “tham nhũng”, bao che đồng bọn “lợi ích” thụt két, lấy tiền của dân bỏ vào túi riêng, tẩu tán tài sản ra nước ngoài. Đó là chưa kể các dữ kiện có thể “chứa trên mây” (cloud computing) càng ngày càng thông dụng mà người sử dụng không cần chứa dữ kiện trong máy của họ nên nhà cầm quyền CSVN rất khó kiểm soát.

Điều đáng để ý là sự khám phá điện toán, tổ chức tên của các mạng lưới đều nằm bên HK dưới tên Icann (Internet Corporation for Assigned Names and Numbers) nên HK có khả năng độc quyền trong lãnh vực điện toán và do thám (spy) đối thủ và đồng minh (Snowden tố cáo HK nghe lén điện tử). Vì thế, đồng minh của HK lo lắng vì không biết khi nào HK bán đứng “mình” cho đối phương như trường hợp HK đã phản bội VNCH, Đài Loan vào cuối thế kỷ 20.

Cộng sản sợ nhất là tự do thông tin. Lenin và Stalin là người đầu tiên đã ban hành luật cấm người dân đi lại từ làng này sang làng khác với chính sách “hộ khẩu” nhằm mục đích chặn đứng thông tin. Lý do dễ hiểu là nếu người dân của làng B biết công an đang thanh trừng, tiêu diệt người dân tại làng A thì người dân làng B có thể chạy trốn hay tìm cách chiến đấu bảo vệ mạng sống của mình bằng gây gộc (con chó bị đưa vào đường cùng cũng còn cắn lại, nói gì con người). Ngày nay, sự phát triển điện toán, mạng lưới đã đưa đảng CSVN vào ngõ cụt.

Nếu máy phát thanh radio cần có 38 năm để có 50 triệu người sử dụng thì TV chỉ cần 13 năm, Internet cần 4 năm, iPod chỉ 3 năm, Facebook không tới 1 năm. Năm 2008, Facebook có trên 100 triệu người đăng ký. Năm 2009-2010 có hơn 100 triệu người sử dụng Twitter. Flickr chuyển tải hình ảnh thành lập năm 2004, mỗi ngày có trên 300 triệu tấm hình được đưa lên mạng so với 250 triệu tấm hình bên Facebook và 2 triệu trên Instagram; đó là chưa kể Youtube v.v.

Ngày nay, khái niệm về “thẩm quyền” (competence) đã thay đổi do ảnh hưởng của

Internet. Thí dụ, vị thầy đến trường không chuẩn bị bài vở có thể bị học trò đặt câu hỏi hóc búa vì trò biết hơn thầy về đề tài mà đưa học trò đã truy tìm trước trên Internet. Thầy thuốc có thể “không biết” (hay không nhớ căn bệnh); trong khi đó, bệnh nhân đã truy tìm căn bệnh trên Internet trước khi gặp bác sĩ. Vì thế sự liên hệ về “thẩm quyền” giữa thầy / trò, thầy thuốc / bệnh nhân, cha / con có thể thay đổi trong xã hội nếu những người trên trước không kịp chạy theo đà tiến hóa của nhân loại.

Wikipedia là tự điển “công” (public) do chính con người khắp năm châu hợp sức viết ra. Wikipedia có trên 15 triệu bài đăng vào tháng 5 năm 2010. Khi Wikipedia kêu gọi hỗ trợ tài chánh, 16 triệu Mỹ kim được gởi tới trong vòng 2 năm. Năm 2012, Wikipedia nhận được 20 triệu mỹ kim trong vòng 2 tháng. Theo thống kê Socialnomics năm 2009, có trên 90% giới trẻ từ 18-25 tuổi có máy điện toán. Số người lớn tuổi sử dụng Internet gia tăng từ 22% lên đến 42%. Vì thế, tiền quảng cáo trên mạng lưới càng gia tăng. Nhưng, chúng ta phải biết tin tức nào trên mạng là thật, là giả hay tin đồn nào có thể đúng hay sai.

Toàn Cầu

Sự phát triển khoa học, kỹ thuật, điện toán, mạng lưới, truyền tin, chuyên chở, phương pháp sản xuất v.v đưa tới toàn cầu hóa trong nhiều lãnh vực như xã hội, tôn giáo, chính trị, nhất là kinh tế toàn cầu là chiều hướng tự nhiên (trend) không thể tránh khỏi. Kinh tế toàn cầu chỉ là hình thức xuất nhập cảng giữa các quốc gia, nhưng nhanh chóng hơn do HK chủ xướng. HK đầu tư vào TC để sản xuất hàng rẻ với nhân công bị đảng cộng sản/tư bản bóc lột nhằm kiếm lời tối đa cho giới tài phiệt và độc đảng cộng sản.

TC bán sức lao động của người dân để có tiền mua trái phiếu của HK nên trở thành chủ nợ HK. Dân TC có công ăn việc làm thì dân HK mất “job”. Hai bên HK và TC đều có cái lợi và cái hại. Giới tài phiệt HK giàu to, dân HK mua hàng rẻ, nhưng thất nghiệp. TC có giai cấp cực giàu (đảng viên) và có thêm gia cấp mới trung lưu, nhưng đại đa số dân TC nghèo rớt mòng tơi tạo ra sự ngăn cách giàu nghèo rất lớn tại xứ cộng sản mà phương châm của cộng sản là bảo vệ giới vô sản. Điều này chứng minh đảng cộng sản lão khoét khi tuyên bố bảo vệ

giới nghèo.

HK tố cáo TC làm ăn không minh bạch, cạnh tranh bất chính, bảo vệ thị trường trong nước, lũng đoạn tiền tệ “Yuan” (không tăng giá tiền tệ theo thị trường nên giá xuất cảng của TC thấp), chuyên môn sản xuất hàng nhái, không tôn trọng bản quyền. Ngược lại, TC tìm cách độc lập kinh tế qua hình thức khuyến khích người dân tiêu thụ hàng nội trong nước, kêu gọi thế giới đầu tư vào chương trình kỹ thuật cao (với dụng ý ăn cắp kỹ thuật tân tiến của các quốc gia tây phương), tìm cách hạ tiền Mỹ để xử dụng “tiền tệ quốc tế” (IMF). HK tìm cách tẩy chay hàng TC nên có hiện tượng “toàn cầu hóa” trong tinh thần “bảo vệ mậu dịch”, “bế quan tỏa cảng” (protectionism), tẩy chay hàng hóa của TC.

HK thiết lập bang giao kinh tế với Âu Châu (vì họ có cùng căn bệnh với HK do TC gây ra). Nước Đức phải hạ thấp lương thợ để cạnh tranh với hàng hóa rẻ của TC và bây giờ, HK bang giao với các quốc gia Á Châu có tên gọi là TPP (Trans-Pacific Partnership). Mục đích chính là xuất nhập cảng hàng hóa giữa các quốc gia trong nhóm để đối phó với TC, nhưng các nước gia nhập TPP phải tôn trọng sự công bằng trong thế cạnh tranh như bảo vệ thợ thuyền (nghiệp đoàn). HK có thể cho CSVN gia nhập vào TPP trong năm 2014, người thợ VN cũng sẽ thừa cơ hội này lên tiếng đòi quyền lợi của họ cần được bảo vệ vì họ bị các chủ hãng tư bản Đại Hàn, Đài Loan, HK v.v (kể cả đại công ty CSVN) bóc lột; cũng như đương đầu lại các hàng hóa nhập cảng từ TC.

Xã Hội Dân Sự

Xã hội dân sự là tổ chức “bất vụ lợi”, là tổ chức tư không lệ thuộc vào nhà cầm quyền, có mục đích chính là phục vụ các công tác xã hội cho người dân mà chính phủ cầm quyền không thể chu cấp hay lo lắng được. Thí dụ, hội y sĩ không biên giới, nhà báo không biên giới, hội hồng thập tự, hội từ thiện v.v mà nhà cầm quyền CSVN thường ngăn cấm hoạt động trong nước VN. Nói theo thông điệp đêm Giáng Sinh 2013, Đức Giáo Hoàng Francis cho biết ánh sáng đến thì bóng tối phải ra đi, tình thương đến thì khủng bố phải lùi vào trong bóng tối; do đó, CSVN sợ tổ chức “xã hội dân sự” thành hình là sự hiển nhiên.

Tổ chức xã hội dân sự đầu tiên có thể kể là tổ chức Oxfam (Oxford Committee for Relief Famine) thành hình tại thành phố Oxford để giúp nạn đói tại Hy Lạp vào năm 1942. Lúc đầu, Oxfam là tổ chức nhỏ chỉ có mục đích giúp người dân Hy Lạp. Về sau, tổ chức trở nên lớn mạnh phục vụ cho các quốc gia nghèo đói trên thế giới. Năm 1945, LHQ phát động phong trào thành lập tổ chức “xã hội dân sự” có tính cách quốc tế, không hạn hẹp tại quốc gia.. Thí dụ, tổ chức y sĩ không biên giới (médecins sans frontiere) có ngân sách trên \$1 tỷ mỹ kim vào năm 2013.

Ngày nay, thế giới có 38,000 tổ chức xã hội dân sự để đối phó 4 mục tiêu chính: khẩn cấp (chiến tranh, thiên tai), phát triển (kinh tế, tiền lời thấp), môi trường (đào giếng, trồng lúa, nạn phá rừng) và nhân quyền (tự do bầu cử, bảo vệ người tàn tật, trẻ em, phụ nữ, người già, tự do báo chí, v.v). Nhiệm vụ của tổ chức xã hội có hai điểm chính là: - dùng tổ chức thế giới (LHQ) để làm áp lực giới cầm quyền hay yểm trợ dân chúng và - dùng tiếng nói lương tri của thế giới để ảnh hưởng chính phủ địa phương (kêu gọi lương tâm của con người rất hiệu quả).

Như đã viết, tổ chức xã hội dân sự là tổ chức độc lập, nhưng nhận tiền tài trợ từ chính quyền hay các đại công ty nên không biết vai trò “trung lập” có được tôn trọng không? Vì đồng tiền có sức mạnh bắt người nằm trong tổ chức xã hội dân sự thi hành theo ý của người cho tiền. Nếu không có tiền thì kể như bất động. Do đó, có nhiều tổ chức xã hội dân sự biết đưa tiền về VN là vô túi của cán bộ cộng sản, nhưng họ cũng phải nhắm mắt làm ngơ để “nồi cơm”, việc làm của họ không bị bể, tức là “thất nghiệp”.

Gần đây có các đại tư bản HK có lòng từ thiện như vợ chồng Bill & Melinda Gates đã thành lập tổ chức từ thiện để giúp nhân loại. Bill Gates và Warren Buffet kêu gọi các đại gia trên thế giới (chiếm khoảng 2/3 tài sản trên thế giới) bỏ 1/2 tài sản để làm từ thiện. Ít nhất có 58 vị đại gia HK lên tiếng ủng hộ lời kêu gọi của Bill Gates và Warren Buffet như CNN, Bloomberg, AOL, Georges Lucas v.v ; nhưng không thấy có 1 đại gia CSVN hay TC nào lên tiếng, ngoại trừ con cái của các đại gia TC/CSVN khoe mua nhà to, xe siêu, hàng ngoại v.v. Nếu họ chỉ cần cho một phần triệu tài sản của họ

thì dân VN cũng không đến nỗi nào.

Môi Trường

Chính con người đã phá môi trường, làm cho “mẹ đất” (mother nature) khô cằn, không đủ sức nuôi sống con người trên quả địa cầu và nhân loại sẽ bị diệt vong trong tương lai. Do đó, bảo vệ môi trường là điều cần thiết trong sinh hoạt hàng ngày của chúng ta, phải là đề tài ưu tư số 1 của chính phủ cầm quyền. Mỗi khi có cuộc họp thượng đỉnh giữa các quốc gia G8, G20, G v.v, chúng ta đều thấy có những người biểu tình lưu ý về chủ đề “bảo vệ môi trường”.

Nhà cầm quyền CSVN phạm nhiều lỗi lầm trong việc phá hoại môi trường vì đầu óc chỉ thấy lợi ngắn hạn mà không có cái nhìn xa dài hạn. Có nhiều thí dụ cụ thể không thể kể ra hết. Chúng tôi xin đơn cử vài thí dụ như thành lập nhà máy điện nguyên tử tại miền trung mà ai cũng biết “kỷ sư VN” còn non tay trong lãnh vực “nguyên tử” so với kỷ sư Nhật Bản và Nga Sô. Nếu nhà máy nguyên tử VN nổ y như trường hợp Tchernobyl 1986 ở Ukraine hay Fukushima 2011 ở Nhật thì kể như đất nước VN bị xóa sổ trên quả địa cầu.

CSVN chỉ nghĩ đến cái lợi nhỏ như cho TC khai thác mỏ bauxite ở Tây nguyên, phá rừng trồng cao su (mà mục đích chính là lấy gỗ rừng để bán). Họ hoàn toàn không có chương trình trồng cây thay thế, làm hư hại môi trường, tạo ra đất lở mỗi khi có giông bão (xảy ra hàng năm tại VN), nạn lụt lội làm chết nhiều người, thiệt hại đáng kể cho người dân. CSVN lấy đất ruộng của dân xây sân đánh “cù” (golf) để cho giới tư bản đồ vui chơi. Hành động này vừa làm mất đất trồng trọt, vừa làm mất nước ngọt nuôi dân, gây thiệt hại cho đất nước VN.

CSVN ký 16 chữ vàng và 4 tốt với TC, chấp thuận TC xây “tam đập” (three gorges dam) chặn nước ngọt sông Mekong gây thiệt hại ruộng lúa và đất phù sa miền nam là nơi sản xuất lúa gạo nuôi cả nước VN và thế giới (VN và Thái Lan là hai quốc gia xuất cảng lúa gạo nhiều nhất trên thế giới). Đó là chưa kể nhà nước CSVN bắt chẹt (độc quyền mua lúa) nông dân với giá thấp, bắt nông dân nhập cảng phân bón với giá cao nên làm cho nông dân VN điêu đứng. Người nông dân VN chỉ còn có hai con đường sống là lên thành thị làm công hay bán thân để làm lao công ở nước ngoài hoặc cho con

gái của mình làm nô lệ tình dục.

CSVN không những chủ trương phá môi trường trong nước, chúng còn cho người đi phá môi trường ở các quốc gia khác trên thế giới. Thí dụ, tòa đại sứ CSVN tham gia mua lậu sừng tê giác tại Phi Châu hay cho người phá rừng ở Lào và Cao Miên nên dân Lào và Miên phải phản ứng lại và biểu tình chống người VN đang sinh sống tại Cao Miên và Lào. Tưởng cần nhắc lại, tổ chức Global Witness tố cáo công ty Hoàng Anh Gia Lai (HAGL) cướp đất và phá rừng ở Lào và Cao Miên. Ngân hàng Đức Deutsche Bank phải rút tiền đầu tư ra khỏi công ty HAGL vì sợ bị vạ lây tai tiếng tàn phá môi trường thiên nhiên.

Linh Tinh

Một số vấn đề liệt kê trong phần linh tinh vì căn bệnh trầm kha của VN có quá nhiều không thể nào kể hết. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tự sướng tuyên bố GDP/ mỗi đầu người tăng lên gần \$2,000 mỹ kim trong năm 2013 vì ông tính hai, ba lần “double” tiền đầu tư xây cất. Thí dụ, ông dựa trên tiền đầu tư xây cầu, nhóm lợi ích lấy tiền đầu tư bỏ túi, rồi cầu sập, NTD bỏ thêm tiền để sửa cầu nên mới có sự gia tăng GDP trong nước. CSVN chuyên báo cáo láo nên thống kê của họ không thể tin được.

Năm 2012, CSVN có 3,780 đoàn chính phủ đi du lịch ra nước ngoài. Năm 2013, VN có 3,200 đoàn đi du hí ở hải ngoại. Các quốc gia đón tiếp phái đoàn CSVN nghe nói đến tên CSVN cũng hoảng sợ vì đoàn nào cũng xin tiền, cũng đặt ra cùng một câu hỏi; đôi khi họ còn làm nhục quốc thể VN vì có người trong phái đoàn chuyên ăn cắp vặt hay quên trả tiền mua sắm (Thí dụ, bà Kiều Trinh làm phóng viên truyền hình đài VTV, là con của ủy viên đảng, bà bị cảnh sát Thụy Sĩ bắt về tội ăn cắp trong siêu thị tại Thụy Sĩ).

Bác sĩ CSVN làm bệnh nhân chết nên thầy xác bệnh nhân xuống sông để trốn tội. Bộ trưởng y tế CSVN Nguyễn thị Kim Tiến cho biết “ai chích vaccine làm chết người thì bắt người đó, chứ không do lỗi của bộ y tế cung cấp thuốc vaccine “độc hại” làm tử vong nhiều trẻ em tại VN”. Đó là tình trạng “lương y như từ mẫu tại VN”. Hoa hậu VN đi ra nước ngoài mang băng (banderole) trên người với hàng chữ “Việt NEM” và cầm cờ lộn ngược. Bộ

giáo dục cung cấp software cho học sinh học với đường lười bò xác nhận Hoàng Sa, Trường Sa của TC. “Chạy trường và tham nhũng” là nền giáo dục hiện nay tại VN vì có tiền mua bằng cấp tiến sĩ giấy cũng được. Đó là nền giáo dục chuyên chính vô sản tại VN ngày nay.

Người dân VN khỏe mạnh trước khi bị cảnh sát, công an bắt vào đồn, sau khi được thả ra thì mặt mày của họ bị bầm tím, có khi chết toi mạng. Người dân có thưa gởi lên chính phủ thì chính phủ chuyển nhân viên qua công việc khác với sự khen thưởng có công “phục vụ” tận tình người dân. Người bị cướp đất có thưa kiện thì bị tù; còn người bị thừa lại được khen thưởng. Tòa án CSVN xử tội nhân trong chớp nhoáng, không cho luật sư hay can phạm biện hộ (thí dụ, phiên tòa xử ông Ngô Hào ngày 13.12.2013 tại Phú Yên). Vì thế, người dân có câu “CSVN có rừng luật, nhưng xử theo luật rừng”.

Kinh tế CSVN xuống dốc thê thảm vì chính sách kinh tế thị trường bóc lột định hướng xã hội độc tài tham nhũng. Đất là của dân mà đảng CSVN là ông nội của dân nên dân mất đất để khai khẩn là tự nhiên. Bọn lợi ích chỉ cần lấy đất của dân với lý do “làm chuyện công ích”, rồi chúng bán đất lại cho bọn tài phiệt để lấy tiền bỏ túi. Thế là dân mất đất để sinh sống; đó là nền tảng của CSVN là “không ai có quyền có tư hữu bất động sản”, ngoại trừ bọn chớp bu cộng sản trong bộ chính trị. Đó cũng là ngõ cụt của CSVN vì họ không bao giờ có thể giải quyết nạn dân oan.

Ngày 24.12.2013, đại sứ CSVN Lê Quảng Ba tại Bắc Hàn trả lời phỏng vấn cho tờ báo Lao Động trong nước là người dân VN không bằng người dân Bắc Hàn vì ông khâm phục họ chịu khó cần cù làm việc phục vụ cho đảng cộng sản mà ai cũng biết dân Bắc Hàn bị chết đói vì chế độ độc tài cộng sản. Thủ tướng CSVN Nguyễn Tấn Dũng tuyên bố “tôi đâu có xin chức thủ tướng, đảng đề cử tôi làm thủ tướng thì tôi phải thi hành”; còn chuyện tham nhũng, thụt két, phá hoại kinh tế là chuyện của người dân VN. Ông NTD còn có tính khôi hài Mr Bean gọi tổng thống Pháp là “Dăng Mặc Ê Rô”, anh hùng Dăng Mặc (Jean Marc Ayrault) thay vì đọc Jăng Mạc Ấy Rô khi ông viếng thăm nước Pháp. Hết thuốc chữa!

Kết Luận

Tóm lại, vài người thân cộng luận người Việt hải ngoại có tài tranh đấu chống Cộng bằng mồm, chẳng đi đến đâu. Nếu họ có gan thì về VN mà chống CSVN. Ngược lại, người làm tay sai cho CSVN ở hải ngoại thì lại không dám về VN sinh sống vì sợ chế độ độc tài CSVN. Đó là điều tréo cẳng ngỗng trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Ngày nay, vấn đề địa phương không còn là chuyện riêng tư của một nhóm người mà ảnh hưởng đến toàn thế giới, nhân loại; do đó, các quốc gia trên thế giới có bốn phen quan tâm đến những gì ảnh hưởng đến con người nói chung như nhân quyền, diệt chủng, thảm họa, nghèo đói, chiến tranh, di dân, v.v.

Sự lên tiếng bằng mồm của người Việt hải ngoại như bấm vào con chuột (mouse), đánh trên phím (keyboard) của máy điện tử để ủng hộ các nhà đấu tranh nhân quyền trong nước (Thí dụ, trang mạng change.org) cũng có thể gây tiếng vang quốc tế nhằm gây áp lực các hành động tàn ác của nhà cầm quyền CSVN. Cần nhớ, Walmart không cho các nghiệp đoàn len vào tổ chức của họ, nhưng lời kêu gọi chống lại sự bóc lột nhân viên của Walmart truyền qua Internet đã làm cho họ thay đổi chính sách đối xử nhân viên.

Khí giới “bằng mồm” là khí giới có rất nhiều hiệu quả vào thế kỷ 21, vào thời đại mạng lưới điện tử; nhất là người VN tranh đấu cho nhân quyền trong nước không cảm thấy cô đơn vì biết có sự ủng hộ của cộng đồng người Việt hải ngoại trên thế giới. Cầu nguyện đất nước VN sớm có ngày tự do dân chủ trong năm 2014 vì người dân trên thế giới và các quốc gia láng giềng đã đồng loạt đứng lên biểu tình đòi quyền tự do dân chủ. Ý dân là ý trời. Sớm hay muộn gì đất nước VN cũng có ngày tự do. Đất nước VN sẽ có chính phủ của dân, do dân và vì dân; chứ không do đảng CSVN nhẩy lên cướp chính quyền tại VN như ngày hôm nay.

31.12.2013



BÀI NÓI CHUYỆN NGÀY ĐẠI HỘI MẠNG LƯỚI NHÂN QUYỀN 09/10/2013

Xin cảm ơn BTC đã có nhã ý mời chúng tôi phát biểu đôi lời trong ngày khai mạc chương trình ĐH. Kính thưa quý vị, thật là một niềm vui cho chúng tôi được hiện diện nơi đây ngày hôm nay để trao đổi với quý vị những tư duy của chúng tôi về tình trạng nhân quyền cùng cuộc đấu tranh Dân chủ tại VN. Đồng thời chúng tôi mong muốn được sự hướng dẫn của quý bậc trưởng thượng và quý đồng hương về vai trò và trách nhiệm của CĐNV hải ngoại đối với hiện tình đất nước hiện tại.

Thưa quý vị, từ biến cố đau thương tháng 4-1975, đa số đồng bào hải ngoại chúng ta đã an cư lạc nghiệp tại nhiều quốc gia tân tiến trên thế giới tự do. Chúng ta đang có một đời sống an bình, con em chúng ta được hưởng một nền giáo dục tiên bộ, văn minh nhất trên thế giới, quyền lợi của chúng ta được bảo vệ bởi một nền pháp lý công minh.

Nhìn về tổ quốc, thực là một bức tranh hoàn toàn tương phản, VN là nơi tập hợp những sự kiện phi lý nhất trên quả địa cầu. Trong khi đông đảo đồng bào của chúng ta đang sống trong tận cùng của những cơ cực nghèo khó, VN lại đứng thứ hai trong vùng Đông Nam Á về số lượng những người đại triệu phú cực kỳ giàu có với tài sản khổng lồ trên ba mươi triệu dollars tại các ngân hàng ngoại quốc. Một điểm khác: VN là một thành viên Liên Hiệp Quốc, nhưng miả mai thay, người dân VN hoàn toàn không có những quyền làm người cơ bản

Sau chiến tranh, với nhân lực trẻ đông đảo, tài nguyên thiên nhiên phong phú, với nguồn tài trợ dồi dào phát xuất từ nhiều phía mà trong đó, đồng hương hải ngoại chúng ta đã góp phần không nhỏ, VN đã hội đủ tất cả yếu tố để trở thành con rồng Á Châu. Nhưng thực tế đã quá xa vời so với những ước tính bởi vì tập đoàn lãnh đạo CS đã không bao giờ đặt quyền lợi quốc gia trên tư lợi cá nhân. Mùa thu 1945, Hồ Chí Minh lừa dối cả thế giới với bài diễn văn cho một nước Việt Nam độc lập, tự do. Sáu mươi tám mùa thu sau, đất nước vẫn thụt trong niềm đau chậm tiến. Độc lập ở đâu khi mà mảnh đất quê hương hàng ngày đều bị ngoại nhân công khai đào phá Beauxit, tài nguyên, còn biển đảo thì lần lần bị cắt nhượng cho Tàu Cộng, ngư dân bị bắn giết ngay tại quần đảo quê hương. Tự Do là gì khi Đảng độc quyền kiểm soát tất cả các guồng máy thông tin, khi những tiếng nói kêu gọi Công lý đều bị dập tắt tàn nhẫn. Hạnh phúc ở đâu khi hàng vạn người dân oan đã lấy đất làm sàn nhà, lấy bầu trời làm mái trong hàng chục năm nay trong cuộc hành trình đi đòi lại nhà cửa, ruộng vườn bị nhà cầm quyền ngang nhiên trước đoạt. Ngoài ra, trong mục đích củng cố chế độ, ở VN có những quyền tự do được nhà cầm quyền cố võ hay ít nhất không can thiệp: đó là tự do ăn chơi, tự do xa đọa, tự do tham nhũng. Điều này đưa đến sự tụt hậu của đất nước về mọi phương diện: Kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, đạo đức xã hội. Và nhất là với bản chất vong bản, bạc nhược, Đảng CSVN đang đẩy đất nước chúng ta đến hiểm họa mất nước như câu hỏi tuyệt vọng của nhạc sĩ Việt Khang: Việt Nam tôi đâu?

Nhưng một dân tộc đã từng vì **chủ quyền quốc gia, vì sự vẹn toàn lãnh thổ đã không ngại hy sinh xương máu để bao lần đánh đuổi giặc ngoại xâm phương Bắc. Thì dân tộc đó sẽ không bao giờ tiếp tục cúi đầu chấp nhận sự kiện CSVN đem Tàu Cộng về dày xéo quê hương.**

Và Anh hùng hào kiệt thời nào cũng có trên quê hương Việt Nam oai linh. Bên cạnh những người trẻ sống thác loạn không lý tưởng, trong bóng tối lầm than của đất nước, ngày càng xuất hiện những khuôn mặt trẻ đầy nhiệt huyết với khát vọng tự do, với lý tưởng hòa bình, ý chí bất khuất mà LS Lê Công Định gọi là **THẾ HỆ DÂN THÂN.**

Họ là những người xuất thân từ gia đình đảng viên, cán bộ CS như Cù Huy Hà Vũ, Lê Thị Công

Nhân, Tạ Phong Tần. Những người này đã từ bỏ những ưu đãi của chế độ phi nhân, chọn con đường dân thân qua các hành động bênh vực giúp đỡ dân oan, viết blogger, viết những kháng nghị thư gửi đến đảng CS tố cáo thực trạng đen tối của XHCNVN, yêu cầu một xã hội đa đảng, một nền dân chủ pháp trị.

Thế hệ dân thân này cũng bao gồm đông đảo các bloggers thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều thành phần. Đặc biệt là thế hệ trẻ: thanh niên, sinh viên, học sinh ngày càng đông đảo.

Nhìn lại quá khứ để có những nhận xét đúng đắn về tương lai, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng lộ trình dân chủ ở VN đã hé mở ngay từ khi chính sách kinh tế Đổi Mới được tung ra vào năm 1986. Vào thời điểm này, CSVN buộc lòng mở cửa nhằm thu hút đầu tư ngoại quốc và các loại viện trợ, nhưng đồng thời làn gió dân chủ từ các nước Tây Phương cũng theo đó thổi vào VN.

Tiếp theo đó, Việt Nam đã dựa rất nhiều vào sự phát triển tân kỳ của Internet để mong đẩy mạnh kinh tế qua sự tận dụng các hệ thống Web, đến độ là chỉ trong vài ba năm mà đã trở thành một trong những nước dùng mạng internet nhiều nhất Đông Nam Á. Kết quả là từ năm 2000, số người Việt Nam dùng mạng đã nhân gấp 15 lần, đạt con số 31 triệu người, tức là một phần ba dân số. Đây là con dao hai lưỡi cho chế độ, vì ngoài thông dụng trên lãnh vực kinh tế, truyền thông Internet cũng đã mở cửa cho những thông tin vượt qua các bức tường lửa tràn ngập vào VN. Từ đó, blog lớn và nhỏ đã nở rộ tới nhiều triệu địa chỉ để đáp ứng lại nhu cầu thông tin, trao đổi ý kiến và những ưu tư về hiện tình đất nước, về những bất công xã hội như tệ nạn tham nhũng, dân oan, và sự yếu hèn của nhà cầm quyền VN trong các tranh chấp với Trung Hoa về các đảo trên Biển Đông.

Quả thật, Internet là món quà quý giá cho người dân VN trong cuộc đấu tranh giành lại dân chủ. Đây là vũ khí tố cáo tội ác CSVN một cách nhanh chóng trước cộng đồng thế giới. Mặc dù CSVN cố gắng bưng bít những việc làm bất chính của chúng, nhưng chỉ vài tiếng đồng hồ sau là tại hải ngoại, khắp nơi trên thế giới chúng ta đều có thể biết những diễn tiến tại quê nhà.

Vì thấy được sự đe dọa của thông tin Internet trong cuộc cách mạng dân chủ hóa cho nên Hà Nội đã liên tiếp đưa ra những điều lệ cực kỳ độc đoán để khủng bố người dân. Mới đây nhất là nghị định 72/2013/ND-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 9 năm nay, với mục đích kiểm soát chặt chẽ internet. Văn bản này cấm la liệt vô số điều đến độ là không ai biết mình có quyền được làm gì nữa..

Ngoài ra, những ai liên hệ với nước ngoài đều có thể bị truy tố vì tội “gián điệp” theo điều 80 bộ Luật hình sự. CSVN cũng trưng dùng rộng rãi Điều 88 về tội “tuyên truyền chống nhà nước xã hội chủ nghĩa” với khung án từ 3 đến 20 năm tù để đàn áp các bloggers. Một trong những điều luật cực kỳ phi lý là điều 258 tuyên án việc lợi dụng quyền tự do dân chủ để làm phương hại các quyền lợi của Nhà nước” với án tù tới lên tới 7 năm.

Chúng ta nhận thấy: càng sợ hãi thì CSVN càng trở nên hung ác. Nhưng quốc tế cũng đã nhận thấy điều này. Tổ chức Freedom House có trụ sở tại Hoa Kỳ vừa lên tiếng tố cáo ngày 3 tháng 10 vừa qua theo đó: VN là một trong hai quốc gia đàn áp quyền tự do internet nhất ở Châu Á chỉ sau Trung Cộng. Và theo sự xếp hạng của các tổ chức nhân quyền khác thì VN đứng thứ hai trong số các nước bỏ tù nhiều blogger nhất và đứng thứ 7 trong danh sách 10 nước không có tự do tể hại nhất thế giới.

Thế nhưng sự hung bạo này chỉ gây thêm sự phẫn uất và nung nấu thêm ý chí đấu tranh nơi dân chúng. Thật vậy, sự đàn áp liên tục và tàn ác của nhà cầm quyền CSVN dường như chỉ có tác dụng rèn thêm cái trí và dũng nơi người dân quốc nội. Trước những lạm dụng luật pháp của CS qua các Điều 80, 88, 258 của Bộ Luật Hình Sự và Nghị định 72, thanh niên VN nhanh chóng cho ra đời những TUYÊN BỐ 258 và TUYÊN BỐ 72 là những kiến nghị phản đối yêu cầu bãi bỏ các điều luật 258, 72.

Các người trẻ VN đã làm thế giới thán phục qua hành động can đảm, thông minh khi họ đã dùng ghe qua Thái Lan để trao các bản Tuyên bố yêu cầu quốc tế can thiệp vào vấn đề Nhân Quyền và quyền tự do sử dụng Internet tại VN đến Ủy Ban Luật Gia Quốc Tế với trụ sở đặt tại quốc gia này, cũng như họ đã tận dụng tất cả phương cách qua mặt công an để trao những kiến nghị tố cáo này đến các cơ quan quốc tế như Ủy ban Bảo Vệ Ký Giả Committee to Protect Journalist, SEAPA hay Liên Minh Báo Chí ĐNÁ, Tổ Chức Theo Dõi NQ hay Human Rights Watch, Tổ chức Front Line Defenders cùng các toà đại sứ Thụy

Sĩ, Mỹ, Úc Đức. Thắng lợi bước đầu của những nhà cách mạng trẻ tuổi quả cảm này là chỉ trong một thời gian ngắn đã có đến 21 chính phủ của các quốc gia trên thế giới cùng nhiều nhật báo tại các nước tự do đồng lên tiếng phản đối Nghị định 72.

Kính thưa quý vị, qua những sự kiện trên chúng ta nhận thấy rằng:

Tuy bị nuôi dưỡng trong chủ thuyết CS, nhưng một khi thức tỉnh, tuổi trẻ VN đã vượt xa một số đồng người thuộc thế hệ cha anh trong công cuộc khai sinh dân chủ cho Việt Nam.

Những bạn trẻ tại quốc nội đã học được bài học oai dũng của tiền nhân, một Nguyễn Lân Thắng đồng dạ nói trước ông kính: *Tự do phải trả bằng máu*. Một Nguyễn Thị Minh Hạnh đã khăng định: *Ở đời chỉ chết một lần* và còn nhiều nữa những tuổi trẻ Việt Nam với tinh thần Việt Khang, Lê Quốc Quân, Nguyễn Phương Uyên, Đinh Nguyên Kha, Huỳnh Thục Vy, Trịnh Minh Tiến. Cả một thế hệ đứng cảm, biết đứng trước là bạo lực nhưng họ vẫn tiến lên. Họ đã ý thức và đã cõng được vòng xiềng xích nặng nề nhất, đó là lòng sợ hãi. Đây là những người con ưu tú, là tương lai của dân tộc và chúng ta có bốn phận phải bảo vệ họ.

Kính thưa quý vị, qua các diễn tiến tại quê nhà, chúng ta thấy được là người dân quốc nội nói chung đã ý thức được biện pháp duy nhất để mở ra sinh lộ cho đất nước là chúng ta phải đào tử huyệt cho đảng Cộng Sản. Đã đến lúc chúng ta phải chứng minh cho CSVN thấy rõ: chúng càng hèn với giặc, ác với dân thì sự đoàn kết của người dân Việt trong và ngoài nước càng được siết chặt. Ngày hôm nay, toàn dân Việt ý thức được vận mệnh quốc gia đang nằm trong tay chúng ta, người dân Việt Nam trong và ngoài nước.

Con đường tắt yếu của dân tộc sẽ là cuộc vùng dậy ở quốc nội với sự tiếp tay đắc lực của hải ngoại để giải thể chế độ CS. Xin nhắc lại chủ lực dứt bỏ cơ chế CSVN là từ quốc nội, nhưng hải ngoại là một thực lực không thể thiếu trong cuộc đấu tranh này. Chúng ta không còn con đường nào khác. Và nhất là không nên y lại trông dựa vào thế lực quốc tế vì ngoài người VN ra, không ai có thể quan tâm, không ai có thể xả thân hy sinh cho đất nước VN.

Tổ quốc lâm nguy, xin đừng vô cảm. Và nhất là trước sự sáng suốt của người dân quốc nội quyết không nhân nhượng với bạo quyền qua tiếng bom Tiên Lãng, tiếng súng Thái Bình, xin đồng hương hải ngoại đừng ngây thơ tin vào mỹ từ hòa hợp hoà giải với CSVN.

Xin nhắc lại lời của tổng thống Boris Yeltsin: *“Cộng sản là không thể sửa chữa, chỉ có thể dẹp bỏ”*.

Nếu vì thiếu quyết tâm của chúng ta, vì sự thờ ơ của người Việt hải ngoại, CSVN tiếp tục hoành hành tiếp tục làm tay sai cho ngoại xâm, không bao lâu nữa thì toàn đất nước trên 4000 năm gầy dựng bằng bao xương máu của Cha Ông lại rơi vào ách thống trị của Tàu Cộng.

Tội ác bán nước của CSVN sẽ bị lịch sử ngàn đời nguyên rửa, nhưng những kẻ đồng lõa, tức những người đứng đứng trước vận mạng đất nước cũng sẽ bị cả dân tộc lên án.

Ước mong sao ở hải ngoại, chúng ta sẽ không còn thờ ơ. Mỗi người một bàn tay cùng nhau chuyển xoay vận nước. Trong thời điểm hiện tại, sẽ có nhiều biến chuyển xảy đến, chúng ta hãy theo dõi tin tức thời sự, và tùy theo khả năng của mình mà hành động.

Vì sự sống còn của Tổ quốc, xin hãy cùng nhau tiếp tục hành động, cùng nhau tích cực hỗ trợ tinh thần và vật chất cũng như gia tăng nỗ lực vận động quốc tế để can thiệp cho các tù nhân lương tâm, các nhà đấu tranh dân chủ tại Việt Nam.

Trước khi dứt lời, chúng tôi xin bày tỏ lòng ngưỡng mộ và tri ân sâu xa trước sự dấn thân tích cực và tinh thần can đảm hy sinh của đồng bào quốc nội, chúng tôi nguyện quyết luôn sát cánh cùng với quốc nội để đẩy mạnh cuộc đấu tranh giải thể đảng CSVN, giành lại độc lập và tự do thật sự cho nước nhà.

Chúng tôi cũng xin chúc Đại Hội NQ được thành công mỹ mãn. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc và thành quả của MLNQ đã và luôn là nguồn khích lệ lớn lao cho các nhà đấu tranh dân chủ tại quê nhà.

Xin cảm ơn và xin kính chào tất cả quý vị.

Cần Thị Bích Ngọc

NGÀY Y TẾ 2013

trích Thời Báo của phóng viên *Như Lan*



Hơn 500 đồng hương thuộc nhiều thế hệ đến tham dự Ngày Y Tế 2013 “**Sức khỏe & Tuổi thọ**” do Hội Y, Nha, Dược Việt Nam phối hợp với Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal tổ chức vào ngày thứ bảy, 14 tháng 9 tại Centre des loisirs de Saint-Laurent, 1375 đường Grenet, Saint-Laurent.

Chương trình bắt đầu lúc 10 giờ sáng với sự điều khiển

Bệnh Alzheimer

Hiện nay ở Canada có gần cả triệu người suy yếu về chức năng, trí nhớ và bị lú lẫn. Tuy không có cách nào ngăn ngừa bệnh Alzheimer nhưng để tránh các rủi ro có thể đưa tới căn bệnh ác hóa này, chúng ta nên sống lành mạnh về thể xác cũng như tinh thần, luôn tham gia vào các sinh hoạt lành mạnh, ăn uống điều độ, không hút thuốc lá, ăn nhiều rau trái ngũ cốc, bớt thịt và các chất béo, chất đường. Về mặt tinh thần, nên chơi nhạc, sử dụng trí óc như chơi đồ chữ, tránh các chấn thương não bộ, tập thể dục như đi bộ ít nhất 30 phút mỗi ngày và 3-4 lần mỗi tuần. Nên uống thuốc theo đúng lời khuyên của bác sĩ, được sĩ trong những trường hợp tiểu đường, áp huyết cao hay cao cholesterol.

DS Bùi Thị Mùi



Các vị quan khách chính quyền đến tham dự



BS Đặng Phú Ân



BS Hoa Anh Tú



*Thị trưởng Ville St-laurent
Alan De Sousa*

Bệnh đường ruột

Hàng năm có khoảng 5800 người bị bệnh ung thư ruột già và khoảng 2600 người tử vong vì bệnh này. Đứng hàng thứ hai sau bệnh ung thư phổi. Nguyên nhân là di truyền, lớn tuổi, ăn nhiều mỡ, thịt, uống nhiều rượu, bière và mập phỉ. Để phát hiện ra ung thư ruột già thì phải làm xét nghiệm tìm máu trong phân và làm nội soi ruột già nếu tìm thấy máu trong phân. Nếu trên 50 tuổi, lại có người thân hay cha mẹ hoặc anh chị em bị ung thư ruột già hay bị bườu trong ruột, thì phải thử phân và làm nội soi ruột mỗi 2-3 năm. Để tránh bị bệnh ung thư ruột già, nên ăn rau tươi, bớt ăn mỡ, thịt và tập thể dục...

Bệnh ung thư ruột già có thể phát hiện sớm và tìm cách trị liệu kịp thời bằng cách thử máu trong phân và nội soi vào tuổi 50 trở đi.

BS Nguyễn Văn Vũ

của hai Bác sĩ Đặng Phú Ân và Nguyễn Hữu Trâm Anh (Giáo sư Đại Học Y Khoa Montréal). Trong các quan khách, có sự hiện diện của ông Alan De Sousa-Thị Trưởng Ville Saint-Laurent, ông Stephane Dion-Dân biểu Quốc Hội Canada vùng Cartier Ville Saint-Laurent, bà Daria Obeica-Cố vấn chính trị Đại diện ông Jean-Marc Fournier (Dân biểu Quốc Hội Québec), ông Daniel Corbeil-Tổng Giám Đốc Trung tâm Y tế xã hội Bordeaux-Cartier Ville St-Laurent và các nghị viên thành phố... cùng toàn thể quý Hội Trưởng và Đại diện các Hội Đoàn trong CĐNVQGVM... Sau nghi thức chào cờ và phút mặc niệm, BS Đặng Phú Ân (Trưởng Khôi Huấn Luyện Hậu Đại Học Hội Y Sĩ Việt Nam tại Canada, và cũng là Trưởng Ban Tổ Chức của Ngày Y Tế Canada 2013) ngỏ lời chào mừng quan khách. Ông nhấn mạnh sự hiện diện đông đảo của toàn thể quý đồng hương, các thân hào nhân sĩ và đặc biệt là quý vị dân cử chính quyền đã nói lên sự quan tâm nồng nhiệt của quý vị đối với vấn đề bảo vệ và thăng tiến sức khỏe của đồng bào. Đây cũng là mục đích chính của việc tổ chức Ngày Y Tế hằng năm từ hơn 10 năm qua.

Chương trình gồm 5 đề tài về bệnh người lớn tuổi: bệnh đường ruột, bệnh xương khớp, bệnh Alzheimer, bệnh răng miệng và vai trò của người Dược sĩ. Đề tài thứ nhất “Bệnh đường ruột” do BS Nguyễn Văn Vũ (Gastro-entérologue tại bệnh viện Pierre Boucher) thuyết trình.

Đề tài thứ hai “Bệnh xương khớp” do BS Hoa Anh Tú Sabrina (Khoa Rhumatologie tại CHUM, Bệnh viện Notre Dame Montreal) thuyết trình.

BS Anh Tú sinh trưởng tại Montréal nhưng nói lưu loát tiếng Việt nhờ vào các lớp Việt ngữ của Trường Hồng Đức. Cô là một trong những sinh viên xuất sắc nhận giải học bổng Thời Báo cách đây 10 năm.

Đề tài thứ ba về các phương pháp phòng ngừa hoặc làm giảm các cơn đau xương khớp ở người lớn tuổi do Chuyên viên vật lý trị liệu Nguyễn Ngọc Quang (Physiothérapeute ở Rivière des Prairies) trình bày. Ông cho biết những tư thế đứng, nằm, ngồi không đúng cách có thể dẫn đến đau nhức ở cột sống vì bị trật khớp xương và những đĩa liên khớp xương dễ bị mòn.

Trong lúc các diễn giả thuyết trình, ban tổ chức phát giấy kêu gọi đồng bào đưa ra câu hỏi. Sau 3



đề tài trên là phân giải đáp những thắc mắc về các bệnh liên quan đến xương và ruột... BS Đặng Phú Ân và các thuyết trình viên đã trả lời những câu hỏi để truyền đạt đến các đồng hương một cách thỏa đáng những phương thức ngừa bệnh và tìm cách chữa trị kịp thời. Trong lúc này, ban tổ chức đã phát phần ăn trưa mời quý đồng hương và sau đó thăm viếng các quầy y tế có các bác sĩ, dược sĩ và nha sĩ giải đáp tại chỗ.

Đề tài thứ tư là về vai trò của người Dược sĩ và giới thiệu dược phẩm trị bệnh lú lẫn (Alzheimer) do Dược sĩ Bùi Thị Mùi đảm trách.

Đề tài cuối cùng là về săn sóc răng cho người lớn tuổi của Nha sĩ Nguyễn Lê Hoàng Hùng. Nha sĩ Hùng nhắc lại về cơ thể và cấu trúc của răng. Ông nhấn mạnh 2 căn bệnh của người lớn tuổi thường



ảnh hưởng đến tình trạng răng là bệnh tiểu đường và bệnh loãng xương (ostéoporose). Đồng thời ông cũng đã trình bày những phương thức giữ gìn để có một hàm răng đẹp. Không nên ăn uống những thức ăn quá nóng hay quá lạnh. Không nên đánh răng liền sau khi ăn những món ăn acid. Đừng dùng răng cắn vật cứng và nên đổi bàn chải đánh

Bệnh xương khớp

Bệnh xương khớp có hai loại: bệnh loãng xương (Ostéoporose) và bệnh khớp xương thoái hóa (Arthrose). Bệnh loãng xương là khi tình trạng xương bị giòn, xốp, mỏng manh dễ gãy do khối xương toàn thân bị sút giảm. Theo thống kê khoa học: 1/3 đàn bà và 1/5 đàn ông bị bệnh loãng xương. Những yếu tố gây ra bệnh này vì lớn tuổi, hút thuốc, uống rượu nhiều, đàn bà sau thời kỳ mãn kinh, người gầy cân nặng dưới 60kg, hay đã dùng nhiều loại thuốc cortisone, thuốc chống hormone để chữa ung thư vú, ung thư tiền liệt tuyến, hay đã mắc bệnh viêm khớp, viêm phổi kinh niên, bệnh gan, thận... Để đề phòng bệnh loãng xương, nên tập thể dục thường xuyên, uống Calcium 1200mg và Vitamine D 800-2000 UI mỗi ngày. Sau 65 tuổi, mọi người nên đi đo tỷ trọng xương (ostéodensitométrie), nhất là đàn bà sau khi mãn kinh. Nếu có nguy cơ gãy xương cao thì phải uống thuốc Bisphosphonate (Fosamax, Actonel, tên thương mại). Khi uống Bisphosphonate cần phải uống 30 phút trước bữa ăn hoặc các thuốc khác. Uống với 1 ly nước lạnh. Không nằm trong 30 phút sau khi uống để tránh bị rát cổ họng và thực quản. Bệnh khớp xương thoái hóa (Arthrose), là tình trạng lớp sụn (cartilage) ở các khớp xương bị hao mòn và tiêu hủy dần, xếp lại. Các đầu xương cọ xát nhau làm khớp xương đau và cứng khớp. Thường đau ở đầu gối, háng, đốt sống, bàn tay. Nguyên nhân có thể là do di truyền, khớp xương bị đè nặng sau khi chấn thương, gãy xương, cơ thể không được ngay thẳng hay độ cân quá nặng. Để giúp người bệnh giảm đau thì có nhiều phương pháp như giảm cân, tập thể dục và sử dụng các vật dụng hỗ trợ (canne, marchette) hay dùng thuốc giảm đau như Tylenol, Voltaren gel (4 lần/ngày), Cortisone chích vào khớp (tối đa 4 lần/năm), và các phương pháp vật lý trị liệu hoặc nhiều khi phải được giải phẫu chỉnh hình (chirurgie orthopedique).

BS Hoa Anh Tú

Vai trò mới của dược sĩ ở Quebec

Với Luật 41 mới áp dụng ở Québec, người dược sĩ có thêm 7 công việc và quyền hạn mới: gia hạn toa thuốc, sửa đổi toa thuốc, thay thế thuốc, giúp bệnh nhân trong việc dùng thuốc (ví dụ sử dụng kim chích insulin), biên toa cho bệnh nhân làm các thử nghiệm labo, biên toa cho các trường hợp bệnh nhẹ đã được chẩn bệnh và biên toa cho các trường hợp không cần chẩn bệnh.



*Thiện nguyện viên Kevin Nguyễn
giúp gian hàng đo máu*

răng trong 3 tháng.

Vào trước giờ bế mạc, có hai bác tham dự viên (ngoài 80 tuổi) là bác Trần Thị Xuyên và bác Nguyễn Tường Triều đã lên phát biểu cảm tưởng: ghi nhận sự thành công của Ngày Y Tế về việc thông tin, chỉ dẫn về các căn bệnh thông thường nhưng rất quan trọng, đôi khi rất nguy hiểm của người cao niên với các phương pháp phát hiện sớm để được điều trị kịp thời. Đặc biệt là những lời khuyên thực tiễn đề phòng và tránh bệnh. Hai bác tỏ lòng biết ơn vì “*chúng tôi ra về với món quà là sức khỏe được bảo vệ với cuộc sống an vui. Xin cảm ơn các diễn giả và đặc biệt cảm ơn ban tổ chức do BS Đặng Phú Ân điều khiển.*” Tiếp theo, BS Đào Bá Ngọc, Chủ Tịch CĐNVQGVM đã cảm tạ đồng hương và ghi nhận sự thành công to lớn của Ngày Y Tế năm nay, ghi công Ban Tổ Chức Ngày Y Tế của 3 Hội Y Nha Dược và các thiện nguyện viên.

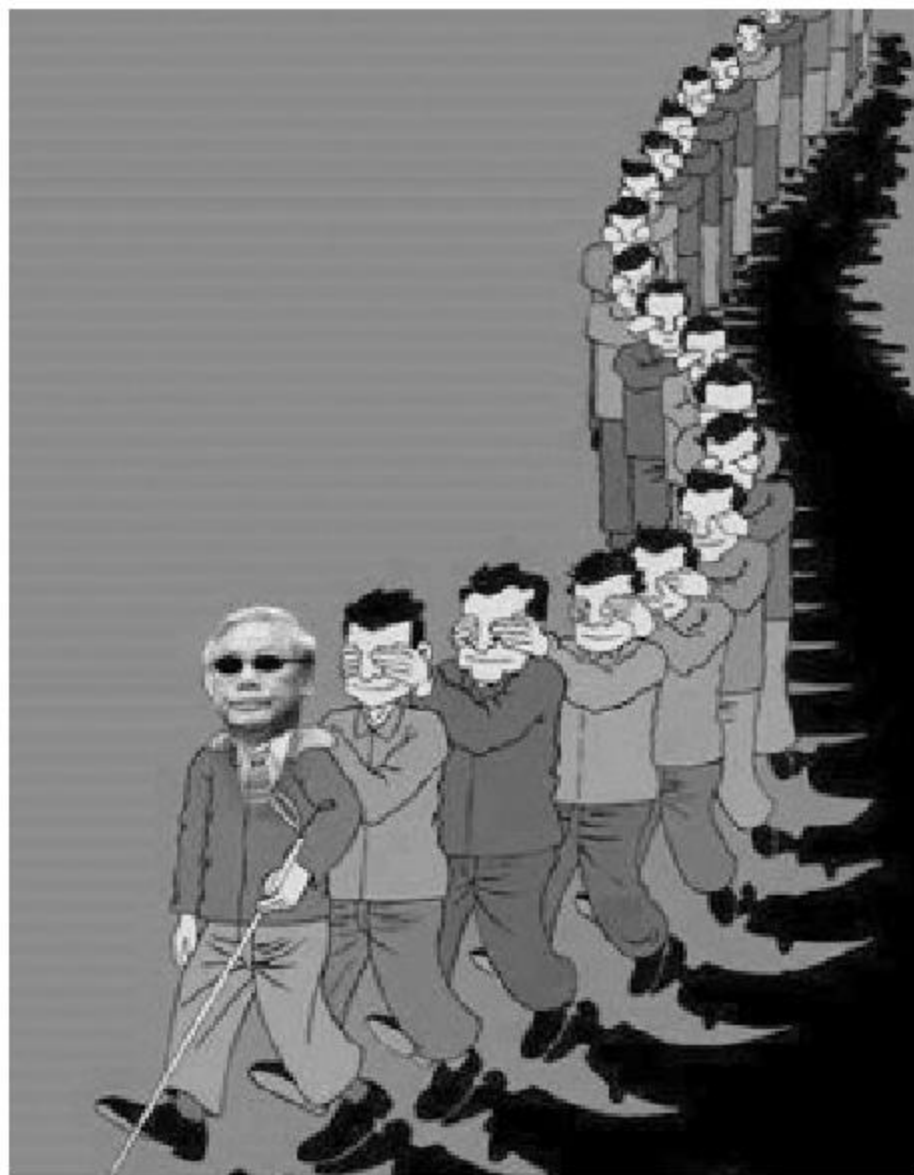
Trong phần kết từ, BS Đặng Phú Ân, Trưởng ban tổ chức thay mặt toàn ban tổ chức đứng lên cảm tạ toàn thể đồng hương đã tham dự đông đảo Ngày Y Tế Canada 2013, đã lắng nghe các diễn giả, cảm ơn các diễn giả, thiện nguyện viên và các viện bào chế đã đóng góp công sức, thời giờ cho sự thành công của ngày đại hội. Trong lời nói rất cảm động, BS Ân đã phát biểu “*Không phải những bó hoa trao tặng mà là sự an tâm và vui sống với một sức khỏe tốt của đồng bào sau Ngày Y Tế này mới là những phần thưởng to lớn cho Ban tổ chức và*



các diễn giả.”

Quý đồng hương hân hoan ra về vào lúc 17 giờ chiều cùng ngày.

Họa Bả Bui



Định hướng XHCN

Trần Trung Đạo:

“BƯỚC ĐƯỜNG DÀI ĐẾN TỰ DO”

CỦA NELSON MANDELA



Theo kết quả thăm dò của công ty tư vấn Reputation Institute được công bố vào tháng Chính năm 2011, Nelson Mandela được chọn là lãnh tụ được yêu mến nhất, kính trọng nhất, thán phục nhất và tin tưởng nhất thế giới. Tổng thống Mỹ Barack Obama đứng hạng thứ 14, Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh đứng hạng thứ 27, Thủ tướng Anh David Cameron đứng hạng thứ 34.

Nhân loại yêu chuộng tự do, dân chủ và hòa bình kính phục Nelson Mandela không phải chỉ vì ông yêu nước, yêu tự do, can đảm ở tù suốt 27 năm dài lao động khổ sai nhưng quan trọng hơn ông

không dùng sự khổ đau chịu đựng của riêng mình làm thước đo cho chiều dài tương lai của đất nước Nam Phi và không đặt đôi gánh nặng quá khứ hận thù lên trên đôi vai của các thế hệ Nam Phi mai sau. Thay vào đó, Nelson Mandela đã dùng đức tính bao dung, kiên nhẫn, khôn ngoan, biết nhìn xa thấy rộng để vực dậy một đất nước bị phân hóa bởi màu da, chủng tộc, xã hội giáo dục, kinh tế chính trị và cả văn hóa lịch sử kéo dài hơn 300 năm từ thời nô lệ, thuộc địa cho đến thời kỳ Nam Phi độc lập.

Con người cũng như đất nước, giá trị được thẩm định không phải ở sự chịu đựng nhưng ở chỗ biết vượt qua. Một con người bình thường phải vượt

qua những hoàn cảnh khắc nghiệt để tiến thân, một dân tộc chỉ có thể đuổi kịp đà tiến của nhân loại nếu dân tộc đó vượt qua được những bất hạnh của chính mình và vận động được sức mạnh tổng hợp của dân tộc. Một câu nói nổi tiếng của Nelson Mandela về hòa giải “Hòa giải thật sự không đơn giản chỉ là việc quên đi quá khứ”. Nelson Mandela được kính trọng không phải vì ông quên đi quá khứ nhưng nhờ ông đã sống rất trọn vẹn trong quá khứ, đã chiêm nghiệm và chuyển hóa những hào quang và chịu đựng, thành công và thất bại, hy vọng và tuyệt vọng của quá khứ thành nhựa nguyên, nhựa luyện cho những hàng cây xanh tốt tươi và hy vọng của tương lai Cộng Hòa Nam Phi.

Hãy tưởng tượng, Nelson Mandela, người bị tù hơn 27 năm và đã có thời gian chọn lựa phương pháp đấu tranh bằng võ lực, không chủ trương hòa giải mà nhất định trả thù cho bằng được thiểu số da trắng một thời đã áp đặt những chính sách bất công, phân biệt chủng tộc lên trên số phận của đa số người da đen rồi nước Cộng hòa Nam Phi ngày nay liệu có thể là quốc gia ổn định và phát triển hay không?

Chắc chắn là không.

Hãy tưởng tượng, công việc đầu tiên của tổng thống Nelson Mandela không phải là việc thành lập Ủy Ban Hòa Giải và Sự Thật mà là lập một danh sách mấy trăm ngàn viên chức chính quyền Nam Phi đã có liên hệ ít nhiều đến việc đàn áp các phong trào chống phân biệt chủng tộc để rồi sau đó tổng giam họ trong các trại tù tận vùng núi rừng KwaZulu-Natal xa xôi hiểm trở, bắt thiểu số da trắng phải giao nộp nhà cửa, tài sản, đầy sang các vùng kinh tế mới ở miền Northern Cape hoang vu để trả thù cho những cực hình đầy đọa mà dân da đen đã từng chịu đựng dưới ách phân biệt chủng tộc của chính quyền da trắng Nam Phi thì liệu hòa giải dân tộc có thật sự đến cho quốc gia này hay không?

Chắc chắn là không.

Rất nhiều tác phẩm viết về Nelson Mandela

và một số tác phẩm khác trích từ các cuộc phỏng vấn ông, nhưng Bước đường dài đến tự do (Long walk to freedom) là tác phẩm do chính ông chấp bút từ những năm 1970 khi còn bị tù ở đảo Robben, ngoài Cape Town, Nam Phi. Phần lớn các chi tiết trong bài viết này cũng được trích dẫn từ hồi ký dày hơn sáu trăm trang Bước đường dài đến tự do của Nelson Mandela.

Nelson Mandela ra đời ngày 18 tháng 7 năm 1918 tại Mvezo, một ngôi làng nhỏ bên bờ sông Mbashe thuộc quận Umtata, thủ phủ của Transkei, một trong những khu vực lớn nhất của Nam Phi. Ông được đặt tên là Rolihlahla. Theo ngôn ngữ Xhosa, Rolihlahla có nghĩa “kéo một cành cây xuống” nhưng chính xác hơn có nghĩa là “kẻ gây rối”. Cha của ông, Gadla Henry Mphakanyiswa, cai quản khu vực Mvezo và cũng là một cố vấn của vua bộ lạc Thembu. Mandela kế thừa không những cá tính mà cả vóc dáng cao và thẳng của cha ông ta. Cha của Mandela có bốn vợ, và bà Nosekeni Fanny, mẹ của Mandela là vợ thứ ba. Theo cách gọi trong gia đình, vợ thứ nhất được gọi là Vợ Cả, Vợ Phía Tay Phải (mẹ của Mandela), Vợ Phía Tay Trái, và Vợ Chăm Sóc Gia Đình. Mandela là con lớn của mẹ ông nhưng lại là con trai nhỏ nhất trong số bốn anh em cùng cha khác mẹ.

Khi còn nhỏ Mandela chịu phép rửa tội theo đạo Tin Lành phái Methodist Church. Khi đi học, cô giáo Mdingane thêm tên Nelson vào tên gia đình đặt. Từ đó, ông được gọi là Nelson Rolihlahla Dalibhunga Mandela. Năm Mandela lên 9 tuổi, cha ông qua đời vì bệnh phổi. Nelson Mandela được Jongintaba Dalindyebo, người kế tục chức vụ của cha ông, nhận làm con nuôi. Sau lễ cắt bao quy đầu vào năm ông 16 tuổi, Nelson Mandela được đưa vào trường trung học nội trú Clarkebury.

Năm 1937 khi vào tuổi 19, Nelson Mandela theo học đại học Healdtown, Fort Beaufort. Giống như Clarkebury, Healdtown là một trường đạo Tin Lành thuộc phái Methodist Church và là trường đại học nội trú duy nhất dành cho người da đen. Sinh viên da đen ưu tú từ khắp Nam Phi theo học tại đây. Một biến cố tình thần đã xảy ra cho Nelson Mandela vào năm cuối tại Healdtown là buổi viếng

thăm trường của nhà thơ lớn Krune Mqhayi, người dân tộc Xhosa. Lần đầu tiên trong đời Nelson Mandela xúc động lắng nghe một nhà thơ lên tiếng phê bình chính sách phân biệt chủng tộc của chính quyền da trắng một cách công khai với sự hiện diện của viện trưởng và toàn ban giảng huấn trường, rất đông trong số họ là da trắng.

Năm 1960, Nelson Mandela theo học tại đại học University College of Fort Hare. Đây là trường đại học nội trú da đen lớn nhất ở Nam Phi. Mandela hy vọng sẽ tốt nghiệp Cử Nhân tại trường này. Ông được bầu vào Hội Đồng Sinh Viên và tức khắc trở thành một lãnh tụ sinh viên tranh đấu cho các quyền lợi sinh viên. Trong một lần xung đột với ban lãnh đạo trường về tiêu chuẩn thực phẩm dành cho sinh viên, Nelson Mandela từ chức khỏi hội đồng sinh viên. Viện trưởng viện đại học tức giận trục xuất ông khỏi trường cho đến cuối niên khóa.

Mandela trở lại nhà nhưng chỉ để biết tin cha nuôi đang chuẩn bị cưới vợ cho mình. Mandela không muốn và cùng người anh nuôi bỏ trốn sang Johannesburg. Tại đây, Mandela tiếp tục học hàm thụ các lớp còn lại của hệ cử nhân và chính thức tốt nghiệp tại Fort Hare vào năm 1942. Năm 1943, Nelson Mandela theo học cử nhân luật tại trường đại học Witwatersrand với ý định trở thành một luật sư.

Chàng thanh niên Nelson Mandela là một người đàn ông cứng rắn nhưng cũng rất đa cảm. Mandela yêu nhiều người. Trong thời gian trú trại khu Alexandra thuộc thành phố Johannesburg, Mandela gặp Ellen Nkabinde, cô bạn luôn có nụ cười tươi, làm nghề dạy học mà Mandela quen biết khi cả hai còn ở Healdtown. Họ yêu nhau. Khu Alexandra đông đúc và chật hẹp, cặp tình nhân đang yêu không biết đi đâu ngoài việc ngồi ngắm những vì sao trên nền trời vào ban đêm. Dù sao, Ellen mang đến cho Mandela tình yêu, sự ủng hộ, niềm tin và hy vọng trong lúc anh ta đang lạc lõng giữa thành phố Alexandra còn xa lạ. Rất tiếc chỉ vài tháng sau Ellen rời thành phố mang theo mối tình đầu của Mandela.

Sau khi Ellen đi, Mandela lại yêu một người con gái khác. Nàng tên là Didi, xinh nhất trong năm người con gái của gia đình Xhosa mà Mandela đang trọ. Cuộc tình rồi cũng không đi đến đâu vì Didi không thật sự để mắt xanh đến anh chàng Mandela đã cảm đang trọ trong nhà mình. Nhưng lần thứ ba thì khác. Trái tim Mandela hướng về phía người con gái trẻ đẹp đang theo học nghề y tá tại Johannesburg tên là Evelyn Mase. Cha mẹ Evelyn chết sớm và cô sống với người anh. Vài tháng sau khi yêu nhau, Mandela hỏi cưới. Evelyn là vợ đầu của Nelson Mandela cho đến năm 1958.

Nelson Mandela bắt đầu tham gia các hoạt động của tổ chức Nghị Hội Toàn Quốc Nam Phi (African National Congress) gọi tắt là ANC vào năm 1942 và cuộc đời hoạt động của ông từ đó được chính trị hóa. Như ông ta giải thích trong Bước đường dài đến tự do: “Thật khó để xác định thời điểm nào tôi bị chính trị hóa khi tôi biết mình đã dành cả cuộc đời trong cuộc đấu tranh giải phóng. Là một người Phi trong xã hội Nam Phi có nghĩa là bạn được chính trị hóa từ lúc mới ra đời, dù bạn có thừa nhận điều đó hay không. Một hài nhi ra đời trong bệnh viện chỉ dành cho da đen. Đưa về nhà trên xe bus chỉ dành cho da đen. Nếu may mắn được đi học cũng chỉ học trường dành cho da đen. Khi cô hay cậu đó lớn lên cũng chỉ làm những công việc người da đen phải làm và mượn một căn nhà để ở cũng chỉ được ở trong khu da đen”.

Nhắc lại, ANC được thành lập vào ngày 8 tháng Giêng năm 1912 tại Bloemfontein để đấu tranh cho quyền của người da đen Nam Phi do nhà biên khảo John Dube và nhà thơ Sol Plaatje sáng lập. Chủ tịch đầu tiên của tổ chức là John Dube. Trong suốt hơn 70 năm tranh đấu, ANC đã trở thành đảng chính trị chiếm đa số trong cuộc bầu cử năm 1994 và trong cuộc bầu cử năm 2009, ANC chiếm đến gần 66 phần trăm trong tổng số cử tri đi bầu. Nhiều người ảnh hưởng đến quan điểm chính trị của Nelson Mandela đối với tổ chức ANC nhưng như chính Mandela thừa nhận, ảnh hưởng nhất phải là Walter Sisulu vì đức tính cương quyết, có lý có tình, thực tế và tận tụy của ông ta. Walter tin tưởng ANC là phương tiện cần thiết để thay đổi Nam Phi, là nơi gìn giữ của khát vọng của tầng lớp da đen bị trị tại

Nam Phi. Mandela cũng tin tưởng sâu xa điều đó.

Sau khi gia nhập, Mandela trở thành một thành viên tích cực của phong trào chống phân biệt chủng tộc tại Nam Phi. Năm 1943, Nelson Mandela là một trong những thành viên sáng lập của Liên Đoàn Thanh Niên ANC nhằm đưa cuộc đấu tranh vào quần chúng, tổng hợp sức mạnh của giới nông dân ở nông thôn và tầng lớp công nhân tại các thành phố. Nelson Mandela cho rằng các hình thức thụ động, cầu xin giới lãnh đạo da trắng không phải là hình thức đấu tranh thích hợp nhưng phải đánh trực tiếp vào quyền lợi của chúng qua các hình thức tẩy chay, đình công bãi thị, bất hợp tác với giới cầm quyền. Mặc dù ban đầu gặp trở lực từ các thế hệ lãnh đạo già, các hoạt động của Liên Đoàn Thanh Niên ANC dần dần đã được trung ương ANC chấp nhận. Vai trò lãnh đạo của Nelson Mandela được chính thức hóa qua các hoạt động cương quyết của ông. Năm 1947, Mandela được bầu vào ban chấp hành ANC vùng Transvaal. Người lãnh đạo trực tiếp của ông là C.S. Ramohane, một người yêu nước và kế hoạch xuất sắc. Bản thân Ramohane không có cảm tình với Cộng Sản nhưng làm việc với họ vì ông cho rằng ông ta nên đón nhận sự ủng hộ từ mọi phía. Mandela cũng là tác giả của đề án Mandela làm tiêu chuẩn hoạt động cho cả tổ chức ANC trong đó đặt nặng vai trò chỉ đạo từ trung ương khi nhà cầm quyền da trắng đặt ANC ra ngoài vòng pháp luật.

Chiến Dịch Thách Thức Những Luật Bất Công (Defiance Campaign of Unjust Laws) là chiến dịch có quy mô lớn của ANC đòi hủy bỏ sáu đạo luật bất công trước ngày 29 tháng Hai năm 1952 và nếu không ANC sẽ có những hoạt động ngoài hiến pháp chống chính phủ da trắng. Dĩ nhiên, chính phủ da trắng không nhượng bộ mà còn đàn áp quyết liệt. Ngày 6 tháng Tư năm 1952, hàng loạt cuộc đình công đã được thực hiện tại các thành phố lớn như Johannesburg, Pretoria, Port Elizabeth, Durban và Cape Town. Ngày 30 tháng Bảy năm 1952, Nelson Mandela bị bắt cùng với hai mươi lãnh đạo ANC khác. Nelson Mandela bị kết án chín tháng tù ở nhưng sau đó được chuyển thành hai năm tù treo.

Năm 1952 cũng là năm có nhiều thay đổi trong

nội bộ ANC. Albert Luthuli, một lãnh tụ có khuynh hướng đẩy mạnh các hoạt động của ANC được bầu vào chủ tịch. Mandela, trong cương vị chủ tịch khu Transvaal, là một trong bốn phụ tá của Albert Luthuli. Nelson Mandela tiếp tục cuốn hút vào các hoạt động cho ANC cho đến ngày tháng 12 năm 1956, Nelson Mandela bị bắt lần nữa. Lần này bị truy tố với một tội nặng hơn nhiều: mưu phản. Nelson Mandela đóng tiền tại ngoại hầu tra. Phiên tòa mưu phản kéo dài hai năm đã làm Nelson Mandela kiệt quệ về mọi mặt, tình cảm gia đình tan nát và điều kiện tài chánh suy sụp. Cũng trong thời gian khó khăn này, sự khác biệt về cách sống, lý tưởng đã làm hai vợ chồng Mandela và Evelyn vốn khác biệt đã khác biệt sâu sắc hơn. Cuối cùng cả hai đã đồng ý chia tay nhau.

Một lần trên đường từ tòa về qua một ngã tư đường, Nelson Mandela chợt lưu ý một cô gái đang đứng chờ xe bus. Nét đẹp của nàng cuốn hút Mandela nhưng ông ta biết khó mà có dịp gặp lại nàng. Như mỗi duyên tiền định, một hôm, khi đang ngồi làm việc trong văn phòng luật sư vừa mới lo tái trang bị, Mandela gặp lại cô lần nữa. Cô gái tên là Nomzamo Winifred Madikizela, và thường được gọi tắt là Winnie. Từ đó, họ gặp nhau bất cứ khi nào có thể. Họ ăn trưa với nhau và cùng nhau đi dạo trên cánh đồng cỏ xanh giống như cánh đồng cỏ ở quê hương Transkei. Mandela chia sẻ với Winnie những hy vọng và khó khăn. Như Mandela thuật trong hồi ký “Tôi không hứa hẹn với nàng vàng bạc hay kim cương, tôi sẽ không bao giờ có khả năng tặng nàng những món quà như thế”. Winnie hiểu và chấp nhận mọi khó khăn. Vì Mandela vẫn còn trong thời gian bị truy tố, lễ cưới phải được tòa án chấp nhận. Đám cưới của Mandela và Nomzamo Winifred Madikizela được tổ chức vào ngày 14 tháng Sáu năm 1958 tại một nhà thờ nhỏ. Toàn bộ ban chấp hành trung ương ANC đã được mời nhưng một số đông, giống như Mandela đang bị truy tố nên không tham dự được. Vì không có tiền và thời gian để đưa nhau đi tuần trăng mật, đám cưới xong, chú rể Mandela lại tiếp tục ra tòa.

Sáng 29 tháng Ba năm 1961, sau hơn bốn năm dài từ khi bị bắt, hồi cung, ra tòa với hàng ngàn

tài liệu và hàng trăm nhân chứng, chính quyền da trắng vẫn không đủ bằng chứng tin cậy để kết án ANC là tổ chức Cộng Sản. Chánh án Rumpff, một thẩm phán có lương tâm công lý, tuyên bố các bị can vô tội và được thả tức khắc.

Mandela biết việc trắng án chỉ có giá trị tạm thời, nhà cầm quyền da trắng sau nhiều năm với biết bao nhiêu tổn kém để truy tố ông chắc chắn thế nào cũng tìm bắt lại. Thay vì về nhà, Mandela quyết định lui vào hoạt động bí mật. Hầu hết các hoạt động của Nelson Mandela trong giai đoạn này được giữ kín với hành tung bất thường. Ông ẩn mình vào ban ngày và thường hoạt động vào ban đêm. Các lực lượng công an cảnh sát tung nhiều đợt lục soát để tìm bắt ông. Không những công an mà cả báo chí cũng tung phóng viên để thăm dò tung tích của Mandela. Nhiều báo phóng đại việc Mandela tránh thoát hệ thống công an trong đường tơ kẽ tóc.

Thật ra không ai biết thật sự “đường tơ kẽ tóc” đó như thế nào nếu không do chính Mandela viết trong hồi ký. Một lần khi Mandela lái xe và nhìn qua người khách đang ngồi trong xe bên trái không ai khác hơn là Đại tá Spengler, giám đốc sở an ninh Witwatersrand. Tuy Mandela hóa trang nhưng khó mà qua được đôi mắt chuyên nghiệp của Spengler. Cũng may viên đại tá có trách nhiệm lùng bắt Mandela đã không nhìn sang hướng của ông. Rất nhiều lần khác, các cảnh sát yêu nước đã tìm cách báo cho bà Winnie biết trước khi có cuộc hành quân lục soát xảy ra trong vùng Mandela đang trốn. Mandela là người tổ chức từ bóng tối cuộc tổng đình công 29 tháng Năm năm 1961 tại Nam Phi. Nhiều trăm ngàn công nhân Nam Phi chấp nhận rủi ro mất việc đã ở nhà để ủng hộ lời kêu gọi của Mandela và ANC. Tuy nhiên, sau khi đánh giá kết quả ngày đình công, Mandela cho rằng nếu phía chính phủ da trắng đàn áp thẳng tay, cuộc đình công sẽ thất bại.

Trong thời điểm khó khăn và quyết liệt đó, Mandela và nhiều lãnh đạo ANC nghĩ không có một chọn lựa nào khác hơn là con đường võ trang. Tháng Sáu năm 1961, cánh quân sự của ANC, Umkhonto we Sizwe gọi tắt là MK, được thành lập

nhằm mục đích lật đổ chính quyền phân biệt chủng tộc da trắng bằng các biện pháp quân sự. ANC giao trách nhiệm thành lập, tổ chức và chỉ huy cánh quân sự cho Nelson Mandela. Như chính ông ta thú nhận “Tôi, chưa bao giờ là một người lính, chưa từng chiến đấu trong mặt trận nào, thậm chí chưa bắn một viên đạn, lại được giao trọng trách thành lập một quân đội”. Nhưng cũng từ đó, Mandela bắt đầu đọc các sách về chiến tranh du kích, sách chiến lược và chiến thuật quân sự và học rất nhanh.

Ngày 26 tháng Sáu năm 1961, Nelson Mandela, từ một địa điểm bí mật công bố qua báo chí lá thư công khai với nội dung sau:

“Tôi được báo một trát tòa bắt giữ tôi đã được phát ra, đồng thời công an cảnh sát đang lùng bắt tôi. Hội Đồng Hành Động Quốc Gia thuộc ANC đã nhận xét kỹ lưỡng và khuyến cáo tôi không nên đầu hàng. Tôi đồng ý với lời khuyên và sẽ không nộp mình cho một chính quyền mà tôi không công nhận. Bất cứ nhà chính trị chín chắn nào cũng hiểu rằng trong tình trạng hiện nay của đất nước, tìm cách làm một thánh tử đạo rẻ tiền qua việc giao nộp sinh mạng cho cảnh sát là một hành động ngây thơ và là một trọng tội. Tôi đã chọn con đường này, một con đường khó khăn và đòi hỏi nhiều rủi ro, gian khổ hơn là ngồi trong nhà tù. Tôi đã phải tự tách rời khỏi vợ con thân yêu, xa mẹ già và các chị em tôi để sống như một kẻ sống ngoài vòng pháp luật trên chính đất nước của mình. Tôi đã phải đóng cửa cơ sở làm việc, từ bỏ ngành nghề chuyên môn và sống trong đói khát như nhiều triệu đồng bào tôi... Tôi sẽ chiến đấu chống chính quyền phân biệt chủng tộc sát cánh bên các bạn trong từng phân, từng dặm cho đến chiến thắng cuối cùng. Các bạn sẽ làm gì? Đến để cùng chiến đấu với chúng tôi hay hợp tác với chính quyền để trấn áp các đòi hỏi và khát vọng của nhân dân Nam Phi? Các bạn sẽ im lặng và bàng quan mặc trước những vấn đề sống và chết của nhân dân tôi và nhân dân chúng ta? Phần tôi, tôi đã có một chọn lựa cho riêng mình. Tôi sẽ không rời Nam Phi và cũng chẳng đầu hàng. Chỉ thông qua gian khổ, hy sinh và hành động quân sự, mục đích tự do mới đạt được. Đấu tranh là cuộc đời tôi. Tôi sẽ tiếp tục cuộc chiến đấu vì tự do cho đến những ngày cuối của đời mình.”

Sau khi công khai phát động cuộc đấu tranh vũ trang, tháng 10 năm 1961, Nelson Mandela di chuyển vào nông trại Liliesleaf ở Rivonia, vùng ngoại ô phía bắc Johannesburg. Nông trại được xem là tổng hành dinh của MK. Nelson Mandela mang tên mới là David Motsamayi, một người giữ nhà do chủ phái đến chăm sóc nhà cửa đất đai. Sau Mandela, các chỉ huy vùng của MK lần lượt đến nông trại. MK cũng xoay sở khéo léo để Winnie và các con đến thăm Mandela vào vài cuối tuần. Cấu trúc tổ chức của MK cũng tương tự như ANC, gồm bộ chỉ huy trung ương và các địa phương. Hàng ngàn truyền đơn được rải khắp các thành phố lớn để công bố ngày ra đời của MK.

Tháng Hai năm 1962, Nelson Mandela bí mật xuất ngoại đại diện cho cả ANC lẫn MK tại hội nghị của Phong Trào Tự Do Liên Phi cho Đông, Trung và Nam Phi Châu, gọi tắt là PAFMECSA được tổ chức tại thủ đô Addis Ababa thuộc Ethiopia. Tổ chức này là tiền thân của Tổ Chức Đoàn Kết Châu Phi hiện nay. Đây là một hội nghị vô cùng quan trọng vì là lần đầu tiên ANC có cơ hội kêu gọi sự yểm trợ trực tiếp của các quốc gia Phi Châu trong cuộc đấu tranh vũ trang chống chính phủ da trắng Nam Phi. Trong dịp này, Mandela thăm viếng và kêu gọi viện trợ từ các quốc gia Phi Châu như Egypt, Lybia, Tunisia, Ghana, Algeria, Morocco, Mali, Guinea, Sierra Leone, Liberia, Senegal. Tuy cùng một Phi Châu nhưng không phải quốc gia nào cũng nhiệt tình ủng hộ. Một số lãnh đạo quốc gia viện trợ năm ngàn bảng Anh và cũng có một số quốc gia không tặng đồng nào. Trước khi lên đường trở lại Nam Phi, Nelson Mandela tham dự khóa huấn luyện quân sự tám tuần lễ tại Ethiopia. Trong thời gian Mandela ra nước ngoài, các cuộc đánh phá do MK chủ trương diễn ra tại nhiều nơi ở Nam Phi. ANC yêu cầu Mandela thu ngắn thời gian thụ huấn quân sự để về nước.

Tuy nhiên vài hôm sau khi trở lại Nam Phi, Nelson Mandela bị bắt vào ngày 5 tháng Tám năm 1962. Lần này, Nelson Mandela bị kết án 5 năm vì hai tội sách động công nhân đình công và xuất ngoại bất hợp pháp. Mandela bị đưa đến nhà tù Pretoria Local.

Thời gian ngắn sau đó, tổng hành dinh của MK tại nông trại ở Rivonia bị khám phá, lục soát và nhiều tài liệu quan trọng bị tịch thu. Phần lớn các cấp chỉ huy trung ương của MK cũng lần lượt bị bắt. Một số ít may mắn thoát được nhưng đã phải lưu vong sang các quốc gia Phi Châu. Trong lúc đang bị tù, Nelson Mandela lại bị truy tố với một tội nặng hơn trong phiên tòa được báo chí gọi “Chính phủ chống lại Bộ Chỉ Huy Quốc Gia Tối Cao và những người khác”. Mandela là bị cáo đầu tiên trong danh sách nên phiên tòa còn được gọi là “chính phủ chống lại Nelson Mandela và những người khác”. Phiên tòa kéo dài gần hai năm. Khắp thế giới bùng lên phong trào ủng hộ Mandela. Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc yêu cầu chính quyền Nam Phi ân xá. Sinh viên đại học London bầu Nelson Mandela làm chủ tịch sinh viên dù vắng mặt bởi vì Mandela vẫn còn là sinh viên hàm thụ khoa Luật của đại học London và vừa hoàn tất kỳ thi cuối khóa hai ngày trước ngày tuyên án.

Đêm trước đó, Mandela và các bạn đã quyết định dù bản án nặng đến đâu hay thậm chí có tử hình đi nữa, cũng không kháng án. Theo lời Mandela giải thích với các luật sư bào chữa, kháng án chỉ làm giảm giá trị đạo đức của lý tưởng mà họ đã và đang đeo đuổi, kháng án cũng có nghĩa là phải giải thích khác hơn và từ chối những hành động chính nghĩa mình đã làm. Mandela tin nếu bản án do tòa quyết định là tử hình, chắc chắn sẽ có một phong trào quần chúng mạnh mẽ đứng lên phản đối, ông không muốn làm nhẹ tinh thần của cuộc đấu tranh đó. Như Mandela viết, “không có sự hy sinh nào có thể gọi là quá to lớn trong cuộc đấu tranh vì tự do”. Mandela còn chuẩn bị cả câu nói cuối cùng trường hợp chánh án De Wet hỏi ông sau khi nghe tuyên đọc án tử hình: “Tôi chuẩn bị chết trong niềm tin vững chắc rằng cái chết của tôi sẽ là niềm khát vọng cho lý tưởng mà tôi đang dâng hiến cuộc đời mình”.

Ngày 12 tháng Sáu năm 1964, ngoại trừ hai người, một được miễn tố và một nhẹ tội, Nelson Mandela và các bạn còn lại bị kết án chung thân. Kết án xong, nửa đêm ngày hôm sau, Mandela và 6 thành viên lãnh đạo của MK bị đưa đến nhà tù Robben Island, tương tự như đảo Alcatraz ngoài

vịnh San Francisco của Mỹ, trong một máy bay quân sự bí mật với các lực lượng công an cảnh sát vây kín từ nơi tạm giam đến phi trường. Xà lim của Mandela rộng khoảng 1.8 mét. Mỗi phòng có một tấm bảng giấy ghi tên và số tù. Bảng của Mandela ghi là “N Mandela 466/64”. Năm đó Mandela 46 tuổi. Mandela dành hơn 100 trang trong hồi ký để mô tả đời sống vô cùng khắc nghiệt trong suốt 17 năm dài tại nhà tù Robben Island, nơi đó mỗi ngày ông phải đập đá dưới cơn nắng cháy da và ban đêm ngủ trong xà lim mới dựng còn rất ẩm thấp. Đó cũng là thời gian Mandela bị nhiễm vi trùng lao.

Sau 21 năm qua hai trại tù, từ Robben đến Pollsmoor với tất cả gian lao và chịu đựng, trong một lần khám bệnh thường lệ, bác sĩ khám phá tiền tuyến liệt của Mandela bị sưng to và cần phải được giải phẫu. Nhưng sau khi giải phẫu xong, viên điều hành trại tù, Thiếu tướng Munro, đưa Mandela đến một phòng giam khang trang nhiều so với phòng giam mà ông ta sống trước đó. Tuy không nói ra, Mandela biết chính quyền da trắng đã có ý thăm dò phản ứng của ông về cách đối xử mới của chính quyền.

Trong suốt cuộc đời tranh đấu từ khi gia nhập ANC, Nelson Mandela đã chọn nhiều phương pháp đấu tranh, trong đó có bất bạo động và cả bạo động. Tuy nhiên, sau nhiều năm suy tư về con đường đất nước đã trải qua và hy vọng nào còn đang chờ trước mặt, Mandela đã thay đổi phương pháp đấu tranh. Nelson Mandela viết trong hồi ký “Sự thay đổi, tôi quyết định, không phải chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội... Tôi đắn đo từ lâu về việc bắt đầu nói chuyện với phía chính phủ. Tôi kết luận thời gian đã đến và cuộc đấu tranh sẽ thuận lợi hơn khi cần được đẩy mạnh qua đàm phán. Nếu chúng ta không bắt đầu đàm phán sớm, cả hai bên phải lao vào đêm tối của áp bức, bạo động và chiến tranh.”

Mandela nhìn lại cuộc đấu tranh của ANC trong suốt 70 năm, rất nhiều thương dân vô tội đã bị giết nhưng chính quyền phân biệt chủng tộc da trắng vẫn nhất định không nhượng bước. Thật là vô nghĩa nếu cuộc đấu tranh võ trang tiếp tục và mỗi ngày nhiều mạng sống bị cướp mất đi. Không ít các hoạt động của MMK là hành động khủng bố.

Tuy nhiên, một bên nào muốn dừng lại cũng không phải là chuyện dễ dàng. Nhà cầm quyền da trắng đã nhiều lần khẳng định ANC và MK là những tổ chức khủng bố Cộng Sản trong lúc ANC cũng không kém phần quyết liệt khi cho rằng chính phủ Nam Phi là chỉ là một chính quyền phát-xít, phân biệt chủng tộc và do đó sẽ không có gì để đàm phán với họ cho đến khi nào họ công nhận ANC. Về phần nội bộ ANC, việc thông tin giữa Mandela và các lãnh đạo trung ương của ANC cũng rất khó khăn vì một số đang bị tù, một số khác đang lưu vong và số còn lại hoạt động bí mật rải rác khắp nơi.

Nelson Mandela cuối cùng chọn một giải pháp, đó là tự quyết định cách giải quyết vấn đề một mình và tuyệt đối không cho ai, kể cả các thành viên ANC đang bị tù chung biết. Nếu thành công sẽ có lợi cho đất nước và nếu thất bại chỉ một mình ông ta chịu trách nhiệm. ANC có thể cho rằng vì Mandela không tiếp cận với thực tế và đầy đủ thông tin nên đã có những quyết định không đúng với đường lối của ANC.

Vài tuần sau khi về phòng giam mới, Mandela viết thư cho bộ trưởng tư pháp Nam Phi Kobie Coetsee và đề nghị thảo luận về những vấn đề cần thảo luận. Đầu năm 1986, Mandela tiếp đón một phái đoàn bảy thành viên đại diện nhiều quốc gia thăm viếng Nam Phi để tìm hiểu sự thật. Phái đoàn do Tướng Olusegun Obasanjo, cựu tổng thống Nigeria và cựu ngoại trưởng Úc Malcolm Fraser cầm đầu. Tại buổi gặp gỡ, Nelson Mandela lần nữa đưa ra chủ trương đối thoại nhưng nhấn mạnh đó là việc đối thoại giữa ANC và chính phủ chứ không phải riêng ông ta và chính phủ. Mandela khẳng định với phái đoàn quốc tế rằng ông là một người Quốc Gia Nam Phi chứ không phải là Cộng Sản. Mặc dù có làm việc với nhiều đảng viên Cộng Sản, Mandela từ lâu đã quan niệm rằng cuộc đấu tranh của ANC chống chính quyền da trắng là cuộc đấu tranh chống kỳ thị chủng tộc chứ không phải là cuộc đấu tranh giai cấp hay đấu tranh vì lý do kinh tế như đảng Cộng Sản Nam Phi lý luận. Tuy chưa tuyên bố công khai từ bỏ phương tiện võ trang, Mandela thừa nhận rằng bạo động không bao giờ có thể là giải pháp cuối cùng cho vấn đề Nam Phi. Trong

buổi hội kiến với phái đoàn quốc tế, Mandela cũng đòi hỏi phía nhà cầm quyền da trắng phải bày tỏ thiện chí trước bằng cách giải tỏa vòng vây công an canh sát khỏi các thôn ấp da đen. Nếu làm được như vậy, ông tin phía ANC cũng sẽ đáp ứng bằng cách hạn chế các cuộc tấn công để làm tiền đề cho đàm phán. Mandela cho phái đoàn biết việc trao trả tự do cho bản thân ông trước áp lực quốc tế đang phát động không giải quyết được vấn đề tranh chấp tại Nam Phi.

Trong năm 1987, Tổng thống Nam Phi Botha thành lập một ủy ban bí mật trong đó có bộ trưởng tư pháp Kobie Coetsee có trách nhiệm đàm phán riêng với Nelson Mandela. Các buổi thảo luận bí mật diễn ra nhiều lần giữa Mandela và ủy ban tổng thống. Vào thời điểm quan trọng này, Nelson Mandela xét thấy cần phải hội ý với các lãnh đạo MK đang bị tù với ông và hiện đang bị giam giữ ở tầng trên. Ông gặp riêng từng người và tất cả đều không chống đối phương pháp đàm phán nhưng đồng thời cũng không tin tưởng hoàn toàn nơi thiện chí của nhà cầm quyền da trắng. Ngoài ra, Oliver Tambo, lãnh tụ của ANC đang hoạt động bên ngoài đã biết về sự đối thoại đang diễn ra giữa Mandela và chính quyền, và đã đặt ra cho Mandela nhiều câu hỏi. Để các lãnh đạo ANC bên ngoài an tâm, trong một tin nhắn bí mật cho Oliver Tambo, Mandela xác định việc đàm phán thật sự chỉ diễn ra giữa ANC và chính quyền da trắng chứ không phải giữa ông ta và chính quyền da trắng.

Ngày 4 tháng Bảy năm 1989, Nelson Mandela bí mật được đưa đi gặp tổng thống Nam Phi P. W. Botha tại dinh tổng thống vào lúc 5:30 sáng. Trong buổi hội kiến ngắn chưa đầy 30 phút, Nelson Mandela yêu cầu tổng thống Botha trả tự do cho tất cả tù chính trị Nam Phi trong đó có cả ông. Tổng thống Botha từ chối. Tuy nhiên, không đầy một tháng sau, Botha từ chức tổng thống Cộng Hòa Nam Phi và quyền lãnh đạo quốc gia được trao qua de Klerk. Tháng mười cùng năm, de Klerk tuyên bố trao trả tự do cho bảy lãnh tụ cao cấp của ANC.

Tháng Chạp cùng năm, tổng thống de Klerk mời Mandela hội kiến. Trong dịp này, Nelson Mandela nhắc lại các đòi hỏi tiên quyết trong đó bao gồm

việc hủy bỏ luật ngăn cấm ANC hoạt động, trả tự do cho tất cả tù chính trị còn lại, hủy bỏ luật tình trạng khẩn cấp quốc gia, cho phép các lãnh tụ đảng phái chính trị đang lưu vong trở về nước. Mandela lưu ý tổng thống de Klerk, nếu chính phủ Nam Phi không làm được những điều đó, một mai khi được trả tự do, Nelson Mandela tại tiếp tục tranh đấu như trước và chẳng lẽ chính phủ da trắng lại bắt giam, kết án và tù đầy ông như hai mươi bảy năm trước đó hay sao.

Ngày 2 tháng Giêng năm 1990, Tổng thống F. W. de Klerk trong diễn văn lịch sử đọc trước quốc hội Nam Phi tuyên bố hủy bỏ chính sách phân biệt chủng tộc và đặt nền tảng cho cải cách dân chủ tại Nam Phi. Nói chung, tổng thống de Klerk đã thực hiện hầu hết các điều khoản do Mandela yêu cầu trong lần gặp gỡ trước đó. Lần đầu tiên trong 30 năm, hình ảnh và các lời tuyên bố của Nelson Mandela được công khai trưng bày trong dân chúng.

Ngày 10 tháng Giêng sau đó, de Klerk mời Nelson Mandela gặp lần nữa và thông báo chính phủ sẽ đưa ông về lại Johannesburg và trao trả tự do cho ông tại đó vào ngày hôm sau. Nelson Mandela từ chối việc được trả tự do tại Johannesburg và cũng không muốn được trả sớm như vậy. Trong suốt 27 năm tranh đấu để được tự do, không bên nào nghĩ cuối cùng việc trả tự do ở đâu lại trở thành vấn đề tranh cãi. Cả Mandela lẫn nhà cầm quyền cũng không ngờ có một ngày bên chính phủ muốn thả tự do cho tù nhân Mandela nhưng chính tù nhân Mandela lại muốn ở thêm một tuần lễ nữa. Cuối phiên họp, mỗi bên nhượng bộ một phần. Nelson Mandela sẽ ra khỏi cổng nhà tù ông đang ở nhưng không thể ở lại thêm ngày nào khác.

Lúc 3:30 chiều ngày 11 tháng Giêng năm 1990, Nelson Mandela bước ra khỏi cổng nhà tù cuối cùng Victor Verster giữa rừng người đang hân hoan chờ đợi.

Trần Trung Đạo

THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH, MÀ CHƯA THẮNG MỸ TRẬN NÀO

John McCain

*for The Wall Street Journal - Việt-Long RFA dịch thuật
2013-10-07*



*John McCain III, phi công chiến đấu
của hạm đội 7, 1965
Document photo*

Thượng Nghị Sĩ John McCain là con trai của Đô đốc John McCain Jr., Tư lệnh các lực lượng Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương, trực tiếp tham chiến tại Việt Nam. Ông là John McCain III, phi công chiến đấu của hạm đội 7, bị bắn rơi trên trời Hà Nội vào tháng 10 năm 1967, trải qua tù ngục, tra tấn, bệnh hoạn gần chết trong thời gian bị giam cầm làm tù binh chiến tranh tại nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội.

Ông gặp tướng Võ Nguyên Giáp hai lần. Lần đầu tại một bệnh viện quân đội nơi ông được đưa tới điều trị sau khi bị bắn rơi (trước bị đưa vào tù). Thân phụ của ông là Tư lệnh lực lượng Mỹ ở Thái Bình Dương nên nhiều nhân vật cao cấp của Việt Nam chú ý và đến xem ông, bên cạnh những lính gác đông đảo và các nhân viên thẩm vấn làm việc hằng ngày. Người mà ông nhận ra duy nhất là tướng Giáp, lúc đó là Bộ trưởng Quốc phòng. Ông

Giáp chỉ nhìn ông, không nói gì, rồi rời đi sau chốc lát.

Lần thứ nhì ông McCain gặp ông Giáp là trong thập niên 1990, thời gian ông lui tới Việt Nam thảo luận vấn đề POW-MIA và tái lập quan hệ ngoại giao song phương. Ông yêu cầu bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch và thứ trưởng Lê Mai dàn xếp cho ông một cuộc phỏng vấn ngắn ngủi với nhân vật mà ông gọi là vị tướng huyền thoại, Tư lệnh quân đội nhân dân Bắc Việt. Hôm sau ông được đưa vào phòng khánh tiết Bắc bộ phủ, nơi tướng Giáp tiếp đón ông nồng nhiệt. Ông mô tả tướng Giáp lúc đó người nhỏ nhắn, tươi cười, có tuổi nhưng nhanh nhẹn, mặc bộ veston màu xám thất cra-vát, trông không giống như tấm tiếng được biết đến trong thời chiến như một chiến sĩ hung hãn và nóng tính. Hai người vỗ vai nhau giống như những chiến hữu cũ gặp lại nhau hơn là những cựu thù.

Ông McCain đã hy vọng sẽ hỏi tướng Giáp về vai trò lịch sử của ông Giáp, vì từ khi về Mỹ năm 1973 ông đã đọc tất cả mọi sách vở có thể tìm được về chiến tranh Việt Pháp và Việt Mỹ, khởi đầu với cuốn “Địa ngục chật chội” của ký giả Bernard Shaw viết về trận Điện Biên Phủ, biến cố quân sự đánh dấu chấm hết cho chế độ thuộc địa của Pháp và làm lộ ra thiên tài của ông Giáp khiến thế giới sửng sốt.

Ông muốn nghe ông Giáp mô tả lại trận đánh gần hai tháng đó, giải thích làm cách nào đem được đại pháo xuyên núi cao vào chế ngự thung lũng Điện Biên khiến người Pháp kinh ngạc, cùng với một kỳ công khác là công cuộc tiếp vận qua đường

mòn Hồ Chí Minh. Ông McCain nói ông biết tướng Giáp tự hào với danh tiếng “Napoleon Đỏ” và đoán rằng ông Giáp sẽ vui lòng đáp ứng cơ hội thỏa mãn óc tò mò của ông McCain về chiến công của mình. Ông muốn hai người cư xử với nhau như hai sĩ quan cựu thù đã hưu trí, nhắc lại những sự kiện lịch sử mà trong đó ông Giáp đóng một vai trò chủ chốt, còn ông McCain chỉ có vai trò nhỏ bé.

Nhưng vị nghị sĩ Hoa Kỳ đã thất vọng khi tướng Giáp chỉ trả lời những câu hỏi của ông rất vắn tắt, nói thêm chút ít vào những điều ông đã biết, rồi vẫy tay tỏ vẻ không thích thú. Ông Giáp nói “Đó đã hoàn toàn là chuyện quá khứ, ông với tôi nên thảo luận một tương lai ở nơi đó hai nước chúng ta không là thù mà là bạn.” Thế là câu chuyện trở thành cuộc thảo luận giữa hai nhà chính trị, là đề tài đã đưa ông McCain đến Việt Nam.



*Tướng Võ Nguyên Giáp,
khoảng thập niên 1960
- Photo courtesy cafebiz.com*

Nghị sĩ McCain cho rằng tướng Giáp là bậc thầy về tiếp vận, hay “hậu cần”, nhưng danh tiếng của ông vang xa hơn thế. Những chiến thắng của ông là nhờ chiến lược kiên trì mà ông Giáp và ông Hồ Chí Minh tin là sẽ thành công - với quyết tâm không lay chuyển khi hứng chịu những tổn thất khổng lồ và cả một đất nước gần như bị hủy diệt để chiến thắng mọi kẻ thù dù hùng mạnh đến đâu.

Ông Hồ từng nói với người Pháp “Các ông giết 10 người chúng tôi, chúng tôi chỉ giết 1 người các ông, nhưng rốt cuộc các ông sẽ chán nản bỏ cuộc

trước”. Tướng Giáp thi hành chiến lược đó với một nghị lực cứng rắn. Quân Pháp đẩy lui hết đợt tấn công trực diện này đến đợt khác ở Điện Biên Phủ. Trận công kích Tết 1968 là thảm họa quân sự tiêu diệt hết đạo quân Việt Cộng. Nhưng tướng Giáp kiên quyết, và rốt cuộc thắng thế.

Người Mỹ không hề thua một trận chiến nào trước quân Bắc Việt, nhưng thua cả cuộc chiến. Khi thắng được cuộc chiến tranh là một nước chiến thắng, không phải quân đội của nước đó thắng. Ông Giáp hiểu điều đó. Hoa Kỳ không hiểu. Nước Mỹ chán ghét mệt mỏi vì cảnh chết chóc và bắn giết trước khi người Việt Nam bỏ cuộc. Khó lòng biện giải cho đạo nghĩa của chiến lược ấy. Nhưng chúng ta không thể chối bỏ sự thành công của nó, nghị sĩ McCain viết.

Gần cuối cuộc hội kiến, ông McCain lại có thắc nghiệm tính chân thật của ông Giáp. Ông hỏi có đúng là ông Giáp đã phản đối cuộc xâm lăng Campuchia không. Ông Giáp bác bỏ điều đó bằng cách nói theo kiểu “Mọi quyết định của đảng đều luôn luôn đúng”.

Cuộc gặp gỡ kết thúc với câu trả lời đó. Hai người bắt tay, và đúng lúc ông McCain quay bước, tướng Giáp nắm cánh tay ông, và nói nhẹ nhàng: “Ông đã là một kẻ địch đầy danh dự”.

Nghị sĩ McCain kết luận, ông không biết tướng Giáp nói điều đó để so sánh Hoa Kỳ với những kẻ thù nghịch khác, Trung Quốc, Nhật Bản, hay người Pháp, là kẻ thù đã giết vợ ông, hay câu nói ngụ ý nhìn nhận người Mỹ đã chiến đấu vì lý tưởng hơn là vì đế quốc, và tinh thần nhân đạo cũng góp phần vào cuộc chiến bại.

Hay có thể ông Giáp chỉ muốn chiều lòng vị khách? Nhưng dù tướng Giáp có ý thế nào, nghị sĩ McCain cũng tán thưởng cảm nghĩ ấy.

**NHẤT TƯỚNG
CÔNG THÀNH
VẠN CỐT KHÔ**

CHUYỆN DÀI RA ĐẢNG VÀ ĐA ĐẢNG

Nguyễn Minh Cần

2013-10-24

Gần đây, trong nước lại rộ lên những lời bàn tán về chuyện ra Đảng và chuyện đa đảng, nhất là sau khi bài “*Suy nghĩ trong những ngày nằm bệnh*” của Luật gia Lê Hiếu Đằng và bài “*Phá xiềng*” của nhà báo Hồ Ngọc Nhuận được tung ra.

Người viết những dòng này hoan nghênh hai tác giả vừa nói trên đã gióng lên lời kêu gọi các đảng viên cộng sản hãy “tuyên bố tập thể ra khỏi Đảng và thành lập một Đảng mới”, Đảng Xã hội-dân chủ. Đáng lẽ, lời kêu gọi thức thời đó phải được tung ra từ rất lâu cơ! Nhưng chẳng sao cả, chậm còn hơn không!

Hãy can đảm xét lại...

Để đáp ứng lời kêu gọi thức thời đó của hai ông, thiết nghĩ các đảng viên cộng sản có tư duy độc lập đang còn phân vân cần phải có gan “xét lại” và nhận thức rõ thực trạng của hệ thống chính trị nước ta dưới sự thống trị độc tôn của Đảng cộng sản Việt Nam để xác định cho mình một thái độ dứt khoát với tinh thần trách nhiệm công dân cao.

Để các bạn hiểu rõ tôi hơn khi đọc những dòng trên, tôi xin thưa với các bạn rằng, khi mới 18 tuổi, tôi đã gia nhập Đảng cộng sản Đông Dương (1946), và cũng đã từng vào sinh ra tử nhiều năm trong cuộc kháng chiến chống Pháp và từng gánh vác nhiều trách nhiệm quan trọng trong Đảng... Đến khi có những ý kiến bất đồng với ban lãnh đạo Đảng hồi cuối những năm 50 đầu những năm 60, tôi cùng với một số cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng bị quy “tội” “xét lại – chống Đảng”.

Khi bị truy bức mạnh thì tôi đã rời bỏ Đảng cộng sản (ĐCS) vào lúc 36 tuổi (1964) lúc đang ở nước ngoài.

Suy cho cùng, cái “tội” mà các vị lãnh đạo ĐCS hồi đó đã quy, không biết những người khác nhận thức thế nào, còn đối với riêng tôi thì tôi cho là đúng! Tôi không phủ nhận! Đúng là tôi đã phạm “tội” “xét lại”! Chắc nhiều bạn đã sống cái thời cực kỳ ác liệt những năm 50, 60 thế kỷ trước đều biết cái “tội” “xét lại” hồi đó là đáng sợ lắm, vì Đảng coi “tội” ấy ngang với tội “phản động”, “phản đảng”, “phản quốc”! Thời đó các vị lãnh đạo đánh đồng (và đánh tráo) Đảng với Tổ quốc. Tôi nhận “tội” “xét lại”, nhưng quyết không nhận “tội” “phản quốc”, bởi lẽ tôi “xét lại” và phát biểu ý kiến với Đảng vì tôi yêu nước, thương dân, vì tôi không muốn Đảng đưa Đất nước và Nhân dân vào những thảm họa.

Làm sao mà không “xét lại” được, khi chính mắt mình thấy hàng trăm, hàng nghìn người dân ở nông thôn bị bắn giết oan uổng trong cái cách ruộng đất? khi thấy hàng nghìn gia đình bị điêu đứng trong cuộc cải tạo công thương nghiệp và thủ công nghiệp ở thành phố? khi thấy cả xã hội bị nghẹt thở vì chính sách quản lý hộ khẩu ngặt nghèo, vì các quyền công dân, quyền con người, các quyền tự do dân chủ bị xóa bỏ? Vậy thì tôi đã “xét lại” gì? Tôi “xét lại” đường lối của Đảng, nhưng trước hết, tôi “xét lại” chủ nghĩa Marx, chủ nghĩa Lenin, chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao Trạch Đông mà Đảng dùng “làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho

mọi hành động”. Cuối cùng, tôi đã phủ nhận những thứ đó. Vì, sau khi đã kiểm nghiệm qua thực tiễn của Đảng và Đất nước Việt Nam, cũng như kiểm nghiệm qua thực tiễn của Đảng và Đất nước đã khai sinh ra phong trào cộng sản quốc tế là Liên Xô, sau khi đã nghiên cứu kỹ càng về mặt lý luận những thứ chủ nghĩa đó, tôi nhận thức sâu sắc rằng những chủ nghĩa đó rất sai lầm và rất nguy hại cho các dân tộc đã áp dụng chúng, kể cả cho dân tộc Việt Nam, và cho toàn nhân loại. Tôi nghĩ rằng, không phải ngẫu nhiên mà Nghị viện châu Âu đã ra Nghị quyết 1481 (2006) lên án chủ nghĩa cộng sản và đồng nhất chủ nghĩa này với tội ác chống lại loài người.



Nhà báo Hồ Ngọc Nhuận

Nói cụ thể hơn: cú đẩy đầu tiên làm tôi phân vân về đường lối của Đảng là những sai lầm nghiêm trọng của cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc (1953-1956) và thái độ quan co, giả dối của các lãnh tụ của Đảng trước những sai lầm đó. Còn cú đẩy mạnh nhất là “Nghị quyết 9” (tháng 12 năm 1963) đánh dấu một bước ngoặt căn bản của Đảng cộng sản Việt Nam: đi theo con đường của Đảng cộng sản Trung Quốc,¹ tức là đi theo con đường của chủ nghĩa Mao, một thứ chủ nghĩa phiêu lưu vô cùng nguy hại. Từ đó, tôi thấy phải “xét lại”

con đường của ĐCSVN, kể từ việc Đảng đưa miền Bắc “tiên nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội” đến việc ban lãnh đạo Đảng phát động cuộc chiến tranh Bắc Nam hồi cuối thập niên 50 thế kỷ trước.

Tôi cũng không phủ nhận cái “tội” “chống Đảng”, vì khi tôi nghiệm thấy những việc làm thực tế của các lãnh tụ Đảng cộng sản Việt Nam (khi tôi sống ở Việt Nam) và của các lãnh tụ Đảng cộng sản Liên Xô (khi tôi sống ở Nga) thì tôi thấy chế độ chính trị mà các ĐCS đã xây dựng lên để thống trị người dân ở Liên Xô, ở Việt Nam, ở một số nước châu Âu, châu Á, châu Mỹ đều là những chế độ độc tài toàn trị bóp nghẹt mọi quyền tự do của người dân, mọi quyền con người, kìm hãm sự phát triển của xã hội và tạo ra mọi tệ nạn xã hội trầm trọng, như sự dối trá, lừa bịp có hệ thống, nạn tham nhũng tràn lan, v.v... vì thế tôi nhận thức rằng cần phải chống những đảng độc tài toàn trị như thế để bênh vực cho người dân.

Và số phận duno tôi là một người Việt Nam đã tham gia hai cuộc Cách mạng Tháng Tám trong đời mình: cuộc Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945) ở Việt Nam lúc tôi mới 17 tuổi, vì ngây thơ về chính trị tôi đã vô ý thức đưa Đảng cộng sản Việt Nam lên nắm chính quyền thống trị Đất nước, và cuộc Cách mạng Tháng Tám (19/8/1991) ở Nga lúc tôi đã 63 tuổi và là thành viên của tổ chức “Nước Nga Dân chủ”, vì hồi đó tôi nhận thức rõ phải đấu tranh chống lại và hạ bệ Đảng cộng sản Liên Xô xuống để dân Nga và các dân tộc trong Liên Bang Xô Viết được tự do và tiến theo con đường dân chủ. Hành động đó của tôi rõ ràng là chống ĐCS nhưng tôi không hề cho rằng đó là một “tội”, mà đó là một việc làm chính đáng của một người trung thực có ý thức và thức thời.

Tôi phải kể rõ ràng như vậy để các đảng viên cộng sản còn ở trong Đảng thấy rằng có lắm khi việc “xét lại” dù rất khó khăn nhưng lại là rất cần thiết. Nhận thức của con người là một quá trình liên tục, có khi phải đấu tranh, dằn vặt rất gian khổ, phải kiểm nghiệm, lật đi lật lại nhận thức cũ của mình, vì chân lý không phải một lúc mà ta đã nhận thức được ngay. Nên đừng e ngại khi thấy cần phải “xét lại” những điều trước đây mình đã tưởng nhầm là chân lý, là lý tưởng. Viết đến đây, chúng tôi xin phép dẫn ra một câu rất sâu sắc của Vaclav

Havel, nhà văn, nhà soạn kịch và chiến sĩ dân chủ Czechoslovakia: *“Chúng ta sống trong những điều kiện ép buộc con người vươn lên trên sự phá sản của lý tưởng”*². Đúng như thế, ngày nay, rất nhiều đảng viên ở nhiều ĐCS trên thế giới sau khi “xét lại” và nhận thức rõ sự lầm lạc của mình cũng đã *“vươn lên trên sự phá sản của lý tưởng”* và từ bỏ ĐCS. Tôi tin rằng trong số đó không ít người đã phải trải qua những dằn vặt đau đớn giống như tôi. Thế mà họ đã dứt khoát. Vì thế, ở nhiều nước, trước đây ĐCS đông đảo có đến hàng triệu đảng viên nay đã teo lại như “miếng da lừa”, thậm chí ở nhiều nước không còn ĐCS nữa. Đó là một thực tế cần phải thấy!



Luật gia Lê Hiếu Đằng

Tôi nghĩ rằng, thời điểm này hơn lúc nào hết - khi ĐCSVN đã hoàn toàn biến chất, đang bị khủng hoảng trầm trọng về mặt tư tưởng, về đường lối, về cán bộ, khi tổ chức của Đảng - nhất là ở thượng tầng - chia rẽ nặng nề, đấu đá nhau vì quyền lợi; khi ĐCS đã đưa Đất nước vào cuộc tổng khủng hoảng toàn diện, cả về kinh tế, tài chính, cả về giáo dục, y tế, đạo đức, vào tình trạng xã hội vô cùng tồi tệ - thì chính lúc này, những người cộng sản trung thực còn ở lại trong ĐCSVN hãy nên nghe lời kêu gọi thức thời của hai đảng viên CS kỳ cựu Lê Hiếu Đằng và Hồ Ngọc Nhuận, mà can đảm “xét lại” và quyết định một thái độ rõ ràng, dứt khoát, đầy trách nhiệm công dân. Trước tình trạng Đất nước ngày nay, lẽ nào những con người có lương tri lại có thể thờ ơ, vô cảm?

Thực chất của chế độ hiện nay

Những điều tôi sẽ trình bày sau đây về thực

chất cái chế độ mà ĐCSVN đã dựng lên trên Đất nước ta là một chế độ độc tài toàn trị CS cực kỳ khắc nghiệt, có thể nhiều bạn đã biết mà không dám nói ra, nhưng tôi xin phép được nói một lần nữa, đặc biệt cho thế hệ trẻ chưa từng trải lắm được thấu rõ.

Mọi người trung thực đều biết: ngay sau khi ĐCSVN cướp được chính quyền hồi tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các lãnh tụ CS khác liền bắt tay xây dựng chế độ toàn trị (totalitarisme), trong đó ĐCS “độc quyền lãnh đạo” (từ ngữ của Lenin – hegemonia), tức là quyền lực của ĐCS độc tôn thống trị đất nước và dân tộc. Nhưng hồi đó, thế và lực của ĐCS còn yếu, nên các lãnh tụ CS phải dùng những thủ đoạn khéo léo che giấu cái chất CS của chế độ. Thậm chí có lúc họ còn giả vờ giải tán ĐCS (11/1946) và cho ra đời hai đảng “bỏ túi” là Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội để làm cảnh, hòng đánh lừa dư luận trong nước và thế giới. Họ đặt tên nước là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và có khi phải lập “Chính phủ liên hiệp”, mời những quan chức, vài đại biểu các đảng khác, vài nhân sĩ có uy tín dưới chế độ cũ đứng đầu các bộ quan trọng trong chính phủ (như nội vụ, ngoại giao, văn hóa...), nhưng những vị này chỉ “làm vờ” chẳng có quyền hành thực tế, mà mọi thực quyền đều nằm trong tay các cán bộ CS.

Trái hẳn với những lời kêu gọi tốt đẹp của Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, ngay từ khi mới lên cầm quyền, các lãnh tụ CS đã cho thủ tiêu bí mật nhiều lãnh tụ các đảng yêu nước không CS (như Quốc Dân Đảng, Đảng Đại Việt, v.v...), ngay cả những lãnh tụ đảng cùng ý thức hệ với họ, nhưng không CS (những người trót-skít) cũng bị giết. Nhiều vị trong hàng giáo phẩm cao cấp, các chức sắc của các tôn giáo bị cô lập, bị bắt đi tù, bị ám hại (như Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ...). Ở các địa phương, nhiều người đã làm việc dưới chế độ cũ bị thủ tiêu hoặc bị tù đầy dài hạn không xét xử.

Song song với việc xóa bỏ các hội đoàn đã có từ trước, như tổ chức hướng đạo, các hội ái hữu, các nghiệp đoàn, các tổ chức tôn giáo, các hội từ thiện... ĐCS ra sức phát triển các tổ chức quần chúng của họ trong mọi giới, công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, thiếu niên, nhi đồng... Do vậy, trong một thời gian ngắn, ĐCS đã nắm được toàn bộ xã hội VN trong tay, loại trừ được các đảng phái

và tổ chức có thể cạnh tranh quyền lực với họ.

Đến khi cuộc kháng chiến bắt đầu, cơ quan đầu não của ĐCS phải rút lên chiến khu, thì ở các vùng gọi là “tự do” (như một số tỉnh ở Khu Bốn, Khu Năm, các vùng chưa bị Pháp chiếm ở những nơi khác), các lãnh tụ CS càng siết chặt chế độ toàn trị của họ. Ở các vùng đó, mọi quyền tự do của dân chúng bị xóa bỏ, lấy lý do vì đang trong thời chiến.

Đến năm 1949, khi ĐCS Trung Quốc nắm được chính quyền trên toàn Hoa lục, các lãnh tụ CSVN có được “chỗ dựa vững chắc như dãy Hy-mã-lạp-sơn” (lời ông Trường Chinh, Tổng bí thư ĐCS hồi đó). Và đúng như vậy, dựa vào sự ủng hộ to lớn về mọi mặt của ĐCS TQ, nhất là về mặt quân sự, Trung Cộng đã giúp ĐCSVN giành được thắng lợi trên nhiều chiến dịch, bắt đầu từ chiến dịch Biên giới (1950) cho đến chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) dẫn đến việc ký Hiệp định Genève chia nước VN thành hai miền: Bắc và Nam.

Tiếp nhận miền Bắc, thế và lực của ĐCS đã mạnh hơn nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Cộng, ĐCSVN công khai ra mắt dân chúng khoác cái tên mới là Đảng Lao động VN (1951), công nhiên tuyên bố xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực hiện cái họ gọi là “chuyên chính dân chủ nhân dân” mà thực chất là chuyên chính vô sản. Ông Hồ Chí Minh và các lãnh tụ CS khác càng siết chặt hơn nữa sự kiểm soát toàn diện cuộc sống của dân chúng, từ kinh tế, đi lại, lao động cho đến tư tưởng, tín ngưỡng. Rập theo khuôn mẫu của Liên Xô và Trung Cộng, trong thời kỳ này ĐCSVN đã thực hiện chế độ quản lý hộ khẩu rất ngặt nghèo, làm các cuộc “chỉnh huấn”, “phóng tay phát động cải cách ruộng đất” và dựng lên “vụ án Nhân Văn Giai Phẩm”, “vụ án Xét Lại Chống Đảng”... để đàn áp giới trí thức dân chủ trong và ngoài Đảng, gieo rắc sự khiếp sợ trong dân chúng, đè bẹp mọi ý hướng không đồng tình với ĐCS. Trong thời kỳ này, các quyền tự do dân chủ và quyền con người bị chà đạp vô cùng tàn bạo, nhiều trí thức, sinh viên, cán bộ, đảng viên bị cầm tù lâu dài và hàng chục ngàn người dưới chế độ cũ bị bắt nhốt vào các “trại cải tạo” theo nghị quyết 49/NQ/TVQH (20/06/1961) của Thường vụ Quốc hội do ông Trường Chinh ký.

Dựa vào sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô và Trung Cộng, các lãnh tụ CSVN đã tiến hành cuộc chiến tranh Bắc Nam dưới chiêu bài “giải phóng miền

Nam”. Biết bao xương máu của quân và dân cả hai miền Bắc và Nam đã đổ ra! Biết bao nhiêu triệu thanh niên, nam nữ của cả hai miền Bắc và Nam đã chết tức tưởi trong cuộc chiến tranh huynh đệ này! Đến khi chiếm được miền Nam và xóa bỏ chế độ Việt Nam Cộng hòa, các lãnh tụ CS liền công nhiên đặt cả nước dưới chế độ độc tài toàn trị của ĐCS; đưa khoảng 200 ngàn quân nhân và viên chức dưới chế độ cũ vào tù, có tên là “trại cải tạo”; ngang nhiên “luật hóa” độc quyền ĐCS thống trị đất nước bằng điều 4 Hiến pháp (1980); công nhiên tuyên bố “đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga”; tuyên bố “nắm vững chuyên chính vô sản” để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước; công khai lấy lại tên ĐCSVN; còn tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì bị xóa bỏ mà đổi thành Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hai “đảng anh em” Dân chủ và Xã hội bị xóa sổ ngay và chế độ chính trị hiến nhiên trở thành “độc đảng” tuyệt đối (còn trước đây cũng là “độc đảng” nhưng có che đậy bằng “chiếc lá nho” hai “đảng anh em”).

Kể từ năm 1930, các lãnh tụ CS luôn luôn dùng khẩu hiệu “người cày có ruộng” để lừa mị, lôi kéo nông dân theo ĐCS thì đến năm 1980, họ đưa ra Hiến pháp mới với điều 17 (trong Hiến pháp tiếp sau là điều 19) xóa bỏ quyền tư hữu đất đai của người dân và tuyên bố tất cả ruộng đất chuyển thành cái gọi là “sở hữu toàn dân”, thực tế là tước đoạt toàn bộ ruộng đất của người dân, chủ yếu là của nông dân, biến thành sở hữu của ĐCS để cho cán bộ CS tha hồ thao túng. Đến lúc này thì Tổng bí thư ĐCS nghiêm nhiên đóng vai nguyên thủ quốc gia dù vẫn còn ngôi vị Chủ tịch nước; các chỉ thị, nghị quyết của ĐCS có hiệu lực như các đạo luật; còn Quốc hội do “Đảng cử dân bầu” và các cơ quan nhà nước chỉ là bù nhìn của ĐCS, bình phong che đậy chế độ chuyên chế.

Tóm lại, chế độ độc tài toàn trị mà ĐCSVN dựng lên đã 68 năm nay là một cơ chế chính trị bao trùm tất cả và thâm nhập vào mọi mặt hoạt động của xã hội, nó cho phép các lãnh tụ CS quản lý và can thiệp sâu vào đời sống của công dân. Dưới chế độ này, người dân hoàn toàn bị mất quyền tự do, bị nô dịch hóa một cách rất tinh vi, ngay cả suy nghĩ, phát biểu ý kiến, và đời sống nội tâm cũng phải theo chỉ đạo của ĐCS. Trong nước, chỉ có một giai cấp được hưởng tự do và toàn quyền thôn tóm

các quyền lợi, đó là tầng lớp các quan chức CS. Bản thân họ và gia đình họ nghiêm nhiên trở thành những nhà tư bản đỏ, những tỷ phú, những địa chủ cường hào như thời xưa. Họ thật sự là giai cấp thống trị trong xã hội. Trong bài “*Nghịch lý*” *Thái Bình - “Nghịch lý”*” *Việt Nam*” viết ngày 15/5/1998 nhân dịp kỷ niệm lần thứ nhất cuộc nổi dậy của nông dân Thái Bình, chúng tôi đã đi đến kết luận: “...Những ‘nghịch lý’ đó nói lên điều gì? Chúng nói lên rằng: **cuộc cách mạng nhân dân đã bị phản bội và đại chúng tham gia cuộc cách mạng đó đã bị phản bội.**”... “**Chính tập đoàn thống trị cùng với giai cấp quan liêu cầm quyền này đã phản bội cuộc cách mạng nhân dân.**”

Chế độ độc tài toàn trị của ĐCS đã đem lại vô vàn hậu quả cực kỳ thảm khốc cho đất nước và nhân dân ta: hàng trăm lãnh tụ và cán bộ chủ chốt của các đảng yêu nước không CS đã bị giết hại, trên 172 ngàn người đã là nạn nhân oan uổng trong cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu ở miền Bắc, khoảng 5-6 triệu quân nhân và thường dân của cả hai miền đã bỏ mạng trong cuộc chiến tranh Bắc-Nam, hàng trăm ngàn người bị rục xác trong ngục tù CS, tình trạng chia rẽ, hận thù trong dân chúng vô cùng trầm trọng... Do đường lối, chính sách “xây dựng chủ nghĩa xã hội” mà ĐCS đã tàn phá nền kinh tế của đất nước, đẩy lùi nền văn hóa, giáo dục của dân tộc, làm cho nước ta bị lạc hậu gấp nhiều lần so với các nước láng giềng mà trước năm 1945 trình độ phát triển còn thấp hơn nước ta. Chế độ độc tài toàn trị đã tạo nên một xã hội đầy bất công, đầy tham nhũng, đầy tội ác; đạo đức con người băng hoại nặng nề không tưởng tượng nổi. Đặc biệt cần nói thêm, chế độ độc tài toàn trị của ĐCS đã tạo nên một lớp người khiếp sợ, khuất phục cường quyền, vô cảm, ích kỷ và... độc ác.

Một hậu quả cực kỳ nguy hiểm nữa mà chế độ độc tài toàn trị do tập đoàn cầm quyền CSVN đã gây ra cho đất nước và dân tộc ta là: do “chịu ơn sâu nặng” ĐCS/TQ ngay từ thời những năm 1930, ông Hồ Chí Minh cùng các lãnh tụ CS đã mù quáng, không thấy rõ mưu đồ của Trung Cộng muốn xâm chiếm nước ta, nên có một thời gian dài họ đã mê muội thuần phục Mao Trạch Đông và các lãnh tụ Trung Cộng, đến nỗi để Trung Cộng lấn dần lãnh thổ của Tổ quốc ta, và thậm chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có công hàm (14.09.1958) “ghi nhận

và tán thành” Công bố của Chính phủ Trung Quốc ngày 04.09.1958, thực tế là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã gián tiếp phủ nhận chủ quyền của ta trên quần đảo Hoàng Sa! Còn khi Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới bị sụp đổ thảm hại, lãnh đạo ĐCSVN đã vội vã bay đến Thành Đô (09.1990) để quy lụy tìm chỗ dựa mới, hòng cứu ĐCS, cứu chế độ toàn trị của Đảng, mặc dù cách đây không lâu, hồi năm 1979, Trung Quốc đã tiến hành một cuộc chiến tranh khốc liệt tàn phá nhiều tỉnh phía Bắc Việt Nam và lấn chiếm lãnh thổ của ta ở gần biên giới.

Từ đó, tập đoàn cầm quyền VN từng bước nhân nhượng TQ về lãnh thổ và lãnh hải nước ta (Hiệp ước về biên giới trên đất liền 30.12.1999, Hiệp ước phân định lãnh hải 25.12.2000), tự nguyện quàng vào cổ dây thòng lọng “16 chữ vàng” và “4 tốt” để bè lũ Trung Cộng thực hiện cuộc xâm lăng “mềm”: Nhà cầm quyền VN đã để các đoàn lao động TQ xâm nhập sâu vào các nơi hiểm yếu trong nội địa nước ta, cho thuê dài hạn rừng vùng biên giới, để kinh tế TQ tràn ngập thị trường VN, văn hóa TQ tràn ngập đất nước bằng phim ảnh, sách báo, các trường dạy Hoa ngữ, v.v... tạo ra nguy cơ mất nước rất hiển nhiên. Mới đây, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đến châu Thiên triều đỏ, một bản Tuyên bố chung và 10 văn kiện quan trọng đã được ký chôn vùi trong một ngày 21.06.2013. Đây là sự khuất phục toàn diện vô cùng nhục nhã của tập đoàn thống trị CSVN trước kẻ thù của Dân tộc là bọn “đại bá” Trung Cộng.

Trước hiểm họa mất nước, các công dân yêu nước đã đứng lên đấu tranh chống lại kẻ xâm lược thì lại bị ĐCS đàn áp rất tàn bạo, nhiều người bị tống vào tù ngục. Như vậy, trước mắt người dân VN, tập đoàn thống trị CSVN đã hiện nguyên hình là những tên “thái thú” của Trung Cộng. Có thể kết luận rằng chừng nào còn tồn tại chế độ độc tài toàn trị của ĐCSVN thì hiểm họa mất Tổ quốc, mất Dân tộc vẫn còn tồn tại.

Các đảng viên cộng sản trung thực có tư duy độc lập cần sớm “xét lại” để tỉnh thức mà nhận rõ chế độ độc tài đảng trị của ĐCS áp đặt cho Dân tộc ta đã trên 68 năm. Phải nhận rõ ĐCSVN đã và đang là khối u ác tính trên thân thể Dân tộc ta, đang là trở lực lớn nhất trên con đường tiến lên của xã hội Việt Nam, của Dân tộc Việt Nam, đã và đang là

trở lực lớn nhất cho cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ quyền của Đất nước, gìn giữ non sông yêu quý. Cần nhận rõ như vậy để tự mình xác định dứt khoát thái độ của một công dân yêu nước, thương dân.

Chia tay đau đớn nhưng...

Vẫn biết rằng mọi cuộc chia tay thường là đau buồn, khó khăn, bịn rịn. Điều này, đối với cá nhân tôi và hai người bạn cùng cảnh ngộ là Thượng tá Đỗ Văn Doãn, nguyên Tổng biên tập báo Quân Đội Nhân Dân và Đại tá Lê Vinh Quốc, nguyên phó Chính ủy Quân khu III thì lại càng thấm thía. Cuộc chia tay của chúng tôi với ĐCS hồi năm 1964 thật là vô cùng đau đớn, vì, đối với chúng tôi, cuộc chia tay đó lại gắn liền với việc chia lìa vợ con mà chúng tôi rất yêu quý, chia lìa bà con, họ hàng, xa lìa Tổ quốc, quê hương! Biết bao đêm thao thức, nghĩ suy... Biết bao lần chúng tôi đã bàn đi tính lại với nhau, trao đổi ý kiến với các bạn cùng tư tưởng, như anh Trần Minh Việt, cựu phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, anh Nguyễn Kiến Giang, cựu phó Giám đốc Nhà xuất bản Sự Thật... Những người bạn này khi về nước thì bị bắt vào tù giam giữ nhiều năm, khi thả ra anh Minh Việt kiệt sức qua đời, còn anh Kiến Giang thì sống vất vưởng trong vòng kiềm tỏa ngặt nghèo cho đến nay.

Nhiều bạn bè đã khuyên chúng tôi: thôi cứ “đánh bài” “ngâm miệng qua thời”, cứ “hoan hô sự anh minh của Đảng”, “chúc tụng muôn năm lãnh tụ” cho xong chuyện để được gần vợ gần con, giữ lấy cái chức vụ đã có, v.v... Chúng tôi không nghe, quyết tâm ở lại và rời bỏ Đảng mà chúng tôi đã phục vụ 20 năm trời. Chúng tôi ở lại nước ngoài chẳng phải để hưởng thụ, nằm im... Nhưng những điều dự định làm thì... than ôi, mấy tháng sau, một cuộc đảo chính cung đình (1964) nổ ra đã thay đổi người lãnh đạo tối cao của nước bạn... Thế là mọi dự định tan thành mây khói! Khoảng 40 anh chị em sinh viên, nghiên cứu sinh hồi đó không về nước, rất thất vọng... cuối cùng, kẻ trước người sau, nhiều người rồi cũng lần lượt hồi hương. Văn Doãn, người bạn thân của tôi, chán nản nhảy từ tầng lầu 6 đập đầu xuống lề đường tự tử! Tôi đau đớn vô cùng, có lúc gần như điên loạn, một thời gian lâu mới trấn tĩnh được để lao vào những việc làm có ích: tôi say mê nghiên cứu, sinh hoạt tâm linh, bắt tay vào việc biên soạn từ điển, v.v... Đây, tôi kể lại chuyện đời mình để thấy sự chia tay với

Đảng thật là đau đớn, nó kéo theo nhiều thiệt thòi cho gia đình, cho anh em, cho bà con, bạn bè...

Nhưng, phải nói thật lòng rằng khi tâm hồn tôi đã bình tĩnh lại, nghĩ cho cùng, việc rời bỏ ĐCS đã đem lại cho tôi nhiều điều tốt.

Trước hết, tôi hoàn toàn được tự do về mặt tư tưởng và tinh thần, tôi thật sự làm chủ cái đầu, cái lưỡi và cây bút của tôi. Đó là điều sung sướng nhất đối với tôi! Tuy rằng với cái thẻ cư trú của một người tị nạn chính trị ở Liên Xô, tôi không được hoàn toàn có tự do về những mặt khác, chẳng hạn về việc đi lại: cũng như các công dân bình thường khác của Liên Xô hồi đó, tôi không được đi ra nước ngoài... Nhưng tự do tư tưởng và tinh thần, tự do nghiên cứu, viết lách đối với tôi là điều quý nhất.

Thứ hai, nếu tôi không thoát ly khỏi ĐCS mà ngoan ngoãn trở về nước thì rất có thể tôi phải chịu số phận bi thảm của các anh Trần Minh Việt, Nguyễn Kiến Giang và biết bao nhiêu cán bộ cao cấp, trung cấp khác, người thì bị chết trong tù, người sắp chết trong tù thì người ta vội vã đưa về nhà... chết, người thì âm thầm chết khi bị giam tại gia...

Thứ ba, tôi không phải trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, mà vì phản đối nó, tôi bị quy “tội” “xét lại-chống Đảng”. Cứ mỗi lần nghĩ đến điều này, tôi thấy lòng mình thật nhẹ nhõm vì đã giữ lập trường đúng và đã dám nói lên sự không đồng tình của mình với Đảng.⁴

Chỉ có một điều đau đớn day dứt trong lòng là vì tôi thoát ly khỏi Đảng mà vợ con tôi phải chịu biết bao điều khổ cực, biết bao nỗi oan trái do chính sách kỳ thị bất công của Đảng; các anh, các chị và các cháu tôi cũng bị vạ lây... Còn việc bộ máy tuyên huấn của Đảng ra sức vu khống, đặt lăm điều nói xấu tôi và các bạn tôi thì tôi chẳng bận tâm. Cho đến gần đây, báo của Đảng vẫn không ngừng nói xấu tôi. Tôi chẳng để ý, chỉ khi đọc bài của một blogger mà tôi chẳng hề quen đăng trên Đối Thoại phản bác lại tờ báo ấy thì tôi mới biết.⁵

Tôi kể cụ thể những điều trên để anh chị em đảng viên cộng sản – già cũng như trẻ – còn đang phân vân, hiểu rằng, hơn ai hết, là người “đã qua cầu”, tôi rất thông cảm các bạn. Sự ngập ngừng, do dự của các bạn là rất dễ hiểu. Nhưng, chắc chắn là các bạn sẽ không phải chịu những đau đớn ê

chê như chúng tôi. Còn khi các bạn đã dám làm một bước quyết định là ra khỏi cái Đảng độc tài, thối nát, tham nhũng hiện nay rồi thì các bạn sẽ thấy tâm hồn mình nhẹ nhõm, thoải mái lạ thường, “vòng kim cô” trên đầu bạn đã biến mất lúc nào không hay. Việc đó sẽ mở ra một chân trời mới để các bạn có thể cống hiến sức lực, trí tuệ của mình cho những công việc có ích cho Tổ quốc và Dân tộc, hơn là vẫn phải cúi đầu tiếp tục phục vụ cho tập đoàn thống trị mafia hóa, đội lốt CS, độc tài, tham nhũng./.

Ngày 26/8/2013

1. Tại hội nghị cán bộ cao cấp và trung cấp ở hội trường Ba Đình hồi tháng 1 năm 1964, ông Trường Chinh đã nói: “Cần đặc biệt lưu ý rằng thực chất của nghị quyết 9 chỉ có thể phổ biến bằng miệng, điều đó là: Đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng và Nhà nước ta là thống nhất về cơ bản với đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng cộng sản và Nhà nước Trung Quốc”.

2. Vaclav Havel trả lời phỏng vấn của Michael Bongiovanni, Mai Việt Tú dịch, bài đăng trên Dân Luận.

3. Bài này được viết ngày 15/5/1998, đăng trên tạp chí *Thế Kỷ 21* và in trong sách “*Chuyện Nước Non*” của Nguyễn Minh Cần, NXB Văn Nghệ, Westminster, CA, 1999.

4. Tôi tin chắc rằng đến bây giờ Trung Ương Đảng vẫn còn lưu giữ hồ sơ của Nguyễn Minh Cần, trong đó có bức thư tôi gửi cho Bộ Chính trị khi tôi ở lại Liên Xô, trong thư nói rõ: tôi không đồng tình với việc các vị lãnh đạo Đảng phát động chiến tranh “giải phóng miền Nam”, vì điều đó trái với Nghị quyết Đại hội III (1960) của Đảng mà tôi là một đại biểu của Đại hội đó. Tôi cũng nhắc lại Nghị quyết Đại hội III đã ghi rõ: Đảng chủ trương “hòa bình thống nhất đất nước”.

5. Bài viết của blogger Y Giáo đăng trên Đối Thoại ngày chủ nhật 03.02.2013 với tựa đề “*Báo Quân Đội Nhân Dân đã nói sai sự thật về ông Nguyễn Minh Cần như thế nào?*”

CHUYỆN DÀI RA ĐẢNG VÀ ĐA ĐẢNG (PHẦN 2)

Khi kêu gọi các đảng viên cộng sản “tuyên bố tập thể ra khỏi Đảng”, hai ông Lê Hiếu Đằng và Hồ Ngọc Nhuận có nêu vấn đề “thành lập Đảng dân chủ-xã hội”, nên chúng tôi muốn nói rõ thêm về chủ nghĩa xã hội-dân chủ.

Chủ nghĩa xã hội – dân chủ

Trước hết, xin nói về từ ngữ. Theo tôi, từ ngữ “xã hội-dân chủ” phản ánh đúng thực chất của chủ nghĩa xã hội-dân chủ hơn là từ ngữ “dân chủ-xã hội”. Vì sao? Vì cơ sở tư tưởng của phong trào “xã hội-dân chủ” là học thuyết về chủ nghĩa xã hội, mà thứ chủ nghĩa xã hội đó là chủ nghĩa xã hội dân chủ; nó khác hẳn thứ chủ nghĩa xã hội chuyên chính vô sản, chủ nghĩa xã hội độc tài, tức là thứ chủ nghĩa xã hội của người cộng sản.

Từ ngữ chủ nghĩa xã hội-dân chủ lần đầu tiên được nhà văn Anh Bernard Shaw dùng năm 1888. Sau này, tại Đại hội thành lập Quốc tế Xã hội chủ nghĩa (gọi tắt là Quốc tế Xã hội - SI) tại Frankfurt năm 1951, từ ngữ này đã được chính thức sử dụng. Qua những bước thăng trầm, ngày nay Quốc tế Xã hội đã lớn mạnh, đến năm 1999 đã có 143 đảng gia nhập. Những người cộng sản nước ta biết đến chủ nghĩa xã hội-dân chủ và các Đảng Xã hội-Dân chủ, chủ yếu qua những bài mạt sát thậm tệ của Lenin, Stalin và những người CS khác... đối với các lãnh tụ của phong trào này, như Ferdinand Lassalle, Karl Kautsky, Eduard Bernstein, v.v.... Các đảng viên CSVN vì bị bùng bít trên 70 năm trời, chỉ được nghe duy nhất một tiếng nói của Lenin, Stalin... không hề được tiếp cận các nguồn tư liệu khác, nên thường có lắm điều ngộ nhận.

Các Đảng Xã hội-Dân chủ châu Âu phần nhiều chịu ảnh hưởng của Ferdinand Lassalle (1825–1864), người sáng lập ra Đảng Xã hội-Dân chủ Đức hồi năm 1863 và là chủ tịch đầu tiên của đảng. Mãi 26 năm sau khi Đảng Xã hội-Dân chủ Đức ra đời, Friedrich Engels và một số người khác mới thành lập Quốc tế Xã hội chủ nghĩa, còn gọi là Quốc tế II. Quốc tế này thu hút các Đảng Xã

hội chủ nghĩa, trong đó có Đảng Xã hội-Dân chủ Đức. Trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, trong hàng ngũ Quốc tế II có nhiều phái khác nhau, trái nhau về quan điểm và đường lối. Đến năm 1914 vì không thống nhất được với nhau về chiến lược cũng như phương thức đấu tranh nên Quốc tế II phải giải tán.

Trong phong trào xã hội-dân chủ có một phái nhỏ những người theo chủ nghĩa Marx, chủ trương cách mạng bạo lực giành chính quyền, đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập chuyên chính vô sản để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là Vladimir Lenin, Rosa Luxemburg, Karl Liebknecht... Về sau những người này tách ra thành lập Đảng Cộng sản. Lenin và những người CS căm ghét các lãnh tụ và đảng viên các Đảng Xã hội-Dân chủ, mật sát họ tàn tệ, còn khi nắm được chính quyền ở Nga thì thẳng tay đàn áp, thậm chí tiêu diệt họ về thể xác.

Các phái khác trong phong trào xã hội-dân chủ thì ôn hòa hơn, họ chủ trương xét lại chủ nghĩa Marx, từ bỏ con đường bạo lực cách mạng, phủ nhận chuyên chính vô sản, v.v... như Karl Kautsky, Eduard Bernstein, Rudolf Hilferding, Friedrich Adler... Những người này chú trọng công bằng xã hội, chủ trương quốc hữu hóa những xí nghiệp quan trọng về chiến lược, nhà nước can thiệp vào kinh tế, đối tác xã hội giữa những người lao động và những người thuê nhân công, xây dựng một xã hội dân chủ đa nguyên về tư tưởng, đa đảng về chính trị, dựa vào những nguyên tắc tự do và tình huynh đệ, bảo đảm triệt để quyền con người, bảo vệ quyền lợi của tất cả mọi người lao động – không chỉ giai cấp công nhân, mà cả giới trí thức, nông dân, các trại chủ và tầng lớp trung gian, kể cả các doanh nhân nhỏ và vừa. Họ cho rằng điều kiện quan trọng nhất để xác lập chủ nghĩa xã hội đúng thực chất là thực hiện nền dân chủ chân chính trong mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội.

Dân chủ chính trị phải bảo đảm cho người dân mọi quyền và quyền tự do của công dân, bảo đảm tính đa đảng, chế độ nghị trường, quyền phổ thông bầu cử, thượng tôn luật pháp và sự tham gia thực sự của người dân vào việc điều hành công việc xã hội.

Dân chủ kinh tế nhằm chống lại sự tập trung quyền lực kinh tế vào tay một thiểu số, để mỗi người đều có thể ảnh hưởng đến quá trình sản xuất

và phân phối. Vì thế dân chủ kinh tế phải nhằm xây dựng một hệ thống kinh tế đảm bảo được việc sử dụng nguồn tài nguyên xã hội cho lợi ích của mọi người. Theo quan niệm của những người xã hội-dân chủ, quyền lực kinh tế trong xã hội không thuộc những người nắm phương tiện sản xuất, mà thuộc về những người điều hành chúng. Vì vậy áp dụng dân chủ kinh tế phải được bảo đảm không phải bằng việc tước đoạt sở hữu của những người chủ xí nghiệp, mà bằng cách làm cho đông đảo người lao động tham gia ngày càng nhiều vào việc điều hành doanh nghiệp, cả ở các xí nghiệp riêng lẻ (qua các hội đồng sản xuất, kiểm tra lượng người làm, việc trả công lao động và điều kiện lao động, hợp đồng tập thể giữa người lao động và chủ các xí nghiệp), cũng như trong phạm vi toàn xã hội (qua việc thành lập các cơ quan đối tác xã hội giữa người lao động và các nhà kinh doanh, việc mở rộng lĩnh vực sở hữu của thị chính, của hợp tác xã, của nghiệp đoàn, v.v...). Trước đây, những người xã hội-dân chủ chủ trương quốc hữu hóa và kế hoạch hóa, ngày nay, họ nhấn mạnh vai trò của thị trường, nhưng vai trò này phải được nhà nước điều tiết. Còn nhà nước phải khá “ôn hòa” và không được gây trở ngại cho sáng kiến riêng của cá nhân.

Dân chủ xã hội là mục tiêu cuối cùng của những người xã hội-dân chủ, nó nhằm bảo đảm mọi quyền lợi xã hội của người lao động (các quyền lao động, học vấn, nghỉ ngơi, trị bệnh, nhà ở, bảo đảm xã hội), cũng như phải xóa bỏ mọi hình thức áp bức, kỳ thị, người bóc lột người, bảo đảm các điều kiện để cho sự phát triển tự do của mỗi cá nhân.

Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội-dân chủ phải đạt tới bằng những phương tiện hòa bình và dân chủ, bằng sự tiến hóa dần dần của xã hội, nhờ những cải cách, nhờ sự hợp tác giữa các giai cấp, dựa trên sự ủng hộ của nhà nước dân chủ.

Những điều trình bày trên đây về chủ nghĩa xã hội-dân chủ không chỉ là lý thuyết mà đã được thực hiện hàng chục năm rồi trong thực tiễn ở nhiều nước châu Âu, đặc biệt ở Bắc Âu, như ở Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan; những nơi đó tự do dân chủ được đảm bảo tuyệt đối, xã hội rất trong sạch, hầu như vắng bóng nạn tham nhũng, nên chất lượng đời sống của người dân rất cao. Một vài nước châu Âu, như Đức, Pháp, Anh..., châu Mỹ, như Canada, châu Úc, như nước Australia cũng đã

đạt được nhiều thành tựu của chủ nghĩa xã hội-dân chủ. Còn tình trạng các nước do các ĐCS đi theo con đường của chủ nghĩa Marx-Lenin, nhân dân bị thống trị bi đát như thế nào, tưởng không cần phải nói.

Nói đến những nhân vật đấu tranh cho một xã hội tốt đẹp hơn ở nước ta ít nhiều chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội-dân chủ thì tôi rất đồng tình với hai ông Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh, là trước tiên phải nói đến nhà chí sĩ Phan Châu Trinh (1872-1926). Cụ là một nhà dân chủ Việt Nam không kêu gọi bạo lực, không có đầu óc chuyên chính. Người thứ hai chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội-dân chủ là Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ (1920-1947). Ông đã sáng lập ra Việt Nam Dân chủ Xã hội Đảng (ngày 21.09.1946), gọi tắt là Đảng Dân Xã. Đảng này theo nguyên tắc “*chủ quyền ở nơi toàn thể nhân dân*”, chủ trương “*toàn dân chánh trị*” và “*chống độc tài bất cứ hình thức nào*”. Nét độc đáo của Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ là tư tưởng xã hội-dân chủ hòa quyền với giáo lý đức Phật.

Chúng tôi viết nhiều về chủ nghĩa xã hội-dân chủ, mà ít nói đến Đảng Xã hội-Dân chủ, vì nghĩ rằng, phần đầu để thực hiện chủ nghĩa xã hội-dân chủ, không chỉ có các Đảng Xã hội-Dân chủ. Đảng của những người xã hội-dân chủ còn có thể mang nhiều tên khác, như Đảng Lao động, Đảng Công nhân, Đảng Công bằng, Đảng Chính Nghĩa, v.v... Cái tên đảng không phải là quan trọng, cái chính, cái thực chất là cương lĩnh, là mục tiêu đấu tranh của đảng, tức là chủ nghĩa xã hội-dân chủ đích thực. Chúng tôi nhấn mạnh chữ “*đích thực*”, vì trên đời này, khi có những thứ tốt thuộc “*hàng chính hiệu*” thì thường cũng xuất hiện nhiều “*hàng giả*”, “*hàng nhái*”. Điều này dễ thấy ở một vài nước CS gọi là “*xã hội chủ nghĩa*”: Khi “*hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới*” bị sụp đổ hồi cuối những năm 80 đầu những năm 90 thế kỷ trước thì ban lãnh đạo một vài ĐCS vội vàng thay đổi nhãn hiệu, đổi tên đảng thành Đảng Xã hội-Dân chủ, Đảng Xã hội, Đảng Dân chủ, và tuyên bố theo chủ nghĩa xã hội-dân chủ, chỉ cốt để bảo vệ quyền lực của giai cấp cầm quyền cũ, chứ thực ra họ vẫn giữ thực chất CS. Đó là một thực tế, các chiến sĩ dân chủ cần cảnh giác.

Viết đến đây, chúng tôi không thể không nhắc

đến ý kiến của Giáo sư Phan Đình Diệu, một trong những nhà trí thức khả kính. Ý kiến của ông như thế này: “*Tôi hy vọng là Đảng (cộng sản) sẽ tự biến đổi thành Đảng xã hội dân chủ để lãnh đạo nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa dân chủ, như vậy thì cả vấn đề giữ quyền lãnh đạo cho Đảng (cộng sản) và tạo ra một nền dân chủ của xã hội đều được giải quyết một cách trọn vẹn, và do đó, nước ta sẽ sớm thực hiện được mục tiêu “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, hội nhập vào quốc tế.*” Giáo sư Tiến sĩ Phan Đình Diệu giỏi về toán học, ông là người khảng khái, chính trực, nhưng chưa chắc ông đã giỏi về chính trị học. Bài toán khó khăn của Đất nước mà Tiến sĩ giải cách này, chúng tôi tin chắc rằng “*đáp số*” sẽ làm ông thất vọng nặng nề!

Nhân tiện, cũng xin nói thêm điều này: hiện nay ở Việt Nam, có những nhân sĩ, trí thức... đề nghị đổi tên ĐCSVN thành Đảng Lao động Việt Nam, đổi tên nước CHXHCNVN thành Cộng hòa Dân chủ Việt Nam, tưởng như vậy thì tình hình VN sẽ thay đổi hẳn, mọi sự sẽ tốt lên. Về chuyện đổi tên, kể viết bài này có học được một bài học rất thâm thúy do Chủ tịch Đảng Hồ Chí Minh dạy cho. Xin chia sẻ cùng các bạn: Năm 1950, chúng tôi được triệu tập đến căn cứ địa của Trung Ương để tham dự cuộc họp chuẩn bị cho việc đổi tên ĐCS tại Đại hội Đảng năm 1951. Cụ Hồ bước lên bục giảng giải đáp thắc mắc cho khoảng ba trăm cán bộ cao cấp và trung cấp đến họp. Cụ mở nắp hộp thuốc lá thơm của cụ nhãn hiệu CRAVEN A. Giơ cao nắp hộp phía có chữ CRAVEN A lên trước mặt chúng tôi, cụ lớn tiếng nói: “*Đây là ĐCS*”, rồi cụ xoay nắp hộp mặt trái phía trong không có chữ, đưa lên và nói tiếp: “*Đây là Đảng Lao động*”. Rồi cụ thùng thảng hỏi: “*Đã rõ chưa? Có khác nhau gì không?*” Cả hội trường âm vang tiếng đáp: “*Rõ rồi ạ! Dạ, không khác nhau gì cả!*”.

Đúng là bài học nhớ đời! Dưới thời ĐLĐVN cũng như dưới thời ĐCSVN, dưới thời VNDCCCH cũng như dưới thời CHXHCNVN, mọi tầng lớp nhân dân đều phải chịu biết bao thảm kịch! Lẽ nào các nhà trí thức, các nhân sĩ và toàn dân ta không thấy hay sao?

Chúng tôi đánh giá cao tâm nguyện của Luật gia Lê Hiếu Đằng và nhà báo Hồ Ngọc Nhuận, khi hai ông kêu gọi các đảng viên cộng sản hãy “*tuyên*

bỏ tập thể ra khỏi Đảng và thành lập một Đảng mới”, Đảng Xã hội-Dân chủ. Lời kêu gọi xây dựng một chế độ dân chủ đa đảng, đa nguyên và kêu gọi thành lập một Đảng Xã hội-dân chủ đáng trân trọng. Có người còn cho đó là “bản tuyên ngôn về con đường nhất thiết phải đi...” mặc dù đó chỉ là một lời kêu gọi thôi, không có cương lĩnh, mục tiêu, chương trình gì cụ thể cả.

Thật ra, lời kêu gọi đó của hai ông không có gì mới. Khi nói đến “tuyên ngôn”, thiết tưởng cần phải nhắc lại để mọi người nhớ: Cách đây trên 7 năm, lần đầu tiên trong lịch sử phong trào dân chủ nước ta, đã từng có một bản tuyên ngôn của 118 công dân ở trong nước (xin nhấn mạnh ba chữ ở trong nước) khao khát tự do dân chủ được công bố công khai ngày 08.04.2006. Đó là “Tuyên ngôn Tự do Dân chủ cho Việt Nam 2006” (còn gọi là Tuyên ngôn 8406). Tuyên ngôn đó đã nói rất rõ ràng và mạnh mẽ về mục tiêu đấu tranh cho một chế độ dân chủ đa nguyên, đa đảng, mục tiêu đấu tranh cho mọi quyền tự do, dân chủ. Tuyên ngôn đó, được trên 5000 người Việt Nam trong và ngoài nước công khai ký tên, và được 140 chính khách quốc tế bảo trợ, trong đó có cố Tổng thống Vaclav Havel.

Tuyên ngôn 8406 vạch rõ rằng, sau khi cướp được chính quyền, ĐCS đã thủ tiêu quyền dân tộc tự quyết của nhân dân Việt Nam, đã chà đạp thô bạo tất cả những quyền thiêng liêng về tự do, dân chủ, cũng như quyền được sống yên bình và mưu cầu hạnh phúc. Tuyên ngôn 8406 nhận định rằng, vì “*lấy chủ nghĩa Mác-Ăng-ghe-n-Lênin-Xtalin và tư tưởng Mao Trạch Đông, kết hợp với thực tiễn Việt Nam làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng*” nên ĐCS đưa “*bóng ma của chủ nghĩa cộng sản đã luôn đè ám lên đầu, lên cổ toàn Dân Việt Nam*”,... “*đã triệt tiêu hầu hết những quyền con người của Nhân dân Việt Nam. Và hôm nay, nó vẫn đang tạm đồ hộ, chiếm đóng lên cả hai mặt tinh thần và thể chất của toàn Dân tộc Việt Nam*”. Tuyên ngôn 8406 nói rõ “*Mục tiêu cao nhất trong cuộc đấu tranh giành tự do, dân chủ cho Dân tộc hôm nay là làm cho thể chế chính trị ở Việt Nam hiện nay phải bị thay thế triệt để, chứ không phải được “đổi mới” từng phần hay điều chỉnh vặt vãnh như đang xảy ra. Cụ thể là phải chuyển từ thể chế chính trị nhất nguyên, độc đảng,*

không có cạnh tranh trên chính trường hiện nay, sang thể chế chính trị đa nguyên, đa đảng, có cạnh tranh lành mạnh, phù hợp với những đòi hỏi chính đáng của Đất nước, trong đó hệ thống tam quyền Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp phải được phân lập rõ ràng, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và trải nghiệm của Nhân loại qua những nền dân chủ đắt giá và đầy thành tựu.” Còn “*Mục tiêu cụ thể là thiết lập lại các quyền cơ bản của toàn Dân sau đây: Quyền Tự do Thông tin Ngôn luận...*”, “*Quyền Tự do hội họp, lập hội, lập đảng, bầu cử và ứng cử...*”, “*Quyền Tự do hoạt động Công đoàn độc lập và Quyền Đình công chính đáng...*”, “*Quyền Tự do Tôn giáo...*”. Tuyên ngôn 8406 tuyên bố rõ ràng “*Phương pháp của cuộc đấu tranh này là hòa bình, bất bạo động...*” (các chữ in đậm trong các ngoặc kép là theo đúng nguyên bản).

Chúng tôi nghĩ rằng Tuyên ngôn 8406 này rất xứng đáng làm bảng chỉ đường cho phong trào đấu tranh giành Tự do, Dân chủ ở nước ta. Chính vì đấu tranh cho một Cương lĩnh đúng đắn như vậy, nên đến nay dù bị khủng bố rất ác liệt, hàng trăm chiến sĩ dân chủ của Khối 8406 đã bị truy bức, sách nhiễu, đàn áp hết sức tàn bạo, bị tống vào tù ngục CS, bị quản chế tại nhà, nhưng phong trào dân chủ vẫn được duy trì và ngày càng phát triển. Cho đến nay đã có 190 thành viên của Khối 8406 là nạn nhân của sự đàn áp như vậy, trong số đó 65 chiến sĩ dân chủ bị lãnh án tù giam từ 7 năm trở lên! Rất nhiều chiến sĩ của Khối 8406 đã nêu gương đấu tranh kiên cường trong nhà tù. Chúng tôi không thể nêu hết tên của họ, vì sợ chiếm nhiều chỗ trong bài.

Cũng cần nói thêm, Khối 8406 còn đề ra “Cương lĩnh Khối 8406” và công bố “Tiến trình Dân chủ hóa Việt Nam gồm 4 giai đoạn & 8 bước”. Khối 8406 đã phát hành tờ bán nguyệt san “*Tự Do Ngôn Luận*”, vừa là báo mạng vừa là báo giấy có 32 trang A4 để vận động cho tự do dân chủ, chống chế độ độc tài toàn trị. Từ ngày 15.04.2006 đến ngày 01.09.2013, bán nguyệt san không xin phép này đã ra được 178 số. Khối 8406 còn thường xuyên ra những lời tuyên bố, những lời kêu gọi, những nhận định, những kháng thư... để hướng dẫn dư luận, phản đối nhà cầm quyền và động viên đại chúng đấu tranh.

Chúng tôi nghĩ rằng cần phải nói những điều này để mọi người nhìn thấy rõ những thành tựu đã

có, không vì những hiện tượng mới bộc phát mà che lấp những thành tựu đã thực hiện được bằng nỗ lực, bằng xương máu, nước mắt và mồ hôi của hàng trăm, hàng nghìn người!

Khi đọc kỹ những bài viết và bài nói (trả lời phỏng vấn) của Luật gia Lê Hiếu Đằng và nhà báo Hồ Ngọc Nhuận, chúng tôi không thể không nói đến tính hời hợt, thô thiển, chưa chín chắn của những lập luận của hai ông.

Nhiều người có nhận xét về điều ông Lê Hiếu Đằng đã cho biết: “Năm trong bệnh viện... tôi đã suy nghĩ, đọc một số bài báo rồi các nhà văn, nhất là những nhà văn quân đội như Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu” rồi ông mới “thấy sự bi thảm của thân phận con người trong cái gọi là CNXH ở miền Bắc, một xã hội không có bóng người”, ông chuyển biến tư tưởng và hạ bút viết bài “*Suy nghĩ trong những ngày nằm bệnh*”. Người đọc có thể nghĩ rằng sự hiểu biết của ông Lê Hiếu Đằng như thế là chưa sâu sắc. Nhưng đâu sao tôi cũng mong rằng nhận thức của ông Đằng còn chín chắn hơn nhiều so với cái “*hiếu loáng thoáng*” của ông Nguyễn Tất Thành¹ hồi năm 1920, khi ông này nhảy từ Đảng Xã hội Pháp sang Quốc tế III; mà vì cú nhảy đó Đất nước và Dân tộc Việt Nam đã và đang chịu biết bao tai họa! Chuyện ông Lê Hiếu Đằng chuyển từ ĐCS sang cổ động cho Đảng Xã hội-Dân chủ làm ta nhớ đến “*cú nhích chân*” (cụm từ của Tiên sĩ Hà Sĩ Phu) của ông Nguyễn Tất Thành mà Tiên sĩ đã nhắc đến trong bài “*Xưa nhích chân đi, giờ nhích chân lại*” bước từ Đảng Xã hội Pháp sang Quốc tế III của Lenin, chỉ vì ông Nguyễn Tất Thành thấy “*Đệ Tam Quốc tế rất chú ý đến vấn đề thuộc địa*”²,... “*Còn như Đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa Xã hội và chủ nghĩa Cộng sản là gì thì tôi (tức Nguyễn Tất Thành) chưa hiểu*”³. Thậm chí “Sơ thảo luận cương về các dân tộc và thuộc địa” của Lenin đăng trên báo L’Humanité ngày 16-6-1920 thì “*ngay cả chữ nghĩa trong văn bản*” ấy ông Nguyễn Tất Thành “*cũng chỉ hiểu loáng thoáng thôi*”⁴.

Về vấn đề thành lập đảng đối lập, ông Bằng Phong Đặng Văn Âu đã viết chí lý trong bài “*Căn bệnh khủng hoảng trí tuệ*”: “...Là luật gia, là nhà hoạt động chính trị, ông Đằng nói đến thành lập đảng đối lập với chính quyền cộng sản có vẻ rất tài tử, khơi khơi. Ít nhất ông phải phác họa vấn đề

về cái chủ trương, đường lối (của đảng ấy) như thế nào để người đọc biết ý ông ra sao.”

Hai ông Lê Hiếu Đằng và Hồ Ngọc Nhuận nên xem lại mình có ngây thơ không, khi nói rằng: “Chủ trương không đa nguyên đa đảng chỉ là chủ trương của Đảng, chứ chưa có một văn bản nào cấm điều này? Mà nguyên tắc pháp lý là điều gì luật pháp không cấm chúng ta đều có quyền làm. Đó là quyền công dân chính đáng của chúng ta.” Các ông quên rằng hai ông cũng như toàn dân nước ta đang sống dưới chế độ độc tài toàn trị của ĐCSVN hay sao? Xưa nay có bao giờ ĐCS coi trọng luật pháp, coi trọng nguyên tắc pháp lý đâu, tất cả những thứ đó trong mắt đám cầm quyền CS chỉ là những quan niệm tư sản về pháp quyền phải vứt bỏ. Ngoài miệng họ vẫn nói “thượng tôn pháp luật”, nhưng đó là thứ “pháp luật phi pháp” của họ thôi mà họ bắt người dân phải theo! Thực ra họ có coi pháp luật ra cái gì đâu? Thế thì mấy chữ của ông Lê Hiếu Đằng “Cần cho lập thêm các đảng đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam” có nghĩa lý gì với họ?

Thành thật mà nói, đọc những điều hai ông nói và viết về dân chủ đa đảng và về Đảng Xã hội-Dân chủ, chúng tôi thấy rằng nhận thức của hai ông còn... – xin đừng giận vì lời nói thẳng – thô thiển và mơ hồ. Về vấn đề này, chúng tôi hoàn toàn đồng tình với nhà báo Ngô Nhân Dụng, viết trong bài “*Ông Hồ Ngọc Nhuận cần đổi cách suy nghĩ*”. Ông Ngô Nhân Dụng có lời khuyên rất chí lý: “Trong lúc tranh đấu để thiết lập một xã hội dân chủ tự do chúng ta cần sống theo lối tự do dân chủ”. Chúng xin nói thêm: Mà muốn sống theo lối tự do dân chủ thì phải hiểu thấu đáo xã hội dân chủ tự do đích thực nó phải như thế nào?

Cũng như khi kêu gọi thành lập Đảng Xã hội-dân chủ thì phải hiểu thấu đáo về chủ nghĩa xã hội-dân chủ, về lịch sử của phong trào xã hội-dân chủ thế giới, về mục tiêu của chủ nghĩa đó qua các thời kỳ lịch sử cũng như về cương lĩnh của Đảng Xã hội-dân chủ, phải nói rõ sự khác biệt to lớn của mục tiêu của chủ nghĩa xã hội-dân chủ so với chủ nghĩa xã hội-chuyên chính vô sản, tức là chủ nghĩa xã hội-độc tài của những người cộng sản. Đáng tiếc là hai ông Lê Hiếu Đằng và Hồ Ngọc Nhuận đã không làm được điều đó. Có chỗ ông Lê Hiếu Đằng lại viết ông muốn “thành lập một đảng mới,

chẳng hạn như đảng Dân chủ-Xã hội”. Người đọc cảm thấy dường như ông chưa chắc chắn lắm, hoặc chưa quyết định dứt khoát. Thế thì làm sao người ta có thể đáp ứng lời kêu gọi của ông?

Tôi ngạc nhiên khi nghe Luật gia Lê Hiếu Đằng trả lời phóng viên RFI, ông nói rằng ông “phân tích theo quan điểm Mác-Lênin thôi”, dựa theo những điều ông đã “học abc của chủ nghĩa Mác-Lênin” thì ông thấy chế độ độc đảng là “vô lý, cái này nó phản lại (ý nói chủ nghĩa Mác-Lênin)”. Như vậy là ông không biết rằng cái gọi là “chủ nghĩa Mác-Lênin” của Lenin và Stalin bao giờ cũng chủ trương độc đảng, tức là chỉ một mình đảng cộng sản độc tôn thống trị, cái đó Lenin gọi là “hegemonia” (Nhà xuất bản Sự Thật dịch là độc quyền lãnh đạo) của ĐCS. Chính cái đó mới đề ra chế độ độc tài toàn trị CS với nguyên tắc “chuyên chính vô sản” – đó là nguyên nhân của mọi tai họa của Đất nước và Dân tộc VN ta! Thế mà ông Lê Hiếu Đằng lại cho chế độ độc đảng là “vô lý, cái này nó phản lại” chủ nghĩa Mác-Lênin!

Tôi giật mình khi thấy ông nói rằng: “Trong cuốn *“Mao Trạch Đông ngàn năm công tội”* ông đại tá nói thời kỳ Mao già rồi cũng nghiêng về khuynh hướng dân chủ xã hội của Hệ Nhị Quốc tế, rồi bản thân ông cũng đề nghị như vậy”! Có thể nào một người đang kêu gọi thành lập Đảng Xã hội-Dân chủ lại có thể mơ hồ đến thế về tên độc tài CS đầm máu nhất nhì thế giới của thế kỷ 20?

Hai ông Lê Hiếu Đằng và Hồ Ngọc Nhuận kêu gọi các đảng viên cộng sản ra khỏi Đảng để thành lập Đảng Xã hội-Dân chủ đối lập với ĐCS. Có lẽ hai ông chưa nghĩ sâu rằng: nếu một Đảng Xã hội-Dân chủ chỉ gồm rất những đảng viên cộng sản cũ thì cái Đảng Xã hội-Dân chủ đó có thể bảo đảm thực hiện đúng tinh thần và thực chất của chủ nghĩa xã hội-dân chủ đích thực hay không? Hay một thời gian nào đó, đảng ấy sẽ mất đi tính đối lập mà quay trở lại thỏa hiệp với đảng cầm quyền? Một Đảng Xã hội-Dân chủ kiểu đó có khả năng thâm nhập được vào đại chúng không? Hay nó chỉ tự đóng mình trong câu lạc bộ “các cụ lão thành cựu đảng viên CS”? Vì sao hai ông không đặt vấn đề rộng rãi hơn, không kêu gọi các tầng lớp khác, thanh niên, công nhân, lao động, trí thức, nông dân, doanh nhân, trại chủ cùng tham gia Đảng Xã hội-Dân chủ? Chính những lớp người này không bị những nếp nghĩ theo

lối CS hằn sâu trong óc, không bị nhiễm sâu trong máu những tư tưởng, phong cách CS mới có khả năng tiếp thụ chủ nghĩa xã hội-dân chủ đích thực, mới có khả năng cạnh tranh với ĐCS và ít khuynh hướng thỏa hiệp với ĐCS. Cạnh tranh thật sự với ĐCS, đối lập chính trị thật sự với ĐCS thì mới có hy vọng thay đổi chính quyền qua các cuộc bầu cử tự do, chứ nếu cứ nghĩ rằng “cùng hợp tác (với ĐCS) để thúc đẩy xây dựng dân chủ cho nước Việt Nam” thì e rằng chẳng mấy chốc Đảng Xã hội-Dân chủ chỉ gồm các cựu đảng viên CS sẽ trở thành “cái đuôi” của ĐCS!

Dù chúng tôi có nhiều thiện cảm với chủ nghĩa xã hội-dân chủ, nhưng để đấu tranh với ĐCS, chúng tôi nghĩ rằng không nhất thiết đảng đối lập phải là (hoặc chỉ là) Đảng Xã hội-Dân chủ mà còn cần đến nhiều đảng khác nữa, nhiều tổ chức, nhiều phong trào, nhiều diễn đàn, nhiều mặt trận, nhiều liên minh, ngay cả nhiều hội đoàn có hay không có tính chính trị nữa. Mỗi đảng, mỗi tổ chức đại biểu cho một lớp người có ý hướng, có quyền lợi, có mục tiêu, có sở thích... giống nhau, tất cả những cái đó hình thành một xã hội dân sự mạnh mẽ mới có khả năng đối lập với ĐCS và chính quyền CS.

Dù rằng trong nhận thức, quan niệm hoặc cách diễn đạt hai ông Lê Hiếu Đằng và Hồ Ngọc Nhuận còn có chỗ bất cập, thiếu sót, nhưng hai ông đã can đảm gióng lên tiếng nói chính nghĩa trong lúc nhiều người còn mê ngủ. Điều đó thật đáng hoan nghênh.

Nguyễn Minh Cần, ngày 01/09/2013

**Nội dung bài viết không phản ánh quan điểm của RFA*

1. Người viết cố ý không dùng tên Nguyễn Ái Quốc, vì đó là một bút danh tập thể của một nhóm người mà ông Nguyễn Tất Thành đã chiếm làm của riêng.

2. Trích từ sách *“Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch”* của Trần Dân Tiên.

3. Trích từ bài *“Con đường dẫn tôi tới chủ nghĩa Lenin”* của Hồ Chí Minh.

4. Lời của Hồ Chí Minh được nhắc lại trong bài *“Từ Nguyễn Tất Thành đến Hồ Chí Minh”* của Lữ Phương.

ĐÒN KHẤY TAI TRÂU

Huỳnh khắc Sĩ, CPA, CGA

Cựu LS Tòa thượng thẩm Sài Gòn

Năm 2013, ở VN có nhiều phong trào ra mặt chống đối chế độ độc đảng chánh quyền CS. Họ yêu cầu sửa đổi Hiến Pháp (HP), thiết lập chế độ đa đảng. Cụ thể họ đòi hỏi chánh quyền hủy bỏ điều 4 HP 1992 ban cho đảng CS độc quyền cai trị đất nước. Như kiến nghị của nhóm 72 người gồm nhân sĩ, trí thức, đảng viên cao cấp CS về hưu; tuyên bố của nhóm Các công dân tự do; thư ngỏ của Hội đồng Giám mục VN; tuyên bố của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tăng Thống Giáo hội Phật Giáo VN Thống nhất; lời kêu gọi của Cụ Lê quang Liêm, Hội trưởng Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo Thuận Túy, và nhiều diễn đàn (forum) mới xuất hiện trong đó đăng nhiều bài viết chỉ trích những sai lầm CS, được hàng ngàn chữ ký ủng hộ đa số là cựu đảng viên với đầy đủ tên tuổi.

Hiến pháp là văn kiện luật pháp có hiệu lực cao nhất trong một quốc gia, chỉ có CSVN mới cho rằng “Cương lĩnh đảng” của họ cao hơn HP. Cho nên sửa đổi HP là một việc quan trọng, không phải là chuyện xảy ra hàng ngày, hàng năm.

Phản ứng chánh quyền CS lần này, tỏ ra nhẹ tay hơn, không hành động mạnh mẽ, trừng phạt, bắt bớ như vài năm trước đây. Có lẽ họ bị áp lực từ nhiều phía, trong nước cũng như ngoài nước, ngay cả chia rẽ thành bè nhóm cùng quyền lợi trong nội bộ đảng. Tuy nhiên, rốt cuộc đầu cũng vào đó, y như “đòn khẩy tai trâu”, Đảng CS không nghe theo lời dụ ngọt, cứ tiếp tục ngoan cố, bất chấp đòi hỏi chánh đáng của nhân dân. Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Quốc Hội bỏ nhin CS “biểu quyết” thông qua Dự thảo HP mới, với 486/488 đại biểu tán thành (2 phiếu trắng !), trong đó quy định những điểm căn bản, chẳng hạn như:

- Đảng lãnh đạo xã hội toàn diện, tuyệt đối
- Trung thành với chủ nghĩa Mác Lê và tư tưởng Hồ Chí Minh
- Kinh tế quốc doanh chủ đạo kinh tế thị trường

theo định hướng xã hội CN

- Các lực lượng vũ trang phải trung thành với Đảng CS. (Quân đội một nước là để chống ngoại xâm, trung thành, bảo vệ tổ quốc, nhân dân. Chỉ có CSVN mới coi thường vai trò quân đội như thế! Điều này chứng tỏ họ bắt đầu sợ nhân dân nổi lên lật đổ họ, lúc đó họ dùng quân đội bảo vệ mạng sống của mình). (điểm mới thêm trong HP 2013)

- Chủ tịch nước là người nắm các lực lượng vũ trang (công an, quân đội), giữ chức chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh. (điểm mới thêm trong HP 2013)

HP mới chính thức có hiệu lực vào ngày 1/1/2014. Như vậy, kể từ ngày này, quân đội, công an được đặt dưới sự điều động của Trương Tấn Sang, không còn trong tầm tay của Nguyễn Tấn Dũng nữa. Đây là kết quả sự tranh giành quyền lực giữa 2 nhóm trong nội bộ Đảng CS xảy ra từ nhiều năm nay như dư luận trong nước đồn đãi.

Ta thấy HP 2013 không khác gì HP 1992, mà còn có nhiều điểm tệ hơn, thụt lùi. CS thật là ngoan cố, khinh thường ý dân. Họ muốn độc quyền cai trị cho tới khi nào ? Không lẽ cho tới cuối thế kỷ 21 như Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng mới đây có nói bóng gió rằng “cho đến cuối thế kỷ 21 chủ nghĩa CS cũng vẫn chưa hoàn hảo”. Họ chỉ thay đổi khi nào bị bắt buộc, khi họ quỳ gối trước sức mạnh nhân dân.

Trong cuộc đấu tranh nào cũng vậy, có 2 bên. Bên mạnh sẽ thắng, bên yếu sẽ thua. Để thắng CS, sức mạnh của ta dựa vào đâu? Nhất định phải đứng về chánh nghĩa, dựa vào lòng dân. Ngày nay, trừ một số ít người ích kỷ đang hưởng, dưới nhiều hình thức khác nhau, đặc quyền đặc lợi, bổng lộc của CS, ai ai cũng chán ghét CS, không chấp nhận con đường CS có thể đem lại đem lại công bằng xã hội, kinh tế thịnh vượng lâu dài cho đất nước.

Trước 1975, trong thời gian chiến tranh, CS còn

sống trong rừng bụi, trốn trong ao hồ, di chuyển bằng thuyền 3 lá, chỉ biết cầm mã tấu, cầm súng để “giải phóng”, đi tìm “thiên đường CS”. Lúc đó còn nghèo khó, giữa họ không có tranh giành miếng ăn, phân chia thành nhóm. Yếu tố đoàn kết đã giúp họ thành công.

Tuyên truyền là đường lối tranh đấu quan trọng nhất nhì đối với CS. Họ có rất nhiều kinh nghiệm do CS quốc tế dạy cho. Như ta đã thấy ngay từ lúc bắt đầu chống Pháp, Hồ Chí Minh cho thành lập trước tiên đoàn thanh niên tuyên truyền cho lực lượng nòng cốt của mình. Với kỹ thuật khéo léo, xảo quyệt, nhiều người nhẹ dạ bị họ lừa gạt, sai lầm cho rằng họ có chánh nghĩa, còn ta phi chánh nghĩa. Ta không thua họ trong các trận đánh trên đất nước VN, mà thua họ trên diễn đàn quốc tế, do các “Phong trào hòa bình” trên đất Mỹ. Cố Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu, đã từng kêu gọi mọi người, lập đi lập lại không biết bao nhiêu lần trên đài truyền hình “đừng nghe những gì CS nói, hãy nhìn những gì CS làm”. Điều ông nói là sự thật, thế mà không được nghe theo. Có lẽ bởi vì vào thời đó kỹ thuật truyền thông của chúng ta còn nhiều khuyết điểm, không đủ mạnh truyền bá chánh nghĩa QG.

Ngày nay chúng kiến tận mắt thành quả thâm “thiên đường CS” gần 40 năm qua, dân VN quá thất vọng, biết mình sai lầm. Người ta không thấy những gì tốt đẹp như CS hứa hẹn, mà chỉ thấy những điều bất công, những kẻ tham nhũng lên mặt. Thấy những mái nhà lá lụp xụp của dân nghèo nằm cạnh bên những biệt thự đồ sộ của những cán bộ cao cấp; thấy nhiều cô gái nghèo không có việc làm đành phải kết hôn với người Đài Loan, Nam Hàn... để được một số tiền gửi về nuôi cha mẹ già; thấy các con ông cháu cha tha hồ phung phí tiền những lạm, do ông cha họ ăn cắp của người dân nghèo đói, rách nát. Chính con đường CS đã dẫn VN đến thảm trạng này và nhân dân VN sẵn sàng trừ bỏ nó.

Trước 1975, không phải chỉ có nhân dân VN, mà ngay cả thế giới cũng bị CS lừa gạt, hiểu lầm về ta. Ông Morley Safer, một nhà báo Gia nã đại, trước 1975 làm việc tại Saigon, tường thuật việc Tướng Nguyễn Ngọc Loan bắn vào đầu một tên CS tại Saigon, kèm với bức ảnh. Hình ảnh này là một cú “choc” lớn đối với thế giới, làm họ nghĩ rằng phía chúng ta không nhân đạo, mất thiện

cảm với ta. Một số người cho rằng chính những bài tường thuật của ông đã khiến cho VNCH thua cuộc. Vào năm 1990, CS còn nhớ đến những bài ông viết có lợi cho mình, mời ông vào tham quan VN. Khi trở về nước, ông viết quyển “Flashbacks on returning to VN” coi như để tạ lỗi, vì đã hiểu lầm về chiến tranh VN. Trong quyển sách này ông kể ra bao nhiêu gian trá, bịp bợm của CS.

Ông Robert Templer, một nhà báo người Anh, tới Saigon năm 1994 với tư cách phóng viên AFP và ở lại đây 3 năm để tìm hiểu VN. Năm 1999, ông cho xuất bản quyển “shadows and wind”. Tạp chí Financial Times phê bình quyển sách này như sau: “Ông Templer đã phá tan các huyền thoại đã từng hướng dẫn sai lầm dư luận thế giới về cái đất nước cực kỳ khôn khổ này”.

TS Roger Canfield, người Mỹ, vào năm 2010, cho in quyển “Comrades in arms: How the Americong won the war in VN”. Trong tác phẩm của mình, chữ Americong ông muốn ám chỉ những người có quốc tịch Mỹ, đã có những hành động trực tiếp hoặc gián tiếp giúp cho CS chiếm miền Nam VN, cả những người đang “ăn cơm USA thờ cha CS”. Chính những người Americong này sẽ làm chậm trễ sự thành công trong cuộc tranh đấu nhân quyền cho VN.

Ngày nay, nói về chánh nghĩa, lẫn ranh phân chia hai phía Quốc gia-Cộng sản rõ ràng hơn trước đây. Trong tâm tư người Việt, hai chữ Quốc gia tượng trưng cho tự do dân chủ mà dân tộc VN đang chờ đợi. Còn hai chữ CS ngược lại tượng trưng cho tà phái phi chánh nghĩa, một điều sỉ nhục mà ai cũng muốn né tránh. Những năm gần đây ta thấy ở Mỹ xảy ra nhiều vụ kiện về tội mạ ly giữa người Mỹ gốc Việt. Ông A thưa ông B về tội mạ ly, phỉ báng vì B công khai nói mình là VC. A cảm thấy bị sỉ nhục, thưa B ra tòa về tội mạ ly. Chẳng những không hãnh diện mà còn là một điều sỉ nhục. Điều này cho thấy rằng VC đã hết thời và chánh nghĩa QG càng ngày càng sáng tỏ.

Để cho dễ nhận thấy hơn, tôi xin lấy thí dụ sau đây. Có 2 công ty cạnh tranh trên thị trường tự do về một sản phẩm của mình. Sản phẩm của “Công ty QG” có phẩm chất tốt vì được sản xuất bằng chất liệu chánh nghĩa, còn sản phẩm của “Công ty CS” là món hàng hư thối. Giữa 2 sản phẩm này, xấu tốt rõ ràng phân biệt, giới tiêu thụ chọn hàng

nào ? Dĩ nhiên họ sẽ mua hàng tốt, là hàng của “Công ty QG”. Được lợi thế là phẩm chất tốt, nếu có được chương trình quảng cáo quy mô, làm cho giới tiêu thụ thấy được sự khác biệt tốt xấu này, thì nhiều người sẽ mua hàng của mình, lợi nhuận sẽ cao, “Công ty QG” sẽ phát đạt, “Công ty CS” sẽ bị đóng cửa, phá sản, không ai mua hàng thối của họ. Đó là lý lẽ đương nhiên theo đường lối “marketing”. Tôi tin rằng 3 triệu Việt kiều sẽ ủng hộ “Công ty QG”, điều mà VC sợ hãi vô cùng. Phải công nhận rằng, sống mấy chục năm nay ở hải ngoại, trong môi trường thật sự tự do, 3 triệu người Việt kiều có ít nhiều suy tư và hành động khác nhau, không đơn giản. Nhưng chắc chắn họ có điểm giống nhau, đều cho rằng VC là tà phái, độc tài. Ban quản trị “Công ty QG” tìm ra phương cách giải thích cho giới tiêu thụ ngoài nước cũng như trong nước biết rõ hơn nữa về món hàng xấu phi chánh nghĩa “Công ty CS”.

Trong cuộc tranh giành thị trường này, CS không phải khoan tay ngồi yên xem ta làm. Họ xem đây là mặt trận quan trọng có tánh cách chiến lược, quyết định sự tồn vong của họ. Họ biết rõ, ở hải ngoại, họ không thể hăm dọa, đàn áp như họ làm đối với người trong nước. Họ biết rõ hơn ai hết, trước đây họ thắng ta là nhờ dùng vào mảnh lời gian xảo lừa gạt dư luận thế giới. Họ sẽ lại áp dụng kỹ thuật này trên mặt trận Việt kiều. Họ sẵn sàng tung tiền, dùng mọi mảnh khoe xảo quyết, như chia rẽ, vu khống, mua chuộc xâm nhập vào các hội đoàn. Họ sẽ trông cậy vào những kẻ “ăn cơm tự do, thờ cha CS”. Ta đã thấy và sẽ thấy xuất hiện nhiều tờ báo, nhiều đài truyền hình có chủ trương tuyên truyền binh vực cho CS. Nên nhớ rằng, về truyền thông, đường lối của CS là: “ai không chống tôi, là bạn của tôi”. Cho nên với những tờ báo tuy không công khai khen CS, nhưng cũng không chỉ trích, chê bai, ta cũng nên tự đặt câu hỏi về lập trường chống cộng của họ. Nhưng giấy làm sao gói được lửa, nhất là ngọn lửa hùng hực phát xuất từ lòng yêu nước của dân tộc VN.

Cuộc tranh đấu này lại càng phức tạp, khó khăn hơn, vì VC hiện nay được ông chủ phía Bắc coi như một đầy tớ trung thành nhất, có khả năng bảo vệ hữu hiệu quyền lợi của mình tại VN. Hãy nhìn biên giới phía Bắc VN bị thu hẹp, quặng mỏ bauxite ở vùng đất chiến lược Tây nguyên được

giao cho người anh khai thác, cũng như nhiều quần đảo phía Đông nay trở thành đất của Bắc Kinh, thì rõ. Đây là lần bán đất bán biển đầu tiên xảy ra trong lịch sử VN. Hành động tội lỗi bán nước này do nhóm “Hán ngụy” làm ra. Thỉnh thoảng ta thấy truyền thông nhà nước khoe khoang sức mạnh vũ trang của mình do Nga cung cấp, hoặc rầm rộ loan tin nhiều nơi tịch thu hàng hóa Trung quốc có chất độc, đó chỉ là một thứ hỏa mù dùng để che đậy một liên hệ chủ tớ. Nhóm Hán ngụy này đang cai trị VN, không có nhiều người, nhưng họ có thế mạnh và nhiều tiền. Họ muốn nắm quyền cai trị mãi mãi. Những cuộc biểu tình của thanh niên, sinh viên trong nước phản đối chánh sách bành trướng bá quyền Đại Hán, bị họ đàn áp. Có được đệ tử trung thành như vậy, sự phụ sẽ làm mọi thứ để bảo vệ che chở cho nhóm đàn em trung thành “Hán ngụy”.

Dẫu khó khăn đến đâu đi nữa, ta vẫn kiên trì tranh đấu. Thế nào ta cũng thắng, vì ta có chánh nghĩa. Để thắng CS chúng ta theo đường lối dân chủ như các nước Tây phương, tôn trọng nguyên tắc: ý dân là ý Trời, người dân dùng lá phiếu quyết định thể chế chánh trị của mình. Trước mắt, việc chúng ta nên làm là làm sao để huy động 3 triệu bà con ở hải ngoại nhập cuộc một cách tích cực hơn nữa. Đây là một lực lượng nồng cốt nhằm yểm trợ, nuôi dưỡng sức đấu tranh nhân dân trong nước, đợi cho đến ngày toàn dân nổi dậy đuổi bọn “Hán ngụy” bán nước, độc tài đảng trị, như các quốc gia Đông Âu. Coi chừng, lúc đó nhóm người ngoan cố sẽ không nghe được những lời chỉ trích nhỏ nhẹ nữa, mà chỉ nghe thấy những sự trừng phạt gắt gao của lẽ phải.

Huỳnh Khắc Sĩ

Tài liệu tham khảo:

- Bản dịch của Ông Lê Bá Hùng:

Quyển “Comrades in arms, how the Americans won the war in Viet Nam”, tác giả Roger Canfield

- Tin tức trên các mạng trong nước.

NĂM NGỌ NÓI CHUYỆN NGỰA



(Giáp Ngọ từ 31-01-2014 đến 18-02-2015)

(Trích dẫn tác phẩm Tử-Vi & Địa-Lý Thực-Hành của Gs Hàn Lâm **Nguyễn-Phú -Thứ**)

Sau năm Quý Ty chấm dứt, thì đến năm Giáp Ngọ được bàn giao từ giờ giao thừa bắt đầu giữa đêm thứ năm, 30-01-2014 để cầm tinh đến 24 giờ đêm 18-02-2015. Năm Giáp Ngọ này thuộc hành Kim và mạng Sa Trung Kim, năm này thuộc Dương, có can Giáp thuộc mạng Mộc và có chi Ngọ thuộc mạng Hỏa. Căn cứ theo luật thuận hợp hay khắc kỵ của Ngũ Hành, thì năm này “Can Trời sinh Chi Đất” tức “mạng Mộc sinh mạng Hỏa”. Bởi vì: mạng Mộc bị sinh xuất, mạng Hỏa tức Đất được sinh nhập. Do vậy, năm này tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như người có: mạng Mộc gặp năm mạng Thủy - mạng Thủy gặp năm mạng Kim.- mạng Kim gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa và mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc. Được biết năm Ngọ vừa qua là năm Nhâm Ngọ thuộc hành Mộc, nhằm ngày thứ ba, 12-02-2002 đến 31-01-2003.

Căn cứ theo Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông xuất hiện được minh định quảng bá từ năm 61 của đời Hoàng Đế bên Tàu, bắt đầu năm 2637 trước Công Nguyên, cho nên chúng ta lấy $2637 + 2014 = 4651$, rồi đem chia cho 60 năm, thì có kết quả Vận Niên Lục Giáp thứ 77 và số dư 31 năm bắt buộc rơi vào Vận Niên Lục Giáp thứ 78 bắt đầu từ năm 1984 đến năm 2043. Do vậy, năm Giáp Ngọ 2014 này là năm thứ 31 của Vận Niên Lục Giáp 78 và năm Ngọ kế tiếp sẽ là năm Bính Ngọ thuộc hành Thủy, nhằm ngày thứ ba tính từ 17-02-2026 đến 05-02-2027. Trong thành ngữ, tục ngữ người ta thường nói, xin trích dẫn như sau: Như Ngựa bắt kham - Quất Ngựa truy phong - Thẳng như ruột

Ngựa - Tàn che Ngựa cỡi - Ngựa bốn chân còn vấp - Ngựa chạy đường dài - Ngựa chạy về ngược - Ngựa háu đá - Ngựa gây hổ mặt người nuôi - Ngựa hồn quen đường - Ngựa qua cửa sổ - Ngựa quen đường cũ - Ngựa xe như nước - Ngựa kéo Voi giày - Tái ông thất Mã (*) - Thiên binh vạn Mã (*) .v.v. (Thành Ngữ). (*) Ngựa tức Ngọ hay Mã có ý nghĩa giống nhau.

Một con Ngựa đau cả tàu không ăn cỏ - Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn - Đường dài mới biết Ngựa hay - Ngựa lẻ tẻ cũng đến bến giang - Ngựa hồ thương gió heo may .v.v. (Tục Ngữ).

Ngoài ra, con Ngựa là loại thú vật xưa kia ở trong rừng và đã được loài người thuần hóa để trở thành gia súc như những thú vật trong nhà như: Chó, Mèo, Gà, Vịt v.v. Để rồi, con ngựa được giúp đỡ con người trong mọi công việc như di chuyển, chuyên chở cho đến chiến tranh v.v. chúng nó có những màu như sau:

Ngựa bạch = Ngựa có lông màu trắng.

Ngựa Kim = Ngựa có lông màu trắng mốc.

Ngựa Kim Than = Ngựa có lông trắng ít, đen nhiều.

Ngựa Kim Lem = Ngựa có lông trắng và đen pha trộn lẫn nhau.

Ngựa Kim Lân = Ngựa có lông đốm trắng đen.

Ngựa Bích = Ngựa có lông ngã màu xanh.

Ngựa Ô = Ngựa có lông màu đen tuyền.

Ngựa Tía = Ngựa có lông ngã màu đỏ tía.

Ngựa Hồng = Ngựa có lông ngã màu ửng hồng.

Ngựa Đạm = Ngựa có lông ngã màu vàng lợt.v.v.

Hơn nữa, mỗi loài ngựa có sanh hoạt riêng như sau:

Ngựa ruồi = Ngựa chạy.
 Ngựa Tể = Ngựa chạy đua nước lớn.
 Ngựa Kiệu = Ngựa chạy lúp xúp.
 Ngựa sải = Ngựa nhẩy sải.
 Ngựa Sa Hoàng = Ngựa dừ, Ngựa đi quá sức.
 Ngựa Bền = Ngựa chạy dai sức.
 Ngựa Bở = Ngựa chạy yếu sức.
 Ngựa Nục = Ngựa mập béo quá.
 Ngựa Lao = Ngựa thường đau ốm mất sức.
 Mặt Ngựa = Thường để chỉ những người có gương mặt dài giống như mặt ngựa...

Con Ngựa tức con Mã, cho nên có những từ ngữ như sau:

Mã Binh = Binh lính cỡi Ngựa
 Mã Đề = Loại cây lớn lá, giống cái móng ngựa, thường dùng để làm vị thuốc mát.
 Mã Tiên Thảo = Tức loại cỏ roi ngựa.
 Thương Mã = Lên ngựa.
 Hạ Mã = Xuống ngựa.
 Xa Mã = Xe ngựa.
 Xa Song Mã = Xe 2 con ngựa.
 Cung Mã = Cung ngựa, đồ kỵ mã.
 Hành Thuyền Kỵ Mã Tam Phân Mạng = Đi thuyền, cỡi ngựa, mạng sông có ba phân, để chỉ sự nguy hiểm.

Long Mã Phụ Đồ = Ngựa rồng đội họa đồ. Vua Phục Hi nhờ đó vẽ nên Bát Quái.

Thượng Mã Phi Đề = Chỉ người sải ngựa mang giấy tờ đưa đi cho quan khấn cấp.

Ngoài ra, chúng ta còn thấy các danh từ: Mã Giáp, Mã Nảo, Thợ Mã, Đồ Mã, Tốt Mã, Thượng Mã Phong hoặc trong dân gian thường nói như:

- Trường đồ tri Mã lực
- Tiên trường bát cập Mã phúc = Roi dài không thấu bụng Ngựa. ...v.v.

Đặc biệt, chúng ta còn thấy những giống mang tên Ngựa, nhưng có hình dạng đặc biệt khác loài Ngựa, xin trích dẫn như sau:



Con Hà Mã = L' hippopotame (n.m) = The hippopotamus, có thân hình lớn con như: Voi hoặc Tê Giác hay Trâu, lại hiền lành thường trắm mình dưới nước nơi sông hồ ở Phi

Châu cả ngày không biết lạnh, cho nên con Hà Mã có người gọi con Trâu Nước hay Ngựa Sông chăng?.



Con Hải Mã = Le cheval marin = The sea horse hoặc có người gọi con Cá Ngựa = L' hippocampe = The hippocampus. Con Hải Mã thường ở vùng biển ấm, nó lội đứng như ngựa sải, thân hình nó ít thịt nhiều xương. Tuy vậy, người ta cũng bắt nó rồi đem phơi khô, rồi đốt tán nhuyễn để trị bệnh suyễn hay trảng dương bổ thận.

Ở Phi Châu cũng có một giống Ngựa Rằn = Le zèbre = The zebra mình có sọc ngang.



Ở Hy Lạp thời xưa, cũng xuất hiện một giống Ngựa có đôi cánh để bay, được gọi là Phi Mã.

Đó là những loài Ngựa đặc biệt, hơn các loại Ngựa thông thường.

Trong năm Giáp Ngọ tức là năm do con Ngựa hay con Mã cầm tinh. Vậy, chúng ta thử tìm hiểu con Ngọ như thế nào?

Ngọ tức là con Ngựa = Le cheval, đứng hạng thứ 7 của 12 con vật trong Thập Nhị Địa Chi, chúng ta cũng thường thấy những từ ngữ nói về Ngọ như sau :

Giờ Ngọ = là giờ từ 11 giờ đến đúng 13 giờ.

Đúng Ngọ = 12 giờ trưa.

Thượng Ngọ = Đầu giờ Ngọ.

Trung Ngọ = Giữa giờ Ngọ.

Mạt Ngọ = Cuối giờ Ngọ.

Cung Ngọ = Làm chay cúng khi mặt Trời đứng bóng giữa trưa.

Tháng Ngọ = là tháng năm của năm âm lịch. .
 . v.v.

Nhân đây, nói về Tết năm con Ngựa cầm tinh, xin trích dẫn một trong những món ăn liên quan đến con Ngựa, trong dịp Bà Từ Hi Thái Hậu, đời nhà Thanh Trung Hoa, khoản đãi phái đoàn sứ thần thuộc các quốc gia Tây Phương, nhân dịp mừng Xuân Canh Tý 1874. Tiệc được chuẩn bị 11 tháng 6 ngày trước, có 1750 người phục vụ, tốn kém 98 triệu hoa viên thời bấy giờ tương đương 374 ngàn lượng vàng ròng, gồm 400 thực khách và kéo dài suốt 7 ngày đêm bắt đầu giờ giao thừa Tết nguyên đán năm Canh Tý.

Đó là món Phương Chi Thảo như sau: Phương Chi Thảo là loại cỏ Phương Chi. Tương truyền Hoàng Đế Khang Hy nhà Thanh khi còn sanh tiền rất háo sắc, nhưng có tài y thuật cao cường. Vì vậy, dù có hằng trăm cung tần mỹ nữ cung phụng, nhà vua vẫn khỏe mạnh, vì tự bồi dưỡng cường lực bằng dược chất. Nhưng, lúc tuổi già vua mắc phải chứng bệnh khan háo trong ngũ tạng mà tự mình không thể chữa được, bao nhiêu ngự y đại tài của triều đình cũng bó tay, vua phải bỏ cáo tìm danh y, thần dược trong dân gian. Ngày nọ, có một dị nhân xin yết kiến rồi móc trong người ra một bó cỏ rất lạ, rễ xanh, lá dài như lá hẹ nhưng màu đỏ tía, ngọn lại trắng. Vua biết là cỏ quý nên hỏi, dị nhân trả lời. Đó là cỏ Phương Chi mọc trên đỉnh Thái Hàng Sơn hướng về mặt trời, đặc biệt chỉ mọc một lần trên một tảng đá duy nhất cao và chênh vênh vào dịp Trung Thu năm nhuận, cỏ này chỉ sống trong khoảng 30 đến 45 ngày, lúc gặp ngọn gió bắc đầu mùa thì lập tức bị khô héo. Việc hái cỏ cũng rất công phu, phải dắt theo một con Ngựa toàn bạch lên đỉnh núi cao trước một ngày, đợi khi mặt trời vừa mọc lên, mới đem Ngựa tới phiên đá để con Ngựa ăn cỏ Phương Chi, khi Ngựa vừa ăn xong, phải lập tức chém đầu và mổ bụng để lấy bao tử mang về chế thuốc phơi khô. Cỏ Phương Chi khi ăn vào làm cơ thể mát mẻ, đồng thời trị tuyệt các bệnh trầm kha hoặc hiểm nghèo. Trong đại tiệc do Từ Hi Thái Hậu khoản đãi, Phương Chi Thảo được nấu chung với Long Tu (Râu Rồng), thực khách ăn xong cảm thấy tinh thần vô cùng sảng khoái, cả tháng sau không khát nước cũng không mệt mỏi. (tài liệu này do Một Sách sưu tầm và tường thuật).

Trước khi tạm kết thúc bài này, tôi xin trích dẫn thời gian 10 năm những năm con Ngựa vừa qua và sắp tới có Hành như thế nào? để công hiến

quý bà con đồng hương nhân lãm hoặc xem mình có phải sanh đúng năm Ngọ hay không như dưới đây :

Tên Năm	Thời Gian	Hành Gì?
Bính Ngọ	25-01-1906 đến 12-02-1907	Thủy
Mậu Ngọ	11-02-1918 đến 31-01-1919	Hỏa
Canh Ngọ	30-01-1930 đến 16-02-1931	Thổ
Nhâm Ngọ	15-02-1942 đến 04-02-1943	Mộc
Giáp Ngọ	03-02-1954 đến 23-01-1955	Kim
Bính Ngọ	21-01-1966 đến 08-02-1967	Thủy
Mậu Ngọ	07-02-1978 đến 27-01-1979	Hỏa
Canh Ngọ	27-01-1990 đến 14-02-1991	Thổ
Nhâm Ngọ	12-02-2002 đến 31-01-2003	Mộc
Giáp Ngọ	31-01-2014 đến 18-02-2015	Kim

Xuyên qua thời gian năm Ngọ ở trên, chúng ta thấy cứ 12 năm thì năm Ngọ trở lại, nhưng can khác nhau và cứ 60 năm thì năm Ngọ trở lại can giống nhau.

Nhân đây, xin trích dẫn Sấm Trạng Trình (*) dưới đây :

Long vĩ xà đầu khởi chiến chinh,

Can qua xứ xứ khởi đao binh.

Mã đề dương cước anh hùng tận,

Thân Dậu niên lai kiến thái bình.

(*) Đối với Cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) đã viết Sấm Giảng trên 5 thế kỷ kể từ khi Cụ sanh ra đời (1491-2011) làm sao đoán trúng năm nào là năm Ngọ (Mã). Cụ nói, chúng ta chỉ biết sau khi sự việc xảy ra mà thôi.

Kính chúc quý bà con đồng hương năm mới mọi nhà được An Lạc cùng Đắc Thành tất cả.

Hàn Lâm NGUYỄN-PHÚ-THỨ
Mừng Xuân Giáp Ngọ 2014



Con ngựa di theo quan tài TT Reagan

Năm Ngọ tản mạn về ngựa

Nguyễn Trần

Theo thông lệ hằng năm, cứ Tết con gì nói chuyện con đó, năm nay là năm Giáp Ngọ nên tôi lại có dịp tản mạn cùng chư vị độc giả về một con vật oai hùng được nhắc nhở nhiều trong thập nhị địa chi là con ngựa cũng là con vật cầm tinh mạng tuổi của người viết.

Về đời sống khoa học, loài ngựa hoang hiện diện trên quả đất này từ 55 triệu năm qua, nhưng chỉ được con người thuần hóa vào khoảng 4.000 năm trước Công Nguyên.

Còn về sự sinh sản thì ngựa cái (Mares) mang thai tới 340 ngày và thường chỉ sinh ra có một ngựa con. Ngựa là loài sinh vật sớm phát triển, ngựa con (Foal) thường sinh ra vào mùa Xuân và chỉ một thời gian ngắn sau khi sinh là chúng có thể đi đứng chạy nhảy được.

Đời sống trung bình của ngựa từ 25 tới 30 năm. Theo thống kê, con ngựa sống lâu nhất là con Old Billy ở thế kỷ thứ 19 sống tới 62 tuổi. Riêng trong thế kỷ thứ 21 con ngựa đạt kỷ lục sống thọ là con Sugar Puff (có ghi trong sách Guinness) sống được 56 năm, mới chết năm 2007.

Ngựa trung bình cao 1.60m nặng 500 kg, tuy nhiên có giống to lớn như Mammoth cao tới 2.20m và nặng 1.000kg. Ngựa thường có màu trắng, đen, nâu, hạt dẻ. Ngựa chạy trung bình 50 km/giờ. Riêng ngựa đua thì tốc độ có thể lên tới 88km/giờ. Tuổi lý tưởng của ngựa đua là từ 5 tới 8 tuổi là độ sung sức nhất của đời sống con ngựa.

Hiện nay có tới 300 giống ngựa khác nhau trên thế giới.

Theo bộ môn sinh vật học thì ngựa có nhiều danh từ khác nhau tùy theo số tuổi và giới tính:

- Foal: dưới 1 tuổi
- Yearling: 1 tới 2 tuổi
- Colt: từ hai tới 4 tuổi
- Filly: ngựa cái dưới 4 tuổi
- Mare: ngựa cái trên 4 tuổi
- Stallion: ngựa đực không thiên trên 4 tuổi
- Gelding: ngựa đực thiên ở mọi tuổi

Ngựa lùn (Pony) khác với ngựa thường về chiều cao. Pony chỉ cao dưới 1.42m và có bờm dày, đuôi dày và cả thân dày. Chân và cổ ngắn hơn.

Tuy nhiên pony rất nhanh nhẹn khỏe mạnh. Chính vì thế mà trong phim cao bồi viễn tây 1959 Rio Bravo (starring John Wayne, Dean Martin, Ricky Nelson, Angie Dickinson người đẹp tóc vàng chân dài đã có bảo hiểm cặp giò trị giá 2 triệu mỹ kim thời giá thập niên 50) từ ông cò John Wayne cho tới nhân viên cảnh sát sữa Ricky Nelson chưa bắn đã run và cả dân giang hồ tứ chiến như Dean Martin đều xài pony. Thế nên có bản nhạc trong phim là My Rifle, My Pony and Me do hai tài tử ca sĩ Dean Martin và Ricky Nelson hát.

Ngựa có 13 màu khác nhau nhưng tựu trung thường là đen, trắng, xám, nâu hồng. Ngoài ra còn có loại ngựa mà thân mình có những sọc màu đen gọi là ngựa rằn (zebra).

Ngựa có thể ngủ đứng hay nằm và chỉ cần tới 3 tiếng một ngày là đủ nhất là không cần ngủ thẳng một giấc.

Ngựa cần nhiều nước, trung bình một con ngựa phải uống ít nhất là 40 lít nước mỗi ngày.

Theo thống kê của tổ chức Lương Nông Quốc Tế (FAO: Food and Agriculture Organization) thì tổng số ngựa trên thế giới có khuynh hướng giảm dần mỗi năm. Năm 2010 từ tổng số 60.001.310 xuống còn 59.584.428 năm 2011 và tới năm 2012 thì con số là 58.472.151 mà trong đó đứng đầu là Mỹ với 10.150.000 con.

Ngoài ra có những con tuy không thuộc dòng họ ngựa nhưng cũng mượn tên ngựa như cá ngựa (seahorse), bọ ngựa (mantis), hà mã (hippopotamus).

Có lẽ trong các loại gia súc, ngựa là loài thú được nhắc tới nhiều nhất trong lịch sử, trong dân gian và cả huyền thoại.

Nói tới ngựa là phải nhắc tới đoàn ngựa viễn chinh Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn đã chinh phục gần cả Âu Châu kể cả Đức, Nga vào thế kỷ thứ 13. Ngựa Mông Cổ đã mạnh chạy nhanh lại thêm mỗi kỵ sĩ có từ 2 tới 4 con ngựa để thay đổi khi chúng mệt nên đội kỵ binh Thành Cát Tư Hãn đã bách chiến bách thắng tới độ Thành Cát Tư Hãn tự cao ngạo: “Thật là dễ dàng để chinh phục thế giới từ phía sau một con ngựa” (It's easy to

conquer the world from the back of a horse).

Ai đã từng đọc truyện Tam Quốc chắc đều biết tới hai con chiến mã hay cũng có thể gọi thần mã nhưng sát chủ là ngựa Xích Thố và Địch Lư.

Con Xích Thố màu đỏ thẫm vốn là ngựa của tướng trẻ đẹp trai Lữ Bố, sau đó Tào Tháo giết Bố và dâng ngựa quý cho tướng quân Quan Vân Trường để mua lòng. Chính vì điểm này mà sau đó Tào Tháo bị kế hỏa công của Khổng Minh đánh tan tành trên sông Xích Bích, kéo đám tàn quân chạy tới Huê Dung Đạo thì gặp quân của Quan Vân Trường chặn đường, Tháo bèn ca bài con cá nên Quan Vũ nhớ chút ân tình xưa mà tha mạng cho Tào Tháo (Tha Tào) để cam đoan tội và bị quân sư Khổng Minh ra lệnh chém đầu nhưng nhờ có Lưu Bị xin tha.

Riêng ngựa Địch Lư lại là con ngựa màu trắng oan nghiệt sát chủ. Nó là ngựa của Lưu Bị nhường lại cho quân sư Bàng Thống. Thống vì tình nghĩa với Lưu Bị nên tình nguyện mang quân tới Tây Xuyên đánh nhà Thục của Lưu Chương (cháu Lưu Bị) nhưng tới đồi Lạc Phượng thì bị Trương Nhiệm phục binh loạn tiễn cả Bàng Thống và ngựa Địch Lư đều chết.

Dã sử phương Tây cũng có con ngựa nổi tiếng vào thế kỷ 12 là ngựa Trojan Horse hay là ngựa gỗ thành Troy (wooden horse of Troy). Chuyện kể lại cuộc chiến giữa quân Hy Lạp giúp vua Memelaus đánh quân Trojans để đòi vợ là nàng kiều nữ Helen bị hoàng tử Paris dụ dỗ. Tướng tài ba của Hy Lạp là Achilles bị Paris biết Achilles có chỗ tử huyệt là gót chân (Achilles Heel) vì không được thấm máu rồng nên bắn tên vào đó giết Achilles khiến quân Hy Lạp không đánh chiếm được thành Troy. Họ bèn lập mưu chế tạo ra con ngựa gỗ lớn chứa 30 lính thiện chiến trong đó rồi bỏ ngay trước thành Troy. Quân Trojans ăn mừng chiến thắng kéo con ngựa gỗ vào thành như chiến lợi phẩm.

Tới nửa đêm, quân Hy Lạp nằm trong ngựa lặng lẽ mở cửa ngay bụng con ngựa leo xuống mở cổng chính để quân Hy Lạp đang phục kích bên ngoài tràn vào tiêu diệt quân Trojans.

Sài Gòn năm 1956 có chiếu cuốn phim Helen of Troy do nữ tài tử kiều nữ mắt xanh Rosana Podesta và nam tài tử Jack Sernas đóng vai chính đã ghi lại câu chuyện này.



Truyện cổ La Hy cũng có nhắc tới Đại Đế A Lịch Sơn (the Great Alexander) vua xứ Macedonia và là học trò của triết gia Aristote, với con ngựa bất kham Bucephalus (chỉ có ông là người duy nhất thuần hóa được nó) đã chinh phục hết vùng trời Á Rập, Tây Á, Trung Á...truyền bá văn minh văn hóa tới mọi nơi làm rạng danh đế quốc Hy Lạp.



Bức tượng Đại Đế Alexander đang thuần hóa con ngựa Bucephalus

Ngựa rất gần gũi trong đời sống hằng ngày của con người. Thế nên có rất nhiều câu nói mượn ngựa để mô tả nề nếp sinh hoạt, cá tính con người

trong xã hội.

Thí dụ như để chỉ nhân tình chia sẻ với nhau lúc hoạn nạn thì người ta nói “một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ”. Người ta gọi những người còn trẻ hăng say quá lộ là “ngựa non háu đá”. Với những người gian ác kết hợp lại với nhau thì có câu “ngưu tầm ngưu, mã tầm mã”. Muốn đền ơn đáp nghĩa thì “làm thân trâu ngựa, làm thân khuyển mã” (Tái sinh chưa dứt hương thê-Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai-Kiều). Mấy bà già trâu thời xưa thường mắng con gái lả lơi là “Đừng có ngựa quá nha”. Làm việc vất vả cực nhọc quá thì xem như là “thân trâu cày ngựa cỡi”. Giới giàu sang phú quý thì “lên xe xuống ngựa” (Dập dìu tài tử giai nhân, Ngựa xe như nước áo quần như nêm-Kiều). Mùi phú quý như làng xa mã-Bả vinh hoa lừa gã công khanh-Cung Oán Ngâm Khúc). Ca ngợi người độ lượng quân tử là “không đánh người ngã ngựa” hay “anh hùng mã thượng”. Đề cao tình đoàn kết bạn bè qua câu “ ngựa chạy có bầy, chim bay có đàn”. Chỉ tật xấu hay thói quen khó chữa “ngựa quen đường cũ”. Còn với những người tài giỏi nhưng khó tính “ ngựa chững là ngựa hay”. Thời nay mấy cô gái trẻ ngay cả em bé gái thích cột tóc đuôi ngựa (pony tail). Muốn đánh giá việc làm hay thành quả phải xem xét trong một thời gian dài như là “trường đồ tri mã lực-đường dài mới biết ngựa hay”. Việc may rủi ở đời thật khó lường là chuyện “tái ông thất mã”. Một hình phạt tử hình thời cổ xưa là “voi dày ngựa xéo” hay “tứ mã phanh thây”. Trong cuộc tranh tài thể thao có nhiều lúc một đội hay cá nhân không được chú ý mấy vì tầm thường mà giờ chót lại bất ngờ đoạt giải thì người ta gọi là “con ngựa ô” (dark horse). Những teenager bắt đầu lớn lên xinh đẹp thì người ta gọi là “trỏ mã”. Ngựa chạy nhanh gọi là “ngựa phi nước đại” còn chạy chậm lại thì là “nước kiệu”. Ngày xưa các toán quân cỡi ngựa gọi là kỵ binh. Mấy chú nai ngựa đua càng trẻ tuổi càng nhẹ cân càng tốt, nhắc tới ngựa đua là phải nhắc tới trường đua Phú Thọ Sài Gòn là nơi từng giúp cho nhiều người...sớm tán gia bại sản. Cảnh Sát Hoàng Gia Gia Nã Đại (RCMP: Royal Canadian Mounted Police) có một đội cảnh sát viên cỡi những con ngựa to lớn trông thật hùng dũng. Những anh chàng họ Sở sau khi “rời đưa con trong bụng” người đẹp rồi hát bài tàu mã hay là “quất ngựa truy phong”. Ngày xưa ở Việt

Nam, giới trưởng giả có thói quen cầu kỳ nhưng tàn nhẫn là cho ngựa ăn trà rồi mổ bụng lấy trà từ bao tử ngựa pha trà uống mà theo họ là rất thơm ngon và bổ vì trà thấm chất vị toan từ ngựa, đó là “trăm mã trà”. Trên trường chính trị nhiều lúc người lãnh đạo hay giới chức quan trọng bị truất phế rồi thay thế bất ngờ thì người ta gọi là “thay ngựa giữa dòng”. Thời chiến tranh Quốc Cộng, trong lực lượng quân đội đồng minh chiến đấu tại Việt Nam, Đại Hàn có sư đoàn Bạch Mã thiện chiến mà Việt Cộng mỗi khi đụng độ với họ là hồn phi phách tán chạy tóe khói. Đi thăm viếng thắng cảnh trong thời gian ngắn ngủi không thưởng thức gì nhiều thì chẳng khác nào “cưỡi ngựa xem hoa”. Quân sĩ thời xa xưa cưỡi ngựa ra trận bảo vệ giang sơn bờ cõi với lý tưởng “da ngựa bọc thây” (Chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa-Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao-Chinh phụ ngâm khúc). Ám chỉ những người bất lương tàn ác người ta gọi là phượng “đầu trâu mặt ngựa”. Những người có tính cương trực, ăn ngay nói thẳng được xem là “thẳng ruột ngựa” (vì phần ruột già nối từ bao tử tới ruột non ngựa dài cả thước, rất thẳng và to). Con ngựa sắt của Phù Đổng Thiên Vương phun ra lửa chở Ngải đi đánh tan giặc Ân xâm lược.

Trước khi đoàn kỵ binh lên đường giết giặc thì người hậu phượng luôn chúc tụng “mã đáo thành công”. Tướng Triệu Tử Long thời Tam Quốc nhờ có cú hồi mã thương vô địch mà giúp Lưu Huyền Đức gây dựng cơ đồ. Danh thủ cờ tướng Đặng Thanh Mai nổi tiếng một thời Sài Gòn, đánh cờ huê với kỳ vương Hồng Kông Lý Chí Hải nhờ tài xử dụng con ngựa với thế pháo đầu bình phong mã tuyệt chiêu. Đánh cờ tướng mà giải được thế mã thành điền trong vòng chiếu tướng thì cảm chắc cái thắng. Đàn ông lâm chuyện gỏi chần trong khi mệt mỏi có thể bị “thượng mã phong” rồi đi luôn như tài tử Lý Tiểu Long với nàng kiều nữ Đinh Phối. Để chỉ những thuyền trưởng hai tàu (chữ của nhà văn Văn Quang ám chỉ đàn ông hai vợ) mà sống chung hòa thuận trong một nhà- nhà em xin bái phục-người ta có câu ví von là “một ngựa hai yên”, ngược lại cũng có câu phê phán là “ngựa nào mà gác hai yên”. Chiếc xe đạp ngày xưa Việt Nam ta gọi là “ngựa sắt”.

Truyện Tây Du kể chuyện Tôn Hành Giả có 72 phép thần thông biến hóa nhưng bị Ngọc Hoàng ém

tài cho giữ chức vụ Bật Mã Ôn (người giữ ngựa) nên Hành Giả tức giận múa thước báng náo loạn thiên đình. Cũng trong truyện Tây Du con ngựa trắng đưa thầy Đường Tam Tạng qua Tây Phương Phật thỉnh kinh vốn là con rồng thần con Long Vương vì làm bể viên ngọc của Ngọc Hoàng nên bị đày làm ngựa cho Tam Tạng. Còn truyện Bá Lý Hề là người thông minh uyên bác nhưng chưa gặp thời phải lận lộn lao đao còn bị Sở Vương nghi ngờ bắt phải chẵn ngựa mãi tới năm 70 tuổi mới được Tần Mục Công biết là người hiền tài cho đón về phong quan tước Tả Thừa Tướng.



Xe thổ mộ Sài Gòn

Thác Niaga Falls ở Bắc Mỹ gồm có hai thác: thác nhỏ là America Falls ở bên Buffalo (Mỹ), thác lớn hơn và được hằng triệu du khách tới thăm viếng là thác Horse Shoe (vì có hình thể móng ngựa) nằm tại thành phố Niagara. Đơn vị đo lường sức mạnh các máy xe hơi, máy tàu, máy bơm...được gọi là mã lực (horse power).

Tại Tòa Án, phạm nhân đứng ngay sau một hàng rào thành gỗ sơn đen gọi là Vành Móng Ngựa vì có hình thù giống cái móng ngựa.



Ở Texas và Calgary thường tổ chức những cuộc thi lái ngựa chúng gọi là Rodeo Drive Contest. Chắc tất cả chúng ta không bao giờ quên hình ảnh chiếc xe thổ mộ với vó ngựa lộc cộc chở bạn hàng từ chợ Bến Thành vô Bà Chiểu, Tân Định, Bà Queo. Đó là một hình ảnh kỉ niệm khó quên của Sài Gòn một thời êm đềm trên quê hương.

Trong nền văn thơ ca nhạc Việt Nam kim cổ, ngựa cũng chiếm một vị trí quan trọng. Nói về nỗi lòng của những người xa xứ nhớ quê hương như thân phận chúng ta, có câu nói thật ngậm ngùi cho nỗi buồn xa xứ: “Hồ mã tề Bắc phong-Việt điệu sào Nam chi”. Tương tự như thế cũng có câu: “Rồng châu ngoài Huế, ngựa tể Đồng Nai-Nước sông trong chảy lộn sông ngoài-Thương người xa xứ lạc loài tới đây”. Để đề cao giá trị lời nói, người ta có câu: “Nhất ngôn ký xuất.từ mã nan truy”. Nhà thơ Nguyễn Bính với bài thơ “Trăng sáng vườn chè” tả lại cảnh quan trạng nguyên vinh quy bái tổ về làng như sau: “Chồng tôi cỡi ngựa vinh quy-Hai bên có lính hầu đi dẹp đường”. Chàng trẻ tuổi trong Chinh Phụ Ngâm Khúc oai hùng khoác chiến bào lên ngựa chiến chinh: “Áo chàng đỏ tựa ráng pha-Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in”.

Dân ca Việt Nam có bài hát nổi tiếng “ Lý Ngựa Ô” thật tình tứ dễ thương với những câu: “ Khớp con ngựa ngựa ô-Khớp con ngựa ngựa ô-Ngựa ô anh khớp-Anh khớp cái kiệu vàng-Ừ ừ ừ Anh tra khớp bạc, lục lạc đồng đen-Búp sen lá dậm, dây cương nhuộm thắm-Cán roi anh bịt đồng thò-Là đưa ý a đưa nàng, đưa nàng-Anh đưa nàng về dinh-Là đưa ý a đưa nàng, đưa nàng-Anh đưa nàng về dinh...”

Riêng về tân nhạc cũng có những bản nhạc “ngựa” nổi tiếng như “Ngựa phi đường xa” của Phạm Đình Chương, “Vết thù trên lưng ngựa hoang” và “Ngựa hồng” của Phạm Duy.

Bài viết về ngựa xin chấm dứt ở đây. Thân chúc quý độc giả một năm Giáp Ngọ nhiều an bình thịnh vượng. Đặc biệt riêng quý ông thì may mắn phát tài để có nhiều dịp “đưa nàng về dinh”.

Mississauga Xuân Giáp Ngọ 2014

Nguyễn Trần

CON NGỰA THÀNH TROY

Thần thoại Hy Lạp

Chiến tranh thành Troy là một cuộc chiến quan trọng trong thần thoại Hy Lạp và được nhắc đến trong hai trường thi của Homer: Iliad và Odyssey. Cuộc chiến xảy ra khoảng 1184 TCN.

C huyện bắt đầu bằng tiệc cưới của vua Hy Lạp Peleus và nữ thần biển Thetis. Tất cả các thần được mời tới dự tiệc, trừ ra Eris (Thần Bất hòa), một nữ thần có tính nóng nảy, thường gây ra những tranh cãi giữa các thần. Tức giận, Eris bèn thả một quả táo giữa bàn tiệc, có khắc chữ: “Cho người đẹp nhất!” Ba nữ thần Athena, Aphrodite và Hera tranh nhau quả táo. Người có bốn phần phải phán quyết ai được quyền giữ quả táo là Paris, hoàng tử thành Troy. Cuối cùng Paris đã chọn Aphrodite, vì Aphrodite hứa sẽ ban cho Paris một người phụ nữ đẹp nhất thế giới. Một thời gian sau đó, Paris tới viếng thành Sparta, được vua Sparta là Menelaus trọng đãi, và đã gặp Helen, vợ của Menelaus, một người quả có sắc đẹp tuyệt vời. Được nữ thần Aphrodite giúp đỡ, Paris đã chiếm được trái tim của Helen, và khi Paris rời Sparta, Helen đã bỏ Menelaus trốn theo Paris.

Menelaus tới cầu cứu anh là Agamemnon, vua của Mycenae, nhờ anh giúp trong công cuộc đoạt lại vợ. Đánh chiếm thành Troy không phải dễ, vì phải chuyển quân qua bể, và thành Troy nổi tiếng kiên cố với một đoàn quân thiện chiến, cầm đầu là Hector, anh của Paris. Agamemnon nhờ Odysseus, vua của Ithaca, tới thuyết phục Achilles, một chiến sĩ nổi tiếng bách chiến bách thắng. Odysseus còn tin rằng không có Achilles thì không bao giờ có thể chiếm được thành Troy.

Achilles là con của Thetis, nữ thần biển với đám cưới kể trên, có mẹ thì bất tử nhưng bố là người trần, vì thế Achilles cũng sẽ như bố, không sống mãi mãi được. Để giúp sự trường tồn của con, Thetis đã đóc ngược người cậu bé, hai tay giữ bằng gót chân, rồi nhúng cả người cậu vào nước sông Styx, vậy cả người Achilles là mình đồng da sắt, chỉ có gân nơi gót chân là yếu vì khoảng đó không được nhúng nước. Tiên đoán con mình sẽ chết một



Tình yêu của Helen và Paris -tranh của Jacques-Louis David (1748-1825)

ngày nào đó tại thành Troy, Thetis bèn dấu con trong cung điện của vua Lycomedes, giả làm gái. Trong công cuộc thuyết phục Achilles, Odysseus giả làm lái buôn tới bán nữ trang, và lúc chung bày nữ trang cho các công chúa xem, đã vờ bỏ vài món vũ khí đẹp vào. Chỉ có Achilles là cầm cung tên lên ngắm nghía, nên đã bị lộ thân thế. Lấy danh vọng ra chiêu dụ, Odysseus đã rủ được Achilles đi theo vua Hy Lạp đánh trận, dù Achilles không phục tòng Agamemnon.

Cuộc chiến này không chỉ xuất phát từ giới thần linh mà còn lôi kéo chính thần linh can dự vào và phân hóa họ thành hai phe. Phe ủng hộ thành Troy gồm thần chiến tranh Ares, thần sắc đẹp và tình yêu Aphrodite, cùng thần ánh sáng Apollo. Phe kia thì nổi lên là nữ thần trí tuệ Athena, người ủng hộ nhiệt thành cho Odysseus.



*Thần sắc đẹp và tình yêu Aphrodite, tác phẩm
La Naissance de Vénus, William-Adolphe
Bouguereau, bảo tàng Orsay*

Trận chiến kéo dài mười năm, không phân thắng bại, vì thành Troy được xây bằng đá kiên cố, và được các nước lân cận giúp đỡ. Có một thời gian Achilles lại không chịu ra trận vì giận Agamemmon đã chiếm Briseis, một nàng nô lệ xinh đẹp. Khi người bạn thân, Patroclus lấy áo mào của Achilles ra trận và bị Hector giết chết, thì lúc đó Achilles mới chịu trở lại trận chiến. Achilles và Hector đã đánh với nhau một trận kịch liệt, cuối cùng Achilles đã giết được Hector, nhưng quân Hy Lạp vẫn không làm sao vào được thành Troy, vì thành được giữ vững vàng. Một ngày kia Odysseus, đã ra lệnh xây một con ngựa khổng lồ bằng gỗ, bên trong có các khoang trống, quân Hy Lạp núp vào trong đó. Cả toán quân còn lại vờ nhổ trại, lên tàu rút lui ra khơi, để lại con ngựa khổng lồ. Người dân Troy tò mò đã lôi ngựa vào thành, dù rằng nữ tiên tri Cassandra và tu sĩ Laocoon đã có lời ngăn chặn. Cả thành liên hoan ăn mừng chiến thắng, và tới đó khi mọi người đã say ngủ vì uống rượu và nhảy nhót suốt ngày, thì các binh lính của Hy Lạp đã phá ngựa, chui ra và mở cửa thành cho quân Hy

Lạp vào. Thế là quân Hy Lạp đã đánh phá tan tành quân đội thành Troy và đốt cháy thành. Trong trận chiến Achilles bị Paris, một tay thiện nghệ về cung bắn trúng vào gân xương chân, và Achilles tử trận. Từ đó từ ngữ *Achilles tendon* là để nói đến yếu điểm của một người.



*"The Procession of the Trojan Horse in Troy" by
Giovanni Domenico Tiepolo*

Helen bị Melenaus bắt lại, nhưng Melenaus vẫn còn bị thu hút bởi sắc đẹp của Helen nên đã không giết nàng. Thành Troy bị đốt cháy, con của Hector bị tể thần để chấm dứt cuộc chiến 10 năm.

Tuy nhiên dư âm cuộc chiến thì vẫn còn. Trong lúc tàn phá thành Troy, quân Hy Lạp đã giết một nữ tiên tri lúc đang cầu khẩn nữ thần Athena. Thêm vào đó thần biển Poseidon có công khi giết chết vị tu sĩ già trong khi ông ngăn người thành Troy mang con ngựa gỗ vào thành, tuy nhiên vị thần này lại chẳng được nhớ tới khi cuộc chiến kết thúc. Việc làm này khiến cho gần như toàn bộ quân Hy Lạp bị chết trên biển khi trở về quê hương. Odysseus có lẽ là vị tướng may mắn nhất khi thoát được về Ithaca sau nhiều năm lênh đênh trên đại dương nhờ sự giúp đỡ từ Athena. Agamemnon thì chết khi trở về nhà bởi chính người vợ của mình, tương truyền là do cô ta đã ngoại tình khi vị tướng này đi vắng.

Các thành ngữ "Gót chân Achilles" chỉ điểm yếu của mỗi con người, "Con ngựa thành Troy" chỉ mưu lược đánh úp thành ra đời từ truyền thuyết lịch sử này.

CHUYỆN ĐIỀN KỲ ĐUA NGỰA



Thế kỷ thứ 4 trước công nguyên, Trung Quốc ở trong tình hình chur hầu cát cứ, trong lịch sử gọi là “Thời kỳ chiến quốc”. Tôn Tân làm quan ở nước Ngụy, do bị đồng liêu Bàng Quyên ám hại, sau khi được sứ thần nước Tề cứu ra, ông đến kinh đô nước Ngụy.

Sứ thần nước Ngụy dẫn ông cho đại tướng nước Tề Điền Kỵ, Điền Kỵ xin học binh pháp với Tôn Tân, Tôn Tân giảng ba ngày ba đêm, Điền Kỵ rất khâm phục, coi Tôn Tân là khách quý, Tôn Tân rất cảm ơn Điền Kỵ, luôn luôn hiến mưu hiến kế cho Điền Kỵ.

Đua ngựa là một môn giải trí quý tộc nước Tề yêu thích nhất trong thời đó. Từ quốc vương đến các đại thần, luôn luôn lấy đua ngựa để giải trí, và cá độ với nhiều tiền bạc. Điền Kỵ nhiều lần cá độ với quốc vương và các đại thần khác, nhưng hễ đánh cuộc là bị thua. Có một ngày ông đua ngựa lại bị thua, buồn bã về nhà. Tôn Tân an ủi ông nói: “Lần sau đua ngựa ông dẫn tôi đến sân ngựa xem, có lẽ tôi sẽ giúp được ông.”

Khi đến một cuộc đua ngựa khác, Tôn Tân theo Điền Kỵ đến sân đua ngựa, các quan chức văn võ và người dân trong thành cũng đến xem. Tôn Tân được biết, ngựa đua chia theo tốc độ thành ba cấp là thượng trung hạ, cấp nào trang trí theo cấp ấy, ngựa đua theo đẳng cấp, đua ba lần ăn hai lần sẽ thắng.

Sau khi quan sát, Tôn Tân phát hiện, con ngựa của Điền Kỵ không thua ngựa của người khác, chỉ do vận dụng sách lược không thích đáng mới dẫn đến thất bại. Tôn Tân bảo Điền Kỵ: “Xin đại tướng yên tâm, tôi có cách cho đại tướng thắng.” Điền Kỵ nghe sau rất vui, lập tức lấy nghìn vàng làm

tiền đánh cược mời quốc vương đua ngựa với ông. Trong đua ngựa, quốc vương chưa bao giờ thua, bởi vậy ngài vui vẻ nhận lời mời của Điền Kỵ.

Trước khi đua ngựa, Điền Kỵ theo mưu kế của Tôn Tân, lấy yên của ngựa thượng đẳng trang trí ngựa hạ đẳng, giả mạo ngựa thượng đẳng. Bắt đầu thi đua, ngựa của quốc vương chạy rất nhanh ở đằng trước, ngựa của Điền Kỵ cách rất xa ở đằng sau, quốc vương cười ha hả, vẻ đắc ý. Trận thứ hai, vẫn theo sắp xếp của Tôn Tân, Điền Kỵ lấy ngựa thượng đẳng đua với ngựa trung đẳng của quốc vương, trong tiếng hoan hô, chỉ thấy ngựa của Điền Kỵ chạy trước ngựa của quốc vương, thắng trận thứ hai. Trận thứ ba, ngựa trung đẳng của Điền Kỵ đua với ngựa hạ đẳng của quốc vương, ngựa của điền Kỵ một lần nữa chạy trước ngựa của quốc vương, kết quả là 2 : 1, Điền Kỵ thắng quốc vương.

Quốc vương chưa thua bao giờ rất lấy làm kinh ngạc, ông không biết Điền Kỵ từ đâu có được ngựa tốt như vậy. Lúc này, Điền Kỵ thừa với quốc vương, ông thắng không phải là do tìm được ngựa tốt hơn, mà là áp dụng kế sách. Sau đó, ông nói ra kế sách của Tôn Tân, quốc vương bỗng nhiên tỉnh ngộ, lập tức triệu Tôn Tân vào cung. Tôn Tân nói với quốc vương, nếu điều kiện hai bên tương đương, đối sách thích đáng sẽ thắng đối phương; trong điều kiện hai bên cách rất xa, đối sách thích đáng cũng có thể giảm tổn thất tới mức tối thiểu. Sau đó, quốc vương bổ nhiệm Tôn Tân làm quân sư, chỉ huy quân đội của cả nước. Từ đó, Tôn Tân giúp đỡ Điền Kỵ, cải thiện phương pháp tác chiến của quân Tề, do vậy khi chiến tranh với quân đội nước khác, quân Tề luôn luôn thắng trận.



Ngõ Trúc Ngày Xuân - ảnh Lê Quang Xuân

Một Ngày Xuân

Ngày xuân thỏ thần quê người
Biết hoa còn có tuổi cười gió đông?
Xác xỏ từng cánh ngô đồng
Nằm nghe tuyết lạnh đóm bông cuối mùa
Ngày xuân em chúc tôi chưa?
Năm tay vẽ lại tuổi thừa trăm năm
Cái vui xa nít may gần
Cái lo gởi lại cái buồn lãng quên
Ngày xuân đời vẫn ly hưởng
Guốc ai gõ nhịp phố phường dòn tan
Phải tôi bên ánh đèn vàng?
Trong chiêm bao thấy rộn ràng xuân xưa...

LÂM HẢO DŨNG



THƠ LAN ĐÀM

UỐNG ĐI, EM

*“ Người ơi buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy*

Nguyễn Bình, Hành Phương Nam)

Uống đi em, này ly rượu đỏ
Men rồi say, tựa sẵn vai anh
Ừ đất khách xuân hoa cũng nở
Đàn bướm quen vội vã đầu cành
Uống đi em, thêm hồng chút má
Buồn mà chi, quê cũ mù khơi
Đã xanh ngọc thủy tiên xứ lạ
Và ngoài kia sương xuống trắng trời
Uống đi em, vơi sầu lưu lạc
Chiều lênh đênh đầy những âm xưa
Nghe đồng vọng kinh cầu man mác
Khói trầm vương, nhớ mấy cho vừa
Uống đi em, ấm bờ môi lạnh
Tháng giao mùa đêm sớm sang canh
Trăng huyền hoặc ôm vườn hiu quạnh
Sao ngại ngủ, cứ dựa lòng anh

LỤC BÁT MÙA XUÂN 18

EM

Thì bão lửa mấy tan hoang,
Đôi em cỏ biếc hoa vàng còn đâu.
Cội mai trĩu nặng cánh sâu,
Đầy nụ hôn để nghìn sau nhớ người.

TA

Ừ ta ly đỏ đầy vơi,
Giò thủy tiên đã trắng ngời đêm qua.
Vườn khuya suối lạnh trăng tà,
Môi ai thơm ấm tình xa ngọt ngào.

HỘI HỮU

Ngồi đi, rượu cũng xôn xao,
Lênh đênh đất khách ánh đào vẫn xưa.
Rồi say, thêm chuyện gió mưa,

Hải hồ chi, mái tóc thừa tuyết sương.

BẠT

Vạc kêu ngổ tiếng cổ hương,
Cay men mỹ tửu canh trường ngắn ngủi.

LỤC BÁT MÙA XUÂN 16

EM

Ừ em tóc cũng sương pha,
Sợi lênh đênh, lộn nuột nà dầu xưa.
Đôi cao biếc cỏ, vàng hoa,
Trăm con én liệng, chiều qua ngại ngủ.

TA

Và ta ký ức ngập ngừng,
Đầy tay hương cũ, chập chùng thân quen.
Đêm ôm cánh ngọc thủy tiên,
Môi thơm, hôn ngọt vị tiền kiếp xa.

HỘI HỮU

Rồi con phố biển chợt mưa,
Men say hội hữu đủ vừa nhớ nhau.
Cội mai trắng lạnh vườn sau,
Ly nghiêng, rượu cạn đông sầu ly hương.

CALIFORNIA

Bốn mươi năm vẫn lạc đường,
Ngược xuôi đất trích hồn vương quê nhà.
Đại dương xanh ấm giao mùa,
Nhà ai đào nở, đậu thừa bướm về.

BẠT

Gọi xuân cho động cơn mê,
Bảy mươi, chưa vẹn câu thề, tình ơi.

LỤC BÁT MÙA XUÂN 14

QUẢN ẨM

Một ly rượu đỏ đã say,
Dăm câu thơ cổ đủ ngày dài thêm.
Cội mai nở trắng bên thềm,
Ừ, quên mời bạn cỏ mềm tương tư.

LỬA ĐÔI

Này em, còn nửa đời hư,
Xin vòng tay ấm cho vừa tình nhân.
Gọi tên đêm vọng trăm lần,
Cây đào xưa đã ân cần đơm hoa.

BREA

Ở đây gió núi sương sa,
Hình như có chút quê nhà mù tằm.
Cũng xôn xao buổi đầu năm,
Thủy tiên quện khói hương trầm lênh đênh.

BẠT

Và em, thương nhớ mộng mênh,
Và ta, xuân nhật, nhẹ tênh môi cười.

LỤC BÁT MÙA XUÂN 10

BẢNG HỮU

Giấc trưa, quán nắng giữa trời,
Ly cà phê đắng, quên đời phù vân.
Trà thơm, phố núi ân cần,
Chia tay, mai đã đầy sân hoa vàng.

PHU THÊ

Gọi tên cho ấm mùa sang,
Bốn mươi năm vẫn rộn ràng yến anh.
Tóc đan, chiều tím mây thành,
Giò lan gầy cũ vừa xanh nụ hồng.

KHÚC ĐƯỜNG THI

Đông tàn, mơ một giòng sông,
Khuya nghe chuông đổ, chiều trông quê nhà.
Cầu sương, cát lạnh bờ xa,
Thuyền neo bến lạ, trăng tà lênh đênh.

VỌNG CỔ NHÂN

Cuối đường, dậu cúc buồn tênh,
Rượu men trừ tịch còn mênh mông sầu.
Dốc cao, đào sớm khoe màu,
Thoáng hương xưa, biết tìm đâu bóng người.

BẠT

Long đông lạc nửa cuộc đời,
Chút tình phiêu bạt, xuân mời mọc nhau.

LAN ĐÀM



Hoa Hoàng Hậu

Ảnh Lê Quang Xuân

DANH NGÔN

* Ai nói rằng tôn giáo không liên quan gì với chính trị, người đó chẳng biết gì về tôn giáo.

Those who say religion has nothing to do with politics do not know what religion is.

Mahatma Gandhi

* Nhà cách mạng thành công trở thành chính khách, còn không thành công thì trở thành tội phạm.

The successful revolutionary is a statesman, the unsuccessful one a criminal. Erich Fromm

Tết Montréal, uống rượu đỏ, nhìn tuyết trắng rơi, đọc thơ Lan Đàm

◆◆◆◆ *Trần Mộng Lâm* ◆◆◆◆



Tôi có một người bạn thi sĩ. Mỗi năm, khi đến mùa xuân, bạn tôi lại gửi cho tôi mấy vần thơ, để đọc, và để quên nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, và nhớ những ngày xa xưa, khi chúng tôi còn học chung một mái trường.

Tết, lẽ ra tôi phải về Sài Gòn, để tìm lại không khí nhộn nhịp, hào hứng của những năm, những tháng xa xưa, khi tôi còn trẻ, khi vừa bước vào tuổi 20, đi dạo phố Bonard, hay chợ hoa Nguyễn Huệ, theo chân các cô Hoàng Thị, làm cái đuôi lẻo đẻo đi theo, nhiều khi tới tận..... chợ Bến Thành. Mỗi chân mà chẳng nên cơm cháo gì !

Tết, lẽ ra tôi phải trở về Miền Tây, tỉnh Cần Thơ, để nhớ tới mình, khi mặc đồ nhà binh, phải ăn Tết trong đơn vị, vì lệnh cấm trại, nhưng vẫn vui chơi với bạn bè sĩ quan độc thân, nhiều khi cháy túi, ngày mừng một, chỉ còn có một trái dưa hấu, ăn trừ cơm.

Về Việt Nam ăn Tết, nào có khó gì, Nơi đó tôi còn nhiều bạn bè, nhiều người thân, nhưng mà có những việc, không làm được là không làm được.

Cho nên, Tết tha hương nơi xứ người tôi ngồi đọc thơ Nguyễn Bính :

Người ơi buồn lắm mà không khóc

Mà vẫn cười qua chén rượu đầy

Nguyễn Bính, khi làm bài thơ Hành Phương Nam, chỉ mới xa nhà chừng vài ngàn cây số, vậy mà cũng bày đặt làm bài hành, giống như bị đi đây .

Còn tôi, xa quê hương nửa vòng trái đất, mấy chục năm nay, ăn Tết tại Montréal.

Tết ở Montréal thì ngoài cái không khí Quê Hương, không thiếu thứ gì, mà lòng mình sao vẫn buồn.

Bạn tôi nằm mãi tận bên California, cũng chẳng hơn gì.

Hai phương trời, một cảnh ngộ. Cảnh ngộ của những kẻ còn cố giữ khí khái hảo, nhất định không

chịu áo gấm về làng.

Không hiểu bên Ca Li có vạc hay không, nhưng chắc là bạn mất ngủ, phải uống rượu tiêu sầu:

Vạc kêu gõ tiếng cổ hương.

Cay men mỹ tửu, canh trường ngắn ngủi.

(Thơ Lan Đàm).

Hình như các thi sĩ mỗi khi buồn, thường hay uống rượu. Hai ông thi sĩ tuy sống trong những thời đại khác nhau, nhưng gặp nhau qua những ly rượu, và nỗi sầu xa xứ, sầu ly hương :

Cội mai trắng lạnh vườn sau.

Ly nghiêng, rượu cạn, đông sầu ly hương (LD)

Tết, chính ra, ngoài cái việc chào đón mùa xuân, vui chơi, cái ý nghĩa chính của nó là xum họp gia đình và về nơi chôn nhau, cắt rốn. Chính vì thế mà những chuyến tàu cuối năm tại những xứ Á Châu đầy nghẹt người. Dù phải ra thành phố kiếm ăn, vất vả quanh năm, nhưng những người dân quê Việt Nam hay Trung Hoa, đến ngày Tết, tìm mọi cách về quê ăn Tết với gia đình. Trên Internet, chúng ta đã được nhìn cảnh những người lao động đó, chồng chất lên nhau trong các chuyến tàu cuối năm, thấy rất thảm thương.

Tôi đến Montréal vào cuối thập niên 70.

Những năm đầu tiên xa xứ, tôi còn tương đối trẻ, hai vợ chồng chỉ có đứa con đầu lòng sanh tại thành phố này. Khi ấy, cha mẹ tôi còn sống. Mỗi năm, vào dịp Tết, các anh chị em tôi về tụ họp nhau lại, theo đúng truyền thống của người Á Châu . Mẹ tôi cũng theo đúng truyền thống, những dịp đó, đều lì xì cho mỗi đứa cháu một phong bao.

Thời gian trôi qua như bóng câu qua cửa sổ, cha mẹ tôi lần lượt qua đời, và đám nhỏ lớn lên, mỗi đứa có một đời sống, mỗi đứa lập nghiệp tại một nơi. Ngày Tết, tại Mỹ và Canada, mọi công sở, xí nghiệp làm việc bình thường, nên muốn tụ tập

nhau lại như ngày xưa, không phải dễ. Đành phải ăn lễ Giáng Sinh và Tết Dương Lịch như người bản xứ, thành ra, Tết mất dần ý nghĩa của nó, và chúng tôi, cũng như các bạn hữu, nay đã trở thành các ông bà già, ăn Tết với nhau. Và Tết chỉ là một dịp để cùng nhau nhắc lại những kỷ niệm xa xưa, để thương, để nhớ:

Bốn mươi năm vẫn lạc đường.

Ngược xuôi đất trích hồn vương quê nhà.

Thôi thì các bạn già chỉ còn biết vui với nhau, mỗi tháng, mỗi tuần tụ họp lại với nhau tại một nhà hàng nào đó, ăn uống, nói dóc, âu cũng là một cách để tìm vui nơi xứ người.

Cũng may, nơi này rượu không thiếu, và lại ngon nữa.

Ngồi đi, rượu cũng xôn xao.

Lênh đênh đất khách ánh đào vẫn xưa.

Rồi say, thêm chuyện gió mưa.

Hải hồ chi, mái tóc thừa tuyết sương (LĐ)

Đúng thế, Tết thường rơi vào những ngày lạnh nhất của mùa Đông, và ngoài trời, thường thấy tuyết rơi, lạnh ngoài trời, nhưng cũng lạnh trong lòng. Những lúc ấy, một ly rượu chát đỏ thật là hợp tình, hợp lý :

Một ly rượu đỏ đã say.

Dăm câu thơ cổ đủ ngày dài thêm.

Cội mai trắng nở bên thềm.

Ừ, quên mời bạn có mềm tương tư (LĐ)

Uống đi bạn. Uống rượu đỏ.

Nhìn tuyết trắng rơi.

Đọc thơ bạn, chợt thấy đời cũng cho ta nhiều an ủi. Bạn tôi may mắn hơn tôi, định cư tại Bréa, một tỉnh nhỏ của California, và Cali, khác Montréal ở chỗ có nắng ấm, có nhiều loại cây trái, hơi giống Việt Nam :

Ở đây gió mùi sương xa.

Hình như có chút quê nhà mùa tắm.

Cũng xôn xao buổi đầu năm.

Thủy tiên quện khói hương trầm lênh đênh

Hình như Tết bên Sài Gòn Nhỏ cũng xôn xao lắm, nhưng tôi biết không thể nào giống được những ngày Tết của tuổi thơ chúng ta. Ngay như về Việt Nam đi nữa, thì những ngày vui, những kỷ niệm đẹp, cũng không sao tìm lại được. Sài Gòn đã thay đổi rồi.

Đất Sài Gòn đã thay đổi rồi.

Người Sài Gòn đã thay đổi rồi.

Chúng ta muôn đời vẫn là những Từ Thức. Dù đi khắp chân trời góc biển, không bao giờ chúng ta tìm được thành phố ngày xưa.

Bây giờ, tôi xin phép bạn Lan Đàm, cho phép tôi làm một chuyện kỳ cục, là chắp các câu thơ của bạn và của Nguyễn Bính lại, làm thành một bài thơ mới, bạn thử đọc xem sao, nhưng nhớ đừng trách tôi đó:

Đón Xuân Nơi Đất Trích

Cội mai trắng lạnh vườn sau.

Ly nghiêng, rượu cạn, đông sầu ly hương.

Bốn mươi năm vẫn lạc đường.

Ngược xuôi đất trích hồn vương quê nhà. (LĐ)

Người ơi buồn lắm mà không khóc.

Mà vẫn cười qua chén rượu đầy (N.B).

Một ly rượu đỏ đã say.

Dăm câu chuyện cổ cho ngày dài thêm.

Cội mai nở trắng bên thềm.

Ừ, thôi mời bạn có mềm tương tư (LĐ)

Xin mời các bạn, chúng ta cùng nâng ly đón mừng năm mới. Năm con Ngựa.



Zuỳên con người ở Việt Nam

Biếm họa BaBui

LĂNG HOÀNG GIA



Lăng Hoàng Gia - (Ảnh Internet)

** HỒ HOA NGUYỄN

Người xưa đã nói: “ Hà chánh mãnh ư hồ”.
Chánh trị hà khắc còn tệ hơn, còn ác hơn hồ báo.
Sau năm 1975, chánh sách của một chế độ độc tài
tàn bạo đã làm cho hàng triệu người đã phải liều
chết sống vượt rừng, vượt biển để tìm đất sống tự
do. Kẻ ác có thể đày con người Việt Nam ra khỏi
quê hương xứ sở nhưng không thể đuổi ý chí
cương quyết, lòng yêu nước nhớ quê nhà ra khỏi
con người chân chánh đó được, nguyện với lòng
mình:

“Non sông thể với hai vai

Quyết đem bút sắt mà mài lòng son”. (Tản Đà)

vẫn mong có ngày:

*“Quan sơn ngàn dặm đang trình,
Lãnh cò bình tặc, phá thành Ô-Qua”.*
(Nguyễn. Đình Chiểu)

Giác hương quan lưỡng lẩn mơ canh dài (ND).

Nhìn lên trời “Mộng thể An” (Montréal) từng đàn
thiên nga thông thả kêu lên những tiếng gọi nhau
cùng bay về phương Nam tìm vùng nắng ấm.

Rừng thu lá vàng gọi cảm hứng, chiều thu dễ
khiến hồn thơ rõ ràng. Lá vàng của xứ rừng

phong từ giã mùa thu như còn nhiều lưu luyến với
từng chiếc lá bay theo làn gió lạnh cuối mùa. Thu

lạnh, người ta cũng hưởng ứng với buổi giao mùa
thời tiết: cũng đi xem lá vàng cho vui, nhưng tâm
sự người lữ khách nhớ quê cha đất tổ, tâm lữ hoài
ngao ngán biết là bao “*Rừng Phong thu đã nhóm
màu quan san*” (ND). Thời gian qua nhanh quá,
“*Đời chưa trang điểm mà xuân đã về*” (V.H.C.)

Trước khi vào xuân, mùa đông Gia Nã
Đại lạnh lắm lắm, tôi muốn hướng tâm nhắc đến
miền quê hương nắng ấm, những hoài niệm cũ
Lăng Hoàng gia xưa, ngày nào Giồng Sơn Quy
mai nở hoa đầy cánh xuân:

Quê Hương Gò Công

Là gò khổng tước lắm chim công

Thần tiên nẩy nở trang hào kiệt

Thánh địa luân lưu sử Lạc Hồng

Trương-Định lừng danh cùng đất nước

Bình Tây nổi tiếng khắp non sông

Đức bà Từ-Dụ kẻ thiên tử

Tên tuổi muôn đời rạng tổ tông.

Chiêu-Đặng.

Đất Nam Kỳ Lục tỉnh, ngoài vùng Thủ Đức
quê hương quý tộc bà Tá Thiên Nhân hoàng hậu
Hồ Thị Hoa, phu nhân của vua Minh Mạng, cũng
là thân mẫu của vua Thiệu Trị, thì Gò Công cũng
được các triều vua nhà Nguyễn có nhiều thiện

cảm, nhiều ưu đãi ban thưởng cho bậc công thần. Gò Công có đến ba bà hoàng hậu: bà Đinh thị Hạnh ở Tân Hoà (Gò Công) là Quý tần của vua Thiệu Trị, mẹ của Hồng Bảo, vì việc tranh chấp của Hồng Bảo dưới triều vua Tự Đức, nên không thấy sử sách nhắc nhiều đến Quý tần họ Đinh; bà Phạm thị Hằng, con của Lễ bộ Thượng thư Phạm Đăng Hưng, là Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu tức là vợ vua Hiến Tổ Chương Hoàng Đế Thiệu Trị và là thân mẫu của vua Tự Đức; còn người thứ ba là bà Nam Phương Hoàng hậu, phu nhân của vua Bảo Đại. Chúng tôi xin nhắc đến việc lập hoàng hậu dưới triều nhà Nguyễn. Để tránh trước những vết xe cũ của lịch sử có thể xảy ra, khi vua Thế Tổ Gia Long lên ngôi đã cảnh tỉnh đặt ra những điều gọi là “tứ bất lập” để đề phòng, ngăn chặn những đổ vỡ, rắc rối cho việc triều chính. Bốn điều cấm kỵ “tứ bất lập” đó là:

- Không lập hoàng hậu.
- Không chôn đồ trạng nguyên
- Không phong tể tướng
- Không lập thái tử

Những chức tước hoàng hậu của các bà trên đây chỉ được phong khi vua đã băng hà hoặc khi chính các bà đã từ trần. Đó có tính cách tỏ lòng tôn kính, hiếu thảo của hậu bối, mang danh nghĩa tượng trưng chứ không thể ảnh hưởng gì đến sơn hà xã tắc. Riêng bà Marie-Thérèse Nguyễn Hữu Thị Lan được phong là Nam Phương Hoàng hậu ngay trong ngày cưới, đó là một biệt lệ, do hoàn cảnh, thời thế, quan niệm đời sau đã đổi khác. Có thể nói Gò Công là nơi khởi nghiệp các dòng quý tộc, ngoại thích (1) của các vua thời cận đại với di tích lịch sử còn lưu lại Lăng Hoàng gia.

Cổng trước của Lăng Hoàng Gia (ảnh Internet)



I- *Lăng Hoàng Gia

Đất Gò Công ở Nam Kỳ là nơi khởi nghiệp các dòng quý tộc họ Phạm, họ Nguyễn của các

triều vua cận đại còn lưu lại di tích lịch sử như Lăng Hoàng Gia là nơi thờ tự và lăng mộ thuộc dòng họ Phạm Đăng nổi tiếng ở Gò Công. Ngày nay Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang.

Xin nhắc sơ lược tỉnh Gò Công. Năm 1834, dưới triều vua Minh Mạng, về tổ chức hành chánh nhà vua cho đổi tên “trần” thành “tỉnh” và lập thêm tỉnh mới là An Giang. Như vậy Nam Kỳ Lục tỉnh ra đời từ đó. Dưới thời vua Thiệu Trị, Gò Công thuộc tỉnh Gia Định, sau đó thuộc tỉnh Định Tường.

Trải qua nhiều đổi thay địa danh, địa giới, đến ngày 20-12-1963, chánh quyền Việt Nam Cộng Hoà cho tái lập tỉnh Gò Công, tách từ tỉnh Định Tường. Nhắc đến Gò Công thì người địa phương nhớ ngay đến: Lăng Hoàng gia.

A/- Vị trí, tên gọi:

Cách chợ Gò Công khoảng 4km, trên quốc lộ 50 là địa danh giồng Sơn Quy, Lăng Hoàng Gia được xây dựng vào năm 1826, bao thế hệ giữ gìn. Đây là khu lăng mộ họ Phạm Đăng, đền thờ của Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng, cha hoàng thái hậu Từ Dụ (mẹ vua Tự Đức). Người giữ đền thờ cho biết lăng được xây dựng bởi thợ địa phương nhưng thiết kế của nghệ nhân cung đình Huế, nên có nét kiến trúc Huế. Khuôn viên lăng rộng đến 3.000m², nhưng không xây dựng cho đồ sộ, uy nghiêm như lăng mộ của các quan đại thần khác, còn nhà thờ thì theo giống kiến trúc của nhà ở, chính điều này khiến cho người dân Gò Công thấy lăng Hoàng Gia gần gũi đối với mình và du khách. Lăng Hoàng Gia được xây trên gò Sơn Quy (có hình con rùa nên dân gian gọi là Gò Rùa) sau được vua Tự Đức đổi thành Sơn Quy thuộc thôn Tân Niên Đông, nay thuộc ấp Lăng Hoàng Gia, xã Long Hưng, thị xã Gò Công.

B/- Đức Quốc Công Phạm Đăng Hưng

Phạm Đăng Hưng là hậu duệ đời thứ năm. Và là ông ngoại vua Tự Đức, cha của Hoàng thái hậu Từ Dụ, tước Đức Quốc công, nên sau khi Phạm Đăng Hưng mất (1825), triều đình nhà Nguyễn cho xây dựng tại đây (Gò Công) nhà thờ và lăng mộ dòng họ Phạm Đăng đúng theo kiến trúc dành cho lăng tẩm vua quan lúc bấy giờ, và được người đời gọi là Lăng Hoàng gia.

Ông Phạm Đăng Hưng sinh năm 1764 tại Gò Sơn Quy – xã Long Hưng, Gò Công. Ông có

4 người con làm quan trong triều ả guyễn. Vua Minh Mạng kết thông gia gả công chúa ả guyễn Phúc Vĩnh Trinh (công chúa Quy Đức) cho con trai ông là Phạm Đăng Thuật và phong chức Phò mã Đô úy. Vua Minh Mạng cũng cho cưới con gái của ông là Phạm Thị Hằng (sinh năm 1810, tức bà Từ Dụ sau này) cho Hoàng tử Miên Tông, chính là vua Thiệu Trị về sau.

Theo văn bia truy tặng Đức Quốc công của vua Tự Đức ban, do Phan Thanh Giản soạn, kể lại sự nghiệp của Phạm Đăng Hưng có đoạn ghi: “Ông sơ của ông là Phạm Đăng Khoa, là người học rộng có tiếng văn chương thời Lê Anh Tông (1557- 1571). Họ Trịnh ức hiếp vua Lê, gặp lúc ả guyễn Hoàng vào Thuận Hóa dựng nghiệp, ông Phạm Đăng Khoa đem cả họ vào theo về phương ả am. Ban đầu ở Ái Tử (Quảng Trị, thời chúa ả guyễn Phúc Khoát đổi thành Cự Dinh, Phú Xuân đổi thành Chính Dinh), sau dời vào Phú Xuân (Huế). Ông cố của Phạm Đăng Hưng là Phạm Đăng Tiên được bổ làm Huân đạo, phủ Tư ả ghĩa (Quảng ả ghĩa) nhân đó dời nhà vào Mỹ Khê. Ông nội của ông là Phạm Đăng Dinh thông thạo nho học và y học, lấy hiệu là Huyền Thông Đạo nhân. Cha ông là Phạm Đăng Long, địa phương gọi ông là Kiến Hòa tiên sinh”.



Đền thờ Đức Quốc công (ảnh internet)

Cũng theo văn bia trên, Phạm Đăng Hưng sinh ra và lớn lên vào lúc ả guyễn Phúc Ánh khởi nghiệp ở đất Gia Định để đánh lại Tây Sơn. Ông thừa hưởng sự giáo dục của hai bậc thầy đất ả am Kỳ là ả guyễn Bảo Trí và Sùng Đức Võ Trường Toản. ả ăm Bính Thìn 1796, ông đỗ Tam trường, (có tài liệu ghi năm 1784, năm ông 20 tuổi) được bổ làm lễ sinh ở phủ Gia Định, thường theo chúa ả guyễn Phước Ánh đi đánh dẹp, giúp mưu lược

rất được tin dùng. ả ăm Gia Long thứ 4 (1805), ông được bổ nhiệm làm Trường đà sự (coi thuyền vận tải) từ ả am ra kinh đô Phú Xuân.

ả ăm Gia Long thứ 12 (1813) ông được thăng lên Thượng thư Bộ Lễ, coi việc khâm thiên giám. ả ăm 1816, ông xin lập xã thương (kho chứa lúa ở các xã) phòng lúc mất mùa để chẩn cấp cho dân. Mùa đông năm 1819, vua Gia Long bệnh nặng, ông phụng thảo di chiếu, cùng với ông Lê văn Duyệt đồng thọ cố mạng.

Sang đời Minh Mạng, năm thứ 2 (1821), ông được sung vào Quốc sử quán Phó Tổng tài. Tiếp đó, phát giác việc bộ Lễ mạo tặc bằng sắc, ông bị giáng 2 cấp điệu. ả hưng chẳng bao lâu, lại được thăng Lại bộ Tả Tham tri kiêm quản Hàn Lâm viện, sung Quốc sử quán Tổng tài như cũ, kiêm lãnh Ấn vụ bộ Lại, sung Khâm tu ả gọc phổ Toàn tu. ả ăm thứ 5 đời Minh mạng (1824) được phục chức Lễ Bộ Thượng thư. Ông là người giúp vua Gia Long, vua Minh Mạng nghiên cứu các điển lệ đưa về gần với bản gốc đời Lê, trong lúc hơn trăm năm loạn lạc đã bị sai lệch.

Ông Phạm Đăng Hưng là người nghiên cứu Tiên ả ho (Khổng Tử, Mạnh Tử), Chân Đức Tử (một học trò xuất sắc của Chu Hy đời Tống) để tổng hợp nên một nền ả ho học riêng cho triều ả guyễn: kết hợp Tiên ả ho với Tống ả ho làm nền tảng tư tưởng. Ông là người khởi xướng một số bộ sách có giá trị thời ả guyễn.

Đại ả am Thực Lục ghi, mùa hạ năm 1825, vua Minh Mạng ngự giá ra Quảng ả am, giao quyền cai quản kinh đô Huế cho ông.

ả gày 14-6 năm Ất Dậu (tức 29-7-1825), ông Phạm Đăng Hưng mất vì bệnh tại Huế, thọ 61 tuổi.

Vua Minh Mạng ra dụ: “Đăng Hưng là đại thần già cả, trung thành văn nhĩa, vua rất tin dùng. Đến nay chết, tặng Hiệp biện Đại học sĩ, cho thụy là Trung ả hã; lại cho 500 quan tiền, 3 cây gấm Tống, 10 tấm lụa”. Linh cữu của ông được đưa về an táng ở quê nhà Gò Công.

ả ăm 1849, ông được vua Tự Đức truy thăng hàm Vinh Lộc đại phu Thái bảo, Càn chánh điện đại học sĩ, tước Đức Quốc công và được thờ nơi miếu Trung hưng công thần, tên được ghi ở đền Hiền lương. ả goài ra, vua còn cho xây đền thờ tại xã Kim Long ở phía tây Kinh thành. ả gày

ky của Đức Quốc công, vua rước hoàng thái hậu Từ Dụ đến đền thờ làm lễ.

Ở Gò Công, vua cũng cấp cho họ Phạm Đăng khu đất tự điền Văn Xá 100 mẫu lo việc thờ cúng Đức Quốc công. Đến thời Pháp thuộc, 100 mẫu đất Văn Xá này nhập vào làng Tân Ấm Đông.

C/- Cách kiến trúc lăng mộ

Lăng mộ của Đức Quốc Công Phạm Đăng Hưng, một công trình cổ mang đậm nét kiến trúc của những lăng mộ ở Huế. Lăng mộ không xây theo hình “ấp gưi Phan” (trâu nằm) hay “Mã Phục” (ngựa quỳ) là hai kiểu thông thường dành cho các văn thần võ tướng ngày trước, mà xây theo hình thể “đánh trụ” (hình chóp) như chiếc nón quan ngày xưa, rẽ thành tám cánh tựa búp sen. Trước đây đã từng có người nói là do Phạm Đăng Hưng được chôn ngồi nên mới có kiến trúc như vậy. Ấm hưng theo người quản gia tại đây thì hoàn toàn không phải. Đức Quốc công được chôn nằm, đầu hướng về núi. Lăng mộ được bảo vệ bởi tứ kiệt “Long - Lân - Quy - Phụng” làm cho lăng mộ vừa cổ kính, vừa toát lên vẻ uy nghiêm lạ thường.



Mộ của Đức Quốc công (ảnh Internet)

Có thể nói đây là một quần thể kiến trúc xưa và lạ, bởi đây là nơi yên nghỉ của dòng họ làm quan nhiều đời và là họ ngoại của các vị vua nhà Nguyễn.

Du khách đến đây có thể tìm thấy được những di tích của một giai đoạn lịch sử đã qua ẩn hiện đâu đó trong từng phần của khu lăng mộ.

Ở đây có một cái giếng cổ. Tương truyền rằng có năm nắng hạn, khi những cái giếng khác trong làng đều cạn nước thì giếng này vẫn

đầy ắp nước ngọt. Dân trong làng đều đến đây xin nước về dùng. Ấm đó cũng là năm Hoàng Thái Hậu Từ Dụ chào đời.



Giếng nước xưa trong khuôn viên Lăng (ảnh Internet)

D/- Bà hoàng tài đức vẹn toàn

Ở Việt ăm có một bà Thái Hoàng Thái hậu sống chứng kiến gần 10 đời vua (Bà chào đời năm 1810 thời vua Gia Long, được tuyển vào cung thời vua Minh Mạng, làm vợ vua Thiệu Trị, làm mẹ vua Tự Đức và sống tuổi già trải qua các đời Dục Đức, Hiệp Hoà, Kiến Phúc, Hàm ăm, Đồng Khánh và bà mệnh chung năm 1901 thời vua Thành Thái) có thể chi phối chuyện quốc gia đại sự, đạo đức của các vị vua, cháu chắt. Đó là Thái Hoàng Thái hậu Từ Dụ, (sau đọc lệch thành Từ Dũ)

Thái hậu Từ Dụ tên thật là Phạm Thị Hằng, sinh ngày 19 tháng 5 năm Canh ăm (tức ngày 20/6/1810) tại giồng Sơn Quy (Gò Rùa), huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định (nay thuộc xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Bà là trưởng nữ của Đức quốc công Phạm Đăng Hưng.

Ấm gay từ thuở nhỏ bà đã nổi tiếng thông minh, xinh đẹp, hiếu thuận, ham học. Ấm 14 tuổi, bà theo cha ra kinh thành Huế và được Thuận Thiên Cao Thái Hoàng Thái hậu Trần Thị Đang, tuyển triệu vào hầu Hoàng trưởng tử ăm Nguyễn Phúc Miên Tông, con vua Minh Mạng.

Ấm 15 tuổi, bà sinh con gái đầu lòng, năm sau lại sinh công chúa thứ hai. Ấm 1829, bà sinh người con thứ ba là trai, đặt tên là ăm Nguyễn Phúc

Thì, tức ả guyễn Phúc Hồng ả hạm, chính là vua Tự Đức sau này.

ả ăm 1841, Miên Tông lên ngôi, đặt niên hiệu là Thiệu Trị, bà trở thành Cung tần, hai năm sau, được phong Thần phi. Qua đầu năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), bà được phong làm Quý phi, rồi ả hất giai phi.

ả ăm 1847, vua Thiệu Trị mất, con bà là Hồng ả hạm được chọn nối ngôi, lấy niên hiệu Tự Đức. Sau khi lên ngôi, Tự Đức nhiều lần ngỏ ý định tấn tôn cho mẹ, nhưng bà nhất định chối từ.

Mãi đến ngày 15 tháng 4 năm 1849, nhân dịp khánh thành cung Gia Thọ, bà mới thuận nhận Kim bảo (sách vàng & ấn vàng) và tôn hiệu là Hoàng Thái hậu. ả ăm 1883, vua Tự Đức mất, để di chiếu tôn bà làm Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu. ả gày mừng 5 tháng 4 năm Tân Sửu Bà mệnh chung (năm 1901), hưởng thọ 92 tuổi, tôn thụy là ả ghi Thiên Tán Thánh Từ Dụ Bác Huệ Trai Túc Tuệ - Đạt Thọ - Đức ả hân Công Chương Hoàng Hậu (Vả Danh nhân Tự Điển - ả guyễn Huyền Anh).

Tính từ lúc được tuyển vào cung đến khi mất, bà đã ở ngôi vị Hoàng hậu rồi Hoàng Thái hậu, Thái Hoàng Thái hậu hơn 70 năm. Bà được ngợi ca là bà hoàng tài đức vẹn toàn, yêu nước thương dân, sống giản dị, khiêm tốn, tấm lòng trong vằng vặc như ánh trăng sáng, như nước giếng xưa. ả hững đức tính của bà đã ảnh hưởng rất lớn đến tư cách của vua Tự Đức.

E- *ả gôi Từ đường

Qua cổng tam quan rêu phong là một ngôi nhà thờ bề thế, được cất theo kiến trúc cung đình, để thờ những người trong dòng tộc Phạm Đăng. Tương truyền, công trình xây nhà th do trưởng nam của Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng là ông Phạm Đăng Tá cho xây dựng năm 1888 thời vua Thành Thái và trùng tu năm 1921 thời vua Khải Định. Hiện nay, ngôi nhà bao gồm một nhà thờ, nhà khách, nhà kho và công trình phụ. Mười trụ cột chính giữa, lớn nhất được thiết kế thành hai hàng song song như những đôi bàn tay khổng lồ vươn lên chống đỡ toàn bộ lăng. ả hững đường hoành, rui, mè đều được thiết kế sắc sảo, độc đáo, vững chắc bởi các loại gỗ nẫu quý được vận chuyển từ Huế vào. Trong nhà thờ có một tấm bia gỗ sơn son thếp vàng chép lại nội dung bia dựng trước mộ Phạm Đăng Hưng.



Các bài vị cổ đặt trang nghiêm trên án thờ
(ảnh Internet)

Đặc biệt, trong đó có mộ của Phạm Đăng Hưng được xây dựng từ năm 1825, là một kiến trúc tâm điểm, độc đáo với diện tích hơn 800m², cách nhà thờ khoảng 500 m phía bên phải. Mộ được xây dựng với kiểu kiến trúc hình bát giác mang dáng dấp của một chiếc mũ triều phục. Bốn trụ tháp cách đều giữa búp sen và chiếc nón cùng biểu tượng đôi cá vượt vũ môn được đặt phía trước. Sau bức hoành phi là bốn con rồng ngự trị trên cao giương cặp mắt sáng quắc. Phía dưới là hình tượng ngũ lân (tượng trưng cho ngũ tước: công, hầu, bá, tử, nam; ngụ ý năm đời đều danh giá) khảm trai hình độc đáo.

Khu mộ dòng họ

Trong khu lăng còn có hệ thống mộ dòng họ Phạm Đăng được chôn theo một trục dài, toàn bộ đều làm bằng hồ ô- được, bao bọc chung quanh bằng một lớp tường dày và cao 90 cm, các ngôi mộ tổ bố cục đơn giản theo hình vuông hoặc chữ nhật.

II-* ả hững điều bổ sung:

*-Lăng Hoàng Gia còn được gọi là khu lăng mộ của “Thích lý” (1) theo nghĩa là “bà con nhà vua”.. ả ơi đây, đã được vua Bảo Đại cùng Hoàng hậu ả am Phương đến viếng năm 1942, và cựu hoàng Thành Thái cũng đã đến viếng sau khi về nước năm 1947.

Khu Lăng được xây dựng bởi bàn tay khéo léo của các nghệ nhân địa phương cùng các nghệ nhân cung đình từ Huế được phái vào, nên lăng mang những nét đặc trưng và phong cách của kiến trúc cung đình Huế.

*-Sau khi phải ký kết Hòa ước ả hậm Tuất (5 tháng 6 năm 1862) với thực dân Pháp, vua Tự Đức đã sai Phan Thanh Giản sang Pháp xin chuộc

đất, một phần cũng vì lo sợ khu lăng mộ họ Phạm Đăng và khu lăng mộ họ Hồ (xem trang Hồ Văn Bôi) ở Thủ Đức bị đối phương xâm hại. Đến khi Hòa ước Giáp Tuất (15 tháng 3 năm 1874) được ký giữa Pháp và triều đình, việc bảo vệ hai khu đền mộ này được quy định tại điều khoản 5.

Ngày 2 tháng 12 năm 1992, Lăng Hoàng Gia được Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận *di tích cấp Quốc gia*.

1*- Đại bản doanh quân khởi nghĩa

Đền thờ Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng, thường được gọi là lăng Hoàng gia, tọa lạc tại giồng Sơn Quy, xã Long Hưng, T.X.Gò Công. Mộ Đức Quốc công được xây bằng hợp chất ô đước. ả am mộ có hình bát giác, có dánh dấp một con quy, khác biệt với mọi ngôi mộ thông thường ở ả am bộ. Bình phong được xây dựng khá cầu kỳ, các đường gờ rất mềm mại, uyển chuyển. Mộ có 3 vòng thành bên ngoài, 2 tầng bình phong. Trước đây còn 4 trụ biểu được xây dựng rất uy nghi.

Theo nhà nghiên cứu Trương ả gọc Tường, thời phong kiến, trước nhà quan lại thường có những cây trụ biểu để người dân dân vào đó những thắc mắc, khiếu nại (tương tự như hộp thư góp ý bây giờ). Từ đó, trước mộ các quan đại thần có xây những cây trụ biểu mang tính tượng trưng. ả hưng không hiểu vì sao, thời gian gần đây khi trùng tu lại khu lăng mộ, 4 trụ biểu đó đã bị đập bỏ ??? !.

ả ăm 1861, khi thực dân Pháp chiếm Gò Công, Trương Định chiêu mộ nghĩa binh chống lại. Do có sự thỏa thuận ngầm với triều đình Huế, ông đã sử dụng khu vực này làm đại bản doanh cho quân khởi nghĩa. ả ăm đó, thái hậu Từ Dụ bị bệnh đau mắt nên lấy cớ là “long mạch bị động” và ra lệnh cho đắp lũy Sơn Quy ở Gò Công. ả hưng thực chất là nhằm hợp thức hóa việc nghĩa quân Trương Định đắp lũy chống giặc.

Sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định tuấn tiết, nhà thơ ả guyễn Đình Chiểu có nhắc: “*Mây giăng Truong Cóc đường quan vắng / Trắng xé Gò Rùa tiếng dẫu tan*”. Mãi đến năm 1889, thái hậu Từ Dụ còn sai vua Thành Thái về viếng lăng mộ ở Gò Công thắp nhang tổ tiên. Chuyến đi này, dường như có mục đích nhằm thăm dò dân tình ở ả am kỳ có còn ngưỡng vọng đến triều đình. Bà

cũng đã chuẩn bị sẵn việc cho khắc lại bia ca ngợi công đức ông Phạm Đăng Hưng dựng ở đền thờ và một tấm bia dựng tại khu lăng mộ ở Gò Công bằng đá hoa cương, thay cho tấm bia gốc đã bị người Pháp tịch thu khi di chuyển từ Huế vào đến Sài Gòn năm 1858, đồng thời chuẩn bị tiền trùng tu lại ngôi từ đường.

Bây giờ, vua Thành Thái theo đường bên đò Mỹ Lợi sang Gò Công, tháp tùng có quan toàn quyền, chánh tham biện và các quan viên trong tỉnh. Hương chức và người dân hai bên đường bày hương án đón tiếp. Tại cầu Sơn Quy, đường vào lăng có lập hai cổng chào theo mô hình Khải hoàn môn cao lớn, kết rồng phượng, cờ xí rực rỡ. Ông Văn Phong, người đi xem lễ đón rước có làm bài thơ mô tả:

“*Mỹ Lợi thẳng đến Gò Công*

Tam quan tám cửa, Khánh môn nổi liền

Lọng tán cờ biển hoan nghênh

Hội tề khăn áo rộng xanh đứng chờ...”

Chuyến về thăm lăng mộ tổ tiên họ ngoại của vua Thành Thái, được ông Việt Cúc mô tả trong “Gò Công cảnh cũ người xưa”, nhưng do chép lại qua lời kể dân gian, tác giả đã mô tả lễ rước này là lễ tiếp tân, “hầu bái” quan chánh tham biện.

Sau chuyến đi của vua Thành Thái, ngôi từ đường được xây dựng với kiểu nhà 3 gian 2 chái, cột gỗ, mái ngói, phía trước có thảo bặt. Quần thể kiến trúc nhà thờ gồm cổng tam quan, sân, hồ sen, nhà thờ, nhà khách, nhà kho, nhà chỉnh y phục, được bao bọc bằng một tường xây cao. Cổng là một cái phụng 2 tầng có mái, trước đây có treo tấm biển ba chữ “Tích Thiện đường” và câu đối của vua Tự Đức ban tặng:

“*Tích đức dĩ di, vạn thế vĩnh lại / Thiên gia tất hĩu, bá phước dịch tuy*”

(*Tích đức lấy truyền, muôn đời luôn cậy dựa /*

Thiện gia ắt có, trăm phước nổi an khang).

Dưới mái phụng đắp hình các loại trái cây, hoa, thú... Đặc biệt lần chỉnh trang này có nhiều hoa văn kiểu Pháp được sử dụng. Trong những năm qua, Sở VH-TT-DL Tiền Giang đã phối hợp cùng chính quyền địa phương tiến hành trùng tu sửa chữa, nhằm biến khu di tích lịch sử văn hóa này trở thành điểm du lịch và cúng viếng, phục vụ du khách. Đáng tiếc, do không nghiên cứu kỹ nên trong quá trình trùng tu đã hủy hoại khá nhiều di

vật của tiền nhân, trong đó việc đập bỏ trụ biểu ở khu mộ ông Phạm Đăng Hưng là một ví dụ.

2-* ả hững huyền thoại

* - Dân gian ả am Bộ còn có nhiều câu chuyện truyền miệng về “ông Ba Bị”. Chuyện kể rằng, thời mở đất, dân gian thường thấy một người luôn mang trên mình ba cái bị lớn (giống như bao tải nhưng có quai đeo bên mình). Con nít khóc dỗ không nín người ta thường nói: “ả gửi đi! Ông Ba Bị tới kia!” Ông Ba Bị đi đến đâu thì con nít sợ lắm. ả gửi lớn thì rất mừng vui, bởi ông mang đủ loại hạt giống đi phát cho dân và hướng dẫn cách trồng. ả hà nào quá nghèo, ông Ba Bị cho người mang gạo đến giúp.

*- ả gửi Gò Công kể rằng, ông Phạm Đăng Long tức Kiến Hòa tiên sinh, cha ông Phạm Đăng Hưng là người giỏi ả ho học, tinh thông phong thủy, địa lý của Lão học, đi nhiều nơi tìm thế đất tốt để định cư, mong con cháu phát tích.

Lúc ông đến Gò Rùa (Sơn Qui), thấy thế đất rất đẹp nhưng toàn vùng Gò Công vì gần biển, lúc bấy giờ không chỗ nào đào được giếng có nước ngọt. Sau đó ông phát hiện ra mạch nước ngầm ở Gò Sơn Qui. Ông quy tập mồ mả 3 đời về đây và xây nhà ở gò đất này.

*- Tương truyền trước khi sinh bà Phạm Thị Hằng (BàTư Dụ) thì có một vầng trăng chiếu sáng lòa cả Gò Sơn Qui, nên ông bà Phạm Đăng Hưng đặt cho người con tên Hằng. Hiện nay, tại lăng Hoàng Gia, phía sau nhà thờ, nơi nền nhà xưa vẫn còn cái giếng cổ, nước ngọt và trong vắt. Trong cuốn sách cổ “Tư Dụ - Hoàng Thái hậu truyện” của soạn giả ả guyễn Liên Phong in năm 1913 có hai câu:

Lộ thủy trình tường ngoại

Quy khâu trúc phước cơ

Tạm dịch là:

“ ả ước ngọt đầm lành ngoại
Gò Rùa mọc phước cơ”.

3*- Châu về Hợp phố của Tấm bia đá

Đến thăm mộ Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng, từ ngoài bước vào, du khách sẽ nhận thấy bên trái có một nhà bia. Bên dưới là tấm bia bằng đá trắng Quảng ả am, đã mòn theo thời gian, nhưng thật kỳ lạ: phía trên có

hình cây thánh giá màu đen, bên dưới là dòng chữ Pháp ghi “Đây là nơi an nghỉ của Trung úy Barbé”. ả hìn sâu vào trong là một bài văn bia chỉ chút chữ Hán.



Tấm bia đá lưu lạc 140 năm (ảnh Internet)

Bia đá này do Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dung soạn vào năm Tự Đức thứ 10 (1857) nhằm ca ngợi công đức của Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng. Vua Tự Đức sai chở bằng thuyền từ Huế về Gò Công. ả hưng cái bia đá mất tích một cách bí hiểm. Đến lúc trùng tu lăng Hoàng gia, năm 1899, vua Thành Thái cho dựng nhà bia bên phải (từ ngoài nhìn vào) bằng đá hoa cương. ả ội dung tấm bia này giống y tấm bia Tự Đức ban cho ông ngoại.

Chuyện kể rằng, lúc giải tỏa nghĩa địa Mạc Đĩnh Chi (quận 1- TP Sài Gòn) để xây dựng Công viên Lê Văn Tám (khoảng 1983-1986), người ta thấy còn sót lại một tấm bia đá bỏ chổng chơ. Có người phát hiện hàng chữ ả ho sau hàng chữ Pháp mới báo với Bảo tàng Thành phố. Khi các nhà nghiên cứu giám định mới té ngửa là tấm bia ấy là của vua Tự Đức ban tặng cho ông ngoại Phạm Đăng Hưng.

Trong tác phẩm “Scènes de la vie Annamite” (ả XB P.Ollendorff Paris 1884) của 2 tác giả Le Vardier và De Maubryan có kể lại chuyện tình éo le của viên Trung úy Barbé với cô gái Bến ả ghé tên Thị Ba, người của nghĩa quân Trương Định...

... Cô gái hẹn Trung úy Barbé ở đồn chùa Khải Tường (nay là viện Bảo tàng) đến đồn chùa Ô Ma (Pagode des Mares - Thị ả ghé) vào đêm 7/12/1860. Trên đường đi, Barbé đã bị nghĩa quân Trương Định phục kích bắt ngờ giết chết. Câu chuyện tình này đời nay

được dựng thành vở cải lương nổi tiếng ở miền ả am có tên “ả ằng Hai Bên ả ghê” với diễn xuất tài năng của nữ nghệ sĩ Mỹ Châu.

Liên kết các sự kiện, chính Barbé cướp tấm bia vào năm 1858 về đồn và 2 năm sau y chết, người ta lấy tấm bia ấy làm bia mộ cho y. Đến khi nghĩa trang giải tỏa mới phát hiện ra và năm 1998, viện Bảo tàng TP mới tặng lại Khu di tích Lăng Hoàng gia. Đứng 140 năm sau tấm bia mới được đặt đúng vị trí của nó -/-

* * HỒ HOA ả GUYÊ ả

Ghi chú: (1) ả gọi thích, Thích lý = Bà con bên ngoại của vua

Tài liệu tham khảo:

- Việt ả am Danh nhân tự điển – ả .H.A
- Các triều đại Việt ả am - Q.C., ĐĐH
- Truyền kể về các Vương Phi, Hoàng hậu nhà ả guyễn ----- Thi Long
- Chín Đời Chúa, Mười Ba Đời Vua ả guyễn ----- ả ĐX
- Tài liệu Internet



Lại Tết về Giữa Mùa Đông

*Tết giữa mùa Đông – lệ cứ tràn
Khóc cho Bản Giốc, hận Nam Quan
Tài nguyên phong phú, người xâm đoạt
Văn hiến ngàn xưa, chúng xóa tan
Đại cáo Bình Ngô: ngời chánh nghĩa
Lời thề Sát Thát*: rục** tâm can
Chừng nào mình chúa tòng dân ý
Phát ngọn cờ đào*** diệt sói ngàn****!*

TRÚC LA ả Montreal-Canada, 10/2013

CHÚ THÍCH:

***Sát Thát:** (Sát: giết; Thát: chỉ người Mông Cổ): giết quân Thát Đát (tức Mông Cổ). Thời nhà Trần, trong kháng chiến chống ả guyễn-Mông lần thứ hai (1285), quan quân nhà Trần đều thích (xăm) lên hai cánh tay chữ “Sát Thát” để thể hiện ý chí giết giặc ngoại xâm.

****Rục:** nổi nóng; tức rục tim gan.

*****Cờ đào:** rút từ thành ngữ “áo vải cờ đào”. Thành ngữ này bắt nguồn từ hai câu thơ “Mà nay áo vải cờ đào – Giúp dân dựng nước xiết bao công trình” trong bài “Ai tư vãn” của ả gọc Hân công chúa [Lê ả gọc Hân (1770-1799), con gái thứ 21 của Lê Hiến Tông]. “Ai tư vãn” là bài thơ nôm nổi tiếng (dài 164 câu, thể song thất lục bát) của ả gọc Hân công chúa, phản ánh sâu sắc nỗi đau khổ và tiếc thương chồng vô hạn của một góa phụ trẻ; còn là tư liệu quý để người đời hiểu được đời sống tình cảm, sự nghiệp cứu nước, dựng nước của vua Quang Trung, người anh hùng dân tộc ả guyễn Huệ.

******Sói ngàn:** Sói dữ trên rừng núi; có thể so sánh với sói đỏ, sói thảo nguyên. Sói đỏ rất hung tợn, thường xuyên sát hại trâu bò và đồng bào ở quanh rừng (chẳng hạn ở Sơn La, Việt ả am). Chúng đi săn thành từng đàn 20 tới 30 con, có khi lên 50 con. Khi “bầy binh bố trận”, chúng giết con mồi cho bằng được. Hàm răng chúng sắc như dao cạo, xé đứt cả da trâu bò. ả ước tiểu rất độc, là thứ vũ khí khủng khiếp. Chúng rất nham hiểm, cứ cắn chết trâu bò, ăn hết thịt mỡ, moi hết lòng phèo, rồi bỏ dở để tấn công con khác (Theo VTC ả ews).

Sói là một trong những vị thần thuộc thần thoại Bắc Âu. Sói còn là Tôtem, là biểu tượng cho sức mạnh tinh thần của người Mông Cổ (Sói con của Trời; sói đỏ Mông Cổ). Gần đây còn có “Tôtem sói” là một bộ sách lạ, mô tả nghiên cứu về loài sói thảo nguyên Mông Cổ (ả nguồn www.nhandan.com.vn).

Diệt sói ngàn ở đây ý nói diệt kẻ thù hung dữ, tàn ác.

Đồng bằng sông Cửu Long : vùng đất nghèo nhất Việt Nam

Lâm Văn Bé

Ngày 30 tháng tư năm 1975, khi xe tăng của Cộng Sản tràn vào dinh Độc Lập, quân dân vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) vẫn chưa buông súng, chưa mất niềm tin, nếu không có lời tuyên bố đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh. Tướng Nguyễn Khoa Nam, tướng Lê Văn Hưng và nhiều quân cán chính các cấp ở khắp nơi đã anh dũng tuân tiết vì không muốn đầu hàng quân địch. Điều gì sẽ xảy ra nếu cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam vẫn tiếp tục với khối nhân lực và tài lực của vùng ĐBSCL, vùng đất trù phú nhất của VN lúc bấy giờ. Nhưng lịch sử đã sang trang vì sau 37 năm cai trị, đảng Cộng Sản VN đã biến vùng ĐBSCL trở thành vùng nghèo nhất của đất nước. Bài viết thử tìm hiểu hiện trạng và những lý do chính yếu của sự thay đổi đau đớn này.

Thế nào là nghèo đói

Để diễn tả cảnh nghèo đói, người dân miền Nam có câu đồng dao: *Nghèo xơ nghèo xác/ Nghèo nát xương mông/ Nghèo không gạo nấu/ Nghèo thẩu Ngọc Hoàng/ Nghèo tàn nghèo mặt/ Nghèo khạc ra tro/ Nghèo ho ra bụi/ Nghèo lũi trong bờ/ Nghèo mờ con mắt/ Nghèo thắt ống chum/ Nghèo sưng ống quyển...* Đó là cái nghèo cảm nhận bởi người nghèo. Các nhà kinh tế học dựa vào tiêu chuẩn tiền tệ để ấn định **ngưỡng nghèo** trong khi các nhà xã hội học thì kể thêm những yếu tố nhân sinh để nhìn cái nghèo trong toàn diện.

Nghèo tiền tệ

Theo tiêu chuẩn tiền tệ, Ngân Hàng Thế Giới quy định ngưỡng nghèo là số tiền thu nhập của một người mỗi ngày từ **1,25 (cực kỳ nghèo thường gọi là bần cùng) đến 2 mỹ kim (nghèo)**. Thước đo bằng đồng mỹ kim như trên là một tiêu chuẩn rất tương đối bởi lẽ kinh tế mỗi quốc gia tùy thuộc nhiều vào sự lạm phát, chánh sách lương bổng và mức sống. Do đó, để có một định chuẩn quốc tế, các nhà kinh tế áp dụng ý niệm *sức mua tương đương* (PPA=parité de pouvoir d'achat, tiếng Anh là PPP : purchasing power parity) của một giỏ hàng gồm những nhu phẩm cần thiết tính bằng mỹ kim rồi xem giỏ hàng này trị giá bằng bao nhiêu ở mỗi quốc gia, vì vậy tiêu chuẩn ngưỡng nghèo của Ngân Hàng Thế Giới được tính bằng mỹ kim PPP (hay PPA). Thực tế, cách tính tỷ giá của một giỏ hàng như trên cũng vẫn tương đối, bởi giỏ hàng cần thiết của mỗi dân tộc khác nhau, vì vậy, tạp chí *Economist* đề nghị lấy cái sandwich BigMac làm chuẩn (chỉ số BigMac) và gần đây công ty ComSec đề nghị dùng giá tiền của cái

Ipod để tính PPP. Đó là cách so sánh của các quốc gia phát triển, nhưng với nhiều quốc gia nghèo Á Phi, các phương tiện này chưa phổ quát, do đó tiêu chuẩn nghèo đói của Ngân Hàng Thế Giới vẫn là **tiêu chuẩn tiền tệ**.

Đối với Việt Nam, chính phủ ấn định ngưỡng nghèo theo tiêu chuẩn số tiền thu nhập hàng tháng cho mỗi đầu người, và số tiền này thay đổi tùy theo nông thôn và thành thị.

- Năm 2006 : 200 000 đồng (nông thôn), 260 000 đồng (thành thị)
- Năm 2008 : 290 000 đồng (nt), 370 000 đồng (tt)
- Năm 2010-2015 : 400 000 đồng (nt), 500 000 đồng (tt)

Nếu tính theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc năm 2008, với tiêu chuẩn cực nghèo là 1,25 mỹ kim một ngày tương đương với 323 000 đồng một tháng, và tiêu chuẩn nghèo 2 mỹ kim/ngày tương đương với 516 000 đồng/tháng, thì với tiêu chuẩn nghèo của chính phủ VN như trên, **cả nước có 13.2% sống dưới 1,25 mỹ kim một ngày hay 32.9% sống dưới 2 mỹ kim một ngày** (nguồn : UNDP. Báo cáo quốc gia về phát triển con người 2011, p.215)

Với tỷ lệ nghèo đói như trên, tại vùng Đông Nam Á, chỉ có hai nước Lào và Cambodge là nghèo hơn VN (có thể thêm Miến Điện, nhưng Ngân Hàng Thế Giới không có thống kê).

Với đà lạm phát và vật giá gia tăng, tỷ lệ nghèo đói hôm nay chắc hẳn tăng lên rất nhiều. Tháng 4 năm 2012, Bộ Lao Động-Thương Binh Xã hội công bố **vào năm 2011, VN có hơn 4 triệu hộ nghèo và cận nghèo** (molisa.gov.vn ngày 4/4/2012). Nếu tính trung bình mỗi hộ có 5 người, VN hiện nay có độ 20 triệu người (tức 22% dân số) có lợi tức dưới 1.25 mỹ kim một ngày.

Đó là con số của thống kê VN, nhưng thực sự phải hiểu là tình trạng nghèo đói hiện nay trầm trọng hơn nhiều bởi bản chất dối trá của cộng sản, thói phồn thành tích và che giấu những điều tệ hại.

Đọc những con số này, một số «Việt Kiều yêu nước » không tin bởi lẽ khi về VN, họ chỉ đi «tham quan» những nơi dành cho du khách và lạnh cảm ngoạn mục với những người mua gánh bán bưng, những người đồng cảnh ngộ với họ khi xưa mà nay họ cho là bọn mảnh mun tìm cách lường gạt họ. Tuy nhiên, nếu họ có can đảm đi vào những nơi mà cộng sản gọi là «vùng sâu, vùng xa» hay vùng «nhà quê» các tỉnh miền ĐBSCL như Trà Vinh, Sóc Trăng, Đồng Tháp..., họ sẽ thấy cảnh nghèo khổ của người dân Việt Nam hôm nay cũng chẳng khác gì thời thuộc địa hay thời cộng sản cầm quyền tại miền Bắc trước 1975.

Nghèo đa chiều

Nghèo đói không phải chỉ biểu hiện qua trạng thái thiếu lương thực và thiếu tiền mà còn phản ánh qua **mức sống** của người dân. Từ năm 1997, Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc (United Nations Development Program =UNDP) đã dùng *Chỉ số phát triển con người* **HDI (human development indicator)** để đo mức sống của người dân gồm 3 yếu tố là tuổi thọ, giáo dục và lợi tức. Từ năm 2010, Liên Hiệp Quốc áp dụng thêm một phương thức mới để đo mức nghèo một cách toàn diện hơn gồm các yếu tố tiền tệ và phi tiền tệ gọi là **chỉ số nghèo đói đa chiều (Multidimensional Poverty Index =**

MPI) do Sabrina Alkira và Maria Emma Santos, hai chuyên gia của OPHI (Oxford Poverty and Human Development Initiative) thuộc Đại học Oxford sáng chế. Chỉ số nghèo đói đa chiều MPI đo lường nghèo đói với 3 chiều và 10 chỉ số như sau :

Bảng 1 . Chỉ tiêu nghèo đói đa chiều của OPHI

Đa chiều	10 chỉ số	Đường nghèo
Y tế	Tử vong trẻ con	Gia đình có một đứa trẻ chết
	Dinh dưỡng	Gia đình có người thiếu dinh dưỡng
Giáo dục	Số năm học	Không học hết 5 năm
	Bỏ học	Không đi học đến lớp 8
Mức sống	Nhiên liệu để nấu ăn	Nấu ăn bằng gỗ, phân động vật, than củi
	Nhà vệ sinh	Không nhà vệ sinh
	Nước sạch	Không có nước sạch để dùng hay cách xa 30 km
	Điện lực	Không có điện là nguồn thắp sáng
	Nhà ở	Sàn nhà trên bùn, cát , phân
	Tài sản	Không có ít nhất radio, điện thoại, xe đạp, moto

Chính phủ VN đã áp dụng chỉ số căn bản trên để cải biến thành 9 chỉ tiêu áp dụng trong cuộc *Điều Tra mức sống con người 2010* (dữ liệu năm 2008) và *Báo cáo Phát Triển con người năm 2011* do Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc phối hợp thực hiện.

Bảng 2. Chỉ tiêu nghèo đói đa chiều MPI của Việt Nam

Đa chiều	Chỉ tiêu	Đường nghèo
Y tế	1-Chi phí y tế	Phải bán tài sản, vay nợ để thanh toán dịch vụ y tế hay phải ngưng chữa trị vì không đủ tiền
Giáo dục	2-Số năm học	Người từ 15 tuổi trở lên không học hết tiểu học
	3-Bỏ học	Người từ 6 đến 18 tuổi không đi học
Mức sống	4- Điện	Không có điện để sử dụng làm nguồn thắp sáng
	5- Nước sạch	Không tiếp cận được nguồn nước sạch
	6-Vệ sinh	Rác thải không được thu dọn, bị ô nhiễm
	7-Nhà vệ sinh	Không có nhà vệ sinh hay nhà vệ sinh đổ chất thải trực tiếp xuống sông rạch
	8- Nhà ở	Không có nhà cố định, ở trong nhà tạm mà nền nhà trên bùn, cát
	9-Sở hữu tài sản lâu bền	Không có ít nhất một trong ba loại tài sản sau đây: - Phương tiện di chuyển: xe đạp, xe máy, thuyền tự lái - Phương tiện liên lạc: Điện thoại - Thông tin: TV, radio

Bảng 3 . Tỷ lệ nghèo đói đa chiều và tiền tệ năm 2008 của VN theo 6 vùng

Vùng	Nghèo đói đa chiều	Nghèo đói tiền tệ
Trung Du và Miền núi phía Bắc	39.5	29.2
Đồng bằng sông Hồng	3.6	6.8
Bắc Trung Bộ & Duyên hải	16.8	20.4
Tây Nguyên	34.5	24.9
Đông Nam Bộ	9	1.8
Đồng bằng sông Cửu Long	49.7	14.6

Nguồn : UNDP. Báo cáo Quốc gia về Phát triển con người 2011

Vùng Đồng Bằng sông Cửu Long, tuy mức nghèo tiền tệ chỉ có 14.6%. đứng sau vùng Đông Nam Bộ (1.8%) và Đồng Bằng sông Hồng (6.8%), nhưng với tỷ lệ nghèo đói đa chiều, ĐBSCL lại là vùng nghèo nhất VN với chỉ số nghèo lên đến 49.7%, nghèo hơn cả vùng Trung Du và Miền Núi phía Bắc vốn là vùng nghèo nhất nếu tính theo tiêu chuẩn tiền tệ.

Tỷ lệ nghèo đói đa chiều của 63 tỉnh và thành phố Việt Nam năm 2008

Dựa vào các tiêu chuẩn nghèo đói đa chiều như trên, Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) phối hợp với Thống Kê VN thiết lập tỷ lệ nghèo đói đa chiều của 63 tỉnh và thành phố VN năm 2008 (công bố năm 2011). Vì trang giấy có hạn, chúng tôi không thể trình bày công thức để thiết lập tỷ lệ này, nhưng những con số trong bảng thống kê sau đây biểu hiện trạng thái nghèo đói thực sự trong toàn diện của các tỉnh và thành phố trong nước.

Bảng 4 . Tỷ lệ nghèo đói đa chiều (MPI) của VN

Hạng	Tỉnh	% người nghèo đa chiều (1)	% người gần nghèo đa chiều (2)	(1)+ (2)	% người nghèo tiền tệ
1	Hà Nội	1.5	7.5	9	1.7
2	TP HCM	2.1	4.6	6.7	0.5
3	Hải Dương	2.5	11.4	13.9	8.9
4	Bắc Ninh	2.7	10.9	13.6	5.9
5	Hưng Yên	2.8	11.2	14	7.1
6	Hải Phòng	3	10.8	13.8	4.9
7	Đà Nẵng	3	5	8	3
8	Thái Bình	3.9	16.7	20.6	8.5
9	Bà Rịa –VTàu	4.2	13.4	17.6	7
10	Nam Định	5	16.7	21.7	7.7
11	Hà Nam	5.5	22.6	28.1	8.4
12	Bình Dương	5.9	17.4	23.4	0.5
13	Vĩnh Phúc	7	28.7	35.7	11.3
14	Quảng Ninh	6.8	10.3	17.1	7.2
15	Ninh Bình	9.2	31.8	40	12.9
16	Bắc Giang	10.5	22.4	32.9	17.5
17	Hà Tĩnh	11.7	23.3	35	28.2
18	Nghệ An	12.8	23.7	36.5	24.9

19	Phú Thọ	14.8	24.2	39	17.4
20	Bình Định	15.4	36.3	41.7	13.3
21	Thanh Hóa	15	23.5	38.5	26.3
22	Quảng Bình	16.1	26.6	42.7	23.6
23	Lâm Đồng	16.4	23.8	40.2	18.3
24	Đồng Nai	16.8	18.4	35.2	4.3
25	Khánh Hòa	17.4	18.9	36.3	10.7
26	Phú Yên	19.2	33.1	42.3	17.6
27	Thái Nguyên	19.7	22.6	42.3	17.5
28	Quảng Trị	20.1	30.6	50.7	27.6
29	Bình Thuận	20.2	21.1	41.3	9.3
30	Thừa Thiên	20.3	23.2	43.5	15.7
31	Quảng Nam	21.3	25.3	46.6	20.7
32	Quảng Ngãi	23.4	27.2	50.6	21.7
33	Bình Phước	24.2	25.9	50.1	10.1
34	Đắk Nông	27	36.4	63.4	26.7
35	Hòa Bình	31.2	36	67.2	32.3
36	Tây Ninh	31.9	26.1	58	5.6
37	Long An	35	31.5	66.5	7.6
38	Đặc Lắc	36	28.7	64.7	24.6
39	Ninh Thuận	36.5	21.2	57.7	21.2
40	Tiền Giang	38.3	32.3	70.6	10.7
41	Tuyên Quang	41.2	29	70.2	23.3
42	Cần Thơ	42.3	19.5	61.8	6.9
43	Lạng Sơn	45	34.1	79.1	21.2
44	Bạc Liêu	45.1	38.4	83.5	12.4
45	Cà Mau	45.2	26.2	71.4	13.7
46	Bắc Cạn	45.5	28.4	73.9	39.9
47	An Giang	46	23.1	69.1	8.5
48	Gia Lai	46.3	24.9	71.2	29.1
49	Kiên Giang	49.2	23.8	73	9.5
50	Yên Bái	49.4	22.4	71.8	24.6
51	Bến Tre	51	29.2	80.2	15.5
52	Kontum	53	23.2	76.2	32
53	Trà Vinh	55	25.6	80.6	20.7
54	Sóc Trăng	57.7	21	78.7	19.2
55	Hậu Giang	60	26.9	86.9	13.6
56	Sơn La	60.1	25.3	85.4	42.4
57	Lào Cai	61	19.4	80.4	37.7
58	Đồng Tháp	65.6	19.4	85	10.3
59	Cao Bằng	65.9	22	87.9	42
60	Vĩnh Long	71.3	14.8	86.1	10
61	Hà Giang	73	11.4	84.4	43
62	Điện Biên	75	11.3	86.3	49
63	Lai Châu	82.3	7.8	90.1	61.3
	Cả nước	23.3	20.2	43.5	14.6

Nguồn. UNDP. Báo cáo quốc gia về Phát Triển con người 2011, p.213-215

Bảng thống kê trên trình bày rõ rệt tỷ lệ nghèo đa chiều của các vùng địa lý.

Hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh là hai thành phố có tỷ lệ người nghèo đa chiều ít nhất và hai tỉnh của vùng Trung Du và Miền Núi Phía Bắc có tỷ lệ nghèo cao nhất.

Trong số 20 tỉnh và thành phố đứng đầu danh sách được xem như trù phú nhất nước (tỷ lệ người nghèo và cận nghèo dưới 30%) đa số đều nằm trong vùng Đồng Bằng Sông Hồng và vùng Thanh Nghệ Tĩnh vốn là những vùng nghèo đói trước khi Cộng Sản cưỡng chiếm Miền Nam. Trái lại, 20 tỉnh nghèo nhất ở cuối bảng đều nằm trong vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, vốn là những tỉnh trù phú trước 1975, hiện nay có đến hơn 70% dân chúng lâm vào cảnh nghèo và sát với mức nghèo. Điều đáng lưu ý là tỉnh Vĩnh Long, một trong các tỉnh trù phú của miền Nam dưới thời Việt Nam Cộng Hòa thì nay đứng hạng 60 trong danh sách 63 tỉnh và được xem là một trong những tỉnh nghèo nhất của Vùng ĐBSCL dưới chế độ Cộng Sản. Tỉnh Cần Thơ, thủ phủ của miền Tây khi xưa (và cả hiện nay), đứng hạng 42 trong khi Hải Phòng Đà Nẵng vượt lên hạng 6,7 trong danh sách. Độc giả tham khảo kỹ hơn bảng thông kê để biết hiện trạng nghèo giàu của quê hương cũ của mình.

Lý do nghèo đói của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long

Mặc dù ĐBSCL là vựa lúa gạo bảo đảm an ninh lương thực cho toàn quốc (chiếm 90% sản lượng gạo xuất cảng, 70% sản lượng trái cây, 60% sản lượng thủy hải sản của cả nước), ĐBSCL lại là vùng nghèo nhất nước. Trong phần sau đây, chúng tôi thử tìm hiểu những nguyên nhân chính yếu của tình trạng nghịch lý này.

1- Lợi tức phụ thuộc vào lúa gạo

80% dân số vùng ĐBSCL là nông dân sinh sống bằng nghề nông, chính yếu là trồng lúa. Đó là lãnh vực kém hiệu năng kinh tế nhất bởi những lý do liên quan đến thị trường lúa gạo quốc tế và những lý do đặc thù của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Bởi lẽ gạo là món ăn chính yếu của đa số dân châu Á và châu Phi (nói chung hơn 50% dân số trên thế giới tiêu thụ gạo), các quốc gia tiêu thụ gạo đều có chánh sách phát triển nông nghiệp và trợ cấp nông nghiệp để bảo đảm tự túc lương thực, do đó nhu cầu nhập cảng gạo của nhiều quốc gia giảm dần làm ảnh hưởng đến giá gạo trên thị trường xuất cảng. Ngoài ra, gặp những năm trúng mùa, số xuất cảng lúa gạo trên thế giới gia tăng làm biến đổi thường xuyên giá gạo trên thị trường thế giới (từ 400 đến 700 mỹ kim/tấn).

Sự biến đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế nông nghiệp VN mà nông dân Việt Nam nói chung, đặc biệt vùng ĐBSCL phải gánh chịu. Năm 2011, VN sản xuất 42 triệu tấn lúa, xuất cảng 7.35 triệu tấn gạo mang về khoảng 3.5 tỷ mỹ kim (Trần Văn Đạt . Tình trạng sản xuất và tiêu thụ lúa gạo thế giới 2011-12 /Đồng Nai-Cửu Long, số 13, tr.225).

Nếu giá gạo trên thế giới trời sập bất thường, và ngay khi giá gạo trên thị trường quốc tế tăng lên cao, giá gạo tại VN luôn bị chánh phủ kiềm giữ rất thấp để chống lạm phát, nâng đỡ dân đô thị, thí dụ như năm 2008, trong khi giá gạo trên thế giới tăng đến 1000 mỹ kim /tấn, chánh phủ VN ngưng xuất cảng gạo để hạ giá gạo xuống 400 mỹ kim hầu giảm bớt áp lực của cuộc khủng hoảng tiền tệ. Sự bỏ rơi nông thôn hiện rõ trong chánh sách này. Trái với chủ trương của nhiều quốc gia trên thế giới trợ cấp nông

ng nghiệp bởi lẽ ngành sản xuất này ít lợi nhuận và bị ảnh hưởng bất cập của thời tiết, tại VN, chẳng những chánh phủ không trợ cấp cho nông dân mà còn ăn cướp nông dân dưới sự chi phối của hai cơ quan nhà nước là **Hiệp Hội Lương Thực Việt Nam (Vietnamese Food Association =VFA)** độc quyền mua lúa gạo của nông dân và **Hiệp Hội phân bón** độc quyền bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Để được nhiều lợi nhuận, VFA tìm mọi mưu chước để ép giá, mua lúa gạo rẻ và bán phân bón, thuốc sâu rầy với giá cắt cổ. Cách làm ăn của các hiệp hội cũng không lương thiện trên thị trường quốc tế, gạo thường pha lẫn lộn, không có thương hiệu, nên gạo VN không có giá trên thị trường quốc tế, chỉ bán được cho các quốc gia Phi Châu và các quốc gia mua gạo với giá rẻ. « Trong vòng 5 năm 2001-2005, giá bán gạo của VN chỉ bằng gần 80% giá bình quân thế giới (220 USD/tấn). Đó là giá bán «bèo» nhất trong số 5 nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới (xét theo khối lượng) theo thứ tự là Thái Lan, Ấn Độ, VN, Pakistan ...» (Xuất khẩu gạo : tấn nhiều, đô ít - tuoitre.vn/Kinh-te/193763/Xuat-khau-gao-Tan-nhieu-do-it.html). Đất đai bị chia cắt manh mún, không có kho chứa lúa (silo) để trữ lúa, nông dân phải bán tháo bán đổ cho các lái gạo thông đồng với VFA vì nếu trữ lâu thì lúa ươn, nảy mầm và nhất là phải bán gấp để có tiền trả nợ. Đời sống của nông dân vùng ĐBSCL là một chuỗi dài nghèo khó tác hại bởi thiên nhiên và con người cộng sản.

Tiến sĩ Võ Tòng Xuân, người gắn bó thiết tha với vùng đồng bằng sông Cửu (cựu Viện Trưởng Đại học An Giang, nay là Viện Trưởng Đại học Tân Tạo) đã nhận định:

«... Người nông dân nghèo triền miên vì làm nông nghiệp không có vốn, nông dân phải vay tiền mua lúa giống, phân bón. Sau mỗi vụ gặt, nông dân chen chúc ở ngân hàng nông nghiệp để trả nợ. Xong nợ cũ rồi vay nợ mới để đầu tư làm vụ kế tiếp. Có tới 95% nông dân phải vay ngân hàng để sản xuất theo kiểu ăn trước trả sau... » (ĐBSCL kêu cứu. tuanvietnam.vietnamnet.vn ngày 11/7/2011).

Không kể đến những tai biến thường xuyên do thời tiết (khô hạn, lũ lụt), lợi tức trung bình của một nông dân vùng ĐBSCL khoảng 30 mỹ kim /tháng (600 000đồng), dưới mức nghèo cùng cực theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc (1,25 mỹ kim/ngày).

« Theo điều tra của Viện Lúa ĐBSCL, nếu một hộ gia đình trung bình khoảng 5 người trồng 1 ha lúa, sản xuất 2 vụ /năm, đạt năng suất từ 10-12 tấn, trong đó chi phí chiếm 50%, chỉ còn lại 6 tấn, nếu tính giá lúa ở mức khoảng 6000 đồng /kg thì mỗi năm thu được 36 triệu đồng. Tính ra hộ đó có 3 triệu đồng /tháng, chia cho 5 người trong nhà, mỗi người chỉ được 600 000 đồng tháng » (ĐBSCL ; chất lượng sống sụt giảm /Người Lao Động, 25/8/2012).

Đó là trường hợp người sở hữu đất đai, còn trường hợp người thuê đất để làm ruộng còn thê thảm hơn. Số người mướn ruộng là những người nghèo khổ kinh niên phải bán đất hay bị chánh phủ lấy đất để làm các khu kỹ nghệ, sân golf. Nhiều khu đất màu mỡ dọc theo sông Tiền sông Hậu, bởi lẽ gần trục giao thông, bị chánh phủ «quy hoạch» để chờ bán cho các nhà đầu tư, do đó hàng ngàn mẫu đất bị bỏ hoang trong khi nông dân không có đất để trồng lúa, phải bỏ nông thôn lên thành phố để làm thuê, tạo thêm một lớp người nghèo khổ sống trong các khu ổ chuột ở ven biên hay các kinh rạch.

2- Hệ thống giao thông vùng ĐBSCL yếu kém, lạc hậu

Vũ Văn Ninh, Phó Thủ tướng, trong phiên họp ngày 19 tháng 7 năm 2012 tại Văn phòng Ban Chỉ đạo Nam Bộ ở Cần Thơ đã nhận định «...Hệ thống hạ tầng giao thông trong vùng còn bộc lộ nhiều yếu

kém, lạc hậu, thiếu đồng bộ, tính kết nối chưa cao, hiện là điểm nghẽn trong quá trình phát triển. Các nguồn đầu tư của chính phủ còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu...». Lời thú nhận của một phó thủ tướng như trên quả thật là nghiêm trọng bởi lẽ thông thường, các lãnh đạo đảng thường khoác lác, thổi phồng thành tích.

Hệ thống đường giao thông vùng ĐBSCL yếu kém nhất nước, chỉ có 5% đường nông thôn có thể sử dụng cho vận tải, số còn lại chỉ dùng để đi bộ, xe đạp và xe gắn máy. Trong 37 năm cai trị, chính quyền cộng sản chỉ xây một số xa lộ ven biên Saigon, nối rộng một phần Quốc Lộ số 1A (trước 75 gọi là Quốc lộ 4) và một số quốc lộ huyết mạch, kỳ dư các đường liên tỉnh đều nhỏ hẹp, sụp đổ, sạt lở, dân quê phải sử dụng lộ đá hay lộ đất băng qua các cây cầu khỉ, cầu ván thô sơ. Ông Nguyễn Văn Sơn, chuyên viên Trung Tâm Phát Triển ĐBSCL đã đề cập đến chánh sách bỏ rơi ĐBSCL của nhà nước như sau : «...Dĩ nhiên là vùng sông Hồng, sông Hàn có biết bao cây cầu kiên cố hiện đại, trong khi 7 tỉnh nam sông Hậu chỉ có cây cầu Mỹ Thuận và nhiều tỉnh khác cũng có mấy cây cầu khánh thành gần đây... » (Thu Hà. Diễm chí từ của ĐBSCL tuanvietnam.vietnamnet.vn ngày 2011/07/11) .

Mấy cây cầu mà ông Sơn đề cập là cầu Cần Thơ, Rạch Miễu, Hàm Luông chưa xây xong đã sụp và liên tiếp phải sửa chữa vì tham những trung ương ăn ciment và tham những địa phương nhắm mắt cho xe quá tải lưu thông để ăn tiền phạt.

Hệ thống giao thông đường thủy lại còn tệ hại hơn. Hàng hóa vận chuyển từ ĐBSCL lên hải cảng Saigon phải qua Kinh Chợ Gạo (tỉnh Tiền Giang) đã quá tải, cạn hẹp không tiếp nhận được các tàu có trọng tải lớn. Hai hải cảng lớn nhất của ĐBSCL là cảng Cần Thơ và Cái Cui cũng chỉ nhận được tàu dưới 10 000 tấn.

Tình trạng giao thông lạc hậu này đã tạo nhiều khó khăn trong việc chuyển vận hàng hóa, lưu thông của người lao động, đi lại của học sinh, cấp cứu bệnh nhân, tiếp cận văn hóa và mọi vấn đề mưu sinh. Tính chung, 70% hàng hóa từ ĐBSCL chuyển vận lên Saigon phải dùng quốc lộ 1A đã quá tải trầm trọng, do đó chi phí cho việc đi lại và chuyên chở nhiều khi chiếm đến 15% lợi tức của người dân.

3- Tình trạng y tế và giáo dục tồi tệ nhất nước.

Đã nghèo về lợi tức, người dân vùng ĐBSCL còn phải chịu đựng tình trạng bỏ rơi của chính quyền trung ương trong việc cung cấp các dịch vụ y tế và giáo dục.

Vùng ĐBSCL là vùng có tình trạng y tế và giáo dục tồi tệ nhất nước về trang bị cơ sở, nhân viên và các dịch vụ. Những con số thống kê nói rõ tình trạng này.

Năm 2008, ngoài 915 bệnh viện công với 151 800 giường bệnh, VN có thêm 85 bệnh viện tư với 5800 giường bệnh, như vậy trung bình VN có khoảng 18 giường bệnh, 5 bác sĩ và 14 y tá cho 10 000 dân. Tình trạng y tế cả nước chậm tiến như vậy, vùng ĐBSCL còn thê thảm hơn.

Bảng 5 . Số lượng cơ sở và nhân viên y tế công theo vùng năm 2008

Vùng	Số lượng			Nhân viên cho 10 000 dân	
	Bệnh viện	Bác sĩ	Y tá	Bác sĩ	Y tá
Đồng bằng Sông Hồng	170	9 764	23 621	5.2	12.7
Đồng Bắc	155	6 160	17 495	6.4	18.2

Tây Bắc	46	1 329	6 263	5	23
Duyên hải Bắc Trung Bộ	109	4 912	15 871	4.5	14.7
Duyên hải Nam Trung Bộ	88	3 930	10 741	5.4	14.8
Tây Nguyên	67	2 402	7 330	4.8	14.6
Đông Nam Bộ	127	8 288	20 349	5.7	14
ĐBSCL	154	7 886	23 241	4.5	13
Cả nước	915	44 671	124 911	5	15

Nguồn : Báo cáo Quốc gia về phát triển con người 2011, Bảng 6.1

Nếu tính theo số lượng, dân số vùng ĐBSCL chiếm 18% dân số toàn quốc, nhưng tỷ lệ cơ sở y tế và nhân viên không tương ứng với tỷ lệ dân số này. Ngoài ra, đa số các bệnh viện vùng ĐBSCL cũ kỹ, thiếu trang bị và đặc biệt các trường đào tạo nhân viên y tế không cung cấp đủ nhân viên y tế về lượng và phẩm. Vùng ĐBSCL chỉ có 1 trường Đại học Y Dược tại Cần Thơ trong khi cả nước có đến 14 trường đại học y dược mà 10 trường tập trung ở Miền Bắc (5 trường ở Hà Nội, 5 trường ở các tỉnh Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Thái Nguyên). Trong hội nghị y tế tổ chức tại Đại học Y Dược Cần Thơ ngày 10/8/2012, báo cáo cho biết « ...hiện vùng ĐBSCL còn thiếu đến 3048 bác sĩ, 655 dược sĩ ...» (infonet.vn ngày 12/8/2012).

Ngoài ra, chi tiêu y tế của người dân vùng ĐBSCL còn là một trong những lý do của sự bần cùng hóa. Vì nghèo, người dân đau ốm thường xuyên hơn, vì thiếu dinh dưỡng, trì hoãn việc chữa trị cho tới khi tình trạng sức khỏe trở nên trầm trọng, hậu quả là chi tiêu từ tiền túi cho dịch vụ y tế cao hơn, sự bình phục chậm hơn, hiệu năng kinh tế cho gia đình và xã hội sút giảm, đó là vòng lẩn quẩn của nghèo đói. Thử tưởng tượng mỗi lần thăm khám bệnh, « *người dân phải trả trung bình 227 000 đồng đối với dịch vụ ngoại trú và 2 218 000 đồng đối với các dịch vụ nội trú theo thời giá tháng 1 năm 2008* » (Báo cáo quốc gia phát triển con người năm 2011, tr. 95) thì với lợi tức trung bình hàng tháng khoảng 1.2 triệu đồng, cứ mỗi lần đi bác sĩ ngoại trú đã mất 20% lợi tức và nếu phải nằm bệnh viện thì vỡ nợ. Theo báo cáo của Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc năm 2011 thì «*tỷ lệ bần cùng hóa do chi phí y tế tại VN là một trong những tỷ lệ cao nhất thế giới* » (UNDP. Sđd, tr. 98). Nếu chi phí y tế của VN cao nhất thế giới mà vùng ĐBSCL cao nhất VN, như vậy có thể hiểu được mức độ trầm trọng của sự bần cùng hóa ở vùng này.

Về giáo dục, vùng ĐBSCL cũng tụt hậu nhất nước. Nếu tính số học sinh bậc trung học đệ nhị cấp (trung học phổ thông) trên 1000 người dân thì miền Bắc Trung Bộ có 43 học sinh, miền Đồng Bằng Sông Hồng 38, Duyên hải miền Trung 37, miền ĐBSCL chỉ có 26.

Nếu ở đồng bằng sông Hồng, cứ khoảng 327.000 người dân có một trường đại học (trung bình cả nước khoảng 900.000 người) thì ở ĐBSCL, con số này lên tới 3,37 triệu. Tỷ lệ tiến sĩ, giáo sư, thạc sĩ ở vùng ĐBSCL cũng còn quá thấp.

Năm 2010, chi tiêu về giáo dục trung bình cho mỗi học sinh là 3 triệu đồng (khoảng 150 mỹ kim), Đồng Bằng sông Hồng là 3.6 triệu, trong khi ở vùng ĐBSCL chỉ có 2 triệu.

(Giặt mình với giáo dục ĐBSCL /Diệp Văn Sơn).

Mặc dù chi phí giáo dục ở ĐBSCL thấp nhất nước, nhưng với mức lợi tức của người nông dân chỉ trên dưới 1 mỹ kim mỗi ngày, số chi tiêu này lại quá lớn đối với họ. Nhiều gia đình nghèo đông con đành phải để con thất học, trẻ con phải đi làm để phụ giúp gia đình. Từ bao năm nay, các kế hoạch phát triển

của nhà nước, các chương trình viện trợ của ODA vẫn cứ tập trung ở các đô thị khiến tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn rất cao, do đó phụ huynh và học sinh không tha thiết gì đến việc học, bởi lẽ có bằng cấp cũng không có việc làm ngoài công việc tay lấm chân bùn. Ngoài ra, đường giao thông còn là trở ngại lớn cho giáo dục. Các trường học thường xa nhà, trẻ con phải đi bộ nhiều cây số trên các đường lầy lội, qua các cầu tre vắt vẻo hay trên các ghe xuồng.

Tóm lại, những lý do của tình trạng không đi học hay bỏ học đều phát sinh từ tình trạng nghèo đói và chính sách bỏ rơi, bè đảng của nhà nước cộng sản. Những lý do chính yếu của nạn bỏ học vùng ĐBSCL là :

- Chi phí học quá đắt: 74%
- Cha mẹ không quan tâm đến việc học vấn của con: 61%
- Học sinh không khả năng, không thích đi học: 54 %
- Trẻ con phải đi làm: 15%

Bảng 6 . Tỷ lệ dân từ 15 tuổi trở lên chia theo bằng cấp cao nhất (năm 2010)

Vùng	Chưa bao giờ đi học	Không bằng cấp	Tiểu học	Trung học đệ 1 cấp	T.h. đệ 2 cấp	Đại học	Hậu đại học
Trung bình cả nước	6	14.3	22.7	27.1	14	4.8	0.2
ĐB Sông Hồng	2.7	6.4	13	35.9	18.2	7.5	0.6
Trung Du & M. núi	11.7	12.8	21.1	29	11.6	2.5	0.1
Trung Bộ	5.2	10.1	19.3	33.1	17.3	5.7	0.1
Tây Nguyên	9	13.7	26.1	26.3	13.4	2.6	0.1
ĐBSCL	7.8	26.6	32.1	17	7.9	2.5	0.1

Nguồn :Thống kê VN. Điều tra mức sống dân cư 2010, tr.81

Nếu tính người từ 15 tuổi trở lên dốt chữ (không biết đọc, không biết viết), ở vùng Đồng Bằng Sông Hồng chỉ có 2.7%, vùng ĐBSCL lên đến 7.8%, thậm chí nhiều tỉnh vượt hơn 10% như Sóc Trăng (13%), Trà Vinh (12.8%), An Giang (11.4%).

Nếu tính chung người không đi học và chỉ hoàn tất bậc tiểu học, vùng ĐBSCL có đến 66.5%, là một rào cản rất lớn trong việc tiếp cận với những tiến bộ xã hội, duy trì tình trạng chậm tiến trong lãnh vực kinh tế vì không có nhân công lành nghề. (Thống kê VN. Điều tra mức sống 2010)

4- Nhà ở

Trong cuộc điều tra nhà ở, Viện Thống kê VN đã phân biệt 4 loại nhà :

- Nhà kiên cố : gồm các loại biệt thự, nhà nhiều tầng, nhà bằng bê tông
- Nhà bán kiên cố : gồm các nhà có tường xây bằng gạch hay ghép lại bằng gỗ, mái lợp bằng ngói hay tole
- Nhà thiếu kiên cố : nhà có khung chịu bằng gỗ, mái lợp bằng tre, nứa, lá
- Nhà tạm : nhà có kết cấu đơn giản, vật liệu thô sơ, tường bằng đất, lá, cót, mái lợp bằng tranh, nứa, lá, giấy dầu.

Sau đây là thống kê nhà ở kiểm kê năm 2010 phân chia theo vùng (tính theo % bởi người viết)

Bảng 7 . Tỷ lệ các loại nhà ở phân chia theo vùng (năm 2010)

Vùng	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm
Cả nước	49.2	37.8	7.5	5.6
ĐB Sông Hồng	92.8	6.6	0.5	0.1
Trung Du & Miền núi Bắc	47.8	28.6	14.8	8.9
Bắc Trung Bộ& Duyên hải	64.2	28.1	3.6	3.1
Tây Nguyên	21.4	70.3	6.3	2
Đông Nam Bộ	17.9	76.2	2.9	3
ĐB Sông Cửu Long	11	51.4	20.8	16.8

Nguồn : Thống kê VN. Điều tra mức sống dân cư năm 2010

Bảng thống kê trên đã phơi bày một khía cạnh đen tối trong đời sống của người dân vùng ĐBSCL. Số nhà kiên cố ở vùng ĐBSCL ít nhất nước (11%) so với vùng ĐB Sông Hồng nhiều gấp 9 lần (92.8%), và số nhà tạm cao nhất nước (16,8%), so với vùng ĐBSH (chỉ có 0.1%).

Nếu tính chung loại nhà thiếu kiên cố và nhà tạm, hơn một phần ba (37.6%) nhà ở vùng ĐBSCL là những nhà gỗ, nhà tranh vách đất, thậm chí tại nhiều tỉnh, tỷ lệ này vượt lên đến gần phân nửa, như tỉnh Kiên Giang (50%),Cà Mau (49%), Trà Vinh (48.5%), Hậu Giang (48%), Bạc Liêu (47%).

Một nông dân ở vùng tứ giác Long Xuyên là một trong hai trung tâm lúa gạo trù phú nhất của VN đã kể cho phóng viên của báo «Tuần » như sau : « ... Ông nội tôi khi còn sống cứ mong sao dành dụm được chút ít tiền để cất cái nhà ngói làm chỗ cúng ông bà cho đàng hoàng. Hết đời cha giờ tới tôi, ngoài 60 tuổi rồi vẫn chưa thực hiện được di nguyện của ông. Tiền cho tụi nhỏ học hành, trả nợ vay ngân hàng không đủ nói chi chuyện cất nhà, vừa nói ông vừa chỉ vào căn nhà lợp lá tạm bợ bên cạnh đó... »

Ngoài ra, khi xét đến các loại đồ dùng lâu bền trong đời sống, vùng ĐBSCL thua kém xa tất cả các vùng của đất nước.

Bảng 8 . Tỷ lệ gia đình có đồ dùng lâu bền phân chia theo vùng (2010)

Vùng	Xe hơi	Xe gắn máy	Điện thoại	Tủ lạnh	TV màu	Máy điện toán	Máy giặt máy sấy
Cả nước	1.3	75.4	76.3	41.5	87.8	16	18.8
ĐB Sông Hồng	1.8	73.5	79.1	52.4	92	19	25.5
Trung du & Miền Núi	1	75.5	68.2	31.4	82.8	8.2	8
Trung Bộ	1	74.1	72.5	31.8	86.7	12.3	7.2
Tây Nguyên	0.8	84.1	74.6	32.4	87.2	14.7	19.2
Đông Nam Bộ	2.6	87.2	85	60.4	90	29.6	37
ĐBSCL	0.5	66.4	74.3	31	85	10	9

Nguồn : Thống kê VN. Điều tra mức sống dân cư năm 2010

Không kể vùng Trung Du và Miền núi phía Bắc gồm đa số là dân tộc thiểu số, các đồ dùng lâu bền cần thiết cho tiện nghi của đời sống ở vùng ĐBSCL thua kém các vùng khác, đặc biệt so với miền Đông Nam Bộ vốn là vùng phát triển kỹ nghệ và vùng Đồng Bằng Sông Hồng vốn là vùng ưu đãi của nhà nước cộng sản. Sự thiếu hụt trầm trọng những phương tiện đi lại như xe hơi, xe gắn máy và những phương tiện truyền thông như máy truyền hình, máy điện toán là những nguyên nhân tạo nên sự cô lập với thế giới bên ngoài, kìm giữ người dân vùng ĐBSCL trong chậm tiến và nghèo đói.

Thay lời kết

Miền Nam giàu có, giờ chỉ còn là huyền thoại. Ba mươi bảy năm xã hội chủ nghĩa đã biến vùng ĐBSCL trù phú sung túc trở thành vùng đất nghèo đói nhất nước.

Đồng bằng Sông Cửu Long khi xưa rộng thênh thang, cò bay thẳng cánh thì nay thiếu đất để cày vì bị chánh phủ chiếm đất để «qui hoạch». ĐBSCL là nơi xuất cảng 90% lúa gạo, 70% nông thủy sản cho cả nước nhưng lại là nơi nghèo nhất nước, trẻ con suy dinh dưỡng cao nhất nước, người dân sống trong các nhà tạm nhiều nhất nước, giáo dục, y tế tụt hậu nhất nước. Cái gì giải thích được điều nghịch lý này ?

Năm 1975, sau khi cưỡng chiếm miền Nam, cộng sản đã ulla « vào Nam nhìn họ, về Bắc nhìn hàng ». Thu vét tài sản của người dân, đầy ải cầm tù các quân cán chính, từ 37 năm qua, cộng sản vẫn chưa ngừng chánh sách khai thác vựa lúa vùng ĐBSCL và trả thù người dân miền Nam bị xem là tàn dư của «thực dân và Mỹ Ngụy ». Ông Lê Phước Thọ, Bí Thư Tỉnh ủy Sóc Trăng, Ủy viên trung ương Bộ Chính trị khóa 7 đã ngậm ngùi than thở : *«ĐBSCL ở xa trung ương quá, lâu lâu Bộ mới vào một lần. Trung ương mà không sớm thay đổi chánh sách bỏ rơi thì miền Tây không thoát nghèo được...»*. (ĐBSCL kêu cứu / tuanvietnam.vietnamnet.vn ngày 11/7/2011)

Ông đảng viên cao cấp gốc người miền ĐBSCL đã nhận định rõ về tình trạng nghèo đói của vùng đất quê cha đất tổ của ông. Đau đớn thay, tiếng nói của ông đã lạc điệu vì cái Phong Trào Giải Phóng miền Nam của ông đã bị giải thể từ lâu và ông cũng như đa số các đồng chí cao cấp gốc người miền Nam như ông, nếu không bị cho về hưu thì cũng chỉ là những người bù nhìn trong cái bộ chính trị gồm đa số là người gốc miền Bắc và Thanh Nghệ Tĩnh nắm hết mọi quyền sinh sát. Đó mới chính là cái nguyên nhân của tất cả mọi nguyên nhân về tình trạng nghèo đói của vùng ĐBSCL.

Thư mục chính yếu :

- Chương trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP). Báo cáo quốc gia về Phát Triển con người năm 2011.
- Thống kê VN. Điều tra mức sống con người 2010
- Thống kê VN. Điều tra dân số và nhà ở 2009
- Vietnam : a discussion of poverty : paper for workshop /Adam Pforde . Centre for Strategic Economic Studies, Victoria University. May, 2011
- Indice de pauvreté multidimensionnelle /Wikipedia
- Các trang mạng về chủ đề

Lâm Văn Bé

Tháng 3/2013

THẾ GIỚI THỰC VẬT QUANH TA

Thái Công Tung

Thực vật bao trùm mọi khía cạnh của đời sống loài người: **ta ăn** là nhờ cây lúa, **ta mặc** là nhờ cây bông vải, **ta ở** là nhờ cây rừng cho ta cột kèo, giường tủ, **ta thờ phụng** phải có hương hoa. Như vậy, cũng không lạ gì khi trong văn học thì chủ đề cây, hoa luôn luôn bàng bạc trong những vần thơ.

Văn học Việt, từ văn chương bác học đến văn chương dân gian đều chứa đựng những vần thơ có liên quan đến thực vật, từ cây cỏ đến hoa quả. Hãy đọc thơ Nguyễn Công Trứ:

Kiếp sau xin chớ làm người, Làm cây thông đứng giữa trời mà reo

Tình yêu giữa Kim Trọng và nàng Kiều nảy nở trong khung cảnh mộng mơ:

Dưới giòng nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

hay:

Hải đường lá ngon đông lân

Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà

Với truyện **Bích Câu Kỳ Ngộ**, tác giả đề cập đến triết lý vô thường của Phật giáo qua câu:

Trời thu mây hợp mây tan

Ngày xuân hoa nở hoa tàn mấy năm !

Các loài hoa có nhan nhản trong các bài hát: hoa ngọc lan, hoa ti gôn, hoa sim, hoa cúc v.v. Cây cũng có mặt trong thơ, nhạc, ca dao .. từ cây khế, cây xoài, cây cau, cây nhãn v.v.

Nói về rau, câu ca dao sau đây kể ra :

Ai đâu mà chẳng biết ta

Ta ở Xóm Láng, vốn nhà trồng rau

Rau thơm, rau húng, rau mùi

Thì là, cải cúc, đủ loài hành hoa

Mồng toi, mướp đắng, ớt cà

Bí đao đậu ván vốn nhà trồng nên

Lúa cũng có nhiều loài :

Vụ chiêm em cấy lúa di,

Vụ mùa lúa đẻ, sớm thì ba giăng

Thủ quê rau cá đã từng

Gạo thơm cơm trắng chi bằng tám xoan

Các giống lúa trồng có hai loại chính: đó là lúa tẻ sản xuất ra gạo nấu cơm, bột gạo làm nhiều loại sản phẩm khác nhau như bún, bánh tráng, bánh cuốn.. và lúa nếp có hạt gạo dẻo dùng nấu xôi, gói bánh chưng, bánh tét, làm rượu nếp, cơm rượu v.v. .Ca dao cũng dùng lúa tẻ, lúa nếp để giải bày tâm tình trai gái :

Anh thưa với mẹ cùng cha

Nếp mà lộn tẻ, lựa ra hay đừng ?

Đò đưa đến bến đò ngừng

Anh thương em thuở trước, nỡ chùng lại thôi !

Cây lúa có nhiều giai đoạn phát triển khác nhau như khi còn non thì gọi là cây mạ, rồi nảy bụi, trổ bông, ra bông kết hạt :

Anh đi lúa chửa chia về,

Anh về lúa đã đổ hoe đầy đồng

Anh đi em chửa có chồng

Anh về em đã tay bông tay mang

Trong văn thơ Việt, thực vật và động vật luôn luôn là những đề tài gửi gắm trong ca dao cũng như trong các bài thơ.

Trong bài thơ tả cảnh đồng quê Việt :

Gió may nổi bờ tre buồn xao xác

Trên ao bèo tàn lụi nước trong mây

Hoa mướp rụng từng đoá vàng rải rác

Lũ chuồn chuồn nhỡ nắng ngẩn ngơ bay

Ta thấy nào là động vật (chuồn chuồn) với thực vật (mướp, tre, bèo) chan hoà man mác trong bài

Ca dao thường phản ánh nhiều thực vật:

Xăm xăm bước tới vườn trầu

Hỏi thăm lê, lựu, mãng cầu chín chưa ?

Ngó lên đám bắp trở cò,

Đám dưa trở mướp, đám cà trở bông

Nhiều loài cây sau đây đã thân thương với con người Việt đến độ ta nhân cách hoá trong các câu ca dao, các điệu hò, các tiếng hát thường ngày:

cam quít chanh bưởi (Citrus sp.)

*Thân em như thể trái **chanh***

Lắt lẻo trên cành lắm kẻ ước mơ

trầu (Piper betel)

*Ba đồng một mớ **trầu** cay*

Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?

Bây giờ em đã có chồng

Như chim vào lồng như cá cắn câu

bầu bí (họ Cucurbitaceae)

*Râu tôm nấu với ruột **bầu***

Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon

cây cau (Areca cathechu)

Có vợ, anh đã có con

*Sao anh còn ước **cau** non trái mùa*

Ngoài lúa đóng vai trò chủ yếu, còn có các cây có củ (khoai các loại), cây ăn quả, các loại rau, cây công nghiệp (mía, chè ..).

Quê ta mát đất phù sa,

*Trồng **rau**, rau tốt, trồng **cà** sai*

*Quê ta lắm **bắp** nhiều **khoai**,*

*Đồng trong chắc **lúa**, bãi ngoài xanh **dâu***

Dâu xanh, xanh ngắt một màu,

Xóm làng đan né, rủ nhau chăn tằm

Ruộng vườn, ta bón ta chăm,

*Cho **dâu** đầy lá, cho tằm thêm tơ*

Mồng toi (Basella rubra) vì là dây leo nên trồng trên hàng rào, quanh nhà :

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi

*Cách nhau một giậu **mồng toi** xanh rờn* (thơ Nguyễn Bính)

Cà (Solanum melongena) cũng là một loại rau-trái :

*Bông em đi dạo vườn **cà***

Trái non bỏ mắm, trái già làm dưa

Làm dưa ba bữa dưa chua

Để dành ăn cấy, khỏi mua tốn tiền

Trong bài thơ 'Bạn đến chơi nhà' của Nguyễn Khuyến có mô tả sơ qua về quang cảnh một khu vườn nhà miền Bắc như sau :

Ao sâu nước cả, khôn chài cá

Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà

***Cải** chửa ra hoa, **cà** chửa nộ*

***Bầu** vừa rụng rốn, **mướp** đương hoa*

Cà và rau muống thông dụng nhất là tại miền Bắc và đã gặp trong ca dao:

Anh đi anh nhớ quê nhà

*Nhớ canh **rau muống**, nhớ **cà** dầm tương*

Trong bữa cơm cũng phải có **gia vị** như gừng (Zingiber officinale), ớt (Capsicum annuum), tiêu (Piper nigrum), hành, tỏi, sả, ngò, húng quế, rau răm Polygonum odoratum, rau diếp cá, rau thơm tức húng Láng (Mentha aquatica) thì cũng là từ thực vật nữa.

-Ai ơi chua ngọt đã từng

***Gừng** cay muối mặn xin đừng quên nhau*

-Ớt nào là ớt chẳng cay

Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng

*-Ăn tiêu nhớ **tỏi** bụi người*

*Ngồi bên đóm **hẹ** nhớ mùi **rau răm***

Hỡi người quân tử trăm năm

Quay tơ có nhớ mối tằm hay không ?

Đó là các thực vật dùng làm gia vị (plantes condimentaires)

Xưa kia, trong xã hội Việt, người ta thường ăn trầu để bắt đầu câu chuyện thủ tục . Miếng trầu là đầu câu chuyện :

***Trầu** này trầu túi trầu khăn.*

Cùng trầu dãi yếm anh ăn trầu nào.

Trầu này trầu quế trầu hồi,

Trầu loan, trầu phượng, trầu tôi, trầu mình.

Trầu này trầu tỉnh trầu tình,

Trầu nhân trầu ngãi trầu mình lấy ta.

Viết về thực vật, tác giả không quên nhắc đến cuộc **triển lãm Mosaiculture** năm 2013 tại vườn bách thảo Montreal . Mosaiculture là phép trồng bồn hoa ghép màu . Đây là một loại hình nghệ thuật cây kết hợp **giữa khoa điêu khắc** với hình thù và cấu trúc, **giữa khoa hội họa** với nhiều sắc màu và **khoa hoa viên** với các loài thực vật có lá màu sắc. Mosaiculture khác với loại hình trồng cây rồi uốn tía .

Triển lãm mang tính quốc tế này có chủ đề mang tính liên quan giữa môi trường thực vật và con người, được sự tham gia nhiều xứ từ Âu sang Á đến ngay cả vài xứ Phi châu cũng tham dự . Nhiều hình thể tượng trưng loài vật (con panda, chim,



con gorila), con người trồng cây, người phụ nữ ôm con cò, con ong, con bướm, .. đã được nhiều nghệ nhân chuyên ngành thiết kế xây dựng . Có đến 1 triệu người đi xem trong 3 tháng triển lãm . Thoạt tiên, họ làm khung sắt theo mẫu thiết kế, hàn lại cho chắc rồi để nhiều bao đất trong khung sắt . Sau đó, họ cấy các loài cây có nhiều màu như *Santolina*, *Alternanthera* .. với lá chỗ xanh, chỗ nâu, chỗ đen v.v.

Viết về thực vật, chúng ta cũng phải nhắc đến các thuốc thiên nhiên từ thảo mộc. Xưa kia, ngành Đông Y chỉ dùng toàn thuốc nguồn gốc thực vật . Gừng, tỏi, artichaut, lá dâm bụt, rau thom v.v. đều sử dụng trị các chứng đau . Ngày nay, vào trong tiệm thuốc Tây, ta thấy cũng có trưng bày các loại thuốc của nhiều hãng như Adrien Gagon, Jamieson .. của Canada, Vogel của Thụy Sĩ để trị cảm, cúm, dị ứng, ho khan v.v. bằng các thực vật khác nhau . Trước kia, con người sử dụng nhiều các sản phẩm hoá học nhưng ngày nay, mới thấy hoá học đưa đến những phản

ứng phụ gây nguy hại cho sức khoẻ nên càng ngày nhân loại chú trọng nhiều về sinh học (Bio): nào là **biocosmetics** với nhiều công ty mỹ phẩm ngày nay sử dụng các tinh dầu thực vật để làm phấn, son, nước hoa v.v, nào là **bioremediation**, sử dụng thực vật hoặc vi sinh vật để cải tạo môi trường bị ô nhiễm.

Rừng cây như vậy đã giúp cho con người nhiều dịch vụ. Nhưng càng ngày rừng bị tàn phá do dân số đông, nảy sinh ra nhiều nhu cầu cho đời sống. Như là lời phán của Gandhi, "Trái đất cung ứng đầy đủ cho nhu cầu (need) của con người, nhưng không bao giờ đủ cho lòng tham (greed) của họ."

Thái Công Tụng



Về triết lý kinh tế

« Mèo Trắng Mèo Đen » của Đặng Tiểu Bình (Trung Hoa cộng sản)

và thuyết “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa » của Việt Nam cộng sản

Nguyễn Thanh Bạch

Theo tài liệu lịch sử cận đại của Trung Hoa cộng sản, có một câu nói của ông Đặng Tiểu Bình liên quan đến Cộng sản Việt nam, tiếng Pháp như sau : Si les petits enfants sont désobéissants, il faut leur donner une bonne fessée, tạm dịch: Nếu con cháu không vâng lời thì phải cho chúng một trận đòn vào đít. Ông Đặng Tiểu Bình đã nói như vậy với Tổng thống Hoa kỳ Jimmy Carter trong cuộc viếng thăm vào năm 1979, với ẩn ý là báo trước việc Trung cộng sắp xua quân tràn qua biên giới đánh Việt nam để cho một bài học. Thời đó, Cộng sản Việt nam đang dựa vào đàn anh Liên xô, đã tấn công Kampuchia để lật đổ « Khờ me đỏ » mà « Khờ me đỏ » thì đang được Trung cộng che chở. Đặng Tiểu Bình còn nói lên nhiều câu triết lý « để đời », chẳng hạn như: Phải làm việc nhiều và nói ít (On devrait travailler plus et moins bavarder) - Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất của chân lý (La pratique est le seul critère de la vérité) - Để cho một số người làm giàu trước tiên, sau đó những người khác sẽ làm theo, rồi sự giàu có sẽ thành sự giàu có cho tất cả mọi người. (Laisser certains s'enrichir d'abord, les autres suivront et la richesse sera générale)...

Nhưng câu nói có tính cách lịch sử đã tạo nên bước tiến nhảy vọt cho nền kinh tế của nước Trung Hoa trong hơn ba thập niên qua là: Mèo đen, mèo trắng, con mèo tốt là con mèo bắt được chuột (Chat noir, chat blanc, le bon chat est celui qui attrape les souris). Đặng Tiểu Bình (ĐTB) nói ra câu này từ năm 1962 trong bối cảnh của một nước Trung Hoa đang gặp khó khăn và nền kinh tế có nguy cơ sẽ bị khủng hoảng trầm trọng. Một số chiến dịch do

Mao Trạch Đông phát động đã gây thiệt hại to lớn và làm cản trở sự phát triển của nước Trung Hoa như :

Cải cách ruộng đất năm 1953. đầu tở địa chủ, làm nhiều người làm ăn tử tế bị thiệt mạng.

Đại nhảy vọt (1958-1961) (1) gây nên thảm họa kinh tế với hơn 20 triệu người bị chết đói.

Cách mạng văn hoá (1966-1971) (2) giết hại tầng lớp trí thức và huỷ hoại nền khoa học trong nước.

ĐTB là tướng quân đội và từng là phó Thủ tướng dưới thời Mao nhưng trong thời kỳ Cách mạng văn hoá bị Mao buộc tội là hữu khuynh và bắt đi lao động cải tạo cho đến năm 1976. Khi Mao chết, Hoa quốc Phong lên thay đã khôi phục lại ĐTB, và sau đó ĐTB đã trở thành nhà lãnh đạo cao nhất.

Vì muốn thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn, trong ngành nông nghiệp, một số địa phương đã áp dụng hình thức khoán sản lượng đến từng hộ gia đình. Mặc dầu hình thức này giúp phần nào khôi phục sản xuất nhưng trong cơ chế quản lý tập thể xã hội chủ nghĩa, hình thức này bị coi là bất hợp pháp. ĐTB đã dùng cách so sánh « mèo trắng, mèo đen » (3) để diễn tả ý nghĩa là, trong quan hệ sản xuất, không thể hoàn toàn áp dụng một hình thức cố định, bất biến. Hình thức nào, tại địa phương nào, có thể khôi phục sản xuất và phát triển thì áp dụng hình thức đó.

Trong thời gian ĐTB lãnh đạo Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (CĐNDTH), sau đây là một số biểu hiện cụ thể của triết lý kinh tế « Mèo trắng mèo đen » :

Từ năm 1978, CHNDTH bắt đầu đột cải cách triệt để về kinh tế. Kinh tế thị trường, là đặc trưng của chủ nghĩa tư bản, không bị coi là xấu nữa.. Cho phép kinh tế tư nhân, miễn sao phát triển được kinh tế. Các hợp tác xã nông nghiệp, là mô hình của nông nghiệp XHCN, được xoá đi, phân lại đất cho nông dân tư hữu, nhằm tăng sản lượng nông nghiệp.

Về mặt đối ngoại, CHNDTH giao dịch với bất cứ chế độ chính trị nào, bất cứ thế lực cầm quyền nào, miễn sao có lợi về kinh tế. Không còn phân biệt « địch, ta » về ý thức hệ nữa. Chẳng hạn như khi Taliban nắm quyền ở Afghanistan thì TH chơi với Taliban, nhưng khi Taliban bị lật đổ thì TH lại chơi ngay với Chính phủ mới lên thay, nhằm chiếm giữ quyền khai thác khoáng sản.

Theo triết lý « mèo trắng, mèo đen » thì tên gọi tư bản hay cộng sản không quan trọng, miễn sao có lợi về kinh tế.

Một trong những biện pháp quan trọng để thực hiện đường lối kinh tế cởi mở của ĐTB là mô hình các đặc khu kinh tế (ĐKKT) được thành lập từ năm 1980.

Đầu tiên, có 4 ĐKKT ở gần biên giới Hongkong, đặc biệt là Thẩm quyền. Các doanh nhân từ Hongkong sang, thành lập các xí nghiệp ngành may mặc, sản xuất đồ chơi, giày dép.. Chẳng bao lâu sau đó, Thẩm quyền có sân golf, nhà chọc trời, những con đường mới... Đến cuối năm 1980, có thêm ĐKKT thứ năm là Hải Nam. Theo tài liệu của Ngân Hàng Thế Giới, đến năm 1993, đã có tới 3000 ĐKKT (thường được xây dựng dọc theo duyên hải, dài hơn 14 000 km).

Các ĐKKT được thành lập phỏng theo mô hình của Hongkong, dành rất nhiều ưu đãi cho các nhà đầu tư về thuế khoá, cơ sở vật chất... với mục đích thu hút đầu tư từ nước ngoài, kích thích thương mại quốc nội, tiếp thêm sức lực cho sự tăng trưởng kinh tế. Thể chế ưu tiên của các ĐKKT, khác hẳn với thể chế áp dụng trong nước tới mức « một quốc gia trong một quốc gia », có sức hấp dẫn để thu hút đầu tư về vốn, về kỹ thuật, phương pháp quản lý...

Kết quả 30 năm áp dụng chủ nghĩa thực dụng của ĐTB, từ năm 1978, tổng sản lượng mỗi năm tăng khoảng 9, 10 % . CHNDTH trở thành nước xuất cảng nhiều nhất thế giới. Theo kết quả khảo

sát của Trung tâm nghiên cứu kinh tế và kinh doanh (CEBR : Center for Economic & Business Research), Anh quốc, đưa ra ngày 16/12/2012, dự báo danh sách 10 nền kinh tế mạnh nhất thế giới năm 2012 và trong 10 năm tới, CHNDTH đứng hàng thứ hai, chỉ sau Hoa kỳ :

Hoa kỳ : GDP năm 2012 là 15.643 tỷ USD

GDP năm 2022 là (dự báo) là 23.496 tỷ USD

CHNDTH : GDP năm 2012 là 8249 tỷ USD

GDP năm 2022 (dự báo) là 19516 tỷ USD

1. Đại Nhảy Vọt là kế hoạch xã hội và kinh tế của CHND Trung hoa thực hiện từ 1958 đến 1960 nhằm mục tiêu sử dụng nhân số khổng lồ để chuyển tiếp nhanh chóng Trung hoa từ một nền kinh tế nông nghiệp dựa vào nông dân là chính sang một xã hội công nghiệp công sản hiện đại. ĐNV là một đại thảm họa kinh tế , số người chết lên đến trên 20 triệu.

2. Đại Cách mạng văn hoá giai cấp vô sản là một giai đoạn hỗn loạn xã hội diễn ra trong 10 năm (1966 – 1976), gây tác động lớn lên mọi mặt của cuộc sống, làm thay đổi quan niệm xã hội, chính trị và đạo đức. Mục tiêu chính thức của cuộc cách mạng này là loại bỏ những phần tử « tư sản tự do ». Nhưng mục đích chính của Mao là lấy lại quyền lực sau sự thất bại của Đại Nhảy Vọt và loại bỏ những người bất đồng ý kiến như Lưu thiếu Kỳ, Đặng tiểu Bình, Bành đức Hoài...

3. Đúng ra, là thuyết « mèo vàng, mèo đen », về sau diễn hoá thành thuyết « mèo trắng, mèo đen ». Có người cho rằng ĐTB đã mô phỏng tỷ dụ này từ bộ tiêu thuyết « Liêu trai chí dị » của tác giả Bồ tông Linh, quyển 3 cuối thiên « Khu quái (trừ tà), trong đó có câu « Dị sử thị viết, hoàng ly, hắc ly, đắc thử giả hùng », nghĩa là « Bất kỳ mèo vàng, mèo đen, chỉ cần bắt được chuột thì đều là mèo tốt ».

Sai lầm lớn nhất của người cộng sản Việt Nam là đã cho áp dụng ngay mô hình kinh tế của miền Bắc cho cả nước ngay sau khi thôn tính được miền Nam năm 1975, khăng định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội cho cả nước.. Các biện pháp thi hành tại miền Nam sau ngày 30 tháng tư đã xoá bỏ những yếu tố tích cực của nền kinh tế tư nhân và

của thị trường tự do tại miền Nam: cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành sản xuất canh nông, kỹ nghệ và thương mại, xoá bỏ tư sản « mại bản », đưa người ở thành phố Sài Gòn về các « vùng kinh tế mới », thống nhất tiền tệ (đổi tiền).

Về ngành nông nghiệp, theo kế hoạch hợp tác hoá, ruộng đất được tập hợp lại để tổ chức canh tác tập thể, sản phẩm được phân chia căn cứ theo mức đóng góp. Máy móc của người nông dân bị trưng mua để thành lập các tập đoàn phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các tập đoàn sản xuất có nghĩa vụ bán sản phẩm của Nhà nước theo giá kế hoạch, thấp hơn nhiều so với giá thị trường. Bù lại, Nhà nước cung cấp vật tư và hàng hoá tiêu dùng. Tuy nhiên, tình hình kinh tế miền Nam không thích hợp với mô hình hợp tác hoá vì chương trình « Người cày có ruộng » của Việt Nam Cộng Hoà vào đầu thập niên 1970 đã phân phối ruộng đất khiến đa số nông dân miền Nam thuộc hạng trung nông với năng suất khá cao. Do đó, nông dân không hưởng ứng, các tổ chức (1286 hợp tác xã và hơn 15.000 tổ sản xuất) tan rã vào cuối năm 1979. Hậu quả là sản xuất nông nghiệp sút giảm trong khi dân số tăng, gây ra cảnh thiếu thực phẩm, dân chúng miền Nam lần đầu tiên phải « ăn độn » bo bo, khoai, sắn.. đồng thời Việt Nam phải nhập cảng 5,6 triệu tấn thực phẩm từ năm 1976 đến năm 1980. Nạn đói kém đã xảy ra tại nhiều nơi.

Về các ngành công thương nghiệp,

Vào năm 1975, thành phố Sài Gòn của VNCH đã có một cơ sở vật chất, kinh tế, kỹ thuật lớn nhất miền Nam, là nơi tập trung hơn 80% năng lực sản xuất, với 38.000 cơ sở kỹ nghệ, tiểu công nghệ lớn nhỏ, 766 công ty. Sau hai đợt cải tạo công thương nghiệp, nhà cầm quyền cộng sản đã quốc hữu hoá tài sản của 171 tư sản mại bản. 59 tư sản thương mại cỡ lớn, cho thành lập 400 xí nghiệp quốc doanh, 14.000 cơ sở tiểu công nghệ.

Chiến dịch đánh vào tư sản mại bản bắt đầu từ tháng 9 năm 1975. Nhiều nhà tư bản lớn của miền Nam đã bị bắt, tài sản của họ bị tịch thu.

Nhà cầm quyền Việt Nam còn gián tiếp cho phép (có thân tiền) người Việt gốc Hoa tổ chức vượt biển hàng loạt, trốn sang nước ngoài, gọi là « vượt biên bán chính thức ».

Một số đông gia đình người Việt Nam đã lo lót

với Việt cộng để có giấy tờ giả là người Hoa và nộp tiền để vượt biên trong dịp này.

Song song với việc cải tạo công thương nghiệp, còn có chiến dịch di dân thành phố về nông thôn, đưa những người buôn bán về các vùng kinh tế mới. Thừa dịp này, Cộng sản Việt Nam đã buộc những gia đình có hợp tác với chế độ VNCH đi ra khỏi thành phố. Phương pháp cưỡng bức dân thành thị đi vùng kinh tế mới gồm có thu hồi hộ khẩu, rút thẻ mua gạo và các nhu yếu phẩm, và cấm trẻ em nhập học.. Chỉ tiêu là 1.200.000 dân trong thành phố Sài Gòn phải bỏ nhà cửa đi ra vùng kinh tế mới để sinh sống. Các vùng kinh tế mới là một sự thất bại lớn về kinh tế, đã gây ra sự đau thương cho bao nhiêu gia đình và cũng là một cách trả thù thâm độc của Cộng sản đối với những người quốc gia.

Đổi tiền

Nhà cầm quyền Cộng sản đã dùng phương thức đổi tiền nhiều lần từ ngày 30 tháng tư năm 1975, mục đích là « tước đoạt lại phần thu nhập của bọn đầu cơ tích trữ, bọn ăn cắp và những nguồn thu nhập không chính đáng khác, góp phần đấu tranh nhằm xoá bỏ bóc lột, xoá bỏ lối làm ăn phi pháp, phá rối thị trường của tư thương, phục vụ và thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất ở miền Bắc, đưa cả nước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ».

Sau ngày 30 tháng tư năm 1975, tiền VNCH phải đổi thành tiền Giải phóng với giá 500 đồng VNCH cho mỗi đồng Giải Phóng.

Vào năm 1976, say sưa trong chiến thắng, đảng Lao động đổi tên là đảng Cộng sản, giải tán Chánh phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam và cho ra đời Công hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng tiền được thống nhất bằng cuộc đổi tiền vào tháng 5 năm 1978. Tỷ giá đổi tiền là, ở miền Bắc, 1 đồng cũ thành 1 đồng Thống Nhất, ở miền Nam, 1 đồng Giải Phóng thành 0,80 đồng tiền Thống Nhất. mỗi hộ độc thân được đổi đến mức tối đa, ở thành thị là 100 đồng, ở nông thôn là 50 đồng.

Cải cách giá-hương-tiền năm 1985 với nội dung chính như sau :

- Tính đủ chi phí hợp lý vào sản xuất
- Thực hiện cơ chế một giá trong toàn bộ hệ thống giá cả

- Đảm bảo tiền lương thực tế
- Xác lập quyền tự chủ về tài chính của các ngành và các cơ sở kinh tế

Cuộc cải cách này đã làm cho nền kinh tế bị khủng hoảng nghiêm trọng.

Chi ngân sách Nhà nước cho tiền lương tăng vọt nhưng thu ngân sách lại không tăng bao nhiêu. Lạm phát bùng nổ. Những vòng xoáy điều chỉnh giá-lương-tiền càng làm cho lạm phát leo thang nhanh chóng trong năm 1986. Tiền phát hành nhiều mà vẫn không đủ. Vật tư, hàng hoá khan hiếm. Giá bán lương thực dầu tăng 10 lần vẫn không đủ bù đắp chi phí.. Sản xuất nông nghiệp sa sút. Đầu tư trong ngành kỹ nghệ giảm. Tháng 12 năm 1986, giá bán lẻ hàng hoá tăng 845,3% (587% so với năm 1985). Do đồng tiền mất giá, người ta quay sang lấy vàng làm bản vị, khiến giá vàng tăng vọt, còn nhanh hơn cả sự gia tăng của giá hàng hoá. Khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Việt Nam không thực hiện được mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế, xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Theo đảng cộng sản Việt nam, các nguyên nhân chính của sự khủng hoảng là :

- Chủ quan, nóng vội trong con đường đi lên xã hội chủ nghĩa
- Áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội bao cấp
- Công nghiệp hoá giản đơn, tập trung vào công nghiệp nặng

Sai lầm về kinh tế của Chính phủ : Bệnh chủ quan, duy ý chí - Lỗi suy nghĩ về hành động đơn giản – Nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan – Khuynh hướng buông lỏng quản lý kinh tế xã hội – Không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối nguyên tắc của đảng, vừa tả khuynh, vừa hữu khuynh.

Trong bối cảnh đó, đảng cộng sản Việt nam, vào tháng 12 năm 1986 đã quyết định chủ trương « Đổi mới ». Mô hình « kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa » ra đời. Theo đảng cộng sản Việt nam, đổi mới không có nghĩa là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà được hiểu là thay đổi cách thức để đạt được mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Đổi mới về kinh tế sẽ chuyển động từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường trong đó cải cách giá cả là vấn đề then chốt, kể đến là việc giải toả tình trạng ngăn sông cấm chợ. Lâu nay tình trạng này làm cản trở sự lưu thông hàng hoá tự do trên thị trường. Đồng

thời phải để quy luật cung cầu được vận hành, đưa hàng hoá từ nơi thừa đến nơi thiếu. Đổi mới sẽ xoá bỏ kinh tế bao cấp, thực hiện kinh tế nhiều thành phần, đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế, cơ chế kế hoạch hoá, theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Về phương diện chính trị, đổi mới quan hệ hợp tác quốc tế theo chiều hướng mở cửa, kêu gọi và hợp tác đầu tư với nước ngoài. Luật đầu tư nước ngoài năm 1987 là văn bản luật đầu tiên góp phần tạo ra khung cảnh pháp lý cho việc hình thành nền kinh tế thị trường tại Việt nam. Phải đợi đến năm 1991, luật doanh nghiệp tư nhân và luật công ty mới ra đời. Sau đó là luật đất đai, luật thuế, luật phá sản, luật môi trường... và các cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010 về các thủ tục hành chính, về cơ chế quản lý kinh tế cần thiết cho nền kinh tế thị trường.

Cho đến nay, chính đảng Cộng sản Việt nam cũng thừa nhận rằng chưa nhận thức rõ, cụ thể và đầy đủ về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà chỉ có giải thích nguyên lý chung rằng, đó là « nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý chặt chẽ của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hướng tới mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. » Người cộng sản Việt nam cho rằng hệ thống kinh tế này hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Thật ra, đó là một lối lập luận để chối bỏ sự « theo đuôi » chủ thuyết kinh tế tư bản của họ. Ông Adam Smith là người có công lớn nhất xây dựng một hệ thống lý luận về chủ thuyết kinh tế tư bản tự do (*) đã nói rõ về khái niệm kinh tế thị trường (market economy) và về danh từ thị trường. Thị trường (market) là một bàn tay vô hình hướng dẫn quyền lợi cá nhân của mỗi người, là một cơ chế vận hành tốt nhất cho nền kinh tế. Trong một nền kinh tế thị trường, các quyết định của cá nhân về tiêu dùng các mặt hàng nào, các quyết định của các doanh nghiệp về sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và các quyết định của người công nhân về việc làm cho ai đều được thực hiện dưới sự tác động của giá cả thị trường. Khác hẳn với kinh tế thị trường là nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung (command-economy hay centrally-planned economy) theo chủ thuyết Cộng sản, là nền kinh tế mà trong đó chính phủ đưa ra mọi quyết định về sản xuất và phân phối. Cơ quan kế hoạch của

chính phủ quyết định sẽ sản xuất ra cái gì, sản xuất như thế nào và phân phối cho ai. Theo Marx, lập luận về ưu thế của nền kinh tế kế hoạch tập trung là như sau :

- Không lãng phí các nguồn lực vì không tạo ra sản phẩm thừa.
- Hưởng nguồn lực khan hiếm vào những ngành sản xuất có ích cho quá trình phát triển.
- Triệt tiêu sự bất công vì thặng dư của quá trình sản xuất sẽ được đưa vào ngân sách rồi tái phân phối cho người lao động.

Mô hình đó đã thất bại vì nó dựa trên quá nhiều giả định không tương ứng về bản chất con người và đi ngược lại các quy luật cơ bản của cơ chế thị trường theo chủ nghĩa tư bản với những nguyên tắc là :

- Tam quyền phân lập
- Có sự phân chia và kiểm soát giữa các nhánh quyền lực
- Công khai và minh bạch trong các lãnh vực hoạch định, thi hành chính sách.

Vì chủ trương kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên Cộng sản Việt nam cho thành lập hàng loạt các doanh nghiệp nhà nước lớn như các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty. Từ đó, có thể nói kinh tế Việt nam đã trở thành kinh tế tư bản nhà nước. Tuy nhiên, hiện không ít doanh nghiệp nhà nước lớn này hoạt động không hiệu quả hoặc thua lỗ triền miên (như trường hợp Tổng công ty Vinashin, đã thua lỗ hơn 4 tỷ USD), đã dẫn tới yêu cầu tái cấu trúc và cổ phần hoá các doanh nghiệp này.

Vì nhà nước (thông qua các doanh nghiệp nhà nước) nắm quyền chi phối phần lớn tài nguyên của nền kinh tế bao gồm đất đai, khoáng sản, tín dụng, vv.. nên có sự lạm dụng tiêu cực, cán bộ tham nhũng, có sự thất thoát lãng phí. Do đó, nền kinh tế đạt hiệu quả thấp.. Kém hiệu quả nhất là khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nguyên nhân là do các báo cáo lỗ, do việc chuyển giá giữa công ty mẹ với các công ty con. Ví dụ, để có giá trị tăng thêm tương đương với 1 đồng, thì Việt nam phải đầu tư 5,1 đồng (năm 2008) so với 4,1 đồng của Thái lan. Muốn trở thành một nước công nghiệp hoá như Đại hàn, Singapore, Đài loan, Hongkong, Việt nam phải tốn kém gấp 1,5 lần. Như vậy, mục tiêu công nghiệp hoá sẽ khó đạt được.

Có người cho rằng vì khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (KTTTĐHXHCN) còn rất mập mờ nên cần được xác định lại, để tránh trường hợp áp dụng kinh tế kế hoạch hoá tập trung. Đúng lý ra thì nhà nước XHCN phải bảo đảm sự công bình tương đối về xã hội và có chế độ an sinh xã hội cho người dân. Nhưng trên thực tế, hiện nay không có sự bảo đảm này. Người dân vẫn phải đóng bệnh viện phí, vẫn phải đóng học phí. Mới đây, nhà nước cộng sản còn quyết định tăng bệnh viện phí và học phí, làm tăng thêm gánh nặng cho người dân nghèo.

Tại sao, sau hơn 20 năm chuyển sang kinh tế thị trường mà khu vực doanh nghiệp vẫn còn èo uột, và chủ yếu lấy cơ chế « xin-cho » làm tôn chỉ hành động, không tăng được năng lực cạnh tranh?

Theo tin báo chí truyền thông, mới đây, Tổng bí thư đảng Cộng sản Việt nam Nguyễn phú Trọng đã nói « ...xây dựng chủ nghĩa xã hội còn lâu dài lắm. Đến hết thế kỷ này, không biết đã có chủ nghĩa xã hội hoàn thiện ở Việt nam hay chưa ». Ngày nào đảng Cộng sản Việt nam còn tồn tại thì vận mệnh của đất nước Việt nam vẫn còn đen tối!. Ông Trần Phương nguyên là phó Thủ tướng và hiện là Chủ tịch Hội khoa học kinh tế Việt nam đã khuyến cáo đảng CS VN là đừng tiếp tục lừa bịp dân và cần đoạn tuyệt với CNXH Mác-Lê nin để theo con đường kinh tế thị trường của các nước thuộc thế giới tự do theo đúng nghĩa của nó.

CNXH chỉ là một ảo tưởng, còn nói chi đến chủ nghĩa cộng sản, là ý thức hệ của người cộng sản, với các thuyết tam vô (vô gia đình, vô tổ quốc, vô tôn giáo) và « làm theo khả năng, hưởng theo nhu cầu »!. Cũng chỉ là ảo tưởng, không bao giờ thành tựu được! Thực tế đã chứng minh nó sai. Sau 70 năm xây dựng tại Liên xô, người dân đã dứt khoát từ bỏ nó và Liên xô đã tan rã, kéo theo sự từ bỏ CNXH của các nước chư hầu XHCN tại Đông Âu.

Nguyễn Thanh Bạch

Chú thích:

* *Adam Smith « The wealth of nations (An inquiry into the nature and causes of the wealth of*

nations) – 1776.

Tham khảo:

1 - Oded Shenkar, “The Chinese Century- The rising Chinese economy and its impact on the global economy...” Wharton School Publishing, New Jersey USA, 2006.

2 - “The evolving role of China in the global economy”, edited by Yin-Wong Cheung and Jakob

de Haan, MIT Press, Cambridge , Massachusetts, 2013.

3 - “ The Vietnamese economy and its transformation to an open market system”, William T. Alpert, editor, M.E.Sharpe Armonk, New York, 2005.

4 - “Ombres et lumières sur le Vietnam actuel”, AAFV, L’ Harmattan, Paris, 2003.

5 – Wikipedia.

THƠ BẠN ĐỌC

Theo Ánh Xuân Hồng
Thi Hạnh



Xuân đến bên thềm anh có hay
Có nghe hơi ấm phủ bàn tay
Có nghe trong gió lời réo rắt
Và nghe thương nhớ rót thật đầy... ?
Xuân đến bên thềm anh biết không
Xuân ươm thơm sắc má em hồng
Cho tiếng tình tự trong thanh vắng
Gởi đến bên người những nhớ mong
Xuân đến đây rồi anh hỡi anh
Hãy nghe mây gió lượn tung tăng
Hãy nghe chim én vu vơ hát
Và khúc ân tình sáng long lanh
Xuân đến đem về bao ước mong
Ru trong hương nắng áng tơ nồng
Đôi chân anh bước, em cùng bước
Theo ánh xuân hồng đến trăm năm

Trả lời bạn

Ly Khách

“Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.”
Bạn gửi thư nào nói với tôi
Mượn lời thơ cũ để trên môi
Và bằng tấm thiệp in hình ảnh
Hai bàn tay nắm chặt không thôi
“Có bàn tay ấy ở trong tay,
Tôi sẽ vui quên hận tháng ngày.”
Có bàn tay ấy ở trong tay !
Nhưng làm sao có được ngày mai ?
Ở một nơi xa rời tổ quốc
Làm sao quên hận được tháng ngày !
Bạn biết có nhiều đêm tôi khóc
Nước mắt con trai nuốt trở vào
Động trên đôi mắt niềm u uất
Là cả một trời quê khát khao !
Bạn biết bây giờ gần đến tết
Tôi ngồi mơ đến một nhánh mai
Đã mười năm hơn nơi đất khách
Ngắm vàng trắng cũng thấy lạc loài.
Tôi biết gởi gì cho bạn đây ?
Có nhiều cái thiếu vượt tầm tay
Bạn nói nhiều ngày cô quạnh quá
Làm sao tôi gửi được một ngày ?
Thôi tôi mượn lời bài thơ cổ
Viết giùm tôi, bạn một vài câu
“Năm nay đào nở như năm ngoái
Những người xưa cũ giờ nơi đâu ?”

TỪ MỘT CÂU CA DAO NGHĨ VỀ TRUYỀN THÔNG TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO

NGUYỄN KIẾN THIẾT

Trong kho tàng ca dao tục ngữ Việt Nam có nhiều câu mà mỗi người trong chúng ta đều thuộc nằm lòng từ thuở còn nằm nôi cho đến lúc trưởng thành. Riêng tôi, câu ca dao sau đây đã thấm vào lòng tôi từ thuở ấu thơ, là một trong những lời ru ngọt ngào, trầm ấm, có sức biểu cảm lạ lùng:

*Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy!*

TỪ MỘT CÂU CA DAO...

Thật ra, câu ca dao trên là một cặp lục bát, ngay cả bản “chánh gốc” của nó cũng có nhiều cách hiểu khác nhau, càng đi sâu càng rắc rối, nói chi đến những “dị bản”. Chúng tôi dựa vào sách “*Tục Ngữ Phong Dao*” của Nguyễn Văn Ngọc (Quyển 2, câu 32) coi như “chánh hiệu” để tìm hiểu về vấn đề này. Mời các bạn cùng chúng tôi thử “chẻ sợi tóc làm tư”, đưa lên bàn mổ câu ca dao mượt mà duyên dáng ấy để hiểu rõ ý nghĩa của nó.

Trước hết là câu lục: “*Muốn sang thì bắc cầu kiều*”.

“Kiều” là từ Hán-Việt. Có bốn chữ kiều trong hơn mười chữ có liên quan tới câu ca dao. (Kiều = Cao; Cao lớn; Đẹp; Cây cầu). Có người còn giải thích: “Kiều”, tiếng Việt cổ có nghĩa là cao, “Cầu Kiều” có nghĩa là cầu cao.

“Sang” cũng là một từ Hán-Việt. Có ba chữ “Sang” nhưng không có nghĩa chữ nào hợp với câu ca dao. (Sang = Mụn nhọt; Bị thương; Thuyền).

Theo nghĩa nằm trong “*Đại Từ Điển Tiếng Việt*”, “Sang” có hai nghĩa:

“Sang”: Đến một chỗ khác gần với nơi xuất phát.

“Sang”: Có địa vị và danh vọng, được mọi

người kính trọng.

Theo Đặng Thiêm, báo Ngôn Ngữ & Đời Sống số 3/2009, trong một Hội thảo địa phương về Ngày Nhà Giáo, người thuyết trình giải rằng:

“Sang” là sang trọng, đồ đạt hiển vinh; “Cầu kiều” là cầu đẹp. Có như thế mới xứng với sang.

Ông còn cho biết có một “đáp án” của một bài văn kiểm tra cũng yêu cầu giải thích theo hướng ấy.

Ngoài ra, “*Việt Nam Tân Từ Điển*” của Thanh Nghị đã chép câu ca dao trên như sau:

*Muốn sang thì bắc **phù** kiều,
Muốn con hay chữ **phải** yêu **mến** thầy*
(Âm B, tr.70).

Dị bản của PGS. TS. Phạm Văn Tình cũng đồng ý bắc “phù kiều”.

Trong quan niệm cầu kiều là **cầu đẹp**, bởi lẽ kiều ở đây là kiều diễm, **cầu nổi** (phù kiều) nên có người lấy điển tích thời Tam Quốc để cắt nghĩa câu ca dao trên. Đó là (hai) cây cầu đẹp như (hai) cầu vòng trên lưng chừng trời do Tào Tháo xây. Sau đó, Khổng Minh cố tình đổi việc xây hai cây cầu thành rước hai nàng Kiều (Đại Kiều là vợ vua Đông Ngô; Tiểu Kiều là vợ Châu Do) để khích Châu Do liên minh với quân Khổng Minh dùng hỏa công đốt Tào Tháo tại Xích Bích.

Có người dựa vào ngôn ngữ học để giải thích. Trong tiếng Việt, sự kết hợp giữa một từ Việt và một từ Hán và ngược lại rất phổ biến. Nó làm cho nghĩa của từ khái quát hơn. Chẳng hạn như: xương cốt, binh lính, mưu mẹo v.v... giống như trong Tam Tự Kinh: “Thiên trời, địa đất, vân mây”... Cầu kiều là cầu nói chung vẫn không ra ngoài thông lệ đó.

Kế đến là câu bát: “*Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy*”, lại có nhiều dị ngôn, dị bản nên dị nghĩa.

“*Muốn CHO hay chữ thì yêu lấy thầy*”. Đôi

tượng để khuyên răn, dạy bảo là người học trò.

.Muốn CON hay chữ PHẢI yêu lấy thầy.
Nghĩa rộng hơn, đối tượng để khuyên răn gồm học trò và cha mẹ học trò. Từ “PHẢI” có vẻ nặng nề, mệnh lệnh.

.Muốn con hay chữ thì yêu KÍNH/MẾN thầy. Nghĩa cũng hẹp, chỉ nói lên lòng yêu kính/mến thầy.

.Muốn con hay chữ thì yêu LÒNG thầy.
Nghĩa cũng hẹp, sau này dễ bị hiểu lầm là làm vừa lòng, nịnh thầy bằng cách đi Tét thầy thật “cao lễ” với nhiều quà biếu hậu hỉ, kể cả tiền bạc.

.Muốn con hay chữ thì yêu LẤY thầy.
“Yêu lấy thầy” ở đây có nghĩa rất rộng. Yêu thầy có nghĩa là yêu mến, kính trọng, làm theo lời dạy bảo của thầy. Từ “LẤY” ở đây theo cách nói dân gian có nghĩa tự mình, chính mình, bằng sức mình. Ví như: Học lấy một nghề, Làm lấy một việc, Ăn lấy một miếng... Đừng lẫn lộn với lấy chồng, lấy vợ mà phải lòng ông thầy rồi lấy ông thầy làm chồng! Ngày xưa “cậu trò” lại càng không thể lấy “ông thầy” làm chồng được!

Theo thiên ý, nên nói, nên viết câu ca dao như sau:

Muốn sang thì bắc cầu kiều

Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy!

“Cầu Kiều” ở đây chỉ là cầu nói chung. Có thể là từ ghép Hán-Việt, hoặc thuần Việt (như cầu kỳ, chợ búa), có thể là cây cầu cao cho dò dục, dò ngang vẫn qua lại được.

Cặp ca dao lục bát nói trên nên hiểu là: **Muốn qua sông, sang sông thì phải chịu khó bắc cầu. Muốn cho con hay chữ, học hành giỏi giang thì cha mẹ học trò và bản thân người học trò phải yêu quý, kính trọng thầy và biết ơn thầy.**

Thật ra, hai câu ca dao trên chính là hai câu cuối của một bài ca dao/hát ru miền Bắc gồm bốn câu thơ lục bát, mà hai câu đầu là:

Bồng bồng! Mẹ bế con sang,

Đò dục quan cấm, đò ngang không chèo.

Toàn bài, chính là lời ru ca dao đa thanh (bồng bồng), đa nghĩa, giàu hình ảnh (bế con, đò dục, đò ngang, dòng sông, cầu kiều). Đó cũng là lời ca dao yêu thương, ngậm ngùi, giọng giải bày, uất ức làm rung động lòng người!

Viết đến đây, bên tai tôi còn văng vẳng điệu hát **Âu ơ/ hát Đưa em** tình nghĩa mà má tôi đã rót vào tai

tôi từ thuở còn nằm nôi theo nhịp võng đưa:

Âu... ơ! Vì dẫu cầu ván đóng đinh; Cầu tre lắc lẻo gập ghình khó đi.

Khó đi, mẹ dắt con đi; Con đi trường học, mẹ đi trường đời!

Phải chăng lời của điệu hát **Âu ơ/ ca dao miền Nam** đã chịu ảnh hưởng lời bài hát ru/ca dao miền Bắc? Ở đâu cũng có những dòng sông. Có dòng sông hiền hòa, êm ả. Có dòng sông nước chảy xiết. Nhưng dòng sông nào cũng là biểu tượng của sự cách ngăn, trắc trở... Muốn đi học, đi chợ, đi làm, đi buôn đều phải qua sông.

Trong bài hát **Âu ơ**, muốn qua sông phải “quá giang” chiếc cầu tre lắc lẻo. Cầu tre là đường đi học. Đưa con sợ khó, sợ khổ, sợ té không thể tự mình đi học, tự mình đi qua chiếc cầu khỉ được. Người mẹ sẽ dắt con đi. Mẹ và con cùng đi qua cầu. Con thì đi trường học, mẹ cũng đi... học trường đời. Mà đường đời chắc gì bằng phẳng? Còn trường đời thì thiên hình vạn trạng, còn khó gấp vạn lần việc học của con. Mẹ nắm chắc tay con, dìu con qua cầu. Mẹ con ta phải học hoài, học mãi...

Trong bài hát ru/ca dao miền Bắc, mẹ bồng con đến bờ sông vắng. Cùng con, mẹ than đời mẹ qua bao trải nghiệm đắng cay. Muốn qua sông lại không có cầu. Cũng không có dò dục, dò ngang (Phải chăng quan lại nham hiểm ngăn sông, cốt cho dân ngu tối để dễ bề đè đầu cỡi cổ?). Không thể làm xiếc đu dây (1), cũng không thể cỡi bè để băng qua dòng nước chảy xiết. Vì vậy chỉ còn cách bắc cầu. Cầu phải cao, phải chắc để qua sông an toàn, để bước vào con đường học tập vững vàng. Ước mơ suốt đời của mẹ không gì khác hơn là đưa con qua bờ bên kia, vượt thoát dòng sông mệnh mông đời nghèo đói nát!

NGHĨ VỀ TRUYỀN THỐNG TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO

Tôn Sư Trọng Đạo là một nét đẹp văn hóa của người Việt có giá trị nhân văn sâu sắc. Nét đẹp ấy đã tồn tại từ ngàn xưa, được thế hệ này nối tiếp thế hệ khác, tiếp tục xây dựng và phát huy để trở thành truyền thống: **Truyền Thống Tôn Sư Trọng Đạo. TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO NGÀY XƯA**

Trước khi bàn về truyền thống Tôn Sư Trọng Đạo, thiết tưởng nên hiểu thế nào là “Tôn Sư”, thế nào là “Trọng Đạo”.

Để cắt nghĩa Tôn Sư, nên phân biệt giữa “Sư” và

“Thầy”.

Trong thư tịch cổ từ thế kỷ XIII, từ “thầy” đã song song tồn tại với “sư” đều mang ý nghĩa tôn xưng. Chẳng hạn như trong bài phú “*Cư Trần Lạc Đạo*” của vua Trần Nhân Tông (1258-1308) có các câu:

Nguyện mong thân cận mình sư, quả bồ đề một đêm mà chín.

Và: *Vâng ơn thánh, xót mẹ cha, thờ thầy học đạo.*

“Sư” và “thầy” ở đây là một, dùng để gọi nhà sư. Riêng trong “*Quốc Âm Thi Tập*” của Nguyễn Trãi (1380-1442), lại thấy có câu:

Thủy chung mấy vật đều nhờ chúa; Động tĩnh nào ai chẳng bởi thầy?

“Thầy” ở đây chính là người dạy học, như chú giải của Văn Tân-Đào Duy Anh: “*Việc động tĩnh hành chỉ ở đời, ai lại không học ở thầy là thánh hiền của nho gia (phu tử)*”.

Trong các trường hợp khác, “thầy” còn được dùng để gọi chung một lớp người được xã hội tôn trọng như thầy tu, thầy tăng, thầy thuốc, thầy bói... để phân biệt với các loại thầy đã giảm đi sắc thái nghĩa tôn xưng (thầy bà, thầy dùi, thầy hù, thầy rờ mu...rùa).

Tôn Sư là kính trọng thầy, quý mến thầy học. Muốn thế, ta phải nghe lời thầy dạy, nhớ ơn thầy, ở cho có nghĩa với thầy, cúng giỗ khi thầy đã qua đời (*sống tốt, chết giỗ*).

Còn **Trọng Đạo** là gì?

Đạo là “con đường” hay “nguyên tắc”, “phương cách” ứng xử mà con người có bốn phận phải giữ gìn và tuân theo trong cuộc sống xã hội (đạo làm người, đạo thầy trò, đạo vợ chồng).

Theo Từ điển mở Wiktionary, **Đạo** còn là Nội dung học thuật của một học thuyết được tôn sùng ngày xưa (đạo Nho, đạo Phật, tìm thầy học đạo, mến đạo thánh hiền).

Đạo trong bài này nên hiểu là đạo Nho, rộng hơn là việc học hành, chữ nghĩa kiến thức. Đạo còn là luân lý đạo đức.

Trọng Đạo: Người học đạo tất nhiên phải coi trọng đạo, phải đánh giá thật cao đạo lý thánh hiền, xem như mẫu mực để người đời noi theo. Đạo lý thánh hiền nói cho dễ hiểu là luân lý đạo đức của thánh nhân tức Khổng Tử, một lương sư, một “vạn thế sư biểu”.

Tôn Sư Trọng Đạo: Muốn trọng đạo phải tôn sư.

Đó là lòng biết ơn đối với người có công, tức thầy học của mình (cũng như thầy học của con mình). Bởi vậy ngày xưa, từ dân đến quan và ngay cả vua chúa đều tôn trọng thầy học.

Thời phong kiến, trong bậc thang giá trị Quân-Sư-Phụ, nhà giáo được xếp sau vua, trước cả cha mẹ, nhưng được kính thờ như một:

Vua, thầy, cha, ấy ba ngôi; Kính thờ như một, con ơi ghi lòng!

Ngày xưa, việc học hành của con cái, cha mẹ hoàn toàn tin tưởng ở ông thầy.

Ông thầy/thầy đồ, dở nhứt cũng có chút đỉnh chữ nghĩa (*Thầy dở cũng đỡ lảng giềng*), nhưng thường là những bậc lão thông văn tự, học vấn uyên bác. Từ anh khóa sinh “lão đảo trường ốc”, đến các bậc khoa cử không thích bị “giảm danh khóa lợi” trói buộc, đều có thể mở lớp dạy học. Ngay cả các vị hữu quan cũng noi gương thầy Khổng, thầy Mạnh mở lớp đào tạo nhân tài cho đất nước. Danh sư nước ta có Chu Văn An đời Trần, Lương Đắc Bằng rồi Nguyễn Bình Khiêm (tức Trạng Trình- học trò nổi danh của Lương Đắc Bằng) đời Lê-Mạc, Võ Trường Toản, Nguyễn Đình Chiểu đời Nguyễn.

Trở lại việc học ngày trước. Lúc đưa trẻ lên sáu, bảy tuổi (thường là con trai, “ăn chưa no, lo chưa tới”), cha mẹ bắt đầu cho đi học. Trước hết, người ta chọn ngày lành tháng tốt, sắm sửa lễ vật và tắm rửa, cạo đầu sạch sẽ cho đưa trẻ để làm Lễ Khai tâm cho nó. Lễ Khai tâm phải thành kính gồm đầy đủ các lễ như Lễ cáo Tiên sư/Thánh sư (Khổng Tử), Lễ cáo gia tiên và Lễ bái sư (Lễ sòng thầy đồ). Sau đó mới làm Lễ nhập môn, bắt đầu buổi học đầu tiên. Kể từ đây, đưa trẻ bắt đầu một quãng đời mới, chánh thức là một môn sinh của ông đồ, phải sống theo đời học trò, bị bó buộc theo khuôn khổ, quy luật của ông thầy.

Thời xưa, học vỡ lòng không nhứt thiết phải đến trường. Thường thì người ta dẫn con tới nhà thầy hoặc nơi thầy ngồi dạy học. Có người còn cho con tới ở luôn nhà thầy vài ba năm để học lấy cái chữ. Những nhà khá giả đón thầy đồ về “ngồi” tại tư gia để dạy con em của gia chủ. Đồng thời thầy có thể nhận thêm học trò khác trong hoặc ngoài làng. Thầy đồ xưa không được hưởng lương bổng của nhà nước. Thầy tuy nghèo nhưng tiền học chỉ lấy tượng trưng, đôi khi không phải trả. Hằng năm, cha mẹ đưa trẻ chỉ cần mang biếu thầy vào những dịp

ngày lễ, ngày tết khi trầu rượu, mâm xôi, khi con gà, cân mứt.

Ở trường, ông thầy là khuôn mẫu.

Nhiều học trò chỉ theo học một hoặc vài ba ông thầy từ lúc vỡ lòng cho đến khi thành đạt. Ông thầy là khuôn mẫu, là tấm gương sáng cho học trò noi theo. [Câu chuyện “Học Trò Biết Học” trong sách “Cổ Học Tinh Hoa” (do Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc soạn năm 1925) cho ta thấy: Học trò như Công Minh Tuyên, thầy dạy như Tăng Tử mới thật sự là học trò biết học, ông thầy biết dạy, xứng đáng thầy-trò. Bởi vì làm ông thầy không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn lấy đức tánh làm gương giáo hóa cho học trò nữa, như sách có câu: “Dĩ ngôn di giáo, dĩ thân vi giáo”]. Chữ thầy là chữ ông thánh, lời thầy là “khuôn vàng thước ngọc” để học trò học theo, nghe theo và làm theo ngõ hầu trở thành người quân tử. Mà người quân tử phải biết “**Tu thân**” làm gốc, sau đó mới “**Tề gia**” để có thể “**Trị quốc**” rồi “**Bình thiên hạ**”; phải giữ ba giềng mối quan hệ thiêng liêng (**Tam cương**: Quân-thần, Phụ-tử, Phu-phụ); và năm điều phải hằng có (**Ngũ thường**: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín) để ra phò đời giúp nước.

Ông thầy còn có trách nhiệm tinh thần lớn lao đối với môn sinh của mình.

Học trò hư, ông thầy mang tiếng. Học trò đi thi phạm trọng húy, thầy cũng bị tội lây. Học trò đồ đạt bái tổ vinh quy, trong đám rước ngoài “ngựa anh đi trước”, “võng nàng theo sau”, nhiều nơi còn có cả “võng thầy” nữa. Có trách nhiệm lớn lao như vậy nên ông thầy dạy học trò phải nghiêm khắc. Bởi vì dạy mà không nghiêm, ấy là lỗi ở ông thầy (*Giáo bất nghiêm, sư chi nọa*). Cho nên những ông thầy “hay chữ” thường “dữ đòn” đối với học trò hư thân lười biếng!

Oai quyền, thế lực tinh thần của ông thầy rất lớn, không chỉ đối với đám học trò “thò lò mũi xanh”, “mặc quần hồng đất” mà còn với đám môn sinh đã thành đạt trong đó có cả vua chúa, quan lại trong triều nữa. Chẳng hạn như Lê Quát, Phạm Sư Mạnh đều là học trò lỗi lạc của thầy Chu Văn An, tuy đỗ Tiên sĩ, làm quan lớn trong triều, khi đến thăm vẫn cúi lạy thầy “*được thầy khuyên vài câu, rồi ra đi, rất lấy làm mừng*”.

Địa vị, vai trò của người thầy được người đời tôn trọng như thế đó.

Vậy bốn phận người học trò đối với thầy phải như thế nào? Sách “*Luân Lý Giáo Khoa Thư*” do Trần Trọng Kim chủ biên, xuất bản năm 1941, còn ghi rõ: “*Luân lý ta lấy quân, sư, phụ làm trọng hơn cả. Người học trò tốt phải biết ơn thầy, phải tôn kính thầy, phải yêu mến thầy và phải vâng lời thầy*” (tr.26). Nếu làm trái lại bị xem là “*những quân vô hạnh*”, “*như thế là vong ân bội nghĩa rất đáng khinh bỉ*” (tr.28).

Kính thầy, biết ơn thầy là một phong tục tốt đẹp của người Việt. Lòng yêu kính ấy được biểu hiện qua nét ứng xử bằng nhiều cách thức khác nhau, trong đó có phong tục lễ Tết, phải sống “có nghĩa” với thầy: **đạo thầy trò**. Phan Kế Bính đã viết về phong tục lễ Tết thầy trong “*Việt Nam Phong Tục*” như sau: “*Lúc học gặp khi mùng 5 ngày Tết như Tết Nguyên Đán, Tết Thanh Minh, Tết Đoan Dương, Tết Trung Thu, mùa nào thức ấy, hoặc cặp gà, thúng gạo, hoặc đường mứt, bánh trái, hoặc dăm ba quan tiền tùy tình đã thiếu mà đem đến lễ thầy*”.

Trong “*Gia Huấn Ca*” của Nguyễn Trãi cũng có những câu nhắc nhở **đạo thầy**:

Khuyên chồng nhớ đến đạo thầy; Vật dưng lớn nhỏ gọi nay lễ thường! (cc.147-148).

Dưới thời vua Lê Thánh Tông, đạo nghĩa thầy trò còn được luật hóa. Bộ luật Hồng Đức còn ghi rõ: “*Cha mẹ phải răn con em về đạo thờ thầy học... Nếu không sẽ bị khép vào tội bất kính*” (Điều 25). Và “*Học trò phải tôn kính thầy, chăm chỉ về đường học, lấy đức hạnh làm gốc... Ai trái lệnh sẽ bị tội tám mươi trượng*” (Điều 90).

Như vậy quan hệ thầy trò là mối quan hệ thiêng liêng cao cả. Nó gắn bó về tình và lý. Nó ràng buộc con người phải sống cho “phải đạo”, ăn ở cho có tình có nghĩa với nhau: **Đạo nghĩa thầy trò**. Từ ngàn xưa tình cảm cao quý này luôn được tôn kính, luôn được trân trọng gìn giữ. Đó chính là Truyền Thống Tôn Sư Trọng Đạo của người Việt.

TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO NGÀY NAY

Như đã phân tích, Tôn Sư Trọng Đạo ngày xưa chú trọng về lễ nghĩa, đề cao giá trị tinh thần hơn là vật chất. Nó xuất phát từ một tấm lòng, một tình cảm sâu xa nồng thắm chứ không phải chỉ là sản phẩm đơn thuần của lý trí. Nếu có chút đỉnh “vật dưng lớn nhỏ”, “tùy tình đã thiếu” cũng chỉ là để đền ơn đáp nghĩa công thầy dạy dỗ.

Truyền thống Tôn Sư Trọng Đạo của dân tộc ta cứ

thể mà được nâng niu, gìn giữ và phát huy bằng nhiều hình thức khác nhau. Nếu ngày xưa người dạy học là những “ông thầy”, người đi học là những “cậu trò” thì thời cận, hiện đại đã xuất hiện thêm những “cô giáo” và “cô trò” trong nhà trường. Xưa “bà thầy” chỉ là cái bóng của ông thầy, chỉ đóng vai người nội trợ, phụ giúp chồng chăm sóc cái ăn, cái ngủ cho đám học trò còn “thò lò mũi xanh”, vô cùng tinh nghịch!

Có câu ca dao nói tới “bà thầy” như sau:

Học trò ăn vụng cá kho; Bà thầy bắt được, đánh mo lên đầu.

hoặc: Học trò ăn vụng còng cua; Bà thầy bắt được: Tôi mua tôi đền!

và: Học trò đi mò cá sặt; Bà thầy ở nhà lật cặc kho khô...

Thời cận, hiện đại không thiếu những thầy cô giáo có lương tâm đã thể hiện thiên chức nghề thầy, đào tạo biết bao nhân tài cho đất nước.

Đất nước ta đã trải qua nhiều giai đoạn khó khăn, thử thách. Nhà giáo Việt Nam cũng trải qua nhiều bước thăng trầm, vinh nhục. Đã có thời xã hội không còn mặn mà với nghề dạy học. Sinh viên sư phạm coi như “đưa leo chằm với cá kèo” và “chuột chạy cùng sào”. Có lúc một số thầy cô bỏ dạy, học trò bỏ học. Nếu còn bám theo nghề thầy, họ bắt buộc phải làm thêm bất cứ nghề phụ gì để sống. Hình ảnh người thầy bị mờ nhạt, có lúc thật thê lương. Vì vậy, ông đồ xứ Nghệ đã tuôn ra đôi câu đối:

Thầy giáo, tháo giày, tháo cả ủng, thủng cả áo, lấy giáo án, dán áo;

Nhà trường, nhường trà, nhường cả hoa, nhòa cả hương, lấy lương hưu, lưu hương.

Để vinh danh người thầy, nhà nước Việt Nam gọi họ là những “kỹ sư tâm hồn”, đánh giá nghề dạy học là “nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý”, lấy ngày 20/11 hằng năm (từ 1982) làm “Ngày Nhà Giáo Việt Nam”. Ở hải ngoại, Hội Lãng Ông tức Hội Tả Quân Lê Văn Duyệt Foundation tổ chức hằng năm bốn ngày lễ nói lên lòng nhớ ơn của người Việt Nam, trong đó có “Ngày Nhớ Ôn Thầy” tức “Ngày Tôn Sư Trọng Đạo” được tổ chức lần đầu tiên vào ngày 26/11/2006 tại Nam California, Hoa Kỳ.

Những năm gần đây trong cơ chế thị trường, tôn sư trọng đạo không còn như trước, nếu không muốn

nói thiên về vật chất hơn là giá trị tinh thần qua hình thức đi ... tết thầy, cô giáo. Dưới thời “văn hóa phong bì”, nhiều hiện tượng tiêu cực diễn ra, nói lên thực trạng cùng nỗi nhục vinh của nhà giáo. Một số nhà giáo có tâm huyết ở nước ta đã có nhiều ý kiến đóng góp với tinh thần xây dựng.

PGS. Văn Như Cương đã viết: “... Ngày nay, truyền thống này [tức Tôn Sư Trọng Đạo-NKT] vẫn duy trì tốt đẹp. Nhưng trong thời đại “Phú quý sinh lễ nghĩa” thì nhiều người hay kèm theo **món quà đắt giá hơn**”(2). Nhà tâm lý học Đinh Đoàn nhận xét: “Tết Thầy hiện nay không còn ý nghĩa... Ý nghĩa nhân văn cao đẹp Tết Thầy hiện nay đã mất hết rồi, **bị thương mại hóa nhiều quá**”(3). Còn ông Phạm Tất Dong, Phó Chủ tịch Hội Khuyến Học Việt Nam khẳng định: “**Không ai dám không đi Tết Thầy ngày Tết. Cái dở bây giờ là thế! Đó là hiện tượng không bình thường, rất lạ. Tôi nghĩ lễ Tết không phải là tôn sư trọng đạo**”(4).

Từ chuyện đi Tết Thầy lúc đầu “không bình thường, rất lạ”, dần dần được mọi người cho là “bình thường”. Bản tin trên báo điện tử Vietnamnet ngày 17/01/2011 cho biết: “*Như là một cái lệ, phụ huynh nào dù giàu, dù nghèo cũng chuẩn bị phong bao “chúc Tết” giáo viên dạy con mình từ vài trăm ngàn đến một triệu đồng. Ở thành phố lớn, mỗi giáo viên bậc mầm non, tiểu học nhận quà biếu từ phụ huynh có thể lên tới vài chục triệu cho một cái Tết là chuyện thường*”. Và chuyện một nữ đại gia về nhà đất, cứ mỗi độ xuân về, chị thường bỏ phong bao cho mỗi giáo viên chủ nhiệm dạy con mình ở Tiểu học và Trung học từ 100 đến vài trăm đô la cũng là “chuyện thường”, “chẳng đáng là bao”! Nguyên nhân bởi tại đâu? Khách quan mà nói là do xã hội thời hội nhập, thời đại “Phú quý sinh lễ nghĩa” nên “không ai dám không đi tết thầy ngày Tết” và “hay kèm theo món quà đắt giá”. Chính học sinh và cha mẹ học sinh đã góp phần làm hư hỏng một số thầy, cô giáo (như chạy trường, mua điểm, mua bằng cấp v.v...). Nguyên nhân chủ quan một phần về phía nhà giáo. Đánh rằng “có thực mới vực được đạo”, nhưng một số nhà giáo đã đánh mất nhân cách, lòng tự trọng, coi dạy học cũng như nghề đi buôn, cũng mặc cả, trả treo, thêm bớt một cách sòng phẳng. Lớp nhỏ thì việc mua bán theo quà cáp của phụ huynh. Còn lớp cao đẳng, đại học thì “bán-mua” này biến hóa

thiên hình vạn trạng và mang “tâm vóc” vĩ đại hơn, lịch sử hơn, kể cả việc “tổng tình”, “tổng tiên”!(5). Đành rằng “Con sâu làm rầu nồi canh”, nhưng nếu có cả bầy sâu thì biết phải làm sao? Học trò hư còn được thầy giáo dục. Nhưng thầy hư thì lấy ai giáo dục đây?

Ngày xưa, các cụ cũng hay chế giễu những thói hư tật xấu của những thầy đồ (thầy đồ đốt, tham ăn, ăn cắp vặt). Nhưng cách xưng hô với thầy vẫn còn trân trọng, là chuyện đạo đức. Chỉ có đại từ ông thầy, thầy giáo/cô giáo hoặc thầy/cô mới nói lên được sự tôn kính.

Những năm gần đây khi nạn tiêu cực phát triển trong học đường, nhiều người gọi thầy cô giáo bằng những đại từ nghe thật chói tai. Câu tục ngữ “*Không thầy đố mày làm nên*” đã được sửa lại là “*Làm thầy **mày** không nên đố*”. Có học sinh nói với bạn: “*Ngấy người, cứ nghe **lão [thầy giáo]** lải nhải, tao chỉ muốn ra ngoài*”. Lại có câu ca dao: “*Không thềm ăn gỏi cá chầy; Không thềm nói với **thằng thầy** mày đâu!*”. Nhà văn Sơn Nam có kể câu chuyện đại khái như sau: Có một cậu bé đi kinh tế mới đến tuổi đi học, được cha gởi về thành phố ở nhà ông nội. Vì không có “hộ khẩu”, ông nội nó cố chạy chọt với Ban Giám hiệu để xin cho cháu được nhập học. Nhưng tới ngày tựu trường, thầy giáo bảo nên chờ vài ngày, đợi ý kiến cấp trên. Rồi “*Ngày lại ngày, ông cứ dắt **thằng** bé đi tới đi lui như kẻ phạm pháp, cho đến hôm ấy nó khóc to bảo rằng: “**Mấy... **thằng** giáo** nói láo với con nít, tại sao ông nội lại tin lời người ta?”*”(6).

KẾT LUẬN

Giáo dục là phải đổi mới. Đổi mới không phải là bỏ hết cái cũ (cả tốt lẫn xấu) để thay vào cái mới lạ không liên hệ gì tới quá khứ. Người làm giáo dục chân chánh phải biết chắt lọc cái cũ, chọn lấy cái hay cái đẹp của quá khứ để từ đó mà đổi mới. Chẳng hạn như “Hệ thống luân lý” của Khổng Tử cũng có cái tiêu cực, chỉ nhằm vào bốn phận hơn là quyền làm người. “Đạo lý thánh hiền” cũng còn mặt hạn chế, chỉ khuyên người ta đừng làm những cái xấu hơn là phải tích cực làm những cái tốt. Ngay cả cái “*Đạo học ngày nay đã hỏng rồi*”, trong thời đại mới, đặc biệt trong giai đoạn “dầu sôi lửa bỏng” của lịch sử, chúng ta phải tìm mọi cách thoát dần hệ tư tưởng Nho giáo lỗi thời của ngàn

năm bị giặc Tàu đô hộ.

Tôn Sư Trọng Đạo từ ngàn xưa là cái cũ, là cái gốc đã trở thành truyền thống. Còn tệ nạn tiêu cực là cái ngọn trong thời đại “Phú quý sinh lễ nghĩa”. Làm sao vun bồi cho cái gốc truyền thống tốt đẹp được “sâu gốc, bền rễ”, gọt tĩa cái ngọn không cần thiết để cái tốt luôn được nở hoa kết trái. Làm sao để truyền thống Tôn Sư Trọng Đạo không bị tổn thương. Làm sao để thầy còn đủ điều kiện để làm thầy, học trò còn cơ hội để học làm người. Thầy có “đạo làm thầy”, trò có “đạo làm trò”. Mong rằng những cái tiêu cực chỉ là “hiện tượng” nhứt thời không thể lẫn át được “bản chất” tốt đẹp của nghề thầy. Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm đã có đề nghị rất xác đáng: “*Tinh thần Tôn Sư Trọng Đạo hơn bao giờ hết cần phải được phục hồi. Truyền thống tốt đẹp đã có cần được chấn hưng để những thế hệ sau này còn có cơ hội xây dựng lại tinh thần Nhân Bản, Dân Tộc, Khai Phóng rất cần cho việc hiện đại hóa và phát triển quốc gia trong những thập niên tới*”(7).

Người viết rất mong được trả lại tình cảm trong sáng thầy-trò đúng nghĩa của nó. Và câu ca dao trên mãi mãi là một lời ru mượt mà duyên dáng, phảng phất trong đó lời mẹ giáo dục con từ rất sớm, rất xa nhằm đề cao sự học và lòng kính yêu thầy!

NGUYỄN KIẾN THIẾT

Chú thích:

(1) Xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi (Kon Tum) gồm 24 hộ dân (100 khẩu), hằng ngày người dân phải “làm xiếc” trên sợi dây cáp cách mặt nước sông Pô Cô 20 mét, dài 150 mét mới sang được bờ bên kia để đi chợ, đi học... Nguồn [http:// www.danchimviet.info/archives/9372](http://www.danchimviet.info/archives/9372). (2)

(3)(4) Nguồn <http://www.tinmoi.vn/Idquo.Tet-thayrdquo-lieu-co-con-02121821.html>

(5) Nguồn <http://tranhluan.aicoly.com/muon-sang-thi-bac-cau-kieu-muon-con-hay-chu-phai-nang-di-thay--35A4F9Đ.html>.

(6) Sơn Nam: “Cũ và Mới”. Thời Báo/Montreal. Số 422 ngày 30/11/1998, tr.45.

(7) Nguyễn Thanh Liêm. Tập San Đồng Nai-Cửu Long. Số 5 tháng 1/2007, tr.273.



Thằng Bao Bó

Lê Quốc

Một khúc phim miền Đồng quê Nam Bộ thời V.M kháng chiến và Pháp trở lại VN. Nó là một thằng trôi sông lạc chợ. Không biết gốc gác từ đâu, nó lù lù xuất hiện ở làng này. Nó làm lì, ít nói – nhưng không phải là không nói. Gặp dịp – nhứt là gặp những người hấn thích hay những tay đòn kim, đòn nhị - là hấn cũng ba hoa lắm ! Hấn thuộc lòng thơ Lục vân Tiên, thơ Thầy Thông Chánh. Hấn học lóm ở đâu đó chuyện thằng Chí Phèo của Nam Cao, cả AQ của Lỗ Tấn nữa. Hấn lại biết ca 6 câu Vọng cổ, ca Bình bán, Xàng xê. Hấn lười biếng, không làm việc gì. Suốt ngày lêu têu, la cà ở cái quán nhỏ bán cà phê và rượu ở đầu làng. Thấy vậy- dân làng tặng cho hấn biệt danh là thằng Tư “cà nhổng” - “cà nhổng” chống xâm lăng.

Hấn thuộc lòng từng ngày tháng những bữa giỗ, buổi cúng đình, cúng cô hồn, cúng Kỳ yên trong làng. Hễ ở đâu “ động dao động thót” là có mặt hấn. Hấn có thêm cái biệt tài bắt chó. Chỉ cần một cái vòng đan bằng nhiều sợi kẽm, cột trên đầu một cây mây dài non 2 thước – hấn lừa cho chum con chó lọt vào vòng rồi giật mạnh. Mười con không xảy một. Hấn nấu chó 4 món theo kiểu Nam Kỳ, tức là phải ăn nóng: Chó hon, chó hầm tay cầm sôi ừng ực, thơm phức, ăn với củ riềng, rau quế, rồi đưa cay một ly nước mắt quê hương – thì mọi việc trên đời coi như pha... Thấy dáng đi của hấn từ xa – hoặc nghe hơi trong người, trong quần áo hấn toát ra, thì chó mẹ, chó con trong nhà, chó hàng xóm, chó láng giềng – ào ra sủa một lượt. Dân làng biết ngay là hấn. Hấn là kẻ thù của nhà chó nên hấn hay thủ một cây roi phòng thân. Hấn gầm gừ với chó: “ Dừa khô kêu mây, nghe mây”. Điều lạ lùng là hấn đi đến một làng thật xa, chó không biết mặt hấn, vậy mà chó vẫn bu quanh sủa dữ dội...Chó cũng biết đoàn kết để chống lại kẻ thù giết hại đồng loại

mình. Và chó không bao giờ ăn xương thịt đồng loại, khi người ta liệng một cục xương xuống đất... Loài chó mà còn không nỡ ăn thịt đồng loại. Còn loài người tự xem mình văn minh hơn loài vật. Vậy mà - loài người “ăn thịt” nhau đủ kiểu, ăn thịt cả người ơn đã hiến dâng phần lớn tài sản của mình cho Cách Mạng, đã từng cơm bưng nước rót, nuôi dưỡng các lãnh tụ trong nhà. Vậy mà, khi mở màn cuộc CCRĐ - lãnh tụ “vô văn kính yêu” này đã ra lệnh “thịt” ngay người ơn của mình trong ngày đầu cuộc CCRĐ... Nhà nào có giỗ chạp, tiệc tùng. Hấn tỏ ra “tư cách” lắm! Hấn đi tới đi lui nhiều lần ngoài đường lộ, mắt ngó lên trời giả bộ như không thấy trong nhà có tiệc rượu. Dân nhậu Nam Kỳ rất thảo ăn. Thấy hấn lượn tới lượn lui, biết hấn giả bộ, cũng thương tình, bèn kêu vào: “ Ê ! Tư cà nhổng – vô đây làm một ly, mây”! Hấn đường hoàng đi vào, nhưng không ngồi liền. Đợi có người trong bàn tiệc mời đôi ba lần, mới chịu ngồi. Vậy mà khi ngồi xuống rồi thì không chịu đi... Chẳng có nghề nghề gì, nhưng nhứt định không chịu đi ở đợ. Hấn nói ở đợ khổ lắm. Ăn cơm thừa canh cặn, làm lưng vắt vả như trâu cày, lại bị mắng chửi, khinh khi. Hấn sống lang bạt, hết chỗ này đến chỗ khác nên hấn biết mọi việc xảy ra trong làng. Từ việc bà cả nhỏ “dê” thằng ở, cô hai Phụng “ mê” thầy giáo dạy sấp nhỏ trong nhà – đến việc Tư Tê đào hầm chum vô mừng mò hai Sặng, bị năm Giò đập u đầu, việc Tư Lớn, con cai Tổng Su, dụ con gái người ta ăn ở cho có thai rồi bỏ rơi... khiến cho cô gái “ nạn nhân” ra sau vườn để đại, bỏ con ngoài bụi chuối đến chết, ruồi đánh hơi bu đầy xác đờn nhỏ...Làng xóm kêu rêu... Rồi đến chuyện ông Hai Lầu nhậu xỉn, qua cầu té xuống sông rồi lội ngược trở lại bờ cũ...để đi qua cầu lần nữa - lại té xuống sông...Hai Lầu nhứt định đi như vậy đến khi té nằm bên chum cầu. Ông lè nhè cậu thơ học lóm :

“ Qua cầu than thở cùng cầu. Cầu bao nhiêu nhịp, dạ sâu bấy nhiêu”. Cả đến việc con Ba cà vom đạp thẳng chồng té xuống giường ngay đêm tân hôn – việc bà Bảy chửi con gái rất thô tục : “ Ôn hoàng dịch lệ vật mây, có rượn đực quá thì kiểm thẳng nào lấy phỉr nó đi ! Con gái lớn chồng ngồng mà chiều nào cũng đứng bẹo bẹo trước cửa – không biết mắc cỡ”. Phần thằng Tư - nó hay nhái thơ Lục vân Tiên, cương thêm vào rồi “nói thơ” dạy mấy thằng nhỏ trong làng: “Vân Tiên ngồi dựa bụi môn, chờ cho trăng lặn (ơ..ơ.. cái mà, cái mà sờ Nguyệt Nga”). Nó tự ý thêm 1 chữ rồi đắc ý cười thầm một mình). Nó thường nói với mấy thằng nhỏ : “ Thơ Lục vân Tiên hay lắm! Bà con, ai cũng nằm lòng vài ba câu, ngheu ngao “ nói thơ” chơi.. Riết rồi thêm thắt vào cho hấp dẫn thành ra sai với nguyên văn. Nhưng điều đó giải thích thơ Lục vân Tiên được quăng bá sâu rộng trong mọi tầng lớp quần chúng, được quần chúng yêu thích chứ không làm giảm giá trị chút nào tác phẩm. Những nhân vật Lục vân Tiên, Nguyệt Nga, Hớn Minh, Tử Trác trở thành những tấm gương sống cho người đời. Có lần nhà vắng vẻ - bà vợ bé cả Tám, kêu bảo nó hát vọng cổ cho bà nghe. Nó ca mùi lắm ! Bà cảm động hít hà, cười tình với nó rồi bất thành linh xê lại ngồi sát một bên, choàng tay ôm nó. Nó run quá, sợ có người bắt gặp nên xuội lơ..., bị bà chửi cho một trận : “ Cái thằng mắc dịch, bộ mày lại cái hả”. Lần khác – nó chứng kiến cảnh đánh ghen giữa bà hương Hào Bảy và bà Chủ Sung. Chửi nhau kịch liệt, họ xô ra toàn những tiếng tục tĩu, rồi xáp lại đánh lộn. Bà Chủ Sung lớn con, xô bà hương Hào té xấp rồi nhảy lên đè lên người... Chưa đã nư - bà giựt giây lưng, lột quần bà nọ trần truồng cho hả giận... Thằng Tư không dám can thiệp. Chỉ đứng xa xa ngó, thầm khoái chí được chứng kiến một pha mà trong đời nó ít khi được gặp. Bà con bu xung quanh. Bà hương Hào mắc cỡ mặc quần ... chạy mất. Nó bỗng trở thành một nhân vật biết nhiều chuyện nhứt trong làng. Ai cần biết chuyện bí mật gì - chuyện mèo chuột, vợ lớn, vợ bé, chuyện trai gái yêu nhau bỏ trốn vì không được cha mẹ 2 bên chấp thuận, chuyện thù oán, chuyện “đầu heo bị cắt tai ” sau đêm tân hôn, chuyện “thú phạt”, chuyện “ hậu hôn điền thổ”, chuyện ngoại tình tại cây rơm phía sau vườn nhà Cả chín, bị mấy thằng nhỏ bắt gặp la ó lên cùng xóm làng - tất cả những chuyện

bí mật gì - muốn biết đều hỏi nó. Nó cũng khôn ngoan, giữ gìn mồm miệng, chỉ bật mí một phần – phần còn lại, tùy đối tượng có “biết điều” không. Cậu Mười Vận có vẻ “ chịu” nó lắm. Mười Vận có ngón đòn ghi ta rất tươi, thằng Tư hát giọng cổ rất tới, nên họ thân nhau... Gần đây – có chuyện tranh chấp giữa 2 nhà giàu trong làng. Cai Tổng Su và Chủ Mạnh. Chủ Mạnh thắng kiện, lấy lại được 10 mẫu ruộng do Cai Tổng Su tròng treo cướp giựt.. Cai Tổng Su ôm mối thù chờ dịp rửa hận. Và thằng Tư, tình cờ bỗng trở thành một nhân vật hữu dụng cho sự tranh chấp này.

* * *

Đất nước chuyển mình. Làng xóm trải qua một cơn bão tố dữ dội. Nhứt chiếm Mãn Châu, Trung hoa, đảo chánh Tây, chiếm Việt Nam, chuẩn bị chiếm Tân Gia Ba thì bị Mỹ dội hai trái bom nguyên tử xuống Trường Kỳ và Quảng Đảo. Nhứt thua trận, đầu hàng Đồng Minh. Lợi dụng tình hình chưa ổn định - Việt Minh cướp chánh quyền. Hồ chí Minh ra tuyên ngôn độc lập. Thời kỳ này - có những cuộc trả thù ghê gớm ở khắp thành thị và thôn quê Việt Nam. Những người giàu có, những quan chức thời thực dân cai trị, những người tình nghi, đều bị VM giết chết. Chỉ mặc cái quần cũ lỗ đỏ màu xanh đỏ (như lá cờ tam tài Pháp) cũng bị giết chết, xác thả trôi sông. Số khác bị trói vào một cục đá to, chìm xuống nước cho chết, gọi là cho “mò tôm”. (Phạm ngọc Thảo ở Bến Tre cũng bị VM bắt, cho mò tôm, nhưng may mắn thoát được). Xác chết 3 ngày trương sinh, nổi lên. “Thăng chổng” theo con nước lớn, nước ròng trôi lều bều đầy sông. Kên kên, điều quạ bay ào ào bu quanh xác chết. Cá tôm theo rĩa thây người rã mục... Mùi hôi thúi xông lên cả vùng. Thật là một thời kỳ hãi hùng, ghê rợn... Khắp cả nước từ Nam chí Bắc, đâu đâu cũng có những cuộc trả thù tối tăm, âm thầm, man rợ hãi hùng hơn cả ngoài chiến trường. Dân chúng sống trong cảnh cực kỳ thiếu thốn. Nhiều người phải mặc quần áo may bằng bao bố tời, hay vải ta dệt bằng chỉ kéo sợi từ bông vải và hồ bằng gạo nấu. Mặc được ít lâu... sinh rận đầy quần áo. Đưa áo lên ánh sáng mặt trời, rận ghim lúc nhúc..Nhìn thấy muốn nổi da gà. Thật là một thời kỳ khủng khiếp, khó nói nên lời. Người ta phải dùng một vỏ chai cà trên áo quần, phát ra tiếng rào

rao vì xác rận bị cà chết. Ban đêm, dân chúng đốt đèn bằng dầu phộng hay bằng rơm làm bằng trái mù u, ủ cho rã ra rồi quét với bông gòn thành một chất sền sệt, quần vào cây nan tre, đem phơi khô. Lâu lâu có người bán đường thốt nốt chảy, đựng trong một khạp dầy xác ruồi và gián. Ban đêm, 7, 8 giờ là dân chúng đóng cửa đi ngủ sớm. Không khí nông thôn bao trùm một nỗi sợ sệt, bất an.. Rồi Tây trở lại. Việt Minh rút vào rừng kháng chiến. Người dân - thời kỳ ấy sống trong tình trạng “ một cổ hai tròng”. Ban ngày Tây ruồng bố, bắn giết dân lành. Ban đêm Việt Minh về thu thuế, mua đồ bằng tiền “cụ Hồ”. Họ ngăn sông cấm chợ, hô hào dân chúng đình công bãi thị - tổ chức những đội thanh niên thiếu nhi đánh mõ, đánh thùng thiếc, phen la, la ó, hô to những khẩu hiệu “ Đả đảo thực dân” “ Hoan hô Hồ chủ tịch” đồng thời hát bài “ Tiên quân ca”: “Thề phanhtây uống máu quân thù” bài “ Gieo ánh sáng”, bài “Lên đàng” vang dội cả một vùng trời. Tây lập tức thụt “ một ché”, đạn bay vút vút.. rớt xuống nổ âm ầm, người bị nổ banh xác.. ngã gục..Hình ảnh cha tôi lạnh run lấy bắp dưới nước, cạnh gốc mù u, để trốn đạn “một ché” do Tây đồn Ngã Tư Long Hồ thụt bừa vào làng - là một hình ảnh khó quên trong đời tôi. Rồi thỉnh thoảng trong làng, có những cuộc ám sát kèm theo bản án cải trước ngực xác chết.. Dân chúng lo sợ, kinh hoàng. Việt Minh phát động phong trào diệt chó vì chó sủa, các hoạt động du kích sẽ dễ bị phát giác.. Thế là - chó cả làng bị giết sạch. Thằng Tư “cà nhồng” thất nghiệp, không còn hành nghề bắt chó nữa. Và mỗi lần thanh niên trẻ con la ó, đánh thùng thiếc, phen la ồn ào, thì hôm sau, hoặc tuần sau là có cuộc bố ráp, hành quân đề tảo thanh căn quét Việt Minh... Hôm ấy – một cuộc hành quân ruồng bố qui mô - bắt người đánh đập, hăm hiếp đàn bà con gái, cướp đồ đạc, bắt gà bắt vịt. Hàng chục, hàng trăm người dân vô tội bị bắt, bị tra khảo, đánh đập tàn nhẫn. Tây không phân biệt được ai là V.M ai là dân thường. Khi đi ruồng bố gặp ai bắt nấy - già trẻ thanh niên gì cũng bị lính Tây bắt đưa về phòng nhì cho Đại úy Savany – tên hung thần khét tiếng khát máu – hạch hỏi bằng nhiều hình phạt tra tấn ghê gớm. Thằng Tư “cà nhồng” hôm ấy cũng bị bắt cùng với hàng trăm người khác. Nhưng nó được thả rất sớm. Trở về - mặt mày hớn hờ, hút thuốc thơm hiệu Cotab. Những người khác, bị nhốt lại

điều tra. Thằng Tư “cà nhồng” cứ năm ba ngày ra chợ một lần, khi trở về ăn nhậu phũ phê..Dân làng lấy làm lạ... vì lúc đó, đời sống cơ cực thiếu thốn đủ mọi bề. Làn hồi – thực dân Pháp tái lập làng xã. Lực lượng kháng chiến rút sâu vào rừng, thành lập chiến khu. Ban hội tề bị bãi bỏ. Chức Cai Tổng cũng không còn. Sở bộ chủ quyền nhà cửa đất đai thời thực dân cai trị còn lưu lại trong văn khố của mẫu quốc... An ninh dần dà được văn hồi. Đất đai được trả lại cho các điền chủ. Cai Tổng Su và con cháu ông ta vẫn còn là điền chủ trên ruộng đất của mình nhưng mất hết 10 mẫu ruộng vì thua kiện thời trước. Năm 1945, thầy Cai may mắn thoát chết nhờ hai Nhâm, thủ lĩnh Thanh niên Tiền Phong, báo trước nên chạy thoát.. Tây trở lại là một dịp may cho thầy. Cai Tổng Su vốn là lính mộ của Pháp có công trong thế chiến 14-18 – khi trở về nước, được Tây phong làm Cai Tổng - vẫn không quên mối hận thua kiện ngày trước... Thầy Cai xách “ba toong” đi tới đi lui trên bờ mầu, nhìn thửa ruộng 10 mẫu của chủ Mạnh, lúa xanh um đang ngậm bông bông...mà giận căm gan, quyết trả thù.. Như suy nghĩ ra được điều gì, Tổng Su lăm bắm một mình: “ Hừ ! tao có cách”. Mấy hôm sau – thầy Cai mời thằng Tư lại nhà chơi..sai sắp nhỏ pha cà phê sữa hiệu con Chim cho thằng Tư uống: “ Tư mày uống thử cà phê của thằng cháu ngoài Tỉnh gửi về nè”. Thằng Tư sung sướng hớp một ngụm cà phê bốc khói thơm phức. - “ Ngon không mày” ? Thằng Tư gật đầu khen : “Dạ ! Cà phê ngon thơm quá thầy Cai ”. Thầy Cai liền móc gói thuốc thơm Cotab, lấy một điếu mời thằng Tư: “ Hút Cotab đi Tư. Uống cà phê mà không có điếu thuốc thơm thì uống lăm. Tao biết mày là dân sành điệu, nên để dành cho mày đó” Thằng Tư đưa tay đỡ lấy điếu thuốc thơm. Thầy Cai trịnh trọng bật lửa cho thằng Tư mời thuốc - một cử chỉ hiếm hoi của một người giàu có, quyền thế đối với nó. Thằng Tư hít một hơi... lim dim nhả những lọn khói tròn đúng điệu giang hồ, trong lòng khoan khoái pha lẫn chút nghi ngờ. Bao nhiêu năm sống đời phiêu bạt, thằng Tư thừa biết ở đời không có gì cho không – nhứt là đối với những người giàu có nhờ dựa hơi Tây như Cai Tổng Su. Nó nghĩ bụng chắc thầy Cai muốn nhờ mình làm một việc gì đây. Bỗng thầy Cai hỏi: “- Tư à! Lóng nầy, mày thấy thằng Mười Vận, con chủ Mạnh thường hay vắng nhà phải không” ? Tao

nghe nó đi hội kín với Sáu Cừ, Sáu Tự và mấy thằng nữa ở đâu về.. Mày có biết không”? - Tui đâu có biết. Cậu Mười khôn dăng trời. Cậu đi về không nhứt định. Ngay ông Chủ Mạnh còn không biết. Tui làm sao biết được. Tui thật tình không biết. Thằng Tư khôn ngoan tránh né những câu nói gài bẫy của thầy Cai. Nói cà kê một hồi Thằng Tư kiếm cách cáo từ ra về. Thầy Cai bước tới nắm tay nó, kẻ tai nói nhỏ: - “Tư à ! Tui mình một phe mà ! Mày đừng có sợ. Trời gầm, súng chĩa vô đầu tao, tao cũng không nói cái bí mật này. Thằng cháu tao đi lính “partisan” ngoài chợ. Nó biết chút ít tiếng Pháp nên được quan ba Savany cho nó làm thông ngôn bên cạnh ông. Nó biết mày, nhưng mày không biết nó. Hôm trước, mày – mặc dầu đội nón sụp xuống, nhưng nó vẫn nhận ra được mày ở văn phòng quan ba Trưởng phòng nhì. Biết đã bị lộ.. thằng Tư cố cãi lại: - Thằng cháu ông nhìn lầm rồi. Đâu phải tui. Tổng Su là tay “lỗi” đời, chận họng thằng Tư: - Mày quên cái áo dính mấy vết sơn bên tay phải, tao tặng cho mày hôm trước. Áo đó là của thằng cháu đi lính làm thông ngôn cho quan Ba Savany đó. Nó sơn nhà cho tao rồi bỏ quên lâu ngày không ai mặc, nên tao cho mày hôm trước. Biết hết đường chối cãi, Thằng Tư dụ giọng : “Bây giờ thầy Cai muốn gì ? - Đâu có gì Tư – tao muốn tui mình cùng phe, cần nương tựa, che giấu cho nhau để mà sống thôi” ! Chứ tao đâu có ỷ hại mày đâu. Thiết tình - tao đang có một việc cần mày giúp đỡ - nhưng tao ngại quá ! - Thầy Cai cứ nói, nếu làm được, tui sẽ làm. Thầy Cai, kẻ tai nói nhỏ mấy câu. Thằng Tư suy nghĩ, phân vân... không dám trả lời dứt khoát. Thầy Cai móc bóp lấy một tờ giấy “hoành” mới cau cạnh, dúi vào túi thằng Tư : “Mày cầm cái này uống Cà phê – Sau này, tao sẽ đền ơn mày trọng hậu hơn”.

* * *

Mùa khô. Sau mùa gặt - đồng ruộng chỉ còn trơ lại gốc rạ. Một cuộc hành quân bỏ rập qui mô do Tiểu khu tỉnh Vĩnh Long tung ra để tảo thanh, càn quét lực lượng kháng chiến Việt Minh. Lính Pháp gồm lính lê dương Maroc, Tunisie, Tây đen gạch mặt (sénégalais) Algérien, lính partisan người Việt, lính “garde civile locale”. Trên không, có máy bay “đám già” thám thính. Bộ binh có tàu hải quân yểm

trợ đầu ngoài vàm sông Cổ Chiên (Tiền Giang). Nhiều tuần giang hạm, giang tót đỉnh, súng ống đen ngòm, chạy tuần tiễu trên các sông chi nhánh sông Tiền, vùng Tam Bình Vũng Liêm, Trà Ôn... Nhiều cánh quân từ Ba Càng, Cái Ngang kéo qua, từ tỉnh lỵ Vĩnh Long đổ xuống, từ vàm sông An Hương nước lạnh kéo lên – bao vây các làng Hòa Mỹ, Nhơn Phú, Hòa Tịnh, Ngã Tư Long Hồ, Bình Phước, Lộc Hòa... Dân chúng chạy tán loạn, tìm chỗ núp trong rừng dừa nước, trong mấy đám lá rậm rạp. Tây thụt “mọt chē” tàn phá cả vùng hẻo lánh. Súng Đại Liên, Trung Liên Bar, F.M đầu bạc, thi nhau khạc đạn liên hồi. Đạn bay vèo vèo trên đỉnh đầu. Đạn “đum đum” nổ chát chúa. Cánh quân từ An Hương giăng hàng ngang kéo lên càn quét các làng Nhơn Phú, Mỹ An, Hòa Tịnh, Long Mỹ, Long Thanh. Thanh niên trốn Tây chém vè trong mấy bụi dừa nước, lặn hụp xuống đám ô rô cóc kèn, ngộp quá trôi đầu lên thở bị mấy thằng Tây thộp hết, bắt về Tiểu Khu tra hỏi. Ông già, bà già trốn trong cây rơm, kẹt bờ lúa, cũng bị chúng phát giác. Tội nghiệp, bà cả Tám trốn đứt đầu vô cây rơm, nhưng để ló chum ra ngoài. Mấy thằng Tây đi qua lấy “ba vớ nết” khêu nhẹ rồi cười rộ lên. Bà già sợ quá chấp tay lạy chúng, van xin tha mạng. Các cô gái lấy lọ nghe, bùn đen thoa mặt, thoa người cho xấu xí, lủi vô trong mấy đám mái dầm trôn, để rui chúng thấy, sẽ gớm mà tha, không hăm hiếp.. Dù vậy - sau cuộc hành quân cũng có nghe nhiều cô gái bị lính Tây hăm hiếp.. Ngoài ra - chúng còn lừa heo bò xuống tàu, bắt gà vịt nhét đầy 2 túi quần “treillis”. Dân chúng hải hùng, ngơ ngác. Làng xóm xơ xác, tan hoang... Một thời kỳ khốn khổ cực kỳ, dân chúng rách rưới thiếu thốn mọi bề, hồi hộp lo sợ, chết chóc, giết người rình rập xung quanh...

* * *

Trên sân rộng lớn của Tiểu khu Vĩnh Long – trời nắng chang chang – hàng trăm người bị bắt chia thành từng nhóm. Làng nào theo làng ấy. Họ ngồi cú rữ, mệt lả, khát nước, cổ họng khô cháy - có người ngất xỉu, nằm gục xuống... Mặc kệ - quan Ba Savany cầm “roi gân bò” quát bỏ lên đầu người bị bắt để thị oai... bắt chấp tiếng kêu la rên siết ...Hồi lâu – im bất.. chỉ còn nghe được hơi thở của người bị bắt. Bỗng

xuất hiện 2 thằng, đầu trùm bao bố tời có khoét 2 lỗ cho mắt nhìn thấy. Quan Ba Savany cầm “can” chỉ từng người. Thằng bao bố đi cạnh gật đầu là “a lê hấp”, lính tới cùm tay dẫn đi ... Không khí im lặng như có bóng tử thần lảng vảng đâu đây. Còn năm người nữa là tới phiên mình – mười Vạn lo sợ toát mồ hôi lạnh. Cậu nhắm mắt tưởng tượng cảnh tra tấn dã man của phòng Nhì với tên hung thần khát máu “Ba gà mổ”. Người ta đồn, bữa nào không thấy máu, nó không ăn cơm được. Cậu rung mình ớn lạnh, tim đập thình thịch. Thằng hung thần Savany bây giờ cầm roi gân bò, chỉ vào người kẻ cận cậu Mười. Thằng bao bố nhìn một lúc rồi lắc đầu. Đến lượt cây roi gân bò chĩa thẳng vào mặt cậu. Cậu nín thở, hồi hộp. Phên này chắc chết ! Thằng bao bố dừng lại, ngần ngừ một phút ... Tình thế này - càng run sợ, càng làm cho nó chú ý. Cậu ráng làm tỉnh, nhưng trong lòng bấn loạn, sợ sệt - cậu thầm khấn vái Trời Phật, đất nước ông bà có linh thiêng xin che chở cho cậu. Quan ba Savany đứng yên, quắc mắt nhìn thằng bao bố, chờ đợi... Một giây đồng hồ cực kỳ căng thẳng trôi qua. Thằng bao bố bỗng ngó quan ba Savany, lắc đầu. Mười Vạn như chết đi sống lại. Cậu thở một hơi dài rất nhẹ, sợ thằng Tây trở lại... Nhưng chưa hết. Thằng “ba gà mổ” - một tên lính “partisan” người Việt - tàn bạo khát máu không kém Savany - đưa con mắt long lanh những tia máu đỏ, sòng sọc nhìn mười Vạn. Nó bỗng dừng lại, định nói với Savany điều gì. Cậu Mười sợ muốn xỉu. Cậu nhắm mắt chờ điều gì ghê gớm nhứt xảy đến... Bỗng thằng bao bố bước tới kề tai nói nhỏ với Ba gà mổ điều gì đó. Ba “gà mổ” gật đầu, bỏ đi. Mười Vạn mở mắt hoàn hồn, thoát chết ... Mãi đến ba giờ chiều, cuộc nhìn mặt chỉ điểm mới chấm dứt. Hơn ba mươi người bị tình nghi do bao bố chỉ điểm, bị bắt đưa về trại giam Phòng Nhì để lấy khẩu cung. Số người còn lại được phóng thích. Mười Vạn ngược mặt nhìn lên Trời để cảm ơn Trời Phật, đất nước ông bà, đã cứu giúp mình thoát khỏi tai kiếp. Cậu bước nhanh khỏi thành lính, quá giang xe lôi trở về nhà. Đêm ấy – Mười Vạn suy nghĩ lung lăm! Thằng bao bố là ai ? Tại sao nó cứu mình. Không lẽ là “nó” ? Thấy dáng nó gầy gầy, cao lổng lổng - mười Vạn nghi lăm. Mấy lúc sau này thấy “nó” có vẻ bí mật, lằng lằng, ít nói nhưng uống rượu nhiều hơn lúc trước. Mười Vạn định tìm nó, để hỏi nếu đúng là nó, cậu

sẽ tìm cách trả ơn cứu mạng. Nhưng tìm mãi không thấy nó. Nó đã bỏ làng đi mất...

* * *

Thầy Cai giận cảnh hông: “ Quân khôn nạn, nó phản bội mình. Cho nó ăn ngạt mặt, lại còn đưa tiền cho nó xài phũ phề. Vậy mà chuyện mình nhờ nó một chút, nó bỏ qua không làm...Mất một cơ hội trả thù”. Thầy Cai nghiêng răng, dẫn mạnh ly rượu xuống bàn, đổ tung tóe.. Định hôm nào tìm nó hỏi cho ra lẽ... Một năm sau – thầy Cai nhận được một lá thư, đầu Bưu điện tỉnh Rạch Giá. Mở thư ra đọc: *Thưa thầy Cai, tôi là thằng Tư “cà nhồng”, gửi mấy dòng này để xin lỗi thầy. Chuyện thầy nhờ, tôi không làm được vì cậu Mười Vạn rất thương tui. Có thể nói, trong làng này – người có lòng thương mến tui là Cậu Mười Vạn. Sống gần cậu, ca hát, ăn nhậu với cậu, tôi thấy cậu là người hào hiệp, có lòng thương yêu giúp đỡ người nghèo khổ, những người thất thế sa cơ... Làm sao tôi có thể phản bội người ơn của mình. Hơn nữa - sau lần tại sân Tiểu khu – tôi thấy bà con trong làng bị oan ức, bị tra khảo, đánh đập dã man. Lòng tôi bất nhẫn, nên bỏ đi xuống Rạch Giá. May nhờ có người chỉ dẫn – tôi được đi học lái xe. Bây giờ tôi là tài xế cho quan chủ quận châu thành tỉnh Rạch Giá. Cảm ơn ly cà phê và điều thuốc Cotab của Thầy. Tờ giấy “hoảnh” - xin hẹn ngày trả lại cho thầy. Kính thư. Ký tên: Tư “cà nhồng”.* Trong làng bây giờ vắng bóng thằng trôi sông lạc chợ - thằng lêu têu, cà nhồng, nhưng chuyện gì cũng biết. Mười Vạn mất một thằng bạn ca hát, một người ơn trong đời. Bầy chó, nếu còn sống, thì cũng mất kẻ thù để sủa. Làng xóm mất một người biết nhiều chuyện, không còn ai để hỏi han chuyện “bí mật” phòng the cũng như chuyện trai gái trong làng! Mười Vạn không theo Việt Minh, bỏ làng lên Sài Gòn học sửa xe, mở được một “garage” nhỏ ở đường Nguyễn Hoàng Chợ Lớn. Dòng đời trôi song song với những trang sử hãi hùng thời Tây trở lại và Việt Minh kháng chiến... Mười Vạn trốn lên Sài Gòn sống yên ổn và làm ăn khá giả, muốn tìm người ơn đã cứu mạng mình mười mấy năm về trước - nhưng bất vô âm tín - lòng vẫn thắc mắc không biết người ấy ai ? Và “nó” đã bỏ đi biệt, không một lần trở lại làng cũ...



Bến Nước Tình Quê

*Cảm đề bức ảnh “Bến Nước Tình Quê”
của Nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân.*

Bến nước tình quê xa rồi sao?
Thuyền câu, tôm cá lạc phương nào?
Nhớ khói cơm chiều xưa, cay mắt!
Hàng dừa xao xác suốt đêm thao.

Bến nước tình quê xuôi về đâu?
Phù sa sông cũ hắt phai màu
Nón lá bên sông ngày nắng tắt
Xuôi chùng phương khách lạnh mùa Ngâu

PHAN THỊNH

THỜI GIAN CÒN LẠI

Truyện của *Phương Lan*



Dọn bàn xong xuôi, ông Phong mới đẩy cái xe lăn của vợ đến bên bàn ăn, dịu dàng:

- Ăn đi em! ráng ăn một chút cho khỏe.

Bà Phong chớp mắt, nét mặt thoáng vẻ bối rối, đã lâu lắm, từ ngày các con khôn lớn, cái tiếng “ em ” thân mật đó ít khi được dùng tới, chỉ trừ những lúc riêng tư có hai vợ chồng. Mỗi khi được ông gọi bằng em, bà đều cảm động, nhớ đến cái thuở mới yêu nhau, thời gian đi nhanh thật, vậy mà thoáng chốc đã gần năm mươi năm... Bà ngược cặp mắt ướt rướt lên nhìn chồng, môi thoáng một nụ cười cảm động trên khuôn mặt già nua đầy những nếp nhăn:

- Hôm nay mình cho tôi ăn món gì vậy?

- Miến gà, tôi mới học được trong sách nấu ăn. Ông nói và ân cần cầm đôi đũa đặt vào tay bà, bàn tay còn cử động được, bà ăn thử xem có ngon không? Nhưng mà... tôi quên không mua rau răm.

- Hề gì, không có rau răm thì đã làm sao? Bà gấp một đũa, đưa lên miệng, suýt xoa kêu nóng,

ông nấu thì phải ngon rồi, ngon tình, ngon nghĩa...

Bà ngưng lại, hỉ mũi, nghẹn lời không thể nói tiếp, mấy sợi miến mắc trong cổ làm bà ho lên mấy tiếng, ông hốt hoảng:

- Có sao không?

Thấy tay bà run rẩy, ông thương cảm:

- Để tôi xúc cho bà ăn nhé?

- Thôi khỏi! tôi ăn lấy được mà.

Bà lắc đầu, không muốn làm phiền chồng thêm, ông đã cực khổ vì bà nhiều quá rồi. Mấy hôm nay bà không được khỏe, ăn gì cũng thấy đắng miệng, nhai những sợi miến, bà có cảm tưởng như đang nhai những cọng rơm, nhưng bà vẫn cố nuốt, bà phải ăn cho ông vừa lòng, ông đã bỏ bao nhiêu tình thương vào đó.

Tội cho ông, xưa kia đường đường là một vị đại tá trung đoàn trưởng, có trong tay cả ngàn binh lính dưới quyền, sẵn sàng nghe ông ra lệnh, ông hô lên một tiếng là mọi người đều răm rắp tuân lời. Ông lo toàn những việc quốc gia đại sự, đâu thèm để ý đến những việc nhỏ nhặt chỉ dành cho đàn

bà, như nôi cơm, trách cá? Tội cho ông, khi xưa vầy vùng bốn bể, nào ngờ khi về già, thế giới của ông chỉ thu hẹp trong bốn bức tường của một căn nhà nhỏ. Còn đâu cái oai phong của một vị chỉ huy trong quân đội? ông bây giờ nhẩn nhục làm những công việc đi chợ, nấu ăn, quét nhà, rửa chén... Ông làm việc đó đã gần tám năm rồi, từ khi bà bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, phải ngồi xe lăn. Ông thương vợ, không muốn cho bà phải sống những ngày tàn ở trong viện dưỡng lão, nên ngoài nhiệm vụ nấu ăn, ông còn kiêm luôn nhiệm vụ y tá, ngày đêm hầu hạ, phục dịch bà từ việc ăn uống, thuốc men, đến vấn đề vệ sinh, tắm rửa...

Bà lão bệnh tật nên khó tính, mướn người làm không vừa ý, bà luôn miệng gắt gỏng, càu nhàu, nên chẳng ai muốn ở lâu. Người của Sở xã hội đưa tới để giúp bà tắm rửa, vệ sinh hàng ngày, bà chê không khéo léo, lại hay mạnh tay làm bà đau... Bà chỉ vừa lòng có một người mà bà cho rằng có đủ lương tâm, lòng kiên nhẫn, lại khéo léo, dịu dàng bà trông cậy được: đó là ông Phong tội nghiệp, chồng của bà.

Ông Phong lãnh trách nhiệm, chấp nhận sự hy sinh, không phải vì không còn con đường nào khác, mà vì lòng yêu thương vợ chân thành. Vợ chồng chia ngọt xẻ bùi, đi bên nhau đã gần năm mươi năm, lẽ nào ông bỏ bà độc hành trên chặng đường cuối cùng? Ôi! ông Trời cay nghiệt đã lấy đi hết mọi thứ đã ban phát cho vợ chồng ông. Ôi! thời gian tàn nhẫn đã để lại dấu vết khi đi qua... Nhìn thân hình dúm dó, tàn tạ của bà bây giờ, thật khó mà tưởng tượng có một thời bà đã từng là hoa khôi của một trường nữ trung học danh tiếng. Cô nữ sinh yêu kiều, tóc thề bõ xoã ngang vai, then thùng đầu mặt sau vành nón bài thơ, đã làm ông mê mẩn, đắm đuối dạo nào...

Cái thời hoa mộng ấy đã qua rồi, nhưng vẫn lưu lại trong ký ức ông những kỷ niệm khó quên, những dấu vết không bao giờ phai mờ. Mỗi khi nhớ lại quá khứ, cả một thời dĩ vãng xa xưa lại hiện về làm ông cảm động... Em, tiểu thư khuê các, còn tôi, chàng trai phong sương, rày đây, mai đó, thế mà hai cuộc đời lại gắn bó với nhau, có phải là do duyên số trời đã định sẵn cho đôi ta? Làm vợ tôi, em chịu biết bao nhiêu thiệt thòi, tôi bất tài, không lo cho em được cuộc sống xa hoa, em chẳng so bì hơn thiệt, bằng lòng với hạnh phúc nhỏ

nhỏ. Em, cô vợ bé bỏng, độc tài, và ghen khiếp! em cấm tôi không được uống rượu, hút thuốc, em sầm mặt mỗi khi tôi vô tình nhìn hơi lâu một cô gái đẹp. Mỗi khi đi xa về, tôi lại bị em gạn hỏi, lục lọi, ngửi áo, tìm dấu vết của những bông hoa dại bên đường... Em ghen khiếp! nhưng tất cả chỉ vì em yêu tôi, em mang trong bụng mầm sống của tôi, em chịu những cơn đau xé ruột để sanh cho tôi những đứa con xinh đẹp, giống bố... Em vất vả nhọc nhằn chăm sóc con cái, giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, ngăn nắp, cho chồng con những bữa ăn ngon, những phút giây thoải mái mỗi khi trở về... Còn tôi, tôi đã cho em được gì? ngoài những năm tháng dài vắng nhà triền miên, để em phải sống mỗi mòn trong cô đơn? Mong em hiểu cho, chỉ vì nặng nợ núi sông, tôi đã đặt nợ nước lên trên tình nhà.

Tội nghiệp em, người thiếu phụ Việt Nam thời loạn ly, có mấy khi được ở gần chồng? Thời xuân sắc, bao nhiêu người vây quanh em, nhưng sao em lại chọn tôi? để suốt năm suốt tháng phải sống trong lo sợ, phập phồng? Những cái Tết tôi đi hành quân không về, em đón xuân một mình, những buổi chiều cuối tuần, nhìn vợ chồng người ta dìu nhau đi dạo phố, em có buồn không? Em, con chiên ngoan đạo, chẳng tới nào quên đọc kinh, chẳng chủ nhật nào em không đến giáo đường. Em cầu nguyện cho tôi tránh được hòn tên mũi đạn, có bao giờ em cầu nguyện cho chính thân em? Chúa nghe lời cầu xin của em, nên tôi đã trở về bình yên.

Nhưng hết chiến tranh rồi, những năm tháng dài đằng đẳng tôi đi “cải tạo”, em lại làm chinh phụ cô đơn... Tội nghiệp em, chẳng quản rừng thiêng nước độc, đường xá xa xôi, thân cò lặn lội đi thăm chồng. Em eo sèo bán buôn chợ trời, một mình vừa làm mẹ, vừa làm cha, nuôi con nên người, em chặt dạ bên lòng, đợi chồng về. Tóc em thôi hết mượt mà, da em đen xạm vì gió sương... Nhưng em ơi! chính vì thế mà đôi ta lại nặng thêm nghĩa ân tình.

Chỉ sau khi qua cơn hoạn nạn, khi đầu đã hai thứ tóc, vợ chồng mình mới được sống bên nhau, mới hoàn toàn là của nhau...

Nhưng chúng ta hạnh phúc chẳng được bao lâu, trời lại giáng họa, em bây giờ tàn phế, ngồi trên xe lăn, mọi việc đều trông cậy vào tôi, tôi cho gì, em được hưởng nấy, chẳng bao giờ kêu ca. Ngày xưa, em đã đảm đương công việc nội trợ một cách tài tình, cho chồng con những bữa cơm ngon lành, nhà

cửa luôn luôn sạch sẽ, ngăn nắp. Em vén khéo, coi sóc mọi việc trong, ngoài chu đáo, tôi chẳng phải bận tâm và chẳng bao giờ nghĩ đến công khó của em. Chỉ tới bây giờ, khi hứng trách nhiệm, tôi mới thấy mình vụng về, lúng túng làm sao. Tài nấu bếp của tôi dở nhất thế giới, mà chẳng bao giờ nghe em chê, em quả là một người vợ đại lượng nhất. Đạo này em hơi gầy đi, tại em bệnh tật hay tại tôi vụng nuôi? Bác sĩ nói em phải siêng tập đi mới có thể phục hồi. Trớ trêu làm sao, khi về già, người ta trở lại cái thuở sơ sinh, đầu tóc lơ thơ, răng không có đủ, nên chỉ uống sữa và ăn được đồ mềm, có người còn phải đeo tã... Người già có khác chi trẻ thơ, đâu có thể tự lo cho mình được. Nhìn em tập đi lần từng bước một trong cái walker, tôi đau lòng, em bây giờ thê thảm quá rồi, tôi cũng chẳng hơn gì, cũng già yếu hom hem, nhăn nheo xấu xí... Chúng ta cũng giống như những cây đũa mực thôi, cũng may còn đủ cả đôi. Em bây giờ sự sống chỉ trông cậy vào tôi, em chỉ còn mình tôi, tôi nguyện đem hết sức già ra để nâng đỡ, che chở cho em. Em hãy dựa vào tôi mà bước đi cho vững, em nhé! chúng ta hãy đi nhau đi nốt quãng đường còn lại...

Nhìn thân hình siêu vẹo của ông lão, cổ gồng mình nâng đỡ mỗi khi mình té, bà Phong thở dài:

- Thật tội cho ông, vất vả vì tôi nhiều quá, chắc ông nợ tôi từ kiếp trước.

Ông cười hiền lành:

- Chúng ta cùng nợ nhau, cái nợ ân tình... Mình nhớ chứ? ngày đám cưới, chúng ta đã thề nguyện trước bàn thờ Chúa là sẽ đi bên nhau trọn đời, thương yêu nhau, săn sóc cho nhau những lúc khoẻ mạnh, cũng như những khi hoạn nạn, ốm đau. Những lời thề đó, tôi vẫn giữ mãi, mình biết vì sao không? Ông cười hề hề, cúi xuống đặt một cái hôn lên trán bà, giọng khôi hài, là vì tôi yêu cái cục nợ đời của tôi...

Bà cố gượng cười, nhưng cặp mắt lại rất buồn:

- Lúc đó, chẳng bao giờ tôi ngờ là sẽ có ngày hôm nay. Mình à, tôi nói thật đấy, về già bệnh tật khổ quá, nhiều lúc tôi chỉ muốn chết sớm để cho mình khỏi cực.

Ông giật mình, cau mày trách:

- Mình nói vậy bà cái gì đấy? Lấy nhau ngần ấy năm, chẳng lẽ mình lại không biết rằng mình đã chiếm một địa vị quan trọng thế nào trong cuộc đời của tôi ư? Mình là một nửa của tôi, mình bỏ đi, làm

sao tôi sống?

Bà chớp mắt, cổ ngấn dòng lệ vừa mới ứa ra, bàn tay còn cử động được, tìm tay ông nắm chặt. Hai vợ chồng nhìn nhau lặng lẽ, ánh mắt thay cho lời, nói lên muôn vàn sự thương yêu. Ông vỗ nhẹ vai bà, dịu dàng:

- Đừng khóc nữa, ai lại khóc trong một ngày rất đẹp như hôm nay?

Mình xem kia! mặt trời đang lên, đẹp và ấm áp lắm, tôi đưa mình ra sân sau sưởi nắng, mình nhé?

Ông nói và mở cửa, đẩy xe của bà ra vườn, đến gần cái băng đá, ông dừng lại, chậm chạp ngồi xuống, đưa mắt nhìn lên bầu trời trắng đục. Bây giờ hãy còn sớm, không khí còn mang cái mát mẻ, tinh khôi của buổi sớm mai. Nơi chân trời phía đông, một vầng hồng vừa nhô lên, chiếu những tia sáng làm hồng những đám mây, mặt trời xuất hiện như một quả cầu lửa đỏ, bình minh thật đẹp, thật rực rỡ. Trên bãi cỏ xanh mướt, còn đọng lại những giọt sương đêm long lanh, có hai con bướm vàng đang bay lượn nhón nhơ. Một làn gió nhẹ thổi tới làm lá rơi lá tả, lá rơi nhiều quá, rụng ngập cả lối đi... Trời đã cuối thu rồi, mùa đông sắp tới, những chiếc lá cuối cùng còn bám ở trên cây cũng đã khô héo, những mầm non đã sẵn sàng để nhú ra, và những lá già sẽ được thay thế bằng lá non khi mùa xuân tới... Bốn mùa sẽ tuần tự đến rồi đi như một quy luật của tạo hoá.

Nhìn mái tóc bạc phơ của bà như sáng lên trong nắng ánh cuối thu, ông cảm động, nói với bà mà như nói với chính mình:

- Chúng ta cũng như những chiếc lá mùa thu kia thôi, khô đi để nhường nhựa sống cho các mầm non vươn lên, con cháu của chúng ta sẽ tiếp nối sự sống của chúng ta đời đời... Nên sung sướng, tự hào vì con cái của chúng ta đã thành đạt cả rồi. Bây giờ là lúc thanh thoi, chúng ta hãy vui với tuổi già, tận hưởng quãng thời gian còn lại. Mình xem kia! mùa thu sắp tàn, nhưng vẫn đẹp lắm, nếu biết nhìn, ta sẽ thấy mỗi mùa đều có vẻ đẹp riêng của nó. Và này... mình ơi! trên chặng đường cuối cùng, chúng ta vẫn còn đủ cả đôi, đó chẳng phải là một điều may mắn hay sao?

PHƯƠNG - LAN

(trích trong tác phẩm *Lấy Chồng Xa*).

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ủng Hộ Cộng Đồng		Ủng Hộ báo Quốc Gia	
Họ và Tên		Họ và Tên	
Ông Nguyễn Ngo	25.00	Ông Nguyễn Ngo	25.00
Bà Nguyễn Thị Hồng Vi	3.00		
Hội Phụ Nữ Truyền Thống Mtl	40.00		
Ông Bà Nguyễn Trọng Biểu	100.00		
Ông Nguyễn Ngọc Vân	200.00	T.C	25.00
Ds Đặng Thị Ngọc Lâm	300.00	Ủng Hộ Giỗ Tổ	
Ông Nguyễn Viết Ninh	100.00	Hội cựu Học Sinh Mỹ Tho	100.00
Bs Nguyễn Quốc Quân	100.00	Hội Phụ Nữ Việt Nam / Montréal	100.00
Ông Nguyễn Thế Phúc (Artiflora exotica)	200.00	Pharmacie Lưu Thị Thanh Thảo	100.00
Ông Nguyễn Anh Tuấn	40.00	Bà Trần Thị Mười	100.00
Ông Bùi Duy Lý	50.00	Ông Bà Đoàn Văn Lợi	100.00
Bs Dương Hữu Hoàng	1000.00		
		T.C	500.00
T.C	2 158.00		
		Ủng Hộ cuộc Biểu tình vì Nhân Quyền 8-6-2013	
Các Bác Sĩ Hội Y Sĩ	700.00	Bs Nguyễn Ngọc Thiện	200.00
Bs Trần Đình Thắng	100.00	Ban Tổ chức Y-Nha-Dược	200.00
Bs Phạm Nhứt Hương	100.00	Hội Y Sĩ	200.00
Bs Nguyễn Thái Tông	100.00	Hội cựu Quân Nhân Quân Lực VNCH vùng Montréal	100.00
Gs Trương Văn Hoàn	70.00	Bà Bùi Thị Hoàng Nhân	40.00
Bà Lâm Thúy Mai & ông Nguyễn Ngọc Quang	100.00	Ông Trần Văn Thanh	100.00
Chị Thảo	100.00	Bà Bùi Cẩm Vân	100.00
Bs Nguyễn Ngọc Lang	100.00	Ông Trịnh Lê Hữu Đức	100.00
		T.C	2 410.00
Ủng hộ Trung Thu		Ủng hộ Trung Thu	
Bs Trần Đình Thắng	100.00	Bs Dominique Bùi Thị Đình Ngộ	40.00
Gia Đình cựu Giáo chức Việt Nam vùng Montréal	100.00	Ông Chung Duy Ân	40.00
Hội Tuổi vàng Rồng vàng	100.00	Bs Lê Đức Tâm	20.00
Ds Phạm Thị Triệu	100.00	Ông Nguyễn Phương	20.00
Ông Lê Hữu Phương	50.00	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	20.00
Một vị ản danh	90.00	Ông Lê Đức Thắng	40.00
Một vị ản danh	50.00	BS Đặng Đình Quảng	100.00
Bs Phạm Đăng Hương	100.00	Ông Bửu Việt	50.00
BS Nguyễn Thanh Bình	100.00	BS Hoàng Ngọc Vinh	30.00
Bs Lâm Quốc Hùng	20.00	BS Lê Bình Đăng	20.00
BS Lưu Hữu Ni	20.00	Bs Diệc Kiến Quân	50.00

Bs Hồ Quang Nhân	100.00	Bs Tôn Nữ San	20.00
Ông Ngô Bảo Tín	20.00	Bs Trương Công Phúc	20.00
Bs Nguyễn Ngọc Lang	20.00	Bà Phan Thị Sĩ	50.00
Ông Đào Trí Dũng	50.00	Trung Tâm SAIM	100.00
Hội Nhớ Huế	100.00	Hội Phụ Nữ Truyền Thống Mtl	100.00
Nhà Hàng Ruby Rouge	50.00	Phong Trào Phụ Nữ Hành Động cứu Nước	100.00
Ds Phạm Thị Triệu	100.00	Bà Trần Thị Mười	30.00
Thùng Quĩ ngày Trung Thu	422.00	Bà Quách Kim Sa	20.00
Restaurant Ruby Rouge	50.00		
		T.C	2 612.00
Ủng hộ Tết Giáp Ngọ			
Bà Phạm Thị Thịnh	20.00	Bà Nguyễn Xuân Hương	50.00
Bà Hélène Kim Hồ	50.00	Hội Nhớ Huế	100.00
Bs Nguyễn Thanh Bình	100.00	Bs Đỗ Quốc Bảo	500.00
Bà Phạm Dương Anh	200.00	1 vị ần danh	200.00
Bs Hồ Quang Nhân	1 000.00	1 vị ần danh	500.00
Ông Nguyễn Ngọc Ân	30.00	Bs Mạc Văn Trọng	100.00
Bà Ngô Thị Đức	10.00	Ls Lâm Chấn Thọ	150.00
Ông Ngô Anh Dũng	100.00	Bs Trần Đình Thắng	40.00
Ông Phạm Huy Thịnh	100.00	Hiệu Hoa Bạch Liên	200.00
Bs Trần Văn Cường	200.00	Ls Nguyễn An Lạc	40.00
Ông Phạm Đăng Hưng	100.00	Ông Nguyễn Xuân Lượng	100.00
Clinique médical Métro Monk	500.00	Bà Trần Quang Thanh Trang	200.00
Gia Đình Ns Đỗ Giang	200.00	Pharmacie Võ Trương	200.00
Ông Nguyễn Anh Tuấn	50.00	Bà Tôn Nữ Liên Chi	500.00
Bs Nguyễn Hữu Tùng	100.00	Ds Đinh Thị quỳnh Mai	100.00
Ds Phạm Thị Đại Đóa	100.00	DS Nguyễn thị Tuyết	100.00
Ds Nguyễn Thị Ánh Hồng	100.00	Ông Dương Văn Thống	50.00
Ds Dương Ngọc Hạnh	100.00	Hội Tuổi vàng Rồng vàng	100.00
Hội cựu Sinh viên Quốc Gia Hành Chánh	100.00		
Ds Đặng Thị Minh Hà	100.00	T.C	7 090.00
Bà Phạm Bích Lan	100.00	Tổng Cộng	14795.00

- Ông bà Nguyễn Xuân Lượng 60 bánh khúc (biểu tình 8 juin 2013)
 Ủng hộ các lô trên vé xổ số gây quỹ để tổ chức Hội chợ Tết Giáp Ngọ
- Ông Kevin Nguyễn Duy Tuyền
 - Bà Trần Thanh Lý
 - Bs Lê Phước Hoàng
 - Hội Dược sĩ vùng Québec
 - Trung Tâm SAIM
 - Bs Lưu Thanh Phi
 - Niên Giám Vàng
 - Hội Trống Lạc Việt
 - Nhà Hàng Viễn Đông